

NHIỀU TÁC GIẢ
NGUYỄN NAM TRẦN
chủ biên

VƯỜN CÚC MÙA THU

Tân bộ trong văn học Nhật Bản



 NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

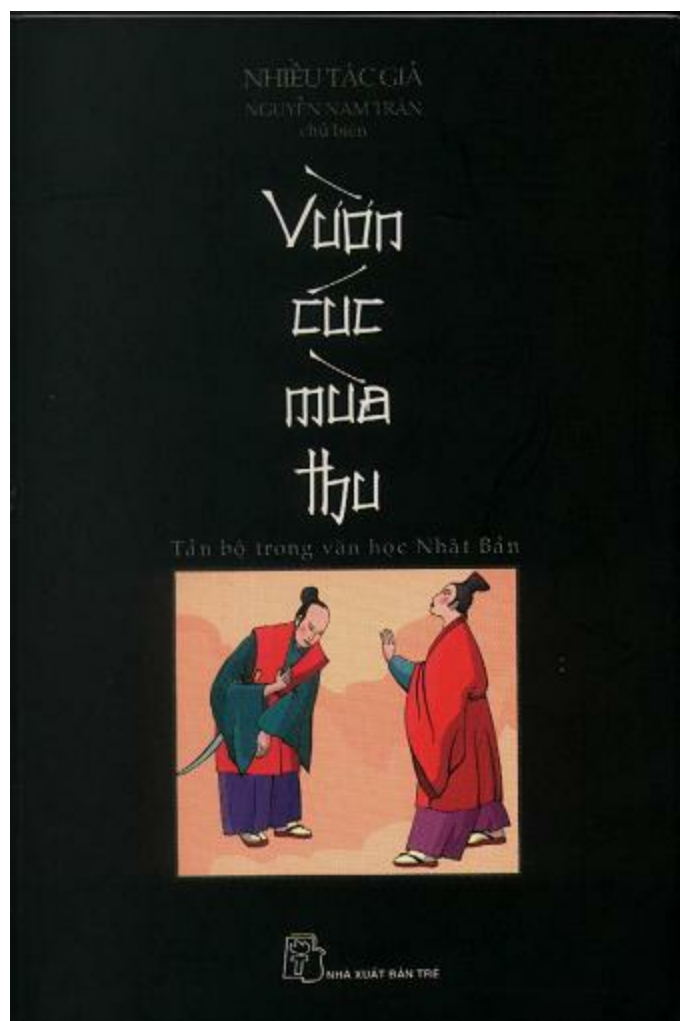
Mục Lục

Chương 1: Hẹn Mùa Hoa Cúc

Chương 2: Truyện Chàng Hoichi Cụt Tai

Chương 3: Đang Trùng Tu

Chương 4: Hanako



Mục Lục

- Chương 1: Hẹn Mùa Hoa Cúc
- Chương 2: Truyện Chàng Hoichi Cụt Tai
- Chương 3: Đang Trùng Tu
- Chương 4: Hanako
- Chương 5: Thuyền Giải Tù
- Chương 6: Mười đêm mộng
- Chương 7: Một Chùm Nho
- Chương 8: Mùa xuân đi xe thổ mộ
- Chương 9 + 10: Lòng Bàn Tay Mẹ
- Chương 11: Hoa Chúc
- Chương 12: Gào Trống Trong Núi
- Chương 13 + 14: Xe Lửa
- Chương 15 + 16: Trời Sáng
- Chương 17: Cổ Hương
- Chương 18: Melos ơi, chạy nhanh lên!
- Chương 19: JUDAS Đi Tố Cáo
- Chương 20: Nói Dối
- Chương 21: Đồi Khỉ

VƯỜN CÚC MÙA THU

Chương 01

Hẹn Mùa Hoa Cúc

Ueda Akinari (1734-1809)

Liều mùa xuân xanh mơn mớn nhưng xin đừng trồng liều trong vườn nhà. Cũng như chó kết giao với hạng người khinh bạc. Dương liễu xum xuê đầy nhưng không chịu nổi trận gió đầu thu, khác nào người khinh bạc dễ nhạt mỗi giao tình. Liều kia còn thắm lại lúc xuân về chứ người khinh bạc một đi không hề trở lại.

Ở trạm Kako xứ Harima có người hàn sĩ học rộng tên gọi Hasebe Samon. Cam cảnh thanh bần, chỉ làm bạn với sách vở, trong nhà không của cải phiến toái. Mẹ già đưa thoi khác nào Mạnh mẫu, suốt ngày chẳng rời giường cửi, những mong giúp con đạt chí nguyện bình sinh. Cô em gái út đã về làm dâu họ Sayo cũng chỗ làng nước. Nhà Sayo của cải ưc vạn nhưng vốn biết mẹ con Hasebe là hiền nên mới xin kết thông gia và rước cô ta về. Đôi lúc họ mượn có này việc nọ để đem đồ biếu xén nhưng mẹ con cho rằng « chó vì miếng ăn mà phải lụy người » nên vẫn thoái thác.

Một hôm, Hasebe Samon đến thăm người bạn tên Mỗ cùng thôn, trong lúc hai bên đang cao hứng bàn chuyện xưa nay bỗng nghe cách vách có tiếng rên rỉ bi ai. Samon bèn hỏi thăm. Chủ nhà trả lời: « Người này xem ra gốc gác ở miền Tây, nhân không bắt kịp bạn đồng hành để lỡ độ đường, mới xin tôi cho tá túc qua đêm. Tôi thấy ông ta tướng mạo đường đường như con nhà vũ sĩ nên nhận lời. Chẳng ngờ từ đêm hôm đó bị lên sốt nặng, nằm li bì, đáng thương lắm. Đã ba bốn bữa rồi cứ như thế, tôi lại chẳng biết nhà cửa quê quán ông ta, nghĩ mình thật vụng tính. Bây giờ có hơi hối ». Samon nghe qua mới bảo: « Thế thì tội nghiệp quá. Bác có lo lắng cũng đúng. Mang bệnh vào thân giữa đồng đất nước người không ai quen biết thì cơ khổ. Thôi để tôi khám xem sao ». Nói xong, đã thấy chủ nhà lên tiếng: « Tôi nghe bệnh dịch hay lây, trẻ con trong nhà còn không cho bước vào phòng đó. Đừng mang họa vào thân ». Samon mới cười: « Sống chết tại trời, ai truyền bệnh được. Thiên hạ không biết cứ nghe, mình tin theo làm gì!». Rồi đẩy cửa đi vào. Samon thấy người khách đang nằm, đúng như nhà chủ nói, có phong thái khác phàm nhưng đang nhuốm bệnh nặng nên mặt mày vàng vọt, người gầy đen, co quắp dưới một mảnh chăn cũ. Người ấy nhìn Samon với vẻ mừng rỡ, miệng nói « Làm ơn cho xin miếng nước nóng ». Samon ngồi sát con bệnh và bảo “Xin tôn ông chớ lo, thế nào tôi cũng chữa cho khỏi ». Thật bỏ rơi cũng chẳng ngờ, mới xin phép nhà chủ khám bệnh xong, tự mình cho toa, bốc, sắc thuốc, lại đút cháo, lo lắng trông nom đủ điều chẳng khác ruột thịt. Người vũ sĩ thấy Samon tận tụy, cảm động ứa nước mắt thưa: « Ông đối xử tốt như thế đến cả kẻ trôi dạt này sao? Tôi có chết cũng chẳng báo đáp nỗi tình thâm ». Samon mới can: « Tôn ông thoát chi những lời bi quan thái quá. Phàm bệnh dịch tất phải chịu đựng ít hôm. Tai qua nạn khỏi còn sống dai nữa đây. Tôi sẽ qua đây trông nom ông mỗi ngày ». Đúng như lời hứa chân tình, Samon săn sóc thật tận tâm nên dần dần, người vũ sĩ cảm thấy bệnh thuyên giảm, thân thể nhẹ nhõm hẳn, nồng nhiệt tỏ lòng cảm tạ. Vì kính mến công ơn, người ấy mới hỏi thăm gia cảnh Samon và thuật cho nghe gốc gác của mình: « Tôi tên Akana Soemon, sinh trưởng ở vùng Matsue xứ Izumo, vốn thông hiểu chút binh pháp nên được ngài En-ya Kamon-no-suke,

quan trấn thủ thành Tomita, tôn làm thầy. Nhân có việc cơ mật, ngài Enya mới gửi tôi đi gặp Sasaki Ujitsuna ở Omi. Lúc đang ở công quán dưới đó chợt nghe tin chức trấn thủ cũ là Amako Tsunehisa kéo bọn Yamanaka về hòa, nhằm đêm giao thừa bất ngờ leo vào chiếm thành, giết hại chủ tôi. Nguyên lai, vùng Izumo vẫn là đất phong của họ Sasaki, còn ngài Enya phụ tá việc cai trị. Tôi mới khuyên Sasaki Ujitsuna « Xin hãy giúp bọn Mizawa và Mitoya tiêu trừ bè đảng Amako Tsunehisa họ ». Khổ nỗi Ujitsuna bề ngoài xem ra dũng mãnh, bên trong chỉ là kẻ khiếp nhược ngu tối. Tôi bắt buộc nán lại Omi. Thấy mình ở đó lâu cũng chẳng được việc, tôi mới lên trốn về xứ, ai ngờ giữa đường lâm trọng bệnh, để nhọc lòng ông, thật thân này may có phước phần. Trong nửa đời còn lại, nhất định có ngày báo đáp ». Samon gạt đi:” Tôi giúp tôn ông là vì tình người, thấy kẻ hoạn nạn làm ngơ không đành, đâu thể nào nhận lời cảm ơn quá nặng hậu của ông. Ông cứ nán lại nghỉ ngơi cho khoẻ đã ». Câu nói chí tình như thêm sức nên lần hồi con bệnh hoàn toàn bình phục.

Samon có cảm tưởng mình đã tìm ra người tri kỷ. Những lúc ngày đêm trò chuyện, nhân bàn đến kinh điển bách gia chư tử, cách đặt vấn đề cũng như lối giải đáp của Akana chứng tỏ ông ta không hề thiếu kiến thức. Đặc biệt khách lại giỏi binh thư, mỗi lần bàn bạc, hai bên đều tâm đầu ý hợp, rất ư vui thoả nên cuối cùng, họ ước với nhau kết nghĩa anh em. Akana lớn hơn năm tuổi, nhận lễ làm anh, xong hướng về Samon nói: « Cha mẹ ngu huynh mất đã lâu, mẹ già của em tức là mẹ anh. Vậy anh xin phép đến vái chào để mẹ nhận tấm lòng thành của anh xin được làm con». Samon khôn xiết vui mừng đáp: « Mẹ hằng tội nghiệp em một thân một mình. Nếu được như huynh trưởng nói, chắc mẹ vui mà tăng tuổi thọ ». Họ đưa nhau về nhà, bà mẹ mừng rỡ tiếp đón: « Thằng con của mẹ bất tài, lại bỏ công đi học những chuyện chẳng hợp thời, đường mây lỗ bước. Chỉ xin anh chớ ghét bỏ mà dạy dỗ nó hộ ta». Akana vui mừng cúi lạy: “Đại trưởng phu xem trọng nghĩa khí, chứ coi công danh phú quý có ra chi. Nay tôi được mẹ yêu, em kính, không dám trông mong gì hơn”, rồi ở trọ lại nhà đó ít lâu.

Hoa trên non mới nở hôm nào nay đã bay tả tơi, gió hây hây lẫn lẫn ngọn sóng, không nói cũng biết trời đã vào hè. Akana mới thưa với hai mẹ con: « Tôi trốn khỏi Omi cũng vì có chủ đích về Izumo thăm dò động tĩnh. Tôi sẽ xuống đó ít lâu nhưng cố gắng chóng quay lại đây và dù rau cháo qua ngày cũng cố gắng báo đáp ân tình. Vậy xin từ biệt ». Samon mới hỏi: « Thế huynh trưởng đã định ngày nào trở lại đây chưa? ». Akana bảo: “Ngày tháng như tên bắn, chắc nội mùa thu này thôi, em ạ ». Samon lại hỏi: “Có thể nào hứa trước với em ngày anh về chăng? ». Akana nói: «Anh định về giữa tiết trùng dương, có được không? » Samon thưa: « Huynh trưởng đừng sai hẹn nhé. Em sẽ ngâm sẵn một cành hoa cúc trong vò rượu nhạt để đợi anh». Sau khi đã thành thực ước hẹn với nhau như thế, Akana mới sang miền Tây.

Bóng câu thâm thoát, những nhánh thù du dưới thấp đã sẫm màu, chen với cúc đại vàng tươi lung dập, tháng chín đến rồi. Ngày mùng chín, Samon dậy sớm hơn thường nhật, quét chiếu nhà cỏ cho sạch, chưng trong lọ con hai ba nhánh cúc vàng cúc trắng, vét cặn hầu bao bày cơm rượu.

Bà mẹ bảo: “Mẹ nghe Yakumo ở tận cùng xứ San-in bên kia núi cách đây đến cả trăm dặm đường, anh con làm sao về cho kịp. Vậy chờ khi nào anh ấy đến nơi hãy sửa soạn!”. Samon thưa: “Anh con là người trọng chữ tín, thế nào cũng giữ lời hứa. Nếu đợi anh ấy về mới hấp tấp bày tiệc thì thật đáng thẹn”. Bèn mua rượu ngon, nấu cá tươi để sẵn trong bếp.

Ngày hôm đó trời quang đãng, nhìn ngút mắt không lấy một gợn mây. Bọn lũ khách gói đất

màn sương nhập bọn trên đường kháo với nhau “Ai thương kinh hôm nay nhằm ngày tốt đấy. Trời quang mây tạnh là điềm buôn bán có lời”. Một người vũ sĩ xấp xỉ năm mươi nói với một anh trai trẻ khoảng hai mươi ăn mặc cùng một kiểu: “Trời đẹp thế này, nếu từ Akashi mượn được thuyền mà rong buồm đi sớm thì chiều chắc kịp qua đêm ở cửa Ushimado. Chỉ vì bọn trẻ ngại sóng gió, mình đành chịu tốn kém.”. Anh kia vừa đi, vừa vuốt giận ông bạn: “Lúc lệnh bề trên nhà ta lên kinh, từ đảo Shozujima qua bến Murozu, ngài cũng gần chết khiếp. Cứ theo lời bọn tùy tùng học lại, vùng biển này đáng sợ lắm đấy. Thôi đừng tức tối nữa. Để sang bến Uogahashi, tôi mời bác tô mì”. Một gã dốt ngựa đang phát cáu với con vật: “Cái con chết chương này, sao đi mà không chịu chong mắt ra cho ông nhờ!”, nói xong sắp ngay ngắn bọc hàng trên yên rồi đẩy ngựa bước tới. Quá ngạc nhiên chưa thấy bóng Akana. Rồi mặt trời ngả sang đoài, khách bộ hành ai nấy đều rảo bước tìm chỗ qua đêm. Mỗi Samon mắt vẫn đăm đăm nhìn về xa xôi, ruột gan nóng như nung. Bà mẹ gọi Samon bảo: “Chỉ mong lòng người không thay đổi như trời thu chứ hoa cúc đâu chỉ thắm mỗi hôm nay. Như anh con giữ chữ tín quay về thì dù phải chờ đến khi mưa lạnh báo thu tàn, con cũng chẳng có gì để trách anh. Thôi vào nhà nghỉ đi, mai hẵng đợi”. Samon không dám trái ý, mới cùng lui vào trong, mời mẹ đi ngủ trước, rồi ra ngoài cửa nhìn lên, thấy bên sông Ngân là vàng trắng bạc soi mỗi bóng mình, lòng lại thêm buồn. Chỉ nghe tiếng sữa của con chó giữ nhà và tiếng sóng vỗ ngoài bên vọng tới. Đến khi trăng lặn bên sườn núi, đang nghĩ mình quên chưa đóng cổng, bất chợt nhìn lên thì thấy trong khoảng đêm đen có một bóng người lay động theo làn gió lại gần, nhìn mãi mới biết chính là Akana Soemon.

Samon mừng rỡ nói như reo:” Tiểu đệ đợi từ sáng sớm đến giờ. Anh giữ lời ước về được thật không gì vui hơn. Mời anh vào trong cho!”. Nghe nói thế, Akana chỉ gật đầu mà không ừ hử. Samon đi trước dẫn đường, mời Akana ngồi vào chỗ dưới song cửa sổ phía nam, xong thưa: “Huynh trưởng chậm về, mẹ già không chờ được, e rằng anh mai mới đến nơi nên đã vào trong nghỉ rồi. Để em đánh thức mẹ nhé!”. Akana lắc đầu một lần nữa ngăn Samon lại nhưng vẫn chẳng nói chẳng rằng. Samon mới thưa: “Anh lặn lội đêm hôm, hẳn nhọc mệt vì đường xá. Vậy xin anh uống chén rượu mừng cho lại sức”. Bèn hâm rượu, bày biện mấy món đưa cay. Akana nâng tay áo lên che mặt, làm như ngán mùi tanh của thức ăn.”Cơm này do chính tay em tuốt lúa giã gạo. Tuy chẳng có gì nhưng là chút lòng thành. Xơi một miếng cho em vui”. Akana vẫn không trả lời, chỉ thở dài buồn bã, mãi lâu mới lên tiếng: “Hiền đệ tiếp đón ân cần, anh từ chối sao đành. Tuy thế, anh không thể lừa dối em. Cho anh thưa thật và tuyệt đối đừng ngạc nhiên. Anh không còn là người trên dương thế nữa mà chỉ là một cô hồn vất vưởng hiện ra trong thân xác vay mượn này thôi.”

Samon hoảng kinh. “Huynh trưởng nói chuyện gì lạ lùng thế nhỉ. Em không thể tin được.”Akana mới bảo: “Khi anh từ biệt hiền đệ về đến quê nhà rồi, thấy người nước sợ oai lũ giặc Tsunehisa, đều quên ơn ngài Enya mà ngã theo chúng, Anh liền đến thăm Akana Tanji, người anh em họ trong thành Tomita. Hắn ta giải bày điều lợi hại và đưa anh đến gặp Tsunehisa. Anh bèn nhân cơ hội ấy dò xét quân tình. Quan sát thật kỹ mới biết tên Tsunehisa sức địch muôn người, lại khéo rèn luyện sĩ tốt. Tuy nhiên, về mặt mưu trí thì vì tâm địa đa nghi như chồn cáo nên hẳn không có một ai gọi là gan ruột nanh vuốt. Ở lâu không tiện, anh mượn có ước hẹn với hiền đệ phải về cho kịp tiết trùng dương để xin kiếu. Chẳng ngờ Tsunehisa đâm ra oán ghét và hạ lệnh Tanji giữ riết anh tận đến bữa nay, không cho lọt khỏi

vòng thành. Anh sợ sai hẹn thì hiền đệ chẳng còn coi anh là người tín nghĩa nữa. Hết sức khổ tâm mà không biết tính sao. Cổ nhân có câu: Con người không ai đi nổi nghìn dặm mỗi ngày nhưng hôn phách thì thừa sức. Nhớ lời dạy đầy đạo nghĩa ấy, anh tự đâm cổ chết để đêm nay hôn nương theo luồng gió lạnh cõi âm về cho kịp lời ước hẹn gặp nhau giữa mùa hoa cúc. Hiền đệ đã thấu lòng anh chưa?”. Nói xong nước mắt ràn rụa: “ Từ đây, chúng mình sẽ mãi mãi chia tay. Mong em thay anh chăm sóc mẹ già”. Mới thấy vừa đứng dậy khỏi chiếu tiệc, thoát đã biến mất.

Samon lật đặt chận lại thì ngọn âm phong đã che mắt tối sầm, không nhận ra phương hướng nữa. Anh ta trượt chân bổ sấp, rồi cứ thế mà khóc lớn. Bà mẹ choàng tỉnh, đứng dậy nhìn ra chỗ con ngã thì thấy anh ta đang nằm giữa đồng chén bát, bình rượu, đĩa cá, trên chiếu tiệc. Bà mới đến bên cạnh nâng dậy, hỏi “Gì thế hờ con?” thì chỉ thấy Samon khóc vui, nấc nghẹn chẳng thốt được câu nào. Bà mẹ bảo: «Nếu mày buồn khổ vì anh mày lỡ hẹn thì ngày mai, lúc nó đến hãy nói cho nó biết. Cứ khóc thế này có phải ngốc không nào!”. Trước lời quở trách nghiêm khắc, Samon vội phân trần:” Đêm hôm nay, huynh trưởng nhớ lời hẹn cúc hoa đã về đến nơi đây chứ. Con đem rượu và thức nhắm ra mời, anh ấy hai ba bận từ chối và kể sự tình xảy ra như thế nào, vì không muốn bội ước nên đã tự đâm cổ để linh hồn vượt trăm dặm tìm về”. Nói xong, anh ấy biến mất. Chính vì vậy con đã làm kinh động giấc ngủ của mẹ. Cúi xin mẹ tha thứ!”. Thấy nước mắt con lăn chã, bà mẹ mới bảo: “Người trong ngục tối mong được cỏi gông. Kẻ đang khát chỉ ước có miếng nước mát mà nhấp. Chắc con đang mang tâm trạng ấy. Hãy lấy lại bình tĩnh đi!”. Nghe thế, Samon lắc đầu: “Không phải mộng mị gì đâu mẹ. Huynh trưởng con có về thật đấy!”. Nói xong lại khóc đến quy xuống. Lúc ấy bà mẹ mới hết nghi ngờ và cũng oà theo. Đêm hôm ấy cả hai mẹ con cùng khóc than không dứt.

Rạng ngày, Samon dập đầu thưa với mẹ: “Con từ thuở nhỏ theo đòi nghiên bút nhưng ở chốn làng nước chưa tỏ điều trung nghĩa, trong nhà không tròn đạo hiếu kính, sống cũng như thừa. Nay anh Akana đã hủy tính mạng để giữ lời hẹn ước thì đứa em như con cũng phải lên đường đi Izumo nhặt năm xương tàn của anh cho tròn chữ tín. Cho phép con đi một thời gian và nhớ bảo trọng mình vàng”. Bà mẹ lại nói: “Con có đi cũng cố về sớm sớm kéo mẹ già tựa cửa. Đừng để lần từ biệt hôm nay thành ra cuộc chia ly vĩnh viễn.” Samon mới thưa: “Kiếp người bèo bọt, giữa ban mai nào biết được buổi chiều, nhưng con đi xong việc sẽ chóng quay về”. Nói xong lau nước mắt ra cửa, tạt qua bên Sayo nhờ chăm sóc mẹ già chu đáo, xong phẳng phẳng xuống Izumo. Trên đường đói chẳng buồn ăn, rét quên choàng áo, giữa giấc mơ cũng gào khóc, chỉ có mười hôm đã đến bên chân thành Tomita.

Việc trước tiên là tìm tới ngay phủ đệ của Akana Tanji, xưng tên xin gặp. Tanji bước ra nghênh tiếp, ngạc nhiên hỏi gặng: “Nếu không có tin nhận đưa thư thì làm sao ông biết chóng vánh như thế”. Samon trả lời: “Kẻ sĩ không luận bàn chuyện phú quý hay là tình huống thế nào mà chỉ lo giữ điều tín nghĩa. Nay huynh trưởng Soemon trọng lời thề thốt, chẳng tiếc thân, hôn thu đường đất trăm dặm tìm về cho nên tôi mới ngày đêm không nghỉ mà tới nơi đây. Tôi chỉ xin đem chuyện sách vở để hỏi một điều, mong ngài giải đáp cho. Xưa khi Công Thúc Tọa nước Ngụy nằm trên giường bệnh, vua Ngụy đến thăm, thân cầm tay hỏi: “Nhờ mai khanh có mệnh hệ nào thì lấy ai làm người chống đỡ xã tắc”. Tọa mới tâu: “Thương Ương tuy tuổi trẻ nhưng là bậc kỳ tài. Vương nếu không dùng hần thì hãy giết đi chứ đừng để hần ra ngoài cõi. Nếu cho hần đi nước khác, chắc chắn mai sau sẽ rước họa”. Thực bụng tâu như thế xong, Tọa

mới ngậm kêu Thương Ưởng vào bảo nhỏ: “Ta đã tiên cử ngươi nhưng nhà vua có ý không dùng. Ta lại bảo đã không dùng ngươi thì phải giết. Đó là đạo trước lo cho vua sau mới lo tới bầy tôi. Vậy ngươi nên mau mau trốn qua nước khác kẻo bị hại”. Câu chuyện nói trên nếu đem so với tình cảnh giữa ngài và Soemon, hỏi khác nhau thế nào?” Tanji chỉ biết cúi gằm, không có lấy một câu.

Samon mới xích người lại gần hơn: “Anh Soemon của tôi không chịu khuất thân thờ Amako vì nghĩ tình cớ giao với ngài En-ya. Còn ngài bỏ chủ cũ En-ya đi hàng Amako là không làm tròn đạo nghĩa của người võ sĩ. Anh Soemon giữ lời hẹn cúc hoa mà xả thân, hồn đi trăm dặm tìm về, coi chữ tín nặng nhường nào. Còn ngài, để làm đẹp lòng Amako, đã hành hạ cả cốt nhục để người ấy phải sát thân, quả không xứng đáng là một chiến hữu. Tsunehisa dù có ngăn chặn thế nào đi nữa, ngài há không vì chút tình cớ cớ cớ mà ngậm giúp như Công Thúc Tọa đã đối xử với Thương Ưởng được hay sao? Chỉ lo sự phú quý cho riêng mình đâu phải là nền nếp võ gia, có chăng chỉ là cách sống của bọn Amako mà thôi. Không hiểu sao anh ta lại không biết thế mà còn đưa chân đến chốn này làm gì? Ta hôm nay có mặt ở đây cũng vì đặt lòng trung nghĩa lên trên mọi sự. Còn mi, mi sẽ chuốc lấy cái tiếng bất nghĩa thối tha.”. Nói chưa hết lời đã tuốt kiếm chém Tanji một nhát chết lẩn tại chỗ. Thừa lúc bọn cận vệ còn đang nháo nhác bèn trốn đi không để lại dấu vết. Amako Tsunehisa nghe việc đó, thầm phục lòng trung tín của hai anh em, không hạ lệnh đuổi bắt Samon.

Ồi, chính vì thế mà ở đời, không nên kết giao với hạng người khinh bạc.

Nguyễn Nam Trân dịch

Dịch xong ngày 21 tháng 10 năm 2003

Chương 02

Truyện Chàng Hoichi Cụt Tai

Koizumi Yakumo – Lafcadio Hearn

Cách đây hơn bảy trăm năm, vùng Dan no Ura ngang eo biển Shimonoseki là nơi xảy ra trận quyết chiến giữa hai giòng họ Minamoto và Taira. Ở Dan no Ura, một nhà Taira từ đàn bà con nít đến cả vị ấu chúa mà ngày nay người ta còn nhớ đến qua cái tên Thiên Hoàng Antoku (An Đức) đều bị tuyệt diệt. Từ đó đến nay bao nhiêu nước đã chảy qua cầu mà một vùng biển Dan no Ura vẫn còn xì xào về những chuyện kinh dị về hồn ma vất vưởng của dòng họ Taira. Đừng nói chi đến những con cua Heike (một tên khác của Taira) trên lưng mang hình mặt người như muốn giữ lại dấu tích oán hờn của các chiến sĩ Taira, (lũ cua mà người kể chuyện đã có lần nhắc đến trong một tác phẩm khác), trên một vùng biển đó, người ta đã nghe, đã thấy bao nhiêu là sự kiện kỳ quái. Ví dụ cái cảnh hàng nghìn ánh lửa ma trôi không biết đâu ra, lướt trên ngọn sóng trong những đêm tối đen. Dân chài thường gọi đó là “quỷ hỏa”, loại ánh sáng xanh lè lạnh lẽo. Nào đã thôi đâu, những ngày gió lớn, lúc đó từ ngoài khơi lại vọng về những tiếng thét gào cuồng nộ như âm thanh sát phạt trên bãi chiến trường.

Xưa đã thế nhưng ngày nay những con ma Taira còn lộng hành hơn trước nữa. Ma hiện ra trên thuyền bè đi lại ngoài khơi, tìm cách nhận đấm hoặc chờ những ai đang bơi lội giữa dòng, bắt thần chụp lấy rồi kéo họ xuống đáy biển. Cái chùa A Di Đà lập lên ở vùng Akamagaseki (nay là Shimonoseki) vốn nhằm mục đích cúng tế, an ủi vong linh những con ma Taira ấy. Phần đất cuối chùa nơi sát biển, nhà chùa có dành ra một khu chôn cất, dựng bia mộ khắc tên vị thiên hoàng chết đuối cùng như tên quần thần của người, mọi năm đến ngày giỗ chạp, đều lập đàn tràng giải oan. Từ khi A Di Đà Tự lập ra, rồi đến khi bia đá dựng lên thì quỷ quái họ Taira cũng bớt quấy người. Dù vậy, những chuyện quái dị không vì thế mà hoàn toàn chấm dứt, điều đó chứng tỏ vong linh kia vẫn chưa được phiêu diêu về cõi thọ.

Vài trăm năm trước ở vùng Akamagaseki có một chàng mù tên gọi Hoichi (Phương Nhất). Hoichi nổi danh về tài đánh tì bà và hát theo điệu đàn. Cái tài đánh đàn kể chuyện anh chàng vốn có từ ngày còn bé. Khi hãy còn là một gã thiếu niên, tài chàng đã vượt cả thầy học. Chẳng thế mà mấy chốc Hoichi đã trở thành nhạc sư tì bà, sở trường về khúc “Truyện hai nhà Minamoto-Taira tranh hùng”. Người ta bảo khi Hoichi chơi đến đoạn nói về cảnh thủy chiến ở Dan no Ura thì nào nùng ai oán đến “quỷ thần cũng phải cảm thương nhỏ lệ”.

Lúc Hoichi chưa có danh chi, chàng ta rất nghèo. May nhờ có một người tri kỷ nâng đỡ anh. Người ấy là hòa thượng trụ trì chùa A Di Đà, một nhà tu hành tinh thông cả thi ca âm luật, lâu lâu vẫn gọi Hoichi đến chùa đánh tì bà cho cụ nghe. Hòa thượng thấy chàng trẻ tuổi tài cao, thương mến muốn giúp đỡ đến độ mời chàng đến trọ hẳn. Hoichi cảm lòng tốt của cụ, bèn nhận lời. Từ đó, Hoichi vào ở hẳn một gian hậu liêu. Cảm cái ơn cho nơi ăn chốn ở, hễ đêm nào không có khách mời chơi đàn, Hoichi vác tì bà đến đánh để hòa thượng giải sầu, và như thế thành lệ.

Chuyện xảy ra vào một buổi chiều mùa hạ. Hôm đó, một đàn việp có tang ma, sư cụ phải đi đọc kinh suốt đêm, mấy chú tiểu chú điệu đều tháp tùng. Hoichi ở lại canh chùa một mình. Trời nóng hầm, Hoichi lò mò ra ngoài hàng hiên trước phòng ngủ để kiếm chút hơi mát. Hàng hiên này nhìn ra khu vườn nhỏ phía sau chùa. Hoichi ra ngồi đây với ý định chờ sư cụ về

nhưng ngồi một mình mãi không làm gì cũng buồn, chàng mới bắt đầu dạo một khúc tì bà. Quá nửa đêm mà sự cụ vẫn chưa về. Hoichi dợm vào phòng nằm duỗi tay chân một chút thì thấy không khí trong phòng hãy còn nóng, chàng ta mới ra ngoài lại. Vừa trở ra, Hoichi bỗng nghe tiếng chân người từ cánh cổng sau tiến lại gần. Ai đó đi xuyên qua cảnh vườn con, tiến về phía hàng hiên. Đang phỏng đoán như thế thì chàng ta thấy bước chân kia đã tới sát trước mặt mình, đứng sững lại. Nhưng người đó không phải là hòa thượng. Một giọng to, khỏe cất lên gọi tên chàng mù. Giọng trịch thượng, kẻ cả như giọng samurai gay gắt gọi người dưới:

- Hoichi!

Hoichi quá kinh hoàng đến độ trong một chốc không cất thành tiếng. Giọng nói kia lại như ra lệnh:

- Hoichi!

- Thưa vâng!

Chàng mù lí nhí trả lời chả bù với giọng nói nhanh như gió cuốn của người lạ. “Thưa tôi mù loà, không thấy đường. Vị nào đang gọi tôi đây ạ...”

- Người chó sợ.

Giọng nói bỗng có phần dịu lại, người lạ tiếp lời: “Ta nhân đóng quân ở gần vùng này, có việc mới ghé qua đây. Chủ quân của ta là bậc cao quý, xưa vẫn ra vào chỗ cung cấm. Nay bề trên và đoàn tùy tùng của ngài ghé trọ qua đêm ở vùng Akamagaseki này, biết đến trận quyết chiến ở Dan no Ura nên ghé vắng cảnh. Bề trên nghe đồn tài kể chuyện của người rất cao diệu, ngài muốn nghe một khúc. Vậy người hãy mau mau lấy đàn theo ta đến chỗ dừng chân của các bậc tôn quý. Các vị ấy đang chờ người đó!”

Thời ấy, samurai đã ra lệnh thì mọi người phải răm rắp tuân theo. Hoichi vội vội vàng vàng xỏ dép, vác đàn, đi theo người lạ. Người vũ sĩ nắm tay Hoichi một cách gọn gàng, kéo chàng ta đi nhanh như tên bắn. Bàn tay người lạ rắn như thép nguội, mỗi bước đi, bên sườn có tiếng lách cách như thể đang mang giáp trụ. Có lẽ người lạ là vũ sĩ cận vệ của một nhà quyền thế nào đó. Cái sợ hãi buổi đầu đã bớt dần. Hoichi điềm tĩnh trở lại và trong lòng bắt đầu rộn lên một niềm hãnh diện. Bởi vì anh chàng nhớ ra lúc nãy người lạ có nhắc đến mấy chữ “một bậc cao quý ngày xưa vốn ra vào chỗ cung cấm”, như vậy tài đàn của mình đã lọt đến tai một bậc đế nhất công hầu nào rồi. Vừa nghĩ đến đó thì người vũ sĩ bỗng dừng bước. Hoichi lắng tai nghe và có cảm tưởng hai người đang đứng trước một cánh cổng lớn. Ở chốn xa thành thị phố xá như thế này, ngoài chùa A Di Đà chắc không làm sao có một cái cổng lớn cỡ này. Hoichi đang nghi hoặc thì tùy giả đã cất tiếng đồng dục:

- Khai môn!

Không phải đợi lâu, có tiếng song hồng mở nặng nề, hai người đã bước vào bên trong cửa. Đi qua khỏi một khu đình viên khá rộng, cả hai đến một cánh cửa khác. Dừng chân ở đó, tùy giả lại hô lớn: “Có ai trong đó không, xin được bẩm đã đem Hoichi về đến đây rồi”. Nói xong, có tiếng chân người từ bên trong đi ra, lại có tiếng vách giấy mở ra, tiếng rèm cửa cuốn lên, giọng đàn bà con gái xì xào. Nghe họ trò chuyện với nhau, Hoichi thầm nghĩ những người này phải là bọn thị tỳ trong một phủ đệ. Chàng mù đâm ra lo lắng không biết người ta sẽ dắt mình đi đâu. Chưa kịp nghĩ ngợi gì, có người đã đưa tay dắt chàng ta đi lên năm sáu bậc thang. Đến bậc cao nhất, có lệnh phải cởi dép. Bàn tay đàn bà lại tiếp tục dắt Hoichi đi qua những khu hành lang lát gỗ nhẵn thín và dài tường chừng bất tận. Chàng mù rẽ quặt không biết

bao nhiêu lần ngõ ngách, cột trụ, xuyên qua mấy gian phòng trải chiếu rộng thênh thang trước khi được đưa vào trong một gian đại điện. Hoichi nghĩ ôi chao, đại điện này hẳn là nơi tụ tập các vị tôn quý vì hẳn nghe tiếng vạt áo lụa chạm nhau sột soạt như tiếng lá trong rừng xào động, tiếng người đông đảo đang trò chuyện với nhau. Họ đang thì thầm những gì, Hoichi không hiểu rõ nhưng ngôn từ họ dùng là của nơi gác tía lầu son.

Hoichi được lệnh cứ tự nhiên. Người ta bày trước mặt chàng một tấm nệm tròn, mềm mại và bảo ngồi lên. Hoichi đang nấn lại giây đàn thì một giọng đàn bà đã cất lên, dường như tiếng của lão chủ quán trong cung:

- Mi hãy so dây, bắt đầu dạo khúc “Truyện Heike” cho bề trên thưởng thức đi. Nhưng nếu bà ta chỉ nói chừng đó thì Hoichi không biết phải bắt đầu từ đâu. Truyện nhà Taira dài lắm, kể biết mấy đêm mới xong. Hoichi mới đánh bạo:

- Dám thưa Truyện Heike khá dài, một buổi không sao kể hết. Chẳng hay bề trên muốn nghe đoạn nào?

Hỏi đến đây thì giọng lão bà lại trả lời: - Hãy kể cho ngài nghe đoạn quyết chiến ở Dan no Ura. Trong cả một Truyện Heike, đoạn này nghe buồn thảm nhất đấy.

Hoichi bèn từ từ cất giọng, kể lỏp nói về trận thủy chiến khủng khiếp. Tiếng đàn khéo làm sống lại nào là tiếng mái chèo quạt nước, tiếng đoàn thuyền lao lên xung trận, tiếng tên bay xé gió, tiếng chân rầm rập xen với tiếng quân reo hò, tiếng đao kiếm giáp trụ chạm vào nhau soang soảng, tiếng người bị đâm ngã úm xuống nước. Trong lúc Hoichi đang ra sức trình tấu, chung quanh người nghe đã bắt đầu xuýt xoa tán thưởng. “Làm sao lại có tay đàn tuyệt vời như thế nhỉ”, “Ngay ở kinh đô, cũng chưa nghe ai đánh hay đến vậy”, “Dưới gầm trời này, hỏi ai hơn được Hoichi!”, bao nhiêu lời khen tặng lọt vào lỗ tai chàng mù. Trong lòng Hoichi rộn một niềm tự hào, chàng lại ra sức đàn hát. Tán thưởng tưởng còn như không dứt thì chung quanh bỗng nhiên trở lại im lặng như tờ. Lúc ấy, khúc đàn đã tiến dần đến đoạn tả thảm cảnh nhà Taira, một đoàn người đẹp, trẻ thơ bỗng nhiên gặp cảnh tuyệt mệnh, thương tâm, nhất là cảnh hai bà phi bỗng âu chửa trầm mình dưới dòng nước bạc. Người nghe ai nấy ngậm ngùi thở dài, chợt nổi lên đâu đây tiếng nấc tức tưởi nghẹn ngào rồi tiếng khóc oà vang. Tiếng khóc vỡ ra như không cầm lại được, chính Hoichi cũng phải ngạc nhiên không ngờ mình đã động mỗi thương tâm của người nghe đến thế. Tiếng khóc kéo dài một hồi lâu rồi như vơi đi, bốn bề bỗng yên tĩnh trở lại. Trong cái im lặng đó, giọng bà lão lại cất lên:

- Tiếng đàn như thế thật trên đời có một không hai. Đã đành từng nghe tiếng người đồn đại nhưng hôm nay xem mi trở tài mới biết lời đồn kia còn thua sự thật. Đức vương thượng rất hài lòng. Ngài còn giáng chỉ cho chúng ta bảo phải ban i nhiều tặng vật để thưởng công. Vậy kể từ đêm nay, trong suốt sáu đêm, mỗi đêm mi phải tới đây đánh đàn tiếp cho chúng ta nghe. Nếu đức ngài không phải lên đường thượng kinh gấp, thì ngày mai, cũng vào giờ khắc này, sẽ có người gọi mi tới dinh này. Kể dẫn đường i hôm nay ngày mai sẽ đến đón. Ta chỉ có một điều cần dặn mi là chuyện bề trên ngự đến vùng Akamagaseki này, mi không được hé môi cho ai. Đức ngài vi hành tới vùng này nên không muốn trong hay ngoài biết. Hôm nay như thế là xong, mi có thể lui về chùa được rồi.

Hoichi rập mình chào xong, bàn tay thị nữ lại dắt chàng ta ra tận cửa, ở đó, người tùy giả lúc nãy đã đợi để đưa hẳn về chùa. Vũ sĩ đưa Hoichi trở lại mái hiên chùa, rồi từ giã quay về. Lúc Hoichi trở lại chùa trời đã sáng bạch nhưng việc anh ta qua đêm ở ngoài, chẳng có ai

để ý. Hòa thượng coi bộ đêm đó về khuya lắm, tưởng là chàng mù đã đi ngủ từ lâu nên chẳng bận tâm. Sáng hôm sau, Hoichi có nằm nướng một chút lấy sức nhưng cái chuyện kỳ lạ đêm qua, anh ta không để lọt ra ngoài một tiếng. Nửa đêm hôm đó, người vũ sĩ lại đến tìm Hoichi đi trình tấu ở chỗ các bậc tôn quý hội họp, và cũng như đêm trước, chàng thu lượm được muôn ngàn lời tán tụng. Tuy nhiên, trong lúc Hoichi đi đánh đàn, ở chùa người ta bỗng phát giác sự vắng mặt của chàng mù. Khi về chùa lúc hừng sáng, chàng ta được gọi đến trước mặt sư cụ. Sư cụ không bằng lòng chút nào, luôn miệng trách mắng:

- Hoichi, ta nói điều này chỉ vì ta lo cho người thôi. Đã mù lòa, một thân một mình mà bỏ chùa đi đâu suốt đêm đến sáng. Thật không có gì nguy hiểm hơn. Nếu có đi đâu sao không bảo tui nhỏ đưa nào nó dắt đi mà tự ý đi một mình như vậy. Thế chớ đến nay, người đã đi những đâu?

- Bạch sư cụ thứ lỗi cho con. Chỉ vì con có chút việc riêng mà ban ngày ban mặt không thu xếp xong phải kéo đến tối đây ạ.

Hòa thượng coi mòi Hoichi không chịu nói thực, cụ không bực mình mà chỉ ngạc nhiên. Đây là chuyện không bình thường chút nào, hẳn có lý do chi đây. Hoặc giả chàng mù này đang gặp chuyện gì chẳng lành, bị ai lừa lọc gì chẳng. Lo thì lo nhưng hỏi thêm không tiện, hòa thượng chỉ còn biết ra lệnh ấy điều phải trông chừng nhất cử nhất động của chàng mù. Hễ mà đến đêm Hoichi còn bỏ chùa đi đâu nữa thì phải tức tốc theo dõi.

Đêm ấy, khi Hoichi vừa ra khỏi chùa thì đã có người biết. Mấy chú tiểu chú điệu liền xách lồng đèn theo dấu anh chàng. Thế nhưng trời đang mưa, đường tối mịt. Bọn nhà chùa vừa ra tới ngõ lớn thì đã hút mất bóng Hoichi. Làm như thể Hoichi có chuyện phải nhanh chân đi gấp. Không thấy đường mà đi được nhanh như thế thật có trời mới hiểu, nhất là đường sá gập ghềnh. Bọn nhà chùa bèn thử xuống dưới xóm, đến những nhà Hoichi quen biết xem hẳn ta có ghé đó không. Họ điếm từng nhà hỏi thăm, không sót đâu cả thế mà chẳng ai rõ tung tích chàng mù. Lúc không còn biết đi đâu mới theo ven bãi lui gót trở lại chùa thì họ chợt hoảng kinh. Trong khu nghĩa địa chùa A Di Đà, bỗng vắng vắng tiếng tì bà dồn dập. Phía khu mộ địa tối om vẫn chập chờn đôi ba ánh lửa ma trời như mọi hôm. Theo ánh lửa đèn lồng, bọn trai trẻ nhà chùa rốt cục tìm ra Hoichi trong nghĩa địa. Giữa cơn mưa tầm tã, Hoichi đang ngồi thẳng lưng trước lăng Thiên Hoàng Antoku, tay đàn miệng hát, dáng điệu đau đớn thiết tha, kể sự tích cuộc tranh chiến ở Dan no Ura. Chung quanh Hoichi toàn là bia, là mộ, ngồn ngán gò đống, và trên đó, hàng hàng lớp lớp những ngọn lửa quỷ lạnh lẽo chập chờn. Từ trước đến giờ, chắc chắn chưa có ai thấy một nơi nào mà ma trời tụ tập nhiều như ở đây.

- Chú Hoichi ơi, chú ơi!

Bọn trai trẻ gào lên. “Chú Hoichi ơi, ma nó ám chú rồi!”

Chàng mù như không đếm xỉa gì đến lời nói đó. Không những thế, chàng ta càng mạnh tay đàn, cao giọng hát, dồn hết tâm lực kể truyện trận quyết chiến Dan no Ura. Bọn nhà chùa nắm vai Hoichi, lay lay lay để và nói như thét vào tai: “Chú Hoichi, chú Hoichi ơi, theo bọn tôi về chùa thôi!” Bỗng lúc đó, Hoichi quay lại chúng, nói như mắng:

- Trước mặt bậc cao quý như thế này mà chúng mày dám ồn ào. Coi chừng mất đầu đấy nhé!

Lời nói chẳng ăn nhập gì đâu vào đâu làm bọn trai trẻ nhà chùa không khỏi phì cười. Đã đến mức này thì họ biết Hoichi gặp đúng của gì rồi. Họ bèn hè nhau dùng sức kéo Hoichi dậy

và bốc hán về chùa. Theo lời dạy của sư cụ, họ thay quần áo khô và cho hán ăn hán uống. Thế rồi hòa thượng giục Hoichi phải tường trình về hành vi lạ lùng của hán.

Ban đầu, Hoichi còn trù trù không muốn nói nhưng cuối cùng, nghĩ đến sư cụ xưa nay vẫn chu đáo với mình, mà mình lại làm phiền, mới đem tình thực giải bày. Từ chuyện người samurai nửa đêm đến tìm mình cho đến những chuyện gì đã xảy ra từ đó đến nay, đều thuật lại cho nhà sư.

Hòa thượng lúc đó mới nói: “Hoichi, thật tội nghiệp cho người. Người đang gặp nạn lớn đấy. Khổ nỗi là người không chịu kể cho ta chuyện này sớm hơn. Trăm điều nguy khốn xảy đến cho người cũng vì do cái tài đánh đàn tì bà. Tuy nhiên, lúc này người phải tỉnh táo để tìm cách chấm dứt cơ sự này. Mấy đêm nay người chẳng đi đánh đàn ở nhà ai cả, chỉ ra ngồi ở khu mà họ Taira trong nghĩa trang nhà chùa đó thôi. Thật ra, hồi hôm, bọn nhỏ nó tìm ra người giữa đêm mưa trước lăng thiên hoàng Antoku đấy. Có thể là ma dẫn lối quỷ đưa đường cho người nhưng những gì người đã gặp đều là huyền ảnh thôi. Một khi đã nghe lời ma quỷ thì chúng sẽ trói buộc người mãi mãi. Nay đã đến tình cảnh này chỉ còn có cách không bao giờ chịu nghe theo chúng nữa, nếu không có ngày chúng phan thây. Thật đấy, chẳng chóng thì chầy chúng sẽ giết người thôi... Mà này, Hoichi, hôm nay lại có đàn việt mời đi cầu siêu suốt đêm, bắt buộc ta phải rời chùa, không thể ở bên người được. Dầu sao, trước khi đi ta cũng sẽ viết kinh lên trên người để làm bùa hộ mạng cho người.

Trước khi tắt nắng, hòa thượng bảo Hoichi phơi trần ra rồi cùng tăng sĩ trông việc sớ sách kho đụn, cả hai lấy bút lông xúm lại viết kinh lên người chàng mù. Từ ngực đến lưng, cả trên đầu, trên mặt, tay chân, cùi chỏ... ngay cả gan bàn chân cũng được chép đầy Bát Nhã Tâm Kinh, coi như toàn thân không thiếu chỗ nào. Chép kinh xong, hòa thượng mới ôn tồn:

- Đêm nay, khi ta đi xong, người nhớ ra ngồi chỗ hàng hiên hậu liêu mà chờ. Tất nhiên ma kia sẽ đến đón. Thế nhưng dù có chuyện gì xảy ra chẳng nữa, nhất thiết người không được trả lời, không được động đậy. Cứ câm như hến, ngồi đấy thiền định theo phép Tam Muội, chuyên tâm vô niệm cho ta. Hễ người rục rịch hay mở mồm là người tới số đó nhé. Nói vậy chứ người đừng sợ hãi gì, có gì xảy ra cũng chớ mở miệng kêu cứu, kêu cứu chỉ tổ chết sớm. Cứ làm đúng từng li từng tí lời ta căn dặn thì người sẽ thoát hiểm từ đây.

Tối đến, hòa thượng cùng tăng sĩ thủ kho ra đi. Hoichi đúng lời sư cụ dặn, ra ngồi trước hàng hiên. Chàng mù đặt cây đàn tì bà trên sàn ván, ngồi nghiêm trang nhập định. Tâm thần yên ắng, không một tiếng ho khế, không một hơi thở mạnh. Cứ như thế, Hoichi ngồi chờ từ giờ này sang giờ khác. Dần dà, đã nghe tiếng chân bước từ chỗ phía khách vắng lai tiến về phía mình. Tiếng chân đi ngang cửa gỗ, thông qua khu vườn đến bên hàng hiên, dừng lại trước mặt Hoichi.

- Hoichi! Vẫn cái giọng khỏe, oang oang, cất tiếng gọi. Thế nhưng lần này, chàng mù nén thở, im tiếng, chân thân bất động.

- Hoichi! Tiếng quát lần thứ hai lạnh lạnh rợn người. Lần thứ ba nó trở nên hần học.

- Hoichi!

Hoichi vẫn ngồi im như tượng đá. Giọng nói kia không giữ được sự bức bối:

- Không trả lời! Quái! Thằng khốn nạn kia nó biến đi đâu nhỉ?

Tức khắc đã nghe tiếng chân bước thô bạo lên hiên. Tiếng chân xấp gần Hoichi rồi bỗng nhiên khựng lại. Hoichi cảm thấy trống ngực đập thình thịch, người run lẩy bẩy. Bên cạnh, vẫn

không có một tiếng động nào.

Thoạt nhiên, cái tiếng nói thô bạo kia bỗng ghé sát bên tai chàng mù:

- Tì bà thì có mà nhạc sĩ tì bà không thấy. Chỉ có hai cái lỗ tai treo ở đây!... Có tai mà không nghe để trả lời. Chắc muốn trả lời mà không có miệng. Cả người chỉ còn lại cặp tai!... Được rồi, đến thế này thì ta chỉ còn cách đem cặp tai này cho bề trên để có chứng cứ là ta đã làm đúng mệnh lệnh của ngài.

Chỉ trong một sát na, Hoichi đã cảm thấy hai ngón tay cứng như thép nguội giật lấy tai hắn ta, rồi xoẹt, hai tai đã đứt lìa. Khởi phải nói chàng mù đau nhói đến tâm can nhưng cắn răng không thốt nửa lời. Tiếng chân kia từ từ bước xuống khỏi hàng hiên, đi qua khu vườn, xa dần về phía cổng hậu rồi mất hút. Hoichi cảm thấy hai bên đầu có cái nước gì nóng nóng đang ròng ròng chảy xuống nhưng vẫn không dám đưa tay lên sờ.

Tờ mờ đất, hòa thượng mới khăn gói về chùa. Đến nơi, cụ đã tức tốc chạy xuống phía hiên hậu liêu. Bỗng sư cụ dẫm lên cái gì nhồm nhóp, trượt chân suýt ngã. Rồi cụ bỗng hoảng hốt vì dưới ánh sáng ngọn đèn lồng, đó là một vũng máu. Nhìn ra thì trên hàng hiên, Hoichi vẫn ngồi chính tọa trong tư thế nhập định, từ vết thương, máu nhỏ xuống nhuộm đỏ cả người.

- Hoichi đó hả! Sư cụ ngạc nhiên kêu “Trời Phật ơi, làm sao đến nỗi bị thương thế này? “

Nghe tiếng hòa thượng, Hoichi biết nguy hiểm đã qua, bật lên khóc rồi bù lu bù loa kể sự thể những gì xảy ra đêm qua.

- Tội nghiệp ơi là tội nghiệp!

Hòa thượng không cầm được tiếng than. “Trăm sự cũng tại ta bất cẩn. Viết kinh lên khắp người của người mà lại không viết lên tai. Thấy chỗ tai hẹp, khó viết ta mới cậy thủ kho viết giùm, mà chính ta cũng chẳng chịu kiểm xem hắn có viết cho chưa. Để đến nỗi này là do ta sợ... Nhưng có hối cũng đã muộn, điều gấp rút bây giờ là trị liệu cho người chóng bình phục. Hoichi, chớ có buồn nữa, phải vui lên vì kể từ nay, tai qua nạn khỏi rồi. Chắc chắn ma quỷ chẳng còn đến đây hạch sách quấy nhiễu người nữa đâu.”

Nhờ lương y tận tâm, chẳng bao lâu, vết thương của Hoichi đã lành lặn. Câu chuyện kinh dị xảy đến cho chàng mù được đồn đãi nhanh chóng, danh tiếng chàng nổi lên như cồn. Bao nhiêu nhà giàu có cao quý đua nhau tới vùng Akamagaseki để thưởng thức ngón đàn của chàng, thi nhau cho vàng tặng lụa. Chẳng mấy lúc Hoichi trở thành giàu có. Thế nhưng vì câu chuyện quái dị kể trên mà Hoichi mang cái hohn danh là “chàng Hoichi cụt tai”.

Nguyễn Nam Trân (dịch)

Chương 03

ĐANG TRÙNG TU
(FUSHINCHU)

Viên tham tán Watanabe xuống xe điện trước rạp Kabuki-za.

Tránh mấy vũng nước còn đọng đây đó trên con đường vừa mới ngớt mưa, ông men theo bờ kênh qua xóm Kobiki hướng về công thự Bộ Viễn Thông, vừa đi vừa đảo dác nhìn, thử dò xem góc phố nào có đề tấm bảng cửa hiệu mà nhất định mình có lần trông thấy. Con đường ít ai qua lại dù có năm sáu người mặc lối Âu giống như đám công chức vừa tan sở ra đang nói chuyện hơi ồn ào. Một cô gái mặc kimono choàng thêm cái áo ngắn sắc sỡ, chắc là dân làm ở một trà đình đang chạy công việc sang bên hàng xóm, hấp tấp suýt đâm vào ông. Chiếc xe kéo nào đó cứ buông mũi sùm sụp từ đằng sau bỗng vượt lên trước.

Rót cuộc Watanabe cũng tìm ra được cái bảng, hơi nhỏ một chút, có kẻ theo chiều ngang mấy chữ “O-ten Seiyokan”. Mặt trước của khách sạn nhìn về hướng con đường dọc bờ kênh được che bằng những thanh ván. Lối vào bên hông nằm trên con đường vắng. Hai bên tả hữu là hai cầu thang châu đầu với nhau, tạo thành khung tam giác. Cuối hai bậc thang có cửa kính chắn lối. Sau khi lưỡng lự không biết nên vào từ phía nào, Watanabe thử bước lên cầu thang thì thấy trên cánh cửa bên trái có ghi chữ “Cửa Vào”.

Watanabe cẩn thận chùi đôi giày khá lấm bùn rồi mở cánh cửa kính. Bên trong, ông thấy ở bên hành lang rộng lát ván, người ta có để cái cọ lau giày trải thêm tấm thảm chùi chân giống như ngoài cửa. Watanabe nghĩ thầm ngoài mình ra hẳn còn có những người khác mang giày bẩn vào đây nên lại chùi chân thêm lần nữa. .

Bốn bề vắng vẻ, chẳng một bóng người. Chỉ có tiếng động ồn ào ở nơi nào cách đó không xa vọng tới. Hình như là tiếng thợ đang sửa nhà. Nhớ lại mấy thanh ván che vòng quanh bên ngoài khi ngoài khi này, mới thấy đúng là người ta đang làm công việc trùng tu.

Vì không thấy ai ra đón mình, Watanabe tiếp tục đi thẳng vào trong nhưng đến cuối hành lang, lúc còn không biết nên quẹo phải hay trái thì mới thấy có người ra vẻ bồi bàn đang lững thững tới nơi.

-Dạ hôm qua tôi có gọi điện thoại giữ chỗ...

-Vâng, cho hai người phải không ạ. Xin mời ông lên lầu hai.

Anh ta chỉ cho Watanabe lối bên tay mặt nơi có cái thang dẫn lên gác. Sở dĩ anh ta biết là người khách mới đến đã đặt bàn hai chỗ bởi vì trong thời gian đang trùng tu, khách sạn hầu như đóng cửa. Bước đến khu vực này, dần dần mới nghe rõ tiếng búa đang đóng đinh.

Lên hết cầu thang đã thấy người bồi bước theo ngay. Chưa biết họ sắp ình phòng nào, Watanabe mới quay lại sau lưng hỏi thăm: -Ở đây coi bộ khá ồn đó nghe!

-Thưa không sao đâu. Năm giờ thợ họ về rồi. Lúc quý khách dùng cơm là đã hết ồn. Xin vui lòng đợi ở đây một chút.

Anh ta rào bước ra đằng trước, mở cánh cửa phòng nhìn về hướng Đông. Nhìn vào mới thấy đó là một cái xa-lông hơi rộng nếu chỉ chứa hai người khách. Họ đã đặt đó đây ba cái bàn nhỏ, mỗi bàn đều có bốn năm chiếc ghế vây quanh. Dưới cánh cửa sổ trở ra hướng Đông có một chiếc ghế xô-pha. Bên cạnh là chậu nho kiếng cao độ ba tấc buông lơ lửng chùm quả màu xanh trong căn phòng ấm cúng.

Watanabe nhìn ngang nhìn dọc một vòng thì người bồi bàn đang đứng chờ bên cánh cửa đã mở của căn buồng bên tay trái và bảo “Thưa đây là chỗ ông dùng cơm”. Căn buồng này mới thật vừa vặn. Bàn ăn đã bày biện sẵn sàng, một lẵng hoa kết bằng hoa lệ quỳên và hoa đỗ quỳên rất mỹ thuật được đặt ở giữa. Trên bàn có hai cu-ve đối mặt nhau. Phòng mới đúng là dành cho hai thực khách, nếu đặt sáu người vào đây thì hơi chật.

Watanabe ra chiều vừa ý, quay lại xa-lông. Người bồi bàn đã rời phòng ăn để đi về phía nhà bếp ngay nên bây giờ là lần đầu tiên Watanabe ngồi một mình. Bỗng tiếng búa lớn búa con đột nhiên im bật. Ông lấy đồng hồ ra xem mới biết đã năm giờ chiều. Nghĩ thầm từ đây đến giờ hẹn hãy còn được nửa tiếng, Watanabe cắt giấy niêm phong hộp thuốc để trên chiếc bàn nhỏ, lấy một điều xì gà, cắt đầu và châm lửa

Có điều lạ là Watanabe không có tâm lý mình đang chờ đợi chút nào cả. Ông còn như không cần nhớ cái người mình đang đợi là ai nữa. Cho dầu một khuôn mặt nào xuất hiện từ đằng sau cái lẵng hoa, có lẽ ông cũng chẳng buồn biết đến. Và cũng tự hỏi tại sao mình trở thành hững hờ đến vậy.

Watanabe vừa phì phà điều xì gà, đến mở cánh cửa sổ bên góc phòng có đặt chiếc xô-pha để ngắm phong cảnh bên ngoài. Ngay dưới cửa sổ, ông thấy rất nhiều thanh gỗ chất lên bên nhau. Đây mới đúng là mặt tiền khách sạn. Bên kia bờ con kênh đầy ắp nước và hầu như ngừng chảy là mấy ngôi nhà dân, có lẽ chỗ người ta dùng để hẹn hò. Trên đường không có bóng người, ngoại trừ một thiếu phụ đang đi con đứng lơ đãng trước cửa một trong những ngôi nhà ấy. Xa hơn nữa về phía tay mặt, ngôi dinh thự đồ sộ dùng làm Sở Tư Liệu của Bộ Hải Quân với màu gạch đỏ vươn cao lên choán hết tầm mắt.

Watanabe ngả lưng tựa ghế xô-pha, đảo mắt nhìn quanh xa-lông. Ở một đôi chỗ trên tường có treo vài cuốn tranh Nhật. Chúng được xếp đặt một cách tùy tiện, không ăn khớp với nhau chút nào: bên cạnh bức có chim oanh đậu trên cành mơ là tranh vẽ sự tích chàng ngư phủ Urashima và tranh chim ưng. Ông thấy bức nào khổ cũng hẹp mà không đủ dài, lại treo từ chỗ thật cao trên tường nên tưởng chừng chúng bị xén mất khúc dưới. Trên cánh cửa lối dẫn vào phòng khách lại có lồng khung một bản kinh văn do vị giáo chủ nào đó viết bằng lối chữ cổ. Nhật Bản thật không phải là một quốc gia có óc nghệ thuật!

Trong một chốc, đầu óc trống rỗng, Watanabe không nghe không nhìn gì cả, chỉ hút thuốc và để mặc thân thể lâng lâng trong khoái cảm.

Từ phía hành lang có tiếng chân và tiếng nói chuyện vọng tới. Cánh cửa mở. Người mà Watanabe chờ đợi đã đến. Thiếu phụ đội một cái mũ dạ rộng vành kiểu Anne-Marie có đính chuỗi hạt. Nàng mặc chiếc áo dài tay màu xám mà từ phía ngực trở xuống là một tấm áo nịt bằng vải ba-tít trắng có đường thêu. Chiếc váy cũng cùng màu xám. Thiếu phụ cầm trên tay cái dù Tây bé có viền tua, trông như món đồ chơi. Mặt Watanabe bắt gặp điểm một nụ cười. Ông bật dậy khỏi chiếc xô pha và ném điều xì gà vào cái gạt tàn. Người đàn bà vừa đến quay đầu ngó người bồi bàn đi theo còn đang đứng khựng ở chỗ cửa vào, xong đưa mắt nhìn Watanabe. Hai con mắt to màu hạt dẻ của những cô nàng tóc nâu. Đó là đôi mắt ngày xưa Watanabe đã được nhìn nhiều lần nhưng bây giờ trên đường viền quanh mắt còn đánh thêm quầng màu hoa cà bề ngang bằng một lông tay, cái mà ngày xưa không thấy có.

-Xin lỗi đã bắt anh đợi lâu.

Nàng nói bằng tiếng Đức. Lời lẽ hững hờ, và với một cử chỉ cũng không hợp tình hợp

cảnh, nàng chuyển chiếc dù qua bàn tay trái, bình thần đưa bàn tay phải có đeo găng cho ông bắt. Watanabe nghĩ thầm nàng đang đóng kịch trước mặt người bồi bàn nhưng ông vẫn lịch sự nắm lấy mấy ngón tay thiếu phụ chìa ra và quay lại bảo anh bồi:

- Khi nào cơm nước sẵn sàng thì cho biết nhé.

Người bồi bàn quay ra và đi khuất.

Thiếu phụ ném bừa cái dù lên mặt xô-pha, buông người xuống ra chiều mệt mỏi. Nàng cứ chống hai khuỷu tay lên thành bàn, nàng nhìn khuôn mặt Watanabe và không nói năng gì. Watanabe kéo ghế lại sát bên bàn rồi ngồi xuống. Mãi một lúc sau thiếu phụ mới lên tiếng:

- Ở đây vắng vẻ quá anh nhỉ? - Họ đang trùng tu mà. Mới hồi nãy còn làm việc ồn ào kinh khủng.

- Thế hở anh. Không biết sao không khí chỗ này làm em bồn chồn quá. Bề gì cái số em không bao giờ ở yên một nơi.

- Sang đây từ hồi nào?

- Em vừa đến hôm kia thì ngày hôm qua tình cờ gặp anh giữa đường đó.

- Đi công việc gì thế?

- Em có mặt ở Vladivostok từ cuối năm cơ.

- Thế vẫn trình diễn trên sân khấu trong cái ô-ten ấy à?

- Vâng, phải.

- Chắc không đi một mình đâu nhỉ? Hai mình à?

Nàng hơi ngập ngừng:

- Có một mình hai mình gì đâu anh. Em đi với người mà anh đã biết đó!

- Vẫn cái anh chàng Ba-Lan? Thế thì em thành Kojinskaya rồi hở?

- Ghét anh quá! Kojinsky chỉ đệm đàn cho em hát thôi chứ có gì đâu!

- Làm gì chỉ có chừng đó!

- Thật ra hai người đi đường chung với nhau, có chuyện muốn tránh cũng không được. Bảo hoàn toàn không thì đâu có lý.

- Anh biết thừa đi. Thế em dắt hần theo qua Tokyo đây?

- Vâng. Bọn em trọ ở Atagoyama.

- Thế hần chịu thả cho em đi gặp anh à.

- Ảnh chỉ theo đệm đàn lúc em hát thôi.

Nàng dùng chữ Begleiten, có nghĩa đệm đàn nhưng cũng có nghĩa là đi kèm vào những dịp khác.

- Khi em nói có thấy anh ở Ginza thì ảnh bảo thế nào cũng xin gặp anh.

- Thôi thôi, cô cho tôi xin!

- Anh đừng lo, ảnh còn nhiều tiền, không vay mượn anh đâu!

- Nhiều thì nhiều nhưng nếu ở lại đây thì rồi cũng tiêu hết. Mai một hai người còn tính đi đâu?

- Bọn em định sang Mỹ. Mọi người bảo đừng trông mong gì ở Nhật nên em không hy vọng tìm ra việc làm ở đây.

- Em nghĩ đúng. Ngoài Nga, Mỹ là nước đáng đi đấy. Nhật Bản hãy còn chậm tiến. Em thấy không, đang trùng tu đây ra kia!

- Eo ơi, nếu anh nói như thế thì khi qua Mỹ em sẽ mách với họ đó là ý kiến của một người

trí thức Nhật Bản cho coi. Của một người thuộc giới cầm quyền nữa kia chứ. Có phải anh ở trong chính quyền không nào?

- Phải, trong chính quyền.

- Cung cách lại đàng hoàng?

- Khá đàng hoàng! Có thể nói là đang trở thành kẻ sống giả dối nữa. Hôm nay hẹn ăn cơm tối với em là ngoại lệ đó!

- Cảm ơn nhiều nghe anh.

Nàng chìa bàn tay qua khỏi mặt bàn. Bàn tay ấy nãy giờ đã cởi ra khỏi cái găng có đơm cúc bấm. Watanabe trang trọng nắm chặt lấy nó. Bàn tay lạnh giá. Rồi cái bàn tay lạnh giá ấy vẫn để nguyên không chịu buông tay ông ra và đôi mắt vì có đánh quầng nên to hằn, nhìn như chiếu thẳng vào mặt ông:

- Có muốn em hôn cái không?

Watanabe làm bộ nhăn mặt:

- Đây là xứ Nhật mà!

Người bồi bàn không gõ trước mà cứ tự tiện mở cửa bước vào:

- Thưa, dọn cơm được chưa ạ?

- Đây là xứ Nhật mà! Vừa nhắc lại câu nói một lần nữa, Watanabe đứng dậy, chỉ đường cho thiếu phụ lúi vào phòng ăn. Cùng lúc, ngọn đèn điện cũng bật sáng.

Thiếu phụ nhìn quanh căn phòng, vừa ngồi xuống cái ghế đối diện, vui vẻ nói:

- Họ ình buồng riêng!

Rồi hình như muốn xem phản ứng của Watanabe, nàng mới nhón vai lên để thử nhìn ông ta vì lẵng hoa đặt giữa bàn làm ngáng mắt.

- Tình cờ may mắn thế thôi.

Watanabe trả lời như không có gì.

Người rót rượu sherry, người cắt dưa melon. Để tiếp có hai vị khách mà những ba bồi bàn nên hơi thừa. Watanabe phê bình:

- Thấy mấy anh bồi này lằng xằng chưa?

- Họ không để ý để tứ gi cả hờ anh. Trên khách sạn Atagoyama cũng giống y hệt.

Thiếu phụ hơi khuyển tay cắt một miếng dưa đưa lên miệng vừa nói như thế.

- Ở Atagoyama, hai ông bà bị họ phiền nhiễu lắm chứ gì?

- Coi kìa, anh lại hiểu ra đàng khác. Thôi, cũng được đi. Dưa này ngon đấy chứ, anh!

- Bây giờ mà qua Mỹ thì thứ này sáng nào người ta cũng dọn đầy bàn.

Hai người vừa ăn cơm vừa nói với nhau toàn những chuyện không đâu. Cuối cùng, bồi bàn dọn món xà-lách trái cây thập cẩm ra rồi rót sâm banh vào cốc.

Thiếu phụ chợt lên tiếng hỏi:

- Thế anh không thấy ghen chút nào sao hờ anh?

Nàng nhớ lại ngày xưa sau khi ở Nhà Hát Trung Ương ra, họ vẫn thường ngồi đối diện như thế này bên bàn ăn của cái quán nằm trên vỉa hè Bruhlsche Terrasse, lúc thì giận dỗi, lúc lại làm lành... Cho nên dầu đang nói với nhau những câu chuyện vô nghĩa như bây giờ, nàng không làm sao ngăn được dòng hồi tưởng. Định bụng sẽ nói chuyện một cách vui vẻ bông đùa nhưng không hiểu sao giọng của nàng bất chợt trở thành trang nghiêm và trong lòng không khỏi cảm thấy có gì tiếc hận.

Watanabe vẫn ngồi y nguyên, tay nâng cốc sâm banh cao khỏi lồng hoa, ông nói bằng một giọng rất rõ ràng:

-Kosinsky soll leben! (Chúc cho Kosinsky nhiều sức khỏe!)

Với một nụ cười thoáng hiện trên gương mặt như đông cứng lại, thiếu phụ lẳng lẳng nâng cốc theo. Bàn tay của nàng còn run rẩy nhiều hơn là người ta tưởng.

*

Lúc đó vừa mới tám giờ tối. Một chiếc xe hơi lặng lẽ băng qua đại lộ Ginza bây giờ đã sáng lóa như một biển đèn đuốc để đi về hướng Shiba. Trên xe có một người đàn bà đang dấu kín mặt mình sau tấm voan đen.

Tháng 6 năm Minh Trị 13 (1910)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chương 04

HANAKO

(Hanako)

Auguste Rodin bước vào chỗ xưởng ông làm việc.

Ánh sáng ban mai tràn đầy gian phòng rộng. Cái nơi mang tên Hotel Brion này ngày xưa là ngôi biệt thự sang trọng do một nhà phú hào cất lên nhưng cho đến gần đây nó đã trở thành tu viện của xơ dòng Thánh Tâm. Có lẽ các bà nữ tu Sacré Coeur từng dùng gian phòng làm nơi tụ họp mấy em bé gái trong khu Faubourg Saint-Germain để tập thánh ca. Có thời các cô bé đã đứng sắp hàng ngang, hé những cánh môi hồng ca hát như lũ chim non trong tổ lú lo khi thấy bóng chim mẹ quay về.

Giờ đây phong cảnh huyền ảo ấy không còn nữa.

Thế nhưng đang có một sự sống dưới hình thức khác ngự trị gian phòng. Đó là một sự huyền ảo không lời. Tuy không phát thành tiếng nhưng sự sống này mãnh liệt, tinh vi và linh động một cách khác thường.

Trên mấy cái bục cao có đặt những tảng đất phèn. Ở mấy cái bục khác là những khối cẩm thạch rắn chắc. Bàn tay của Rodin với thói quen bắt đầu nhiều việc cùng một lúc, hết chỗ này chỗ khác khi thấy có gì gợi hứng ình, làm cho cụm tượng có cái còn trẻ trảng có cái đã tiến khá xa. Dưới ánh nắng mai, chúng trông chẳng khác nào trăm thứ cây cỏ đua chen sinh sôi giữa thiên nhiên. Con người Rodin có một sức tập trung nghị lực đáng sợ. Ngay trong khoảnh khắc vừa mới bắt tay vào việc, ông đã có thái độ như thể đã làm liên tục từ hàng giờ trước.

Thần thái khoan khoái, Rodin nhìn hết một lượt một lô tác phẩm đang nặn dở dang. Khuôn mặt ông rộng bát ngát, ở giữa sống mũi dựng thẳng đứng. Chòm râu bạc xum xuê bao quanh hàm.

Có ai gõ cộc cộc ngoài cửa.

-Entrez!

Giọng trầm đầy nội lực, không có vẻ già nua chút nào, âm vang trong không khí của gian buồng..

Người mở cửa bước vào là một gã đàn ông gầy gò trạc ngoài ba mươi tuổi với mái tóc nâu đen, trông tựa tín đồ đạo Do Thái. Anh ta cho biết mình đưa Mademoiselle Hanako đến như đã hứa.

Từ khi thấy anh ta bước vào cho đến khi nghe anh ta nói, sắc mặt của Rodin vẫn không có gì thay đổi.

Có lần ông đã gặp nàng vũ công tháp tùng tù trưởng Kambodscha qua thăm Paris. Nhìn bàn tay bàn chân thon thả và những cử động thanh nhã của cô, ông cảm thấy có gì lôi cuốn và mê hoặc lòng người. Lúc đó ông có thảo vội vài bức dessins hiện vẫn còn giữ. Như thế mới biết dân tộc nào cũng có nét đẹp của họ. Rodin tin rằng cái đẹp đó thể hiện ra tùy con mắt người nhìn biết khám phá nó. Cho nên khi nghe tin dạo này có một nữ nghệ sĩ variétés gốc Nhật Bản tên là Hanako đang ra mắt, ông đã nhờ người thầu Hanako trình diễn đưa cô ta đến gặp mình.

Gã đàn ông vừa mới đến là ông bầu, imprésario của cô ta.

- Mời cô ấy vào đây cho tôi.

Rodin nói thế thôi. Ngay cả việc chỉ ghé mời anh ta ngồi, Rodin cũng không làm. Không nhất thiết vì lúc đó ông đang bận tay. Ông bầu ý tứ dò hỏi:

- Thưa cụ, tôi có dặt theo một thông dịch viên.
- Ai thế? Người Pháp à?
- Thưa không, Nhật ạ. Anh này là thực tập sinh ở L'Institut Pasteur. Nghe Hanako cho biết cụ bảo đến gặp nên anh ta xung phong thông dịch hộ.
- Tốt lắm. Mời ông ấy vào trong luôn.

Ông bầu xin vâng và trở ra. Liền sau đó một cặp nam nữ Nhật Bản bước vào. Hai người đều hết sức thấp bé. Ông bầu đi sau vừa khép cánh cửa lại cũng chẳng cao lớn gì cho cam nhưng hai người Nhật chỉ đứng tới mang tai ông ta.

Đôi mắt của Rodin khi nheo lại để chăm chú quan sát một vật gì thì hai bên khoé thường hằn lên những nếp nhăn thật sâu. Lúc ấy, những nếp nhăn ấy lộ hẳn ra. Tia nhìn của Rodin di chuyển từ người thực tập sinh qua Hanako và dừng lại ở đó một lúc.

Chàng sinh viên chào và đưa tay bắt bàn tay mặt rắn rỏi, gân nổi lên từng sợi một của Rodin. Anh đang bắt bàn tay đã tạc ra những bức tượng như La Danaide, Le Baiser et Le Penseur. Xong, anh ta lấy từ ví đựng danh thiếp một tấm rồi trao cho nhà điêu khắc, trên đó có ghi họ tên: Kubota Mỗ, Bác Sĩ Y Khoa.

Rodin liếc nhìn tấm danh thiếp và lên tiếng hỏi:

- Thế ông hiện làm việc ở Viện Pasteur đây?
- Vâng, thưa cụ.
- Đã lâu chưa?
- Thưa được ba tháng rồi.
- Avez-vous bien travaillé.

Người sinh viên bất chợt nhớ ra có lần nghe thiên hạ kháo nhau rằng cách chào hỏi đó là cổ tục của Rodin. Và bây giờ câu hỏi đơn sơ đó lại đang hướng về phía mình.

- Oui, beaucoup, Monsieur.

Kubota vừa trả lời mà trong lòng đang dậy lên một tình cảm như muốn cam kết với trời phật là sẽ dành cả đời mình để chuyên tâm học hỏi.

Kubota giới thiệu Hanako. Nhìn thân hình mảnh dẻ, gọn gàng của người con gái, từ mái tóc bới vụng về theo kiểu Takashimada trên đầu đến hai bàn chân đi tất tabi trắng lòng trong đôi dép Chiyoda phía dưới. Chỉ thoáng cái, Rodin hầu như đã tóm lược được tất cả. Ông đưa tay bắt cái bàn tay nhỏ bé, rắn chắc.

Kubota không sao ngăn được một tình cảm xấu hổ dậy lên trong lòng. Chàng ta nghĩ nếu mình giới thiệu về phụ nữ Nhật Bản cho Rodin, lý ra phải kiếm một người nào coi được hơn một chút.

Nghĩ như thế cũng không sai. Hanako chẳng đẹp đẽ gì. Tự dung cô xuất hiện trên sân khấu Âu Châu và xưng mình là nữ diễn viên đến từ Nhật Bản. Thế nhưng bên Nhật không hiểu có ai biết thứ nữ diễn viên như cô không. Dĩ nhiên Kubota không hề nghe đến bao giờ rồi. Hơn nữa cô nàng lại chẳng có nhan sắc. Nếu bảo là giống con sen người ở thì có thể hơi tội nghiệp vì nhìn tay chân không thấy chai sạn, chắc chưa phải đụng phải việc gì đặc biệt nặng nhọc. Thế nhưng đã là con gái mười bảy, đang tuổi dậy thì, mà xem tướng tá thì ngay làm đũa để sai vật coi bộ không ai thèm muốn. Tóm lại, cô này chỉ đáng cho đi giữ em là hết cỡ.

Điều không tưởng tượng được là gương mặt của Rodin lại hiện ra vẻ mẫn nguyện. Cô Hanako này lành mạnh, không chịu ăn không ngồi rồi nên người không có lấy chút mỡ thừa. Dưới làn da mỏng, các bắp thịt nhờ lao động vừa phải nên săn chắc. Trên khuôn mặt ngắn, trán và quai hàm gọn gàng, đường nét cần cổ lộ ra rõ ràng, cử động của hai bàn tay không đi gân và hai cánh tay trông thật nhanh nhẹn. Đó là những đặc điểm làm Rodin vừa ý hơn cả.

Dường như đã quen với cung cách của người Âu, Hanako mỉm cười khả ái và đưa tay bắt bàn tay Rodin chìa ra cho cô.

Rodin trở ghế mời hai người ngồi. Thế rồi quay qua ông bầu, ông bảo hãy chịu khó ra ngoài phòng khách đợi ột chút.

Sau khi ông bầu ra khỏi phòng, hai người ngồi xuống ghế.

Rodin mở hộp thuốc lá và đặt trước mặt Kubota và hỏi thăm Hanako:

- Thế quê của Mademoiselle ở cạnh núi hay biển?

Hanako là một cô gái đã thạo việc tiếp xúc nên mỗi khi nghe ai hỏi gì về mình, cô đã có những câu trả lời stéréotype về thân thế gia cảnh giống như trường hợp nhân vật trong truyện nhan đề Lourdes của Zola. Đó là một cô gái trên xe hỏa đông người hay kể đi kể lại chuyện mình nhờ phép màu mà lành vết thương ở chân. Cô cứ kể mãi rốt cuộc thành thạo giống như một tiểu thuyết gia đã tìm ra được lối viết routine.

Câu hỏi tưng tưng của Rodin chẳng ngờ làm cho những câu trả lời Hanako sửa soạn sẵn trong bụng thành ra vô dụng.

- Thừa quê cháu ở xa núi nhưng kè mé biển.

- Thế có dịp đi thuyền không?

- Vâng có ạ!

- Thế thì biết chèo thuyền không nào?

- Thừa lúc đó cháu còn bé quá nên không chèo được. Chỉ có bố cháu chèo thôi. Hình ảnh hai bố con như hiện ra trong óc tưởng tượng của Rodin. Rồi ông lặng thinh một lúc. Rodin vốn là người ít lời.

Ông quay sang Kubota, nói với một giọng bình thản:

- Chắc Mademoiselle cũng biết tôi làm nghề gì rồi. Thế phiền ông bảo cô ấy cởi quần áo ra hộ nhé?

Câu nói làm Kubota hơi chần chờ. Mình không thể nào thôi thúc một phụ nữ đồng hương khỏa thân cho người khác xem được. Nhưng đây là Rodin, người mà mình không thể từ chối. Thôi, chẳng cần phải suy nghĩ gì xa xôi nữa.

Chỉ có cái không biết Hanako coi việc đó như thế nào.

- Vâng, để tôi thử nói với cô ấy.

- Nhờ ông!

Kubota bèn bảo Hanako:

- Cụ đây muốn nhờ em một chuyện đấy. Chắc em đã biết cụ vốn là nhà điêu khắc có một không hai trên thế giới, chuyên môn tạc tượng người ta. Nhân đó cụ muốn hỏi em có thể cởi quần áo ra cho cụ xem không. Em tính sao? Em cũng biết đó, cụ già cả rồi, tuổi đã gần bảy mươi. Mà như em đã trông tận mắt, cụ là người đứng đắn. Em chịu không?

Nói xong, Kubota nhìn thẳng vào mặt Hanako, nghĩ thầm có thể cô ta sẽ thẹn thùng, làm dáng hay khô sở gì đó. Chỉ nghe cô trả lời dễ dàng, gọn lỏn:

- Dạ được thôi!

Kubota nói với Rodin:

- Thưa, cô ấy nhận lời.

Mặt Rodin lộ vẻ vui mừng, thế rồi ông đứng dậy khỏi chiếc ghế, lấy giấy và phấn màu đặt trên mặt bàn, bảo Kubota:

- Ông ngồi lại đây chứ?

- Vì lý do nghề nghiệp, tôi cũng từng bắt buộc phải chứng kiến những cảnh tượng như hôm nay. Tuy nhiên, nếu tôi ngồi lại có lẽ không tiện cho cô ấy.

- Thế à? Chắc mười lăm hai mươi phút thì tôi xong thôi. Ông chịu khó qua phòng đọc sách nhé. Mang xì - gà theo đi!.

Rodin chỉ cánh cửa một bên.

- Cụ bảo chỉ mười lăm hai mươi phút là xong đây em ạ.

Dặn dò Hanako như thế rồi, Kubota châm lửa điều xì-gà và đi khuất vào bên trong cánh cửa mà Rodin đã trở.

*

Căn phòng nhỏ Kubota vừa bước vào có hai cánh cửa lớn đối mặt nhau và một khung cửa sổ. Trước mặt cửa sổ là cái bàn đơn sơ, không hoa hòe. Trên bức tường đối diện với cửa sổ cũng như tường ở hai bên có đề nhiều học dựng sách.

Kubota đứng trước đó một đôi, đọc những dòng chữ in sau gáy các cuốn sách. Đó là một collection đã được sưu tập một cách tùy tiện chứ không sắp đặt. Bình sinh, Rodin là người ham đọc sách. Ngay cả từ hồi còn túng quần, lang bạt ở thành phố Bruxelles, lúc nào ông cũng kiếm sách để đọc. Rõ ràng là trong số sách cũ kỹ và ố bản này, hẳn có những cuốn gợi nhiều kỷ niệm nên ông đã mang theo đến tận nơi đây.

Vì tro điều xì-gà sắp rơi đến nơi, Kubota mới tiến lại gần chiếc bàn và gạt vào khay đựng tàn thuốc.

Trên bàn có đề mấy quyển sách. Kubota cầm lên thử xem viết về chuyện gì.

Một quyển sách cũ có các góc dát vàng được đặt nằm hướng cửa sổ. Cứ tưởng là Thánh Kinh nhưng khi mở ra thấy Divina Comedia, ấn bản Edition de poche. Lấy một quyển nằm nghiêng nghiêng trước mặt nó lên, mới biết là một cuốn trong bộ toàn tập của Baudelaire.

Kubota không chủ ý đọc nhưng cũng mở mấy trang đầu tiên coi thử. Đó là một tiểu luận viết về siêu hình học của đồ chơi. Ông ta viết cái gì đây nhỉ, Kubota nghĩ thế nên bắt đầu đọc luôn.

Sách ấy kể một kỷ niệm của Baudelaire ngày còn nhỏ được dắt đến chơi nhà một cô gái nào đó. Phòng cô ta đầy ắp đồ chơi, cái nào trông cũng đặc biệt. Con nít cầm đồ chơi lên nghịch thì trước sau thế nào cũng có lúc muốn đập vỡ để xem ở đằng sau món đồ chơi ấy có những gì. Nếu đồ chơi đó là loại động dục được thì chúng nó muốn đi tìm nguyên nhân nào đã làm món đồ chơi động dục. Con nít đi từ cái Physique qua cái Métaphysique nghĩa là từ lĩnh vực vật lý bước qua lĩnh vực siêu hình.

Chỉ có bốn mươi lăm trang thôi mà nội dung lại hấp dẫn nên Kubota đọc hết một lèo.

Lúc đó có tiếng gõ cửa cồm cộp rồi cánh cửa mở ra và cái đầu bạc trắng của Rodin nhòm vào.

- Xin lỗi ông nhé. Ông có thấy lâu không?

- Thừa cụ không. Được đọc Baudelaire mà!

Kubota vừa nói, vừa bước trở lại xưởng nặn tượng.

Hanako ăn mặc ngay ngắn lại rồi. Trên bàn, hai bản esquisses đã hoàn tất.

- Thế ông đọc cái gì của Baudelaire nào?

- Thừa, siêu hình học của đồ chơi.

- Nếu nhìn thân thể con người ta qua hình thù thì chẳng có gì hay ho. Thân thể là tấm gương phản chiếu tâm hồn. Nhìn được cái ánh lửa sáng toát ra từ vật chất thì mới thích thú chứ.

Kubota e dè nhìn hai bản phác thảo. Rodin nói:

- Còn qua loa lắm, nhìn vào chẳng thấy gì đâu.

Lát sau, ông mới tiếp lời:

- Thân hình của Mademoiselle thật là đẹp. Không có lấy chút mỡ. Bắp thịt nổi lên từng cái một, trông giống như cơ bắp của loại chó Fox Terriers. Gân cốt đầy đặn, mạnh mẽ. Độ lớn của các khớp xương và độ lớn của tay chân hợp nhất với nhau. Cho dù chỉ đứng thẳng bằng một chân còn chân kia duỗi ra theo hình thước thợ thì cô ấy vẫn có thể giữ nguyên tư thế ấy mãi mãi được. Giống như thân cây cắm rễ sâu vào trong lòng đất. Cô khác type Địa Trung Hải vì những người này vai và hông đều to ngang. Cô cũng khác với dân Bắc Âu, họ chỉ to hông chứ vai lại hẹp. Cái đẹp của cô là cái đẹp mạnh mẽ.

Tháng 7 năm Minh Trị thứ 13 (1910)

Nguyễn Nam Trân dịch

Chương 05

THUYỀN GIẢI TÙ

(Takasebune)

Takasebune là tên một chiếc thuyền con xuôi ngược dòng sông Takase ở Kyoto. Vào thời Tokugawa, mỗi khi tội nhân ở Kyoto lãnh án lưu đầy biệt xứ thì họ hàng được gọi tới đề lao, cho phép giã từ nhau. Thế xong, người ta sẽ đưa tội nhân lên Takasebune để giải về phía Osaka. Người đi giải tù là một bộ hạ của quan cai trị vùng Kyoto. Theo thông lệ, lúc nào cũng có một người được chọn ra từ đám bà con gần gũi nhất của tội nhân để đi theo thuyền cho đến Osaka. Đây không phải điều mà quan trên chính thức cho phép, thật ra chỉ là một tập quán nhà đương cục rộng lượng làm ngơ.

Thời ấy, tội nhân bị đầy biệt xứ, đúng là có nhiều kẻ phạm vào tội trọng nhưng đa số không phải là loại hung đồ giết người, cướp của, đốt nhà. Quá phân nửa số tội nhân bị giải đi bằng Takasebune thuộc diện những người do lỡ lầm đại đột đâm ra mang tội vào thân. Ví dụ thông thường nhất có lẽ là trường hợp một cặp mưu toan chết chung vì tình, anh con trai giết xong cô con gái rồi lại cứ sống sót một mình.

Như thế, Takasebune bắt đầu chống sào đi về hướng Đông trong hồi chuông thu không. Con thuyền đưa tù cắt ngang dòng Kamogawa xuôi về hạ lưu, để lại phố phường Kyoto chìm dần trong bóng tối đang dâng lên hai bên bờ. Trong thuyền, người tù và kẻ thân thích theo tiễn chân, trắng đêm tâm tình về cảnh ngộ của mình. Lúc nào họ cũng chỉ nói đi nói lại về những điều mà bây giờ dù có hỏi thì cũng không kéo lại. Người giải tù ngồi bên cạnh lắng nghe, hiểu được căn kẽ cảnh ngộ bi đát của gia đình, họ hàng nơi kẻ phạm tội xuất thân. Tóm lại, những sự thực nghe ở đây là những gì mà ông quan án khi nghe tội nhân trần tình trước pháp đình hay người nha lại ngồi trên ghế trong công thự đọc bản khẩu cung, dù có tưởng tượng chẳng nữa cũng không sao hình dung nổi. Tính tình người đi giải tù không hẳn ai giống ai nên vào những lúc này, có kẻ cho là tù lắm lời, bịt tai quay mặt lạnh lùng nhưng cũng có kẻ lắng nghe nỗi oán ấy với niềm thương cảm, đã không tỏ vẻ mình là người ở cửa công mà còn im lặng tiếp nhận tâm sự đau đớn của tù nhân vào tận đáy lòng. Có trường hợp khi cảnh ngộ trong câu chuyện giữa tội nhân và người bà con theo tháp tùng vô cùng bi đát, lại gặp anh giải tù quá ư tình cảm thì không tránh khỏi cái cảnh người giải tù cũng bất giác mũi lòng sa nước mắt.

Do đó, cái công việc giải tù bằng con thuyền Takasebune bị bọn sai nha ở công thự Kyoto ghét bỏ, xem như công việc chẳng đem lại cho họ hứng thú gì.

*

Không biết câu chuyện sau đây xảy ra lúc nào. Có lẽ vào năm Kansei thời Edo nhằm lúc ngài Shirakawa Rakuo đang nắm chính quyền. Một buổi chiều xuân, khi hoa anh đào chùa Chion.in bay lả tả trong hồi chuông thu không, có một người tù khác thường, đến nay chưa thấy ai như thế, được giải xuống thuyền Takasebune.

Anh ta tên Kisuke, mới ba mươi tuổi đầu, quê quán không rõ. Vì chẳng có thân thích họ hàng để gọi đến đề lao đi theo, anh xuống thuyền mỗi một mình. Haneda Shobe, người nhận lệnh giải tù, theo thuyền hộ tống anh, không biết điều gì về Kisuke ngoài việc anh ta bị kết tội sát hại cậu em mà thôi. Trong lúc giải tù từ nhà lao ra tận cầu tàu, nhìn cái con người gầy gò xanh xao này, Shobe thấy nơi anh ta tất cả sự nhẫn nhục, hiền lành, như thể sẵn sàng phục tùng

oai quyền của mình, người đại diện nhà nước, cam chịu mà không dám phản kháng gì cho dù bị bắt nạt như thế nào. Tuy nhiên, cái vẻ cam chịu ấy nó không giống như sự cung kính bề ngoài để làm vui lòng người nắm quyền lực, vẫn thường thấy nơi các tù nhân khác.

Shobe lấy làm lạ như thế nên chỉ từ khi xuống thuyền, ông không chỉ dòm chừng người tù trong phạm vi bốn phạm của một người giải tù thông thường mà còn theo dõi từng ly từng tý mọi hành vi của Kisuke.

Ngày hôm ấy, ngọn gió thổi từ buổi chiều đã lặng, mây mỏng đang giăng suốt cả bầu trời làm lu mờ cả đường nét của vầng trăng. Đó là một đêm mà ta có cảm tưởng cái nóng của mùa hạ mới về đã dựng lên một lớp sương mù từ hai bên bờ đến cả giữa lòng sông. Sau khi thuyền qua hết mấy xóm phía nam kinh thành và cắt ngang dòng sông Kamogawa, khung cảnh trở nên u tịch. Chỉ còn nghe mỗi tiếng mũi thuyền êm đềm xé nước. Tuy tội nhân đi thuyền về đêm được phép ngủ nhưng Kisuke vẫn không chịu ngả lưng. Anh ta không nói một lời, cứ mãi nhìn lên mảnh trăng treo trên bầu trời đêm, tùy lúc qua mảng mây dày hay thưa mà lúc sáng lúc tối. Vầng trán anh rộng thanh thản và đôi mắt lấp lánh sáng.

Shobe không nhìn anh ta chăm chú nhưng trước sau cũng không rời mắt khỏi Kisuke và trong lòng không ngớt cảm thấy lạ lùng. Lý do là dầu nhìn thẳng hay nhìn nghiêng, Shobe đều thấy khuôn mặt Kisuke toát ra một niềm vui thỏa, làm như thể nếu không kiềng nể người giải tù đi theo bên cạnh thì anh ta đã mở mồm huýt sáo hay lên giọng mũi cất tiếng ca rồi cũng nên.

Shobe nghĩ bụng từ trước tới nay mình đã đi giải tù bằng Takasebune biết bao nhiêu bận rồi. Thế nhưng tù nhân mình áp giải lúc nào cũng giống nhau, nghĩa là thể phạm tội nghiệp đến độ mình chẳng đành nhìn. Nhưng cái gã đàn ông này thì sao lại thế? Vẻ mặt thấy giống như người đang ngồi du thuyền xem phong cảnh không bằng! Hình như anh chàng mang tội giết đứa em. Nếu thằng em kia là đứa gian ác thì đã đành, nhưng trường hợp mà anh này còn có chút tình người thì dù sự thể đưa đến chuyện phải giết nó, cũng không thể có thái độ an nhiên như thế được. Chẳng lẽ cái anh chàng gầy gò xanh mét kia là một loại người gian ác hiếm có ở trên cõi đời này vì không còn chút nhân tính? Nhưng không hiểu tại sao Shobe thấy khó lòng xét đoán anh ta kiểu đó. Hay anh ta phạm tội vì chột phát cuồng trong chốc lát? Không đâu, không đâu! Làm gì điên cuồng cho được khi mà cử chỉ, ngôn ngữ của anh ta chẳng có gì là không ăn khớp với nhau. Anh chàng này là loại người nào đây? Càng suy nghĩ về thái độ của Kisuke, Shobe càng thêm thắc mắc.

Được một lúc, không nhìn được nữa, Shobe mới lên tiếng gọi:

-Này, Kisuke, mày nghĩ ngợi gì thế?

-Dạ!

Kisuke vừa đáp lời vừa dáo dác nhìn chung quanh như lo lắng mình đã thất thố điều gì để bị công sai quở trách. Anh ta sửa lại kiểu ngồi cho ngay ngắn rồi nhìn người giải tù như dò hỏi.

Shobe chợt cảm thấy phải tìm ra lý do để biện minh tại sao tự dưng ông ta lại đặt ra câu hỏi vốn chẳng dính líu gì đến phận sự của một người giải tù. Lúc ấy ông mới lên tiếng:

-Không, câu tao vừa hỏi chẳng có ý nghĩa gì đặc biệt đâu. Tao chỉ muốn biết tâm trạng của một đứa bị đày ra ngoài đảo như mày thôi. Thuở giờ, tao đã giải ra đảo không biết bao nhiêu là tù rồi. Mỗi đứa là mỗi hoàn cảnh thân thế khác nhau nhưng hễ bị ra đảo là chẳng có ai vui. Tội nó đứa nào cũng than khóc thâu đêm với người bà con đi theo thuyền để tiễn chân. Thế

nhưng cứ dòm bộ điệu của mày thì thấy chuyện đầy ra đảo chẳng làm mày buồn khổ gì cả! Cho nên tao mới muốn hỏi thăm coi trong bụng mày đang nghĩ ngợi gì thôi.

Kisuke mỉm cười đáp:

-Thầy lại có lòng quý hoá hỏi thăm, em xin cảm ơn. Nghe thầy nói, em biết được những người khác khi đi đầy ra đảo ai nấy đều buồn khổ. Nỗi niềm đó thì em đây cũng thông cảm được với họ. Thế nhưng trường hợp của họ là những kẻ từng hưởng một cuộc đời sung sướng. Đất Kyoto rộng bao la, mà trên dải đất bao la như thế, cho đến nay, dù có đi đến đâu chắc không thể thấy một người thứ hai đã nếm đủ mùi tân khổ như em. Nhờ bề trên có từ tâm mà em thoát tử tội, chỉ bị đầy đi biệt xứ. Dù cuộc sống ở ngoài đảo có cơ cực đến đâu thì vẫn chưa phải là chốn địa ngục. Cho đến hôm nay, em có đi đâu vẫn chưa tìm ra nơi nào để cuộc đời mình được thoải mái. Lần này bề trên bảo phải ra đảo mà sống. Chỗ ngài ra lệnh phải đến là nơi em có thể sống thanh thản, đó là điều làm em biết ơn ngài hơn cả. Hơn nữa, tuy thân xác nom bạc nhược thế này nhưng em chưa hề ốm đau. Ra ngoài đảo, dù công việc gian khổ đến thế nào, thân em đều có thể chịu đựng được. Với lại nhân chuyến ra đảo lần này, em lại được cấp cho hai trăm đồng kẽm hiện vẫn mang theo bên mình.

Vừa nói, Kisuke đặt bàn tay lên ngực. Theo luật lệ thời đó, kẻ bị lưu đầy ra đảo xa thường được nhà nước cấp cho hai trăm đồng kẽm.

Kisuke lại nói tiếp:

- Em hết sức xấu hổ phải thừa thật với thầy là cả đời, em chưa bao giờ có trong hầu bao một món tiền hai trăm đồng kẽm. Cả đời cứ phải lo chạy khắp nơi xem ở đâu có công ăn việc làm. Tìm ra được việc thì lăn ra làm không hề quản ngại. Thế nhưng có kiếm được đồng nào cũng không hề giữ được ithub. Lúc cầm được tiền trong tay để mua lấy cái ăn thì thường phải lo toan trả nợ cũ, để rồi lại vay thêm nợ mới. Từ khi vào tù, em mới được hưởng cảnh ngồi không rồi việc mà vẫn có cơm ăn. Chỉ riêng điều đó thôi cũng làm em đội ơn trên khôn xiết. Hơn thế khi ra khỏi nhà giam lại được cấp cho hai trăm đồng kẽm. Như thế, nếu vẫn tiếp tục ăn cơm nhà nước thì em vẫn giữ nguyên món tiền này ithub. Có của để dành đem theo người như thế này, từ hồi cha sinh mẹ đẻ, với em mới là lần đầu. Cho đến khi tới đảo, em chưa hình dung được mình sẽ làm ăn sinh sống thế nào nhưng nghĩ đến việc có hai trăm đồng kẽm lặn lưng làm vốn đã cảm thấy vui vui.

Nói đến đây, Kisuke không thêm câu nào nữa.

Shobe bảo “À, ra thế!” nhưng vì câu ông ta muốn hỏi đã được trả lời quá đầy đủ nên chẳng có gì để hỏi thêm, đến lượt mình cũng trầm tư, không lên tiếng nữa.

Shobe năm nay cũng tròn tròn bốn mươi rồi. Vợ nhà đã đẻ cho được bốn mụn con. Vì bà mẹ hãy còn khoẻ nên gia đình cộng tất cả là bảy người sống chung với nhau. Ngày thường Shobe vẫn bị mang tiếng là người hà tiện. Không hề thấy ông ta tiêu hoang, quần áo mang theo ngoài đồ mặc đi làm thì chỉ độc một manh áo ngủ. Khôn nổi vợ ông lại xuất thân từ gia đình nhà buôn có của. Bà cũng có thiện chí thu vén cuộc sống trong nhà với đồng lương của Shobe nhưng vì đã quen với lối sống thoải mái về vật chất hồi còn con gái nên không thể sống tiện tặn đúng như ý ông. Phóng tay một chút là cuối tháng thâm thủng ngay. Chính vì Shobe sợ chuyện vay mượn y như đĩa phải vôi, bà vợ phải giầu chồng xin bên nhà cha mẹ viện trợ để bù đắp vào chỗ thiếu hụt trong nhà. Chuyện đó rốt cục cũng lọt vào mắt người chồng. Vào dịp tết nhất lễ lạc nhà cha mẹ vợ thường cho quà hay gặp lễ Shichigosan thì mua sắm quần áo cho

chúng là những điều gây khổ tâm cho Shobe không ít. Việc phải sống nhờ vả để khỏi phải thiếu hụt làm mất mặt ông ta lúc nào cũng rầu rầu. Gia đình Haneda này bên ngoài mới nhìn thì thấy có vẻ yên ổn nhưng nhiều khi đất bằng cũng dậy sóng vì lý lo trên.

Nghe chuyện Kisuke kể về hoàn cảnh anh ta, Shobe bỗng đem chuyện đó so sánh với nhà mình. Kisuke nói anh ta đâu có công ăn việc làm nhưng phải bù đắp bằng tiền công nợ nên đồng lương cũng cạn. Nghĩ tình cảnh thật đáng thương. Thế nhưng ngẫm lại phận mình, thì giữa mình và anh ta rốt cuộc nào có khác chi đâu. Cơm gạo nhà nước cấp ỉnh để sinh sống cũng phải chuyển sang tay thiên hạ cả. Cái khác nhau giữa anh ta và mình là con số không thêm vào hàng số trên bàn toán chứ hai trăm đồng kẽm mà Kisuke có để lặn lưng thì mình nào đã có trong tay.

Nếu thử nghĩ về cái khác nhau về con số không trên hàng số, việc chỉ cần dành dụm được hai trăm đồng kẽm mà Kisuke đã vui sướng đến thế, ở cương vị mình mà nhìn, thấy nó chẳng có gì vô lý. Tuy rằng có khác nhau như hai con số trên bàn toán, cái điều làm mình ngạc nhiên là Kisuke là kẻ không có lòng ham muốn, chỉ bằng lòng với cái mình hiện có.

Kisuke chật vật kiếm công việc. Kiếm được việc rồi thì xả thân làm lụng, có được chút cháo quét miệng là đã thỏa mãn. Bây giờ ngồi trong nhà ngục, ngạc nhiên thấy cái miếng cơm mong mãi không có, nay không cần làm gì mà được ông trời ban cho, làm sao chẳng mãn nguyện như lần đầu tiên từ thuở cha sinh mẹ đẻ.

Shobe mãi miết nghĩ về cái khác nhau về con số không trên hàng số và nhận ra cái khoảng cách to lớn giữa mình với Kisuke. Về phần mình, tuy tiền gạo nhà nước cấp để sống thường thiếu hụt thật đấy nhưng đáp đổi rồi cũng xong, đâu lại vào đó. Thế mà hầu như chẳng bao giờ mình cảm thấy thỏa mãn. Thường thường mình sống mà không phân biệt lúc sung sướng hay khi khổ sở. Thế nhưng trong tận đáy lòng vẫn thầm nghĩ nếu cứ sống như thế này, bất chợt mai kia phải thôi việc thì không biết xoay sở ra sao. Lòng vẫn thầm lo ngổ ngỡ ngã bệnh thì cuộc sống sẽ ra thế nào. Đôi khi biết vợ mình có xin nhà cha mẹ trợ giúp để khỏi thâm thùng thì sự lo sợ lại từ bên dưới trời lên trong đầu.

Thế thì cái khoảng cách giữa hai người là ở chỗ nào? Chắc chỉ có cách tóm tắt rằng Kisuke là kẻ không có gì ràng buộc mà mình thì quá nhiều hệ lụy. Nhưng đó là dối lòng. Cho dầu mình có một thân như Kisuke thì coi bộ khó có được cái tâm tình của anh ta. Lý do ắt phải sâu xa hơn nữa.

Shobe chỉ thấy mơ hồ như thể nó giống như chuyện đời con người. Khi người ta lâm bệnh thì nghĩ phải chi mình đừng mắc bệnh. Mỗi ngày lo miếng ăn không đủ thì lại nghĩ phải chi mình có được miếng ăn. Khi phải cần đến tiền nong thì lại nghĩ phải chi mình dành dụm được chút đỉnh. Nếu đã dành dụm bao nhiêu rồi thì lại nghĩ phải chi mình có nhiều hơn chút nữa. Đứng núi này trông núi nọ như thế mãi, con người ta không biết phải ngừng lại chỗ nào. Shobe chợt thấy rằng hôm nay chính Kisuke là kẻ đã chỉ ỉnh biết cái chỗ phải dừng lại.

Shobe mở đôi mắt nhìn dán lấy vào Kisuke như một người chưa từng gặp. Chung quanh cái đầu của người tù lúc này đang ngược mắt nhìn trời, Shobe cảm thấy có một vầng hào quang tỏa sáng.

*

Shobe mắt vẫn không rời khuôn mặt Kisuke, lại lên tiếng gọi:

-Này ông Kisuke!

Lần này, ông ta gọi Kisuke là “ông” một cách tử tế nhưng không hoàn toàn ý thức về sự thay đổi lối xưng hô của mình. Giữa khi cái tiếng gọi người tù vừa phát ra từ cửa miệng và chưa đi vào lỗ tai của chính mình, Shobe tuy thấy có cái gì không bình thường trong lối xưng hô nhưng cái chữ vừa dùng đã vượt ra khỏi miệng ông ta, không thể nào níu lại được nữa.

-Dạ!

Vừa đáp lại, Kisuke cũng hơi chùng hững khi nghe mình được gọi là “ông” nên đưa cặp mắt lo sợ nhìn Shobe với vẻ dò xét.

Shobe hơi ngại ngùng một chút nhưng rồi cũng hỏi:

-Tôi đã nghe chuyện về ông, biết được ông bị đày ra đảo lần này là vì phạm tội giết người. Thế ông có thể nào cho tôi nghe đầu đuôi vụ đó được không?

Kisuke ra vẻ hết sức khiếp sợ, thì thầm trả lời:

-Xin vâng! Thưa thầy, em chỉ vì lỡ suy nghĩ dại dột nên thành ra mang tội tày đình. Về sau, khi ngẫm lại vì sao phải ra nông nỗi này, em cũng thấy lạ lùng. Mọi việc hoàn toàn như đã xảy ra trong một giấc mơ. Khi em còn nhỏ, cha mẹ vì bệnh dịch chết sớm, bỏ lại hai đứa con là em với thằng em trai. Lúc đầu thì hai đứa sống nhờ sự thương hại của người lối xóm coi chúng em như chó con để dưới hiên nhà, sai chạy việc vặt cho họ nên nhờ đó cũng qua cơn đói lạnh mà lớn lên. Dần dà có sức vóc mới đi kiếm ăn. Đi đâu hai đứa cũng cố gắng không rời nhau, giúp đỡ nhau làm lụng. Mới mùa thu năm ngoái đây thôi, em và thằng em cùng nhau đi kéo sợi ấy nhà dệt cửi ở xóm Nishijin. Lúc đó, nó bỗng lâm bệnh nên không lao động nổi. Hai đứa đang tạm trú trong một túp lều ở Kitayama, mỗi ngày em phải qua cầu vượt sông Kamiya để đi đến xưởng. Chiều đi làm về, em mua ít thức ăn, chú nó ra đón, luôn miệng xin lỗi đã bắt em đi làm một mình. Có một hôm khi em vô tư lự trở về nhà như mọi lần thì chợt thấy chú nó đang phục sấp trên mặt tấm nệm ngủ, chung quanh máu me bết bết. Em hốt hoảng vút vội cái bọc quần lá tre không biết đựng thứ gì mang về qua một bên, đến bên cạnh, luôn miệng gọi: “Sao vậy em, sao vậy?” Lúc đó mới thấy chú nó ngược khuôn mặt xanh mét, máu chảy đầm đìa từ hai bên má xuống đến cằm, nhìn em nhưng không nói được lời nào. Chỉ có tiếng như gió thì thảo từ miệng vết thương mỗi lần nó thở. Em không biết chuyện gì xảy ra nên chỉ biết hỏi: “Sao vậy chú? Thở huyết hả?” rồi khi em định đến sát bên cạnh thì chú nó mới chống cánh tay mặt lên trên sàn nhà nhón người lên một chút. Tay trái của nó bịt chặt lấy phía dưới cằm nhưng từ giữa kẽ ngón tay của nó, em thấy rịn ra một mảng máu đen. Con mắt của nó như muốn bảo thăm em hãy ghé sát lại gần. Dần dần miệng nó mới bắt đầu phát ra tiếng. Nó bảo: “Anh ơi, em xin anh tha thứ cho. Em nghĩ bề gì bệnh em dù có chữa trị cũng không lành nên muốn chết quách đi cho anh nhẹ gánh phần nào. Em tưởng cứ cắt cuống họng thì sẽ chết ngay nhưng chẳng ngờ chỉ làm hơi thở từ đó thoát ra chứ không sao chết được. Em lấy hết sức nhún để chọc vào sâu hơn nữa thì lại trượt mất qua một bên. Lưỡi dao hình như không đâm thủng cổ họng. Nếu khéo rút nó ra thì em mới có thể nhắm mắt được. Em không còn đủ sức trình bày nữa, xin anh hãy giúp em”. Khi bàn tay trái của chú nó vừa buông lỏng yết hầu thì từ chỗ đó, hơi thở lại bắt đầu vo ve. Em muốn nói mà không thành lời, chỉ biết im lặng nhìn chăm chú vào vết thương trên cổ của nó, chỗ đó có một con dao cạo ngấp thật sâu. Chắc nó đã dùng bàn tay mặt nắm lấy con dao này để cắt ngang cuống họng nhưng vết thương không đủ làm nó chết được. Cán dao hãy còn lòi ra ngoài vết thương độ sáu bảy phân. Em chỉ biết nhìn khuôn mặt của chú nó và quang cảnh đó mà không nghĩ ra phương cách gì. Nó cũng đăm đăm

nhìn em. Cuối cùng em mới lên tiếng: “Chờ anh một chút nghe. Anh sẽ gọi thầy thuốc tới”. Cặp mắt ánh lên vẻ oán hận, chú ấy mới đưa bàn tay trái lên bịt chặt lấy cổ họng, nói với em: “Kêu thầy thuốc chi ắt công. Khổ quá anh ơi, mau mau rút lưỡi dao ra cho em nhờ.” Em thấy mình hết giải pháp và chỉ biết nhìn mặt đờ em. Lạ lùng thay, lúc này mắt có thể nói thay lời. Đôi mắt của chú nó lộ vẻ oán trách em và như thảm bảo: “Mau lên! Mau lên anh!” Đầu óc em quay cuồng, có cái gì như bánh xe cứ lăn quanh nhưng cặp mắt đáng sợ của nó vẫn không chịu ngừng thôi thúc. Thế rồi ánh mắt oán hận đó dần dần trở nên dữ tợn, trừng trừng nhìn em như người thù địch. Rốt cuộc, em nghĩ chắc mình bắt buộc làm theo ý nguyện của nó mất thôi. Em mới bảo: “Không còn cách nào khác. Anh sẽ rút nó ra cho em!” Nói xong, chợt thấy cặp mắt của nó rạng rỡ, thanh thản hẳn ra như thể có gì vui sướng. Em mới chập hai đầu gối lại vươn người ra phía trước như sắp sửa phải dùng hết sức để làm một việc gì. Chú ấy nhắc cánh tay phải đang chống, tựa khuỷu bàn tay trái tự nãy giờ vẫn bịt cổ họng trên sàn rồi nằm dài ra. Em nắm chặt lấy cán dao cạo, rút phăng ra. Vừa lúc đó, bà già hàng xóm bỗng mở cánh cửa trước nhà mà em vẫn khép và bước vào phòng. Đó là bà lão ngày thường em vẫn nhờ đến để cho chú nó uống thuốc lúc mình đi vắng. Khi ấy trời đã tối mịt nên em không biết bà lão kia đã thấy được những gì, chỉ thấy bà ta kêu hoảng lên, để cánh cửa mở toang hoang và bỏ chạy ra ngoài. Khi rút con dao ra, em nghĩ phải rút nhanh nên đã chuẩn bị rút cho thật thẳng nhưng chẳng hiểu sao lúc rút ra cứ bị cản thành thử có cảm tưởng đã cắt phạm luôn những chỗ chưa bị đứt. Chắc khi kéo lưỡi dao ra bên ngoài đã cắt đi cũng nên. Em cứ cầm nguyên con dao cạo, ngơ ngác nhìn bà lão từ lúc bước vào phòng cho đến lúc chạy ra ngoài. Khi bà lão chạy mất rồi em mới hoàn hồn nhìn lại thì chú nó đã tắt thở. Máu từ vết thương tuôn ra lai láng. Thế rồi, sau khi buông con dao qua một bên, em cứ thừ người nhìn đôi mắt nửa khép của đờ em đang nằm chết cho đến khi nha lại kéo tới giải mình về công thự”.

Kisuke hơi cúi gằm mặt và chỉ ngược nhẹ lên nhìn Shobe suốt lúc kể chuyện. Kể xong, hai mắt của anh ta lại nhìn xuống phía đầu gối.

Câu chuyện Kisuke vừa kể nghe ra hợp lý. Có thể nói hầu như quá hợp lý nữa. Đó là vì trong suốt nửa năm nay, những sự việc xảy ra lúc đó không ngừng trở lại trong đầu anh, thế rồi bao nhiêu lần bị hỏi cung ở công thự cũng như bị thẩm vấn bởi quan án tỉnh, anh ta có thể đã chú ý để loại hết những chỗ có thể sơ hở.

Nghe chuyện, Shobe có cảm tưởng cảnh tượng lúc đó đang hiện ra trước mắt ông. Tuy nhiên, sự thắc mắc không biết đây có phải là một vụ giết em, một cái án giết người hay không mà ông có trong đầu từ khi mới nghe phân nửa câu chuyện, nay vẫn không sao tìm ra lời giải dù đã nghe trọn cả rồi.

Người em bảo anh mình hãy rút con dao ra bởi vì có rút lưỡi dao ra thì mình mới có thể chết được. Thế nhưng hễ rút dao ra thì người ấy chết, ông anh tất sẽ bị thiên hạ kết tội giết em. Còn cứ để nguyên con dao thì có lẽ người em trước sau gì cũng chết. Sở dĩ người em muốn chóng chết vì anh ta không chịu nổi sự đau đớn nữa. Kisuke không nổi lòng nào tiếp tục nhìn sự khổ sở của em nên mới cứu em ra khỏi cảnh đó bằng cách kết liễu tính mạng. Thế là tội hay sao? Giết người dĩ nhiên là phạm tội. Tuy nhiên khi nghĩ rằng động cơ của việc làm là để cứu ai khỏi cảnh khổ thì từ đấy nảy lại ra thắc mắc, một thắc mắc không sao giải đáp.

Shobe nghĩ đi nghĩ lại trong đầu bao nhiêu điều, cuối cùng ông nghĩ rằng không cách gì hơn là phó mặc cho bề trên, theo quyết định của nhà cầm quyền. Shobe muốn xem phán quyết

của quan án như là phán quyết của chính ông. Dù nghĩ như vậy nhưng mối ngờ vực trong lòng vẫn chưa tan, ông hãy còn có điều thắc mắc muốn ngỏ với quan án.

*

Đêm trăng mờ mỗi lúc càng vào khuya, chiếc thuyền Takasebune với bóng hai con người trầm mặc, vẫn lướt đi trên mặt nước đen.

Nguyễn Nam Trân dịch

Chương 06

Mười đêm mộng

Natsume Soseki Đêm thứ nhất

Tôi nằm mơ thấy:

Tôi vòng tay ngồi cạnh gối của người con gái đang nằm ngửa. Nàng nhỏ nhẹ nói: em sắp chết mất thôi. Mái tóc dài xõa trên gối làm nổi lên khuôn mặt trái xoan dịu dàng lún trong lòng gối. Đôi má trắng nõn hầy còn hồng, cái màu của máu ấm, môi nàng vẫn còn đỏ. Tôi không làm sao tưởng tượng được đây là một người sắp chết. Nhưng người con gái, vẫn giọng nhỏ nhẹ ấy, nói rõ ràng: em sắp chết mất thôi. Tôi cũng nghĩ thế này thì chắc nàng chết thật. Tôi cúi xuống nhìn chăm chăm vào mặt nàng hỏi thử: thế à, em chết thật sao. Vâng, thôi em chết đây, người con gái mở đôi mắt to tròn, đáp như thế. Đôi mắt long lanh, bên trong hai hàng lông mi dài tuyền một màn đen huyền. Trong lòng đen thăm thẳm của hai đồng tử, tôi thấy hình tôi nổi bật lên thật rõ.

Tôi nhìn màu đen nhánh trong suốt sâu thẳm của đôi mắt người con gái, nghĩ thế này mà chết thật sao. Tôi kề miệng sát gối, nói một lần nữa: làm gì mà em chết được, không sao đâu mà. Người con gái mở to cặp mắt đen đã đượm vẻ buồn ngủ, vẫn nhỏ nhẹ đáp: nhưng em chết thật mà, không làm sao hơn được.

Tôi cố hỏi gặng: thế thì có thấy mặt anh không? Người con gái nhoẻn miệng cười đáp: thấy mặt anh không hở, thì đó, mặt anh đang in trong mắt em đấy chứ gì nữa. Tôi im lặng, quay mặt đi khỏi gối của nàng, khoanh tay vừa nghĩ, thế này mà chết thật sao.

Được một lúc, người con gái lại thốt:

- Sau khi em chết, anh đem em đi chôn anh nhé. Lấy vỏ sò ngọc trai đào huyết cho em, anh nhé. Đi tìm một mảnh sao băng rơi từ trên trời xuống làm bia mộ cho em, rồi anh hãy ngồi bên mộ em mà đợi. Em sẽ trở lại gặp anh.

Tôi hỏi: chừng nào thì em trở lại gặp anh?

- Đấy, mặt trời mọc, rồi mặt trời lặn. Rồi mặt trời lại mọc và lại lặn. – Mặt trời đỏ rực, hừng lên từ hướng đông, tắt lặn sang hướng tây, chừng nào mặt trời còn mọc lên từ bên đông, còn lặn sang bên tây – anh có chờ em nổi không?

Tôi im lặng khẽ gật đầu, giọng người con gái tỉnh hơn, nói dứt khoát:

- Anh hãy đợi em một trăm năm.

- Một trăm năm đấy nhé! Anh hãy ngồi đợi em bên mộ. Thế nào em cũng sẽ trở về gặp lại anh.

Tôi chỉ trả lời: ừ anh đợi. Vào lúc ấy, bóng tôi nãy giờ hiện rõ trong con ngươi của người con gái bỗng nhòa đi như bóng in trên mặt nước bị loãng ra vì mặt nước dao động nhẹ. Nước mắt như muốn chảy ra thì mắt người con gái nhắm nghiền lại. Giữa hai hàng lông mi dài, một dòng nước mắt ứa trào xuống má. – Người con gái chết.

Sau đó, tôi ra ngoài vườn, lấy vỏ sò ngọc trai đào huyết. Vỏ sò ngọc trai rất lớn, thật láng và có đường viền rất bén. Mỗi lần tôi xúc đất, lòng vỏ sò lóng lánh phản chiếu ánh trăng. Có mùi đất ẩm. Đào một lúc thì xong được huyết, tôi đem xác người con gái đi chôn và xúc đất nhuyễn rải nhẹ lên trên. Mỗi lần tôi xúc đất, ánh trăng óng ánh trong vỏ sò.

Xong, tôi đi lượm mảnh sao băng từ trên trời xa rớt xuống, đặt làm bia trên phần mộ.

Mảnh sao tròn. Tôi nghĩ, mảnh sao tròn vì từ trên trời rớt xuống, mòn hết các góc cạnh. Khi bùng mảnh sao, đặt lên mô đất của phần mộ, tôi cảm thấy ngực và tay tôi ấm lên một tí.

Tôi ngồi trên rêu, nghĩ, từ nay tôi sẽ ngồi đợi như vậy cho đến hết một trăm năm, và tôi vòng tay ngồi ngắm cái bia mộ. Đúng như lời người con gái nói, mặt trời mọc lên bên hướng đông. Mặt trời đỏ, thật to. Và cũng đúng y lời người con gái, mặt trời lặn qua hướng tây. Mặt trời lặn, vẫn giữ nguyên một màu đỏ rực. Tôi đếm, một.

Một thời gian sau, vầng thái dương lại xuất hiện trên nền trời rồi tắt ngấm. Tôi đếm, hai.

Tôi đếm một, tôi đếm hai rồi cứ như thế tôi tiếp tục đếm cho đến lúc không còn biết là đã thấy mặt trời đỏ rực ấy bao nhiêu lần rồi. Đếm hoài, đếm mãi, đếm không biết bao nhiêu ngày mặt trời đã vòng qua trên đầu, nhưng vẫn chưa được một trăm năm. Cuối cùng, tôi nhìn tấm bia tròn bị rêu bám đầy, nghĩ, có lẽ mình bị người con gái đánh lừa.

Bỗng từ dưới bia mộ, một chồi xanh lú lên, nghiêng về phía tôi. Tôi chăm chú nhìn, chồi xanh vẫn tiếp tục trôi lên, đến khoảng giữa ngực tôi thì dừng lại. Khi tôi nhận ra điều đó, thì trên đầu chồi xanh đang lung lay ấy, một nụ hoa thon dài trở nghiêng xuống, nụ hoa bỗng chốc căng phồng và nở ra từng cánh một, những cánh hoa loa kèn trắng thơm sực nức. Bỗng từ thượng tầng không gian, có sương rơi, đóa hoa lắc lư dưới sức nặng của nó. Tôi nghiêng đầu về phía trước cúi hôn cánh hoa trắng đọng sương lạnh. Tôi xoay mặt khỏi cánh hoa, bất giác ngược nhìn trời cao và tôi thấy chỉ còn có mỗi một vì sao ban mai đang lấp lánh.

Đây cũng là lúc tôi nhận ra: “Thế là đã tròn một trăm năm”.

Đêm thứ ba

Tôi nằm mơ thấy:

Tôi cũng một thằng nhỏ sáu tuổi. Thằng nhỏ chính là con tôi. Nhưng quái lạ, không biết tự hồi nào, mắt nó đui, đầu nó trọc lóc. Tôi hỏi: mắt mày đui hồi nào. Nó đáp: cái gì Bố, con đui từ hồi xưa lận mà. Tiếng nó là tiếng con nít, nghe không thể làm được, thể nhưng giọng nó nói ngang như giọng người lớn.

Hai bên toàn là ruộng xanh. Đường đi thì hẹp. Đây đó, một vài bóng cò nổi lên trong bóng tối.

Tiếng nói đằng sau lưng:

- Đã vô tới trong ruộng rồi nhì.

Tôi ngoái lại hỏi:

- Sao mày biết?

- Thì cò gáy đấy thôi.

Thằng nhỏ đáp.

Quả thật có hai tiếng cò gáy.

Thằng nhỏ là con tôi, thế mà tôi thấy rờn rợn. Nếu cứ phải cũng nó như thế này, không biết sẽ còn có chuyện gì nữa. Có chỗ nào để vứt nó đi, tôi đảo mắt về phía trước, đằng xa có một khu rừng lớn. Khi tôi vừa nghĩ chỗ đó được, thì sau lưng có tiếng:

- Ồ hơ.

- Mày cười cái gì mậy?

Thằng nhỏ không chịu trả lời. Nó chỉ hỏi lại:

- Bố ơi, nặng không bố.

- Nặng gì mà nặng mậy.

Tôi đáp vậy, thì thằng nhỏ lại nói:

- Con sắp nặng bây giờ đấy Bố.

Tôi im lặng, nhắm phía khu rừng dần bước. Con đường giữa những đám ruộng, ngoằn ngoèo, đi mãi mà không sao ra được. Đi một đôi thì đến đầu ngã ba. Tôi dừng lại ở đầu ngã ba nghỉ một lát. Thằng nhỏ nói:

- Có một tảng đá dựng ở đó đấy.

Ở kia, quả thật có một tảng đá vuông vức khoảng tám tấc, dựng đứng đến ngang eo. Trên mặt có khắc: Bên trái Higakubo. Bên mặt Hotta Hara. Trời tối mà sao những lần chữ đỏ lại hiện lên rõ mồn một. Màu đỏ của những chữ khắc giống như màu đỏ dưới bụng con sa giông. Thằng nhỏ ra lệnh:

- Nên đi về hướng tay trái.

Tôi nhìn về phía bên trái, khu rừng lúc nãy nhả cái bóng đen lồng lộng trùm lên đầu hai đứa tôi. Còn đang do dự thì thằng nhỏ lại giục:

- Bố khỏi cần lo cho con.

Tôi đành cất bước tiến về phía khu rừng, trong bụng nghĩ, thằng này đui, thế mà chuyện gì nó cũng biết trước. Tôi cứ nương theo con đường, lần tới khu rừng, thằng nhỏ trên lưng lại nói: Con đui, đi đứng không được, thật phiền cho Bố quá.

- Thì tao mới công mày.

- Con rất khổ tâm vì bắt Bố công con, nhưng bị thiên hạ chê cười thì khó chịu quá. Và còn bị cả Bố chê nữa thì con chịu không nổi.

Tôi bỗng thấy chán ghét hết mọi chuyện. Muốn nhanh đến khu rừng để bỏ phứt thằng nhỏ. Tôi bước gấp. Thằng nhỏ trên lưng như nói một mình:

- Đi thêm một chút nữa thì biết. – Hồi đó cũng một đêm như thế này.

Tôi giật mình hỏi:

- Chuyện gì vậy?

- Chuyện gì hả, thì Bố biết cả mà.

Thằng nhỏ trả lời như châm chọc. Tôi bỗng cảm thấy như mình có biết gì đó, nhưng không rõ là chuyện gì. Chỉ mang máng nhớ có một đêm giống như đêm nay. Tôi nghĩ đi thêm một chút nữa chắc sẽ biết hết. Nhưng tôi lại nghĩ, biết chỉ càng phiền ra, tốt hơn là khi chưa vỡ lẽ câu chuyện, đem bỏ phứt thằng này đi cho yên bụng. Nghĩ vậy tôi càng rảo bước nhanh hơn.

Trời mưa tự nãy giờ, đường đi mỗi lúc một tối, tôi như trong cơn hôn mê; thằng nhỏ tôi cố gắng bám chặt sau lưng. Nó biết hết quá khứ, hiện tại và tương lai của tôi không sót một mảy may, mọi chuyện sáng như soi gương. Nó là con tôi, mà nó lại đui, tôi thấy rợn cả người.

- Ở đây, ở đây. Chính ở dưới gốc cây tuyết tùng này.

Trong mưa, tiếng thằng nhỏ nói nghe rõ mồn một. Tôi đứng lại, không biết tự hỏi nào tôi đã lạc vào trong rừng. Cách chỗ tôi đứng khoảng hai thước tôi thấy một vật gì đen sì, đúng như lời thằng nhỏ nói, đó là một cây tuyết tùng.

- Bố ơi, có phải dưới gốc cây tuyết tùng này?

- Ừ, phải. Tôi bắt giác đáp.

- Năm thứ 5, niên hiệu Bunka, năm thìn, có phải không?

À ra thế, tôi nghĩ có lẽ đúng vào năm thứ 5 niên hiệu Bunka, năm thìn.

- Một trăm năm trước đúng vào ngày này, chính mày đã giết tao đó mày.

Không biết có phải vì tôi đã nghe tiếng thằng nhỏ nói như vậy hay không, nhưng tôi trực nhớ ra trong đầu một trăm năm về trước, chính dưới gốc cây tuyết tùng này, vào một đêm tối như đêm nay, tôi đã giết chết một người mù. Ngay lúc ý thức được tôi là kẻ giết người, thằng nhỏ cũng sau lưng bỗng nặng như một tượng đá.

Đêm thứ năm

Tôi nằm mơ thấy: Câu chuyện này có lẽ xưa lắm, xưa cỡ hồi còn Thần Phật. Tôi đi đánh giặc, rủi thua bị bắt sống, thế là tôi bị lôi ra trước tướng địch.

Vào thời ấy người nào cũng cao lớn và mọi người để râu dài. Ai cũng thắt lưng bằng dây da, đeo một thanh kiếm dài. Cung, thì người ta lựa thứ dây mây to để nguyên như vậy, không bào gọt cho nhẵn mà cũng không sơn phết trang hoàng, trông thật thô sơ.

Tướng địch, tay phải nắm cây cung ở chính giữa, chống trên cỏ, mông ngồi trên vật gì giống như một lu rượu lớn để lật úp. Mặt tướng địch có hai hàng lông mi thật rậm như muốn dính liền với nhau phía trên sống mũi. Dĩ nhiên thời bấy giờ làm gì mà có dao cạo.

Tôi là tù binh không cho ngồi ghế, bị bắt xếp bằng ngồi bệt trên cỏ. Chân đi giày ống đan bằng rơm, thời này giày ống cao đến tận đầu gối. Chỗ đầu ống giày, người ta bỏ không đan nữa và bẻ quặp những cọng rơm xuống thành một chùm, khi đi nó rung lủng lẳng, đấy là cách trang trí cho đẹp mắt.

Tướng địch nhìn mặt tôi qua ánh sáng đồng lửa, hỏi: muốn sống hay chết. Đây là tục lệ thời ấy. Tù binh bị bắt, ai cũng bị hỏi một câu như thế. Trả lời muốn sống, tức là chịu đầu hàng, muốn chết tức là không chịu khuất phục. Tôi trả lời một tiếng: chết. Tướng địch vung cây cung đang chống trên cỏ vút ra xa, tuốt thanh gươm đeo ngang eo ra nửa chừng. Vừa lúc ấy một làn gió thổi ngang làm đồng lửa bốc sáng bùng. Tôi giơ tay phải lên, xòe bàn tay năm ngón ra trước mặt tướng địch, ra hiệu xin khoan. Tướng địch ấn thanh gươm trở lại trong vỏ.

Thời đó, cũng có chuyện yêu đương. Tôi bảo trước khi chết, muốn gặp lại người con gái tôi thương một lần cuối. Tướng địch chịu chờ cho đến hết đêm nay, đến lúc hùng đông trước tiếng gà gáy đầu tiên. Phải gọi cho được người con gái đến đây trước canh gà. Nếu người con gái không đến kịp thì tôi sẽ bị hành quyết, không cho gặp mặt nữa.

Tướng địch vẫn ngồi yên nhìn đồng lửa. Tôi vẫn bắt treo chân mang giày ống ngồi bệt trên cỏ, đợi người con gái. Đêm dần dần khuya.

Lúc lúc có tiếng đồng củi cháy sụp lở. Mỗi lúc đồng lửa sụp, tàn lửa bắn tung tóe ra phía tướng địch, dưới hai hàng lông mi đen rậm, mắt tướng địch ánh lên sáng quắc. Mỗi lần đồng lửa sắp tàn, tức khắc có người đến, liệng thêm thật nhiều củi vào. Chỉ một lúc sau củi lại bốc cháy nổ tách tách. Tiếng lửa nổ mạnh mẽ như muốn đẩy lùi bóng tối của đêm đen.

Vào lúc ấy, người con gái ra sau nhà, tháo dây cương cột ngựa ngoài cây sồi, dắt con bạch mã ra, vượt bờm ngựa ba lần rồi nhẹ nhàng phóc lên lưng con ngựa cao. Con ngựa trắng lưng trần không có yên mà cũng không có đai giữ chân. Chân người con gái dài, trắng nõn, thúc bụng ngựa, con ngựa sải ngay. Có ai đem củi bỏ thêm vào, đồng lửa bùng cháy soi sáng cả chân trời xa mờ. Trong đêm tối, con ngựa nhắm phía ánh sáng phi tới. Ngựa phi nhanh, mũi phi hai lần lửa, thế mà người con gái cứ thúc hai chân mảnh khảnh vào bụng con ngựa. Ngựa phi, tiếng vó vang ầm trong không gian. Tóc người con gái bay tung bùng kéo thành một đuôi dài trong bóng tối. Nhưng ngựa vẫn chưa phi tới chỗ có đồng lửa.

Bỗng vào lúc ấy, tận cuối con đường xa tối mịt, có tiếng gà gáy ồ ồ o. Người con gái ưỡn

mình, kìm cương. Con ngựa cắn phạt móng chân trước vào vách đá cứng.

Ồ ó o... gà lại gáy một tiếng nữa.

Người con gái thốt một tiếng: ối, rồi buông lỏng dây cương. Con ngựa bị gãy đầu gối. Cả người và ngựa té nhào tới trước. Dưới vách đá là vực sâu.

Ngày nay vết móng ngựa vẫn còn hằn trên vách đá. Về sau mới biết, chính mấy con yêu tinh đã giả tiếng gà gáy. Khi nào vết móng ngựa còn hằn trên vách đá, thì tôi còn thù loài yêu quái hại người.

Đêm thứ bảy

Không biết thế nào mà tôi lại đang ở trên một chiếc tàu rất lớn.

Chiếc tàu này liên miên khạc khói ra đen nghịt, ngày đêm lướt sóng. Tiếng máy chạy âm ỉ. Nhưng tôi không biết chiếc tàu đang chạy đi đâu. Chỉ biết ngày lại ngày, dưới đáy sóng, mặt trời trôi lên đỏ như một cùi lửa, lên đến đỉnh cột buồm, tưởng nó còn vất veo ở đó, thì không biết từ hồi nào nó đã qua mặt, chạy ở phía trước. Cuối cùng, cùi lửa ấy lặn xèo vào trong làn sóng. Mỗi lần như thế, những ngọn sóng biển xanh biếc phía chân trời bỗng đỏ chói. Chiếc tàu chạy, tiếng máy nổ âm ỉ, đuổi theo màu đỏ chói ấy, nhưng không thể nào đuổi kịp.

Có một hôm, tôi túm được một người thủy thủ, hỏi:

- Chiếc tàu này chạy về hướng tây phải không?

Người thủy thủ tỏ vẻ chưng hửng, nhìn tôi một hồi, rồi hỏi lại tôi:

- Sao ông lại hỏi như vậy?

- Tại tôi thấy chiếc tàu chạy đuổi theo hướng mặt trời lặn.

Người thủy thủ bật cười khàn khàn, rồi bỏ đi.

Có tiếng hát.

Mặt trời lặn về tây

Cuối tây là đông đây

Có thật vậy không đây

Hướng đông mặt trời mọc

Về quê tận bên tây

Có thật vậy không đây

Thân đã ở trên sóng

Mái chèo ta làm gối

Thả cho đời nổi trôi

Đi về phía đuôi tàu, tôi thấy khá đông thủy thủ đang xúm nhau kéo dây giăng buồm thật to.

Tôi rất lo, không biết chừng nào mới được lên bờ và cũng chẳng biết là mình đang đi về đâu. Chiếc tàu cứ lướt sóng, nhả khói đen kịt. Sóng tràn lan trập trùng, cả vùng xanh ngắt mênh mông. Cũng có lúc sóng nhuộm tím đỏ, nhưng xung quanh chỗ chiếc tàu chạy, lúc nào sóng cũng sùi bọt trắng phau. Tôi thấy rất lo. Tôi chợt nghĩ, thà nhảy xuống biển chết còn hơn là ở lại trên tàu.

Trên tàu có rất nhiều hành khách, phần lớn là người ngoại quốc. Mặt mày họ không ai giống ai. Một hôm, trời thật u ám và tàu say sóng, tôi thấy một người con gái đứng tựa lan can tàu, cứ khóc mãi. Chiếc khăn tay lau nước mắt của người con gái màu trắng và nàng mặc quần áo dệt bằng vải bông. Khi thấy người con gái này, tôi mới biết không phải chỉ có một mình tôi buồn.

Một đêm, tôi lên trên boong tàu đứng ngắm sao thì một người ngoại quốc mon men lại bắt chuyện, hỏi tôi có biết gì về thiên văn không. Tôi đang chán ngán, chỉ muốn chết, còn thiết gì chuyện trăng sao. Tôi không đáp. Người ngoại quốc ấy bèn kể chuyện về chòm sao Thất tinh nằm phía bên trên đỉnh của chòm sao Kim ngưu cung. Rồi hăn bảo, những ngôi sao trên trời và biển cả dưới đây đều do Thượng đế tạo ra. Cuối cùng hăn hỏi tôi có tin Thượng đế không. Tôi ngược mặt nhìn trời nhưng vẫn im lặng không nói.

Một lần, tôi lạc vào trong khoang khách, thấy một người con gái trẻ ăn mặc rất màu mè, xoay mặt về phía trong, ngồi đánh đàn dương cầm. Một chàng trai cao lớn lịch sự, đứng hát bên cạnh, miệng anh ta há rất to. Nhưng hai người chỉ biết cái thế giới của mình, không hề màng đến những chuyện khác, và có vẻ quên là họ đang ở trên chiếc tàu này.

Tôi càng chán ngán, cuối cùng quyết định tự tử. Rồi một đêm, vào lúc bốn bề không còn bóng ai, tôi lấy hết sức bình sinh nhảy xuống biển. Nhưng – khi chân tôi vừa lìa khỏi sàn tàu, khi giữa tôi và chiếc tàu không còn một chút liên hệ nào nữa, tôi bỗng ao ước sống. Tự đáy lòng, tôi thấy hối tiếc, đừng tự tử thì vẫn hơn. Nhưng chuyện đã muộn. Dù muốn thôi, tôi cũng đã rớt xuống biển. Chiếc tàu thật cao, thân tôi đã rớt khỏi chiếc tàu, nhưng chân tôi vẫn không dễ gì chạm được mặt nước. Không còn bám víu vào đâu được, chân tôi càng lúc càng áp sát mặt nước. Tôi cố co rút căng, nhưng mặt nước cứ xấp tới. Màu nước biển đen ngòm.

Trong lúc đó, chiếc tàu vẫn nhả khói đen ngịt, bỏ chạy mất. Bây giờ tôi mới ý thức được, dù không biết chiếc tàu sẽ đưa mình đi đâu, nhưng ở lại trên tàu thì vẫn hơn. Bây giờ dù hiểu ra được thì đã lỡ cả rồi. Vừa vô cùng hối tiếc vừa vô cùng lo sợ, tôi rơi dần xuống vùng sóng biển đen ngòm trong yên lặng.

Đêm thứ chín

Ngoài đường thiên hạ bắt đầu xôn xao. Chiến tranh như sắp xảy ra. Những con ngựa sống chuồng, bắt kể ngày đêm, hung hăng chạy tứ tán quanh trang trại. Những tên tiểu tốt hòa nhau đuổi theo đàn ngựa. Bên ngoài ồn ào như thế, nhưng trong nhà lại yên lặng như tờ.

Trong nhà chỉ có một người mẹ trẻ và một đứa con lên ba. Người cha đã bỏ nhà đi, vào một đêm không trăng. Đêm ra đi, người cha đứng trên sân đất, xỏ chân vào đôi dép rơm, quấn khăn đen lên đầu, rồi ra cửa sau mà đi. Đêm ấy người vợ trẻ xách lồng đèn tiền chồng, ánh sáng lồng đèn soi sáng một lần dài cho đến chỗ cây bách lưng lửng trước hàng đậu trong đêm tối.

Từ đó người cha đi mất biệt. Mỗi ngày người mẹ đùa với đứa con ba tuổi: “Cha đâu con?”. Đứa bé chưa biết nói. Khá lâu về sau đứa bé mới bắt đầu nói được: “Đằng kia”. Người mẹ hỏi: “Chùng nào cha con về hờ con?”, đứa bé lúc nào cũng chỉ đáp: “Đằng kia” rồi cười. Những lúc ấy người mẹ cũng cười theo. Và người mẹ lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần, cô tập cho đứa con nói: “Cha sắp về bây giờ”. Nhưng đứa bé chỉ nhớ được có hai tiếng: “Bây giờ”. Đôi lúc người mẹ hỏi: “Cha đâu con?”, có lúc đứa bé đáp: “Bây giờ”.

Về đêm khi bốn bề chìm trong yên lặng, người mẹ nịt lại giải thắt lưng, dắt đoản đao vào đây, chuôi đoản đao quấn bằng da cá mập, rồi nịt đứa bé cồng trên lưng. Người mẹ lặng lẽ bước ra khỏi cổng nhà. Người mẹ lúc nào cũng mang dép rơm. Có lúc đứa bé ngủ thiếp đi trên lưng, trong tiếng dép rơm của người mẹ.

Người mẹ đi dọc theo những bức tường trát đất của những trang trại trong ấp, lần về hướng tây, xuống hết con dốc thoải thoải thì đến một cây lá quạt to. Cây lá quạt to này là cái

đích để rẽ sang phải, đi thêm khoảng vài trăm thước nữa thì đến một cổng đền xây bằng đá. Đường dẫn đến cổng đền, một bên là ruộng còn một bên toàn là những bụi cỏ tre cụt. Qua khỏi cổng đền thì có hàng cây tuyết tùng cao trong bóng tối. Từ đây là một đoạn đường dài khoảng ba bốn mươi thước được lát bằng những tảng đá, dẫn đến ngay dưới tam cấp của ngôi đền. Trên tam cấp có đặt một cái thùng gỗ hứng tiền cúng dường của tín đồ. Ngay trên cái thùng xám xịt này, thông lòng một sợi dây thừng, có mấy cái lục lạc treo lủng lẳng trên đó. Ban ngày, nhìn thì sẽ thấy ngay gần chỗ mấy cái lục lạc có một tấm biển, khắc mấy chữ Hán: Bát Phiên Cung. Hai nét phết của chữ Bát được viết trang trí thành hai con bò câu đầu đầu với nhau trông thật đẹp. Ngoài ra còn có nhiều tấm đích đã bị bắn thủng do võ sĩ gia thần trong vùng đem cúng cho đền. Những tấm đích này có khắc tên võ sĩ đã bắn thủng đích. Cũng có người đem cúng cả gươm giáo.

Qua khỏi cổng đền, lúc nào cũng nghe thấy tiếng cú rúc trên ngọn cây tuyết tùng. Người mẹ đi, tiếng dép rơm đã mòn dẫm lẹp xẹp. Mỗi khi dừng chân lại trước đền thờ, người mẹ đến lấy sợi dây thừng, rung lục lạc mấy cái, rồi ngồi thụp xuống chắp tay vồ. Những lúc như thế, con cú thường im ngay tiếng gáy. Người mẹ hết lòng khấn vái cho chồng được bình an. Người mẹ tin trong dạ, chồng là võ sĩ đi đánh giặc, mà Thần Bát Phiên là thần chiến tranh, nếu đã đem hết lòng cầu nguyện như thế này, không lẽ lại không được toại nguyện.

Đứa bé cũng sau lưng hay thức giấc vì tiếng lục lạc, bốn bề tối om nên thường giật mình khóc. Những lúc như vậy, người mẹ vừa lằm bằm khấn vái, vừa lay vai ru con. Có lúc đứa bé nín khóc, cũng có lúc, đứa bé càng khóc dữ hơn. Nhưng không bao giờ người mẹ bỏ dở việc khấn vái nửa chừng.

Sau khi hết lòng cầu khấn cho chồng được bình an, người mẹ tháo dây nịt đứa con cũng sau lưng, kéo đứa bé xuống phía trước, bồng nó lại trong tay rồi leo mấy bậc tam cấp lên trước điện thờ. “Con ngoan đấy nhé, ở yên chờ mẹ một lát nghe con”. Lúc ấy, chắc người mẹ vừa nựng má đứa con vừa nói như thế. Xong người mẹ tuốt sợi dây nịt cho dài thêm, cột một đầu vào thân đứa bé, còn một đầu cột vào lan can tam cấp. Rồi người mẹ trở xuống tam cấp, đi đi lại lại con đường ba bốn mươi thước lát đá trong sân đền, một trăm vòng để cầu khấn.

Đứa bé bị cột ở sân đền, trong bóng tối, nó bò tới bò lui trong khoảng giới hạn của chiều dài sợi dây nịt. Những đêm như thế là những đêm người mẹ được yên dạ. Nhưng cũng có đêm đứa bé bị cột, la khóc ôi ôi, làm người mẹ sốt ruột. Người mẹ gấp gấp đi một trăm vòng, bước những bước thật mau muốn đứt hơi. Có khi người mẹ chịu không nổi, phải bỏ nửa chừng, trở lên trên sân đền, tìm cách nựng con cho nó nín khóc, rồi mới xuống bắt đầu đi lại một trăm vòng.

Cứ như thế, không biết bao nhiêu đêm rồi người mẹ đã bỏ ngủ, không ngớt lo lắng trông chồng. Nhưng người chồng đi chinh chiến ấy đã bị giết từ lâu.

Câu chuyện đau thương này tôi nằm mơ nghe mẹ tôi kể trong mộng.

Đình văn Phước dịch

Chương 07

Một Chùm Nho

Arishima Takeo

Hồi nhỏ tôi rất thích vẽ. Trường tôi nằm trên đồi trong tỉnh Yokohama. Vùng ấy có rất nhiều người ngoại quốc ở. Các Thầy Cô của chúng tôi cũng toàn là người nước ngoài. Mỗi ngày đến trường hay từ trường về, tôi đều phải qua con đường dọc theo bờ biển san sát những khách sạn và những hãng buôn của người ngoại quốc. Đứng bên đường ven biển mà nhìn, mặt nước xanh ngắt, nào là tàu chiến, nào là tàu buôn nằm đầy, khói ứa ra từ những ống khói trên tàu, những sắc cờ các nước giăng khắp đây đó trên những cột buồm phấp phới trong gió. Quang cảnh trông đẹp đến nhức mắt. Tôi thường đứng lặng ngắm những cảnh sắc đó và khi về, ngày nào cũng cố vẽ lại cho thật đẹp tất cả những gì tôi còn nhớ. Nhưng hộp phấn màu của tôi không có cái màu nước biển xanh biếc đến trong suốt kia, cái màu đỏ sẫm sơn trên phần thân thuyền giáp với mặt biển của những chiếc thuyền buồm du lịch trắng. Nên dù cố gắng vẽ không biết đến bao nhiêu lần rồi, tôi cũng không tài nào tô nổi cái màu của phong cảnh mà tôi đã nhìn thấy.

Chợt tôi nhớ đến hộp phấn màu đồ ngoại hóa của đứa bạn cùng lớp. Hẳn cũng là người tây phương. Hẳn hơn tôi hai tuổi, cao đến nỗi tôi phải ngước lên mới thấy được mặt hẳn. Hẳn tên Jim. Hộp phấn của hẳn là loại hàng ngoại quốc hảo hạng. Trong chiếc hộp làm bằng một loại gỗ thật nhẹ, mười hai cây phấn màu vuông vức như những cây mực tàu nhỏ, được xếp thành hai hàng nằm sóng đôi. Màu nào cũng thật đẹp. Riêng hai cây xanh đậm và đỏ sẫm thì đẹp một cách lạ lùng khó tả. Jim to lớn hơn tôi nhưng vẽ thì thua tôi xa. Nhưng sao tranh của hẳn xấu như thế, mà hẳn cứ tô phấn màu của hẳn lên thì nó thành một bức tranh thật đẹp. Tôi thấy ganh tị trong lòng về điều đó. Nếu có hộp phấn màu ấy, tôi sẽ vẽ được ngay cái màu của phong cảnh ấy đúng như thật à xem. Tôi nghĩ thế và thấy ghét hộp phấn màu của mình. Từ đó, tôi bỗng đâm ra thèm muốn khôn nguôi hộp phấn màu của Jim. Tôi lại nhát, chỉ mơ ước như thế trong lòng, chứ không dám hỏi xin ba má mua cho. Và cứ thế ngày lại theo ngày trôi qua.

Nay tôi không còn nhớ rõ lúc ấy là vào khoảng nào, nhưng có lẽ bấy giờ trời đã vào thu, vì tôi nhớ đã thấy có những chùm nho chín. Những ngày cuối thu sắp vào đông, trời trong thăm thẳm như có thể nhìn tít mãi vào khoảng không vô tận. Một buổi trưa trong trời, mọi người đang vui vẻ ngồi ăn cơm hộp với Cô giáo, riêng tôi ngay trong giờ cơm ngon lành ấy, lòng lại cứ bứt rứt, u tối trái hẳn với bầu trời hôm ấy. Tôi ngồi thờ người. Nếu có ai chú ý thì chắc có lẽ sẽ nhận ra sắc mặt tôi tái nhợt. Tôi thấy thèm muốn vô cùng cái hộp phấn của thằng Jim. Lòng thèm muốn dâng lên đến nghẹn cả tim. Và tôi nghĩ thầm, chắc thằng Jim cũng đoán biết được điều thèm muốn của tôi. Tôi lén nhìn Jim, nhưng hẳn trông không có vẻ gì khác. Hẳn đang cười nói với đứa bạn ngồi bên cạnh. Nhưng sao cái cười của hẳn trông như cái cười của kẻ biết hết những điều tôi đang suy nghĩ. Những lời hẳn nói với đứa bạn ngồi bên cạnh nghe như là: “Đề mày coi, thằng Nhật đó thế nào cũng ăn cắp hộp phấn màu của tao”. Càng nghĩ thằng Jim nghĩ tôi chừng nào, tôi càng không dần được lòng thèm muốn.

Gương mặt tôi có thể trông dễ thương, nhưng tôi là một đứa yếu đuối cả thể xác lẫn tâm hồn. Hơn thế tôi là đứa nhát gan, muốn nói điều gì nhưng lại không dám nói, cứ để cho qua đi, nên ít được ai ưa và ít có bạn bè. Cơm trưa xong, trong khi những đứa khác vui vẻ ra chơi,

chạy nhảy đùa giỡn ngoài sân trường, thì tôi, một mình ở lại trong lớp. Ngoài sân trời sáng lòa, càng làm nổi lên cái tối lơ mơ của lớp học như chính cái tăm tối trong lòng tôi. Tôi về chỗ ngồi. Nhưng sao mắt tôi, lúc lúc cứ liếc qua chỗ thằng Jim. Nếu mình đến mà dỡ cái nắp bàn đây những lần dao cắt khoét nham nhở và những vết tay dơ đen đúa ấy lên, thì thế nào cũng thấy nào sách, nào vở, nào bảng đá và hộp phấn màu, trong đó sẽ có cây xanh đậm và cây đỏ sẫm... Tôi cảm thấy mặt tôi như đỏ gắt lên, vội quay đi, nhưng ngay sau đó tôi không thể dằn nổi lòng thèm muốn, mắt lại liếc sang bàn thằng Jim. Trống ngực tôi đập thình thịch. Ngồi yên một chỗ nhưng trong lòng cứ quỳnh lên như nằm mơ bị ma đuổi.

Tiếng chuông keng keng gọi vào lớp. Tôi giật mình đứng dậy. Nhìn qua cửa sổ tôi thấy bọn học trò cười giỡn chạy vội về chỗ phòng tiêu, rửa tay. Đầu tôi bỗng lạnh như nước đá, tôi loạng choạng đi đến bàn của thằng Jim, như người trong mơ, tôi mở nắp bàn. Và như tôi tưởng tượng cuốn sổ tay nằm lẫn lộn với hộp đựng viết. Có cả hộp phấn màu mà tôi mơ ước. Lúc ấy không biết tại sao tôi lại phải nhìn quanh quất để làm gì, nhưng liền sau đó tôi nhanh tay mở nắp hộp lấy hai cây xanh đậm và đỏ sẫm bỏ ngay vào túi quần, rồi chạy vội về chỗ sắp hàng, đứng đợi Cô giáo.

Bọn chúng tôi được Cô giáo trẻ cho phép vào lớp, mỗi đứa về chỗ của mình. Tôi muốn nhìn vẻ mặt của thằng Jim nhưng không làm sao có thể liếc sang bên hướng ấy được. Nhưng hình như không có ai ngờ đến việc tôi đã làm. Tôi vừa như yên tâm, vừa như thấy khó chịu. Tiếng giảng bài của Cô giáo, người Cô mà tôi kính yêu nhất, vang mồn mồn trong tai, nhưng tôi không hiểu gì cả. Và tôi có cảm tưởng Cô giáo lúc lúc nhìn tôi với con mắt là lạ.

Ngày hôm ấy sao tôi thấy ngượng, không dám nhìn thẳng vào mắt Cô giáo. Cứ trong trạng huống như thế, một giờ học trôi qua. Tôi ngỡ trong suốt cả giờ học, mọi đứa như cứ thì thầm với nhau điều gì.

Chuông ra chơi lại đổ. Tôi yên tâm mừng rỡ, thở phào. Nhưng, khi Cô giáo vừa mới ra khỏi lớp thì một đứa cùng lớp, cao nhất và giỏi nhất lớp, gọi tôi:

- Ê, mày lại đây.

Hắn kéo cùi chỗ tôi. Tôi giật mình, run như những lúc lười biếng không chịu làm bài tập ở nhà mà bị Cô gọi trúng tên. Nhưng tôi nghĩ là tôi phải gắng giữ vẻ bình thường như không biết gì hết, cứ để mặc cho hắn lôi tôi ra góc sân.

- Mày lấy mấy cây phấn của thằng Jim phải không? Đưa đây.

Vừa nói hắn vừa chìa bàn tay to lớn ra trước mặt tôi. Bị tra hỏi như vậy, tự nhiên tôi dậm ra bình tĩnh, nói đại.

- Đồ phấn màu đó, tao đâu có lấy.

Cùng với ba bốn đứa bạn, Jim sấn lại, nó giận run lên:

- Hồi trước giờ chơi tao đã kiểm kê hộp phấn, không có mất cây nào hết trời. Mà sao xong giờ chơi lại mất hết hai cây. Giờ chơi, chỉ có một mình mày ở trong lớp, không phải vậy sao?

Thôi không xong rồi. Máu dồn lên đầu, mặt tôi dường như đỏ gắt lên. Bỗng một đứa nào đó đứng bên cạnh cố thọc tay cho được vào túi quần tôi. Tôi cố hết sức chống cự, nhưng không cưỡng nổi. Và từ trong túi quần tôi, hai cây phấn màu lòi ra cùng với mấy hòn bi chai và đồng chơi bằng chì.

- Nè, coi nè.

Bọn chúng trừng mắt nhìn tôi khinh bỉ. Người tôi run bắn lên, trước mặt, trời bỗng như

súp tôi. Năng tốt, các đứa khác đùa giỡn trong giờ chơi vui vẻ là chừng ấy, thế mà chỉ mình tôi đang chết đuối trong lòng.

Tại sao tôi lại làm như vậy. Thôi tôi không thể nào chuộc lại được lỗi lầm này. Tôi hư mất rồi. Tôi là đứa nhát gan, càng nghĩ như thế tôi càng khổ sở, buồn tủi rồi bật khóc. Đứa lớn nhất và giỏi nhất lớp nói với giọng vừa giận vừa ghét bỏ.

- Ê, mày đừng có hòng khóc dọa tui tao.

Mấy đứa xúm lại lôi tôi đi. Tôi cố trì lại nhưng không chống cự nổi. Rốt cuộc tôi để mặc tui nó lôi xềnh xệch lên cầu thang, lên phòng trên lầu hai của Cô giáo mà tôi kính mến nhất.

Rồi thằng Jim gõ cửa xin vào. Từ trong phòng tiếng Cô giáo vọng ra dịu dàng: “Vào đi”. Từ trước đến nay chưa bao giờ tôi thấy ngại không muốn vào phòng của Cô, như lần này.

Cô giáo đang ngồi viết gì đó, thấy bọn chúng tôi sòng sọc vào, tỏ vẻ hơi ngạc nhiên. Nhưng sắc mặt Cô vẫn dịu dàng như mọi khi, đưa tay phải nhẹ đỡ bờ tóc cắt ngắn như con trai, xoa ngang cổ, nghiêng đầu nhìn chúng tôi hỏi có chuyện gì thế. Đứa lớn nhất và giỏi nhất lớp bước tới trước thuật lại đầu đuôi câu chuyện tôi lấy hai cây phấn màu của thằng Jim. Cô giáo hơi biến sắc, nghiêm nghị nhìn mọi đứa, nhìn gương mặt tôi đang dờ khóc, rồi hỏi tôi: “Có thiệt không?”. Câu chuyện đúng như vậy, nhưng trước mặt người Cô kính mến, tôi xấu hổ, không làm sao nhận tội. Tôi chỉ biết khóc to hơn để thay thế câu trả lời.

Cô giáo chăm chú nhìn tôi một hồi, rồi quay sang nhỏ nhẹ bảo các đứa khác: “Thôi được, các em đi ra đi”. mấy đứa bạn có vẻ bất mãn đi ra, dậm xuống cầu thang thành thịch.

Khoảng một lúc, Cô giáo chẳng nhìn tôi mà cũng chẳng nói rằng, chỉ im lặng ngồi nhìn những móng tay của mình. Rồi Cô lặng lẽ đứng lên đến bên tôi, ôm chặt lấy vai tôi và nhỏ nhỏ hỏi: “Thế em đã trả lại cho người ta chưa”. Tôi gật đầu và ậm ừ thật dài như để trả lời cho Cô biết là tôi đã trả lại rồi. Cô giáo lại bảo:

- Em có biết việc em làm là điều đáng xấu hổ lắm không?

Tôi chịu không nổi nữa, cả người run lên mà tôi không sao giữ nổi. Tôi cắn môi, cố cắn lấy môi để nén, nhưng tiếng khóc vẫn bật ra, nước mắt cứ ràn rụa, chỉ muốn chết phứt đi trong vòng tay của Cô giáo.

- Thôi em đừng khóc nữa, biết lỗi thì thôi. Hãy nín đi. Giờ tới, thôi em khỏi cần về lớp cũng được, cứ ở trong phòng Cô đi. Ngồi yên ở đây đấy nhé. Hết giờ học Cô sẽ trở lại nhé.

Cô vừa nói vừa kéo tôi về ngồi ở chiếc ghế trường kỷ. Ngay lúc ấy chuông gọi vào lớp rộn lên. Cô với tay lấy tập sách trên bàn, nhìn tôi, rồi vội đến bên giàn nho bắt lên lầu hai, ngang ngoài cửa sổ, hái một chùm nho tây, đặt lên đùi tôi trong khi tôi vẫn còn thút thít, rồi lặng lẽ đi ra.

Học trò vào lớp. Không khí ồn ào mới đó, bỗng rơi vào yên lặng. Tôi thấy lòng buồn vô hạn, khi không tôi làm Cô giáo buồn. Tôi không còn lòng dạ nào nghĩ đến việc ăn chùm nho kia mà chỉ biết ngồi khóc.

Tôi ngủ quên lúc nào không hay trong căn phòng của Cô. Bỗng có ai lay vai tôi, tôi giật mình mở mắt. Tôi thấy dáng người cao và hơi gầy của Cô giáo đang mỉm cười cúi xuống nhìn tôi. Sau giấc ngủ, lòng tôi dễ chịu lại, tôi như quên đi câu chuyện vừa xảy ra, thẹn thẹn cười đáp lại. Trong lúc bối rối ấy chùm nho như sắp rớt khỏi đùi, tôi vội chụp lấy và sức nhớ lại câu chuyện, tôi xấu hổ chẳng dám cười nữa.

- Thôi em, đừng buồn mãi như thế. Các bạn em đều về cả rồi, thôi em cũng về đi. Nhưng

dù có chuyện gì đi chăng nữa, ngày mai thế nào cũng phải đến trường nhé. Không thấy mặt em, Cô sẽ buồn lắm đấy. Nhớ đi học nghe em.

Đoạn Cô lấy chùm nho lại, bỏ vào trong cặp cho tôi. Tôi ra về như mọi khi, đi qua con đường ven biển, nhìn phở xá, ngắm những chiếc tàu mà lòng không thấy vui. Về nhà tôi ăn hết chùm nho một cách ngon lành.

Ngày hôm sau, tôi không làm sao muốn đi học. Tôi nghĩ nếu hôm nay bị đau bụng thì hay biết mấy, bị nhức đầu thì hay biết mấy, nhưng lạ thật chỉ mỗi ngày hôm ấy không có cơn bệnh nào hành tôi cả. Không biết làm sao hơn, tôi đành gượng gạo ra khỏi nhà, vừa đi vừa nghĩ chuyện đầu đầu. Tôi nghĩ chắc tôi không thể bước qua cổng trường nổi. Nhưng tôi lại nhớ đến lời Cô giáo ân cần dặn dò lúc tôi về, tôi bỗng muốn được gặp Cô tôi. Nếu tôi không đến lớp, chắc Cô giáo sẽ buồn lắm. Tôi chỉ muốn được nhìn lại ánh mắt thật dịu hiền ấy của Cô giáo. Và miên man trong những ý nghĩ đó, tôi bước qua cổng trường.

Tôi bỗng thấy thằng Jim như nóng lòng đợi ai ở đó. Thấy tôi, nó chạy ngay lại nắm lấy tay tôi, làm như là đã quên bằng chuyện ngày hôm qua, thân mật kéo tôi lên phòng Cô giáo, trong khi tôi hãy còn bối rối ngỡ ngàng lo lắng không biết còn chuyện gì sẽ xảy ra nữa. Tôi cứ ngỡ là lúc vào trường tôi sẽ bị chúng bạn xa cách, nhục mạ: “Nè, nè tụi bay, thằng Nhật ăn cắp, cái thằng nói láo nó đến kia kìa”. Nhưng nay được đối đãi thế này, tôi thấy xôn xang. Khi nghe thấy tiếng chân của chúng tôi, không đợi Jim gõ cửa, Cô giáo đã ra mở cửa đưa hai đứa tôi vào trong phòng.

- Jim này, em ngoan lắm biết nghe lời Cô dặn. Jim bảo em không cần phải xin lỗi em ấy nữa. Từ nay hai em hãy trở thành bạn tốt của nhau đi nhé. Hãy bắt tay nhau đi.

Cô tôi vừa mỉm cười vừa nói, bắt hai đứa tôi đứng đối mặt nhau. Trong lúc tôi còn đang lưỡng lự không biết làm sao, thì Jim đã đến bên tôi, vui vẻ kéo tay tôi đang buông thõng và siết thật chặt. Tôi không biết làm gì để diễn tả nỗi sung sướng, chỉ biết đứng cười một cách e lệ. Nhưng Jim cười đáp lại một cách thân mật. Cô giáo mỉm cười hỏi: - Thế nào, chùm nho hôm qua em ăn có ngon không?

Tôi đỏ mặt không biết phải trả lời làm sao hơn là thưa: “Dạ ngon”.

- Thế thì để Cô cho thêm một chùm nữa nhé.

Đoạn, Cô giáo trong chiếc áo hàng lin trắng, rướn mình ra ngoài cửa sổ với tay hái lấy một chùm. Cô giáo, tay trái trắng muốt đỡ lấy chùm nho màu tím phủ đầy phấn trắng, tay phải cầm chiếc kéo bạc thon dài, cắt chùm nho làm đôi, chia cho hai đứa tôi, mỗi đứa một nửa. Vẻ đẹp của những trái nho tím nằm xếp lớp lên nhau trên lòng bàn tay trắng muốt của Cô tôi, mãi đến nay tôi vẫn còn nhớ rõ.

Từ dạo đó, tôi dường như ngoan hơn và bớt nhút nhát.

Nay người Cô mà tôi yêu quý ấy không biết đang ở phương nào. Tôi vẫn biết là tôi không thể nào gặp lại được người, nhưng vẫn hằng ao ước có người ở bên cạnh. Và hàng năm cứ mỗi độ thu về, những chùm nho lại chín, màu tím lại phủ đầy phấn trắng thật là đẹp. Nhưng tôi thì không tìm lại được lòng bàn tay xinh xắn trắng muốt như cầm thạch kia khi đỡ lấy chùm nho của người Cô mà tôi kính yêu ấy nữa.

Đinh văn Phước dịch

Dịch từ nguyên tác trong Iwanami Bunko.

Chương 08

Mùa xuân đi xe thổ mộ

Yokomitsu Riichi

Hàng tùng ngoài bãi biển bắt đầu rên rĩ trong cơn gió đông lạnh buốt. Trong một góc vườn cụm thực được co rúm.

Người chồng ngồi bên giường vợ, nhìn con rùa chậm chạp bơi trong hồ nước. Mỗi lần con rùa khua chân, mặt nước hắt bóng những gợn sóng thành những vệt sáng lung linh trên mặt tảng đá khô nằm bên bờ hồ.

- Nè anh, lúc này mấy cây tùng ngoài kia lá bóng lên, đẹp quá hử anh. Người vợ nói.

- Em đang nhìn hàng cây tùng ngoài kia đó à.

- Ồ.

- Anh đang ngắm con rùa đây.

Rồi hai người lại làm thinh.

- Nằm đây từ lâu nay thế mà em nói chỉ thấy có mấy cái lá cây tùng sáng bóng đó thôi sao?

- Ồ, thì em không muốn nghĩ gì nữa hết.

- Không ai có thể nằm yên một chỗ mà không nghĩ gì hết.

- Ồ, nghĩ thì cũng có nghĩ đó chứ. Em muốn sao au lành để em ra ngoài giăng giặt đồ cho anh.

- Đi giặt đồ cho anh?

Người chồng bật cười khi nghe vợ nói cái ý muốn bất ngờ ấy.

- Sao mà kỳ cục vậy, lâu nay em hành anh, bây giờ lại muốn đi giặt đồ cho anh, em kỳ thật.

- Uà, em muốn mạnh lại như hồi xưa mà. Cái số của anh khổ quá hử?

- Hừm. Người chồng lên tiếng.

Để cưới được nàng làm vợ, anh phải cực với bên nhà vợ hết bốn năm năm. Lấy được nàng về, anh khổ thêm hai năm nữa vì bị kẹt giữa mẹ anh và nàng. Đến chừng mẹ anh mất, chỉ còn lại hai đứa với nhau, thì nàng bỗng bị lao. Anh ngồi nghĩ lại những nỗi cơ cực trong suốt cả một năm nay.

- Vậy à, ừ thì cả anh nữa cũng thấy muốn đi giặt đồ đây.

- Em, bây giờ chết cũng được. Nhưng em muốn đền ơn anh xong rồi mới chết. Mấy lúc này, em chỉ thấy khổ có một điều đó thôi.

- Đền ơn cho anh? Vậy thì em muốn làm gì đây?

- Vâng thì để em hầu hạ anh cho thật chu đáo...

- Rồi sao nữa?

- Rồi em sẽ làm đủ thứ chuyện mà.

Người chồng nghĩ, thôi, hết phương cứu nỗi người đàn bà này rồi.

- Chuyện đó thì sao cũng được. Nhưng anh, ờ nếu được thì anh cũng muốn đi München bên Đức chơi một chuyến, mà phải vào mùa mưa thì anh mới thích đi.

- Cho em theo với nhé. Người vợ nói thế rồi bỗng ưỡn người lên muốn ngồi dậy trên giường.

- Không được, em phải nằm nghỉ chứ. - Không, không, em muốn xuống đi bộ. Đỡ em dậy

đi anh! Anh!

- Không được.
- Em chết cũng được mà.
- Chết thì cũng chưa hết chuyện.
- Thôi đi anh! Thôi đi anh!

- Này, hãy nằm yên đi ghen. Và từ nay công việc suốt đời của em là ráng kiếm ra chữ để diễn tả cho được lá mấy cây tùng ngoài kia sáng bóng đẹp đến chừng nào đi nhé.

Người vợ đã chịu nằm yên. Người chồng đứng dậy cố tìm một đề tài khác để chịu hơn để thay đổi không khí cho vợ. Ngoài biển, sóng chiều đập vào ghềnh đá ngoài xa, nước bắn lên tung tóe. Một chiếc thuyền chèo nghiêng trên sóng, chạy vòng qua phía bên kia mũi đất. Trên bãi biển, bóng hai đứa bé ngồi, tay cầm củ khoai còn bốc khói, nổi bật lên trên nền trời xanh ngắt, từ xa trông như rác rơm bỏ trên bờ. Anh chưa hề né tránh những đợt sóng khổ cực đã dồn dập đến với anh. Anh nghĩ chính nhờ có cái hình hài này mà anh phân biệt được những nỗi khổ cực ấy khác nhau thế nào. Anh ví von, khổ cực này giống như những hạt đường cát, anh quyết vận dụng mọi xúc giác bén nhạy của mình để nếm mùi chúng. Nếm thử để cuối cùng xem đâu là vị ngọt lịm. Anh tự nhủ...phải đem chính bản thân mình ra làm chiếc bình thí nghiệm, tốt nhất là phải giữ lòng mình cho thật trong suốt trước đã.

Mấy cọng thực được héo ngả xuống, nằm khoanh lại như dây khô bỏ trên mặt đất. Suốt ngày, từ phía chân trời gió ngoài biển thổi lồng lộng về. Trời đã vào đông.

Mỗi ngày hai lần, vợ anh ưa ăn món lòng gà tươi. Ngày nào anh cũng lặn lội trong trời gió tóe cát bụi, tìm mua lòng gà tươi về nấu cho vợ ăn. Anh ghé vào khắp các tiệm thịt trong ngôi làng ven biển này, hỏi:

- Lòng gà có không? Lòng gà.

Khi nào may mắn tìm được đồ lòng ướp nước đá mới lấy ra còn tươi rói như ngọc mã não, anh nhanh chân về, bày ra bên giường vợ khoe: - Đây là thận bò câu đẹp như mấy hòn ngọc. Đây là gan vịt tươi rươi. Mấy miếng thịt này không khác gì là thịt mới cắt. Còn chùm trứng nhỏ này xanh không thua gì hạt cườm cẩm thạch.

Người vợ bỗng nổi cơn thèm vì mấy lời nói ngọt của chồng, cô chồm lên trên giường như khi nàng chồm người lên đòi cái hôn đầu tiên. Và như mọi lần, người chồng bỗng tàn nhẫn tom góp hết đồ lòng mới mua về, bỏ ngay vào trong nồi.

Xuyên qua những chấn song trên thành giường giống như những chấn song của một chiếc cũi, người vợ nhìn cái nồi đang sôi hơi nước, cười mỉm. Người chồng nói:

- Từ đây mà nhìn, em thật không khác gì một con thú.
- Hả, em là thú vật? Coi vậy chứ em là vợ anh chứ bộ.
- Hừm, em là bà vợ nằm trong cũi đòi ăn đồ lòng, em lúc nào như cũng mang đâu đó tính tàn nhẫn.

- Chính anh mới là người tàn nhẫn đó chứ, lúc nào cũng lý lẽ, lúc nào cũng chực tìm cách bỏ em nằm một mình.

- Đó là lý luận của người nằm trong cũi.

Những lúc sau này, đó là cách nói anh dành sẵn để đánh lạc chú ý của vợ. Nàng rất bén nhạy, quan sát tỉ mỉ không hề bỏ sót dù chỉ một vết nhăn mới hiện ra trên vầng trán anh. Dù có lúc nàng bất chợt nghiêng theo ý anh nhưng cái lý lẽ của nàng nhiều lần đã đâm trúng phóc tim

gan anh.

- Thì thiệt tình anh không muốn ngồi bên em đó. Bệnh lao của em nhất định không phải là chuyện tốt lành gì mà.

Anh quay về phía vợ nói thẳng thừng như vậy

- Nhưng dù có tránh mặt em, anh cũng chỉ luẩn quẩn trong khu vườn này thôi, chớ anh đâu có trốn nổi cái vòng lưới em giăng ra từ giường của em đâu, không phải vậy sao? Còn gì thể thảm cho anh hơn tình trạng này đâu.

- Anh đó hở, anh chỉ chực muốn bỏ đi chơi thôi. Người vợ bực dọc nói.

- Thế em không muốn được đi chơi hay sao?

- Anh, anh chỉ muốn đi chơi với cô nào khác thôi.

- Nhưng nếu em nói thế, lỡ thật thì em tính sao?

Đến đây thì như mọi lần, người vợ bắt đầu sụt sịt khóc. Người chồng giật mình, phải tìm cách dỗ ngọt.

- Ủ thì từ sáng đến tối cứ phải ở luôn nơi đầu giường em, anh chịu đâu nổi. Cho nên anh phải đi vòng vòng trong khu vườn như thế này, mong cho em mau lành sớm được ngày nào hay ngày ấy. Đối với anh đó có phải là chuyện dễ đâu.

- Anh làm như vậy là để cho anh chứ anh có lo chút xíu gì cho em đâu.

Bị vợ cắn nhằn đến mức này, mặc dù biết đó là do tình trạng vợ phải nằm yên trong cũi, nhưng anh nghĩ, có quả thực chỉ vì mình mà anh đã cắn răng chịu đựng hết những khổ cực từ bao lâu nay.

- Ủ thì phải đó, cứ nhận là đúng như em nói, vì anh mà chuyện gì anh cũng ráng chịu được. Nhưng nếu nói anh chịu đựng được là chỉ ình, thì tại ai mà anh phải đến nỗi này. Nếu không có em thì anh hơi đâu làm mấy cái trò khỉ này! Làm những chuyện này là làm cho ai đây hả? Em nói không phải vì em? Vậy anh đang làm cho anh đây sao? Em chỉ nói chuyện điên khùng không thôi.

Những đêm thế này, nhất định người vợ lên cơn sốt, nóng đến 39 độ. Chỉ vì muốn nói cho ra lẽ mà người chồng phải thức suốt đêm, hết mở lại đóng bịch nước đá để đắp lên đầu cho vợ. Nhưng để trình bày cho được cái lý do anh cần nghỉ ngơi, cái lý do làm anh nổi nóng, ngày nào anh cũng phải lo sắp xếp các suy nghĩ của mình. Anh sang phòng riêng bên cạnh làm việc, một là để có tiền nuôi chính bản thân anh, hai là để nuôi người bệnh. Mà hễ nói như vậy thì bị vợ đem ngay cái lý lẽ của người nằm trong cũi ra trách móc.

- Sao anh cứ muốn tránh, không chịu ở bên em. Cả ngày nay, sao anh chỉ qua bên phòng em có ba lần. Em biết mà, anh là người như thế đó.

- Em lạ thật, em bảo anh phải làm sao hơn đây. Anh phải làm việc để kiếm tiền chạy chữa cho em, mua đồ ăn cho em ăn. Chứ ở không thì ai ình tiền đây. Hay em bảo anh dờ trò ảo thuật, bùa phép.

- Công việc thì ở đây làm cũng được chớ bộ. Người vợ nói.

- Không được, anh không thể ngồi đây làm việc, anh phải quên em dù chỉ trong chốc lát mới có thể tỉnh trí.

- Thì phải rồi, anh là người mỗi ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ chỉ nghĩ đến công việc, mặc kệ em có ra sao thì ra.

- Bộ em xem công việc của anh là kẻ thù của em hay sao? Chính kẻ thù ấy đang cứu em đó

chớ.

- Em buồn hết sức.
- Thì ai lại chẳng buồn.
- Nhưng anh có công việc của anh, còn em không có gì hết.
- Sao em không kiếm chuyện gì em thích đi.
- Em chỉ có anh, ngoài anh ra em không có gì hết. Em chỉ biết nằm nhìn lên trần nhà mà thôi.

- Thôi em, đừng nói nữa. Cả hai đứa đều buồn cả mà, nhưng hôm nay anh có kỳ hạn, phải viết cho xong, không xong thì không biết sẽ làm phiền người ta đến chừng nào.

- Đó, anh vậy đó. Kỳ hạn thì anh coi trọng còn em thì anh cứ mặc kệ.
- Không phải. Kỳ hạn là tờ giao kèo bắt chấp mọi tình cảnh của kẻ liên hệ. Anh đã đọc tờ giấy ấy rồi nhận công việc thì không thể viện cớ cá nhân ra được.
- Phải mà, anh khôn lắm mà. Em ghét cay ghét đắng những kẻ nào khôn.
- Em là người trong nhà, em phải có trách nhiệm giữ giao kèo như anh chớ.
- Chuyện đó thà không nhận còn hơn.
- Nhưng như thế thì anh với em làm sao mà sống.
- Em, nếu anh lãnh đạm như vậy thì thà em chết phứt đi cho rồi.

Đến đây, người chồng nín bật, bỏ ra ngoài vườn hít thở thật sâu. Rồi anh xách tay nải lên ra khỏi nhà, xuống phố tìm mua đồ lòng cho vợ ngày hôm đó.

Nhưng, người vợ lúc nào như cũng bức mình, không hề để hở một giây, chỉ chực tìm cơ hội đem cái lý lẽ của người nằm yên trong cũi ra để bắt bẻ chồng. Và cũng chính cái lý lẽ sắc bén đến bệnh hoạn mà người vợ đã cố nghĩ ra khi nằm trong cũi đó, càng ngày nó càng tăng tốc độ phá hoại buồng phổi của nàng.

Chân tay nàng một thời rất đầy đặn và mượt mà, giờ đây đã ốm nhom như cành trúc. Ngực nàng lép, gõ nghe như tiếng ai gõ lên tấm giấy mỏng dán căng. Và nàng không còn muốn ngó ngang gì đến cả món lòng gà mà xưa nay nàng thích ăn nữa.

Muốn vợ ăn cho ngon miệng, người chồng bày những món đồ biển còn tươi mới mua về, ra bên hiên nhà mà giải thích:

- Đây là loại cá giống thăng hê đã mệt vì nhảy múa. Đây là tôm biển, tôm này là bọn võ sĩ mình mẩy áo giáp đã ngã khuỵu. Đây là cá nục như lá lìa cành sau cơn gió lốc.
- Thay vì anh nói lung tung, anh đọc kinh thánh cho em nghe đi. Người vợ nói.

Như ông thánh Phao Lồ, người chồng cảm nguyên con cá, nhìn mặt vợ, linh cảm như sắp có điều gì không lành sẽ xảy ra.

- Em không muốn ăn gì hết, em chỉ muốn mỗi ngày anh đọc kinh thánh cho em nghe.

Và như thế, từ ngày hôm ấy người chồng miễn cưỡng đem cuốn thánh kinh đã cũ kỹ ra đọc cho vợ nghe.

- Lạy Đức Jehova, xin nghe lời chúng con cầu nguyện. Xin lời nguyện cầu thống thiết của chúng con đến tai Chúa. Xin Ông Trên ngai nhìn chúng con trong khi chúng con gập đầu khỏ, lắng tai nghe lời chúng con cầu nguyện mỗi ngày. Ngày của chúng con tan đi như khói, xương cốt chúng con như than trong đồng lửa tàn lụi. Tim gan chúng con héo mòn như cỏ cây và thân xác chúng con như bị vùi đi trong quên lãng.

Thế mà điềm gở cứ liên tiếp xảy ra. Một hôm về đêm trời nổi gió lớn, tảng sáng hôm sau

mới biết con rùa rù rờ trong hồ đã trốn mất.

Bệnh tình người vợ ngày càng nặng, người chồng không thể rời xa giường vợ. Người vợ bắt đầu khắc đờm ra liên miên, không còn sức tự lau lấy miệng mình, người chồng phải làm thay vợ. Rồi bất kể đêm hay ngày người vợ kêu đau bụng. Ngày nào nàng cũng lên cơn ho sù sụ khoảng năm lần. Mỗi lần như thế, nàng tự cào cấu ngực mình như để cố ghìm cơn đau. Người chồng ngược lại tự nhủ phải giữ bình tĩnh, nhưng người vợ trong khi chống chọi với cơn ho, thấy chồng tỏ vẻ thản nhiên thì nổi giận la lối:

- Người ta đang khổ thế này, mà anh chỉ nghĩ chuyện riêng.
- Đây, em nằm yên đi chứ, không nên la ó.
- Nhưng anh cứ tỉnh bơ, thấy mà tức.
- Bây giờ mà anh rồi lên thì sao được.
- Anh lắm mồm quá.

Người vợ giựt lấy miếng giấy người chồng đang cầm, quẹt đờm rồi ném phăng vào người chồng.

Người chồng một tay lau mồ hôi toát ra đầm đìa trên thân thể vợ hết chỗ này đến chỗ kia, một tay chùi đờm ứa ra không ngớt từ miệng vợ. Người chồng ngồi chồm hổm nên cả người tê dại. Người vợ mắt nhìn trần nhà và như để quên cơn đau, đưa hai tay dầm thùm thụp vào ngực chồng. Khăn lông lau mồ hôi mắc kẹt trong áo ngủ, làm người vợ tung chăn, giầy giữa muốn ngồi dậy.

- Không được, không được, nằm yên đi chứ.
- Đau quá chừng, đau quá chừng.
- Yên đi nào.
- Đau quá anh ơi.
- Coi chừng nó còn hành dữ hơn nữa đó.
- Anh im đi.

Người chồng như cái khiên hứng chịu tất cả những cú đâm, yên lặng cố xoa ngực cho vợ, nay đã trơ xương.

Nhưng người chồng mặc dù đang khổ sở đến cực độ, vẫn thấy lòng mình êm đềm gấp mấy lần hồi vợ mình còn khỏe mạnh, gây cho anh nhiều đau khổ ghen tuông. Bởi vậy anh chợt nhận ra rằng cái thể xác đang rữa nát vì lao phổi kia đang cho anh nhiều hạnh phúc hơn cái thể xác hồi nàng còn sung sức.

Đây là một khám phá mới, ta phải bám víu vào cách giải thích mới mẻ này ngoài ra không còn có cách nào khác.

Hễ khi nào anh nghĩ đến lối giải thích ấy, anh nhìn ra ngoài biển cười lên ha hả.

Mỗi lần như thế, người vợ nhìn chồng một cách khó chịu rồi đem lý lẽ của người bị nhốt trong cũi ra nói.

- Em biết mà, tại sao anh cười em biết hết trời.
- Không. Anh muốn em cứ nằm nghỉ yên như thế này thì hay hơn. Em khỏe ra thì em mặc đồ đầm vào, ăn nói nhặng cả lên. Nhất là khi em bệnh, trông em trắng trẻo, em đẹp một cách đài các. Thôi em cứ nằm yên cho anh nhờ.
- Em biết mà, anh là người như thế đó.
- Ờ thì anh thế này nên mới sẵn sóc em được. - Hế một tiếng là sẵn sóc, hế hai tiếng là sẵn

sóc.

- Ờ thì anh rất tự hào về điều này mà.
- Săn sóc kiểu anh thì em cóc cần.
- Nhưng, thí dụ anh bỏ sang phòng bên chừng ba phút thì em cứ réo lên là anh bỏ em đến cả ba ngày, em thử trả lời đi, có phải vậy không?
- Em chỉ muốn anh lặng lẽ lo cho em. Săn sóc gì mà lúc nào mặt mày cũng nhăn nhó, khó khăn thì ai chịu cho nổi.
- Nhưng trông nom người bệnh chính là chuyện phiền đầy chứ.
- Ờ thì em biết đó chứ, nên em mới muốn anh im lặng lo cho em.
- Phải rồi, ờ em muốn anh săn sóc em bằng cách dặt một lũ đầy tớ đến chực sẵn đây, chồng cả triệu bạc ra, mướn mười ông bác sĩ, một trăm cô y tá phải không?
- Em có đòi như thế đâu, em chỉ muốn một mình anh lo cho em thôi.
- Thì nghĩa là em muốn một mình anh làm thay ười ông bác sĩ, một trăm cô y tá và cầm bạc triệu trong tay như mấy ông chủ ngân hàng phải không?
- Nào em có nói vậy đâu. Em chỉ cần anh yên lặng ở đây với em thì em yên tâm.
- Thấy chưa, vậy thì dù anh có nhăn nhó, có cần nhằn một tí, cũng phải ráng chịu đi chứ.
- Em, khi nào chết em sẽ oán, oán, oán hận anh rồi mới chết.
- Nếu chỉ chừng đó thôi thì không ăn thua gì hết.

Người vợ bỗng nín thinh, nhưng dường như vẫn còn muốn tìm cách bằm chém chồng. Người chồng thấy vợ làm thinh nhưng nghĩ có lẽ vợ mình đang mài dao tính kế trong đầu. Nhưng người chồng một lúc phải lo cho cả bệnh tình mỗi ngày một nặng hơn của vợ và làm việc để kiếm tiền. Việc coi sóc vợ làm anh mất ngủ, anh thấy thấm mệt. Anh biết nếu anh kiệt sức, anh sẽ hết cẳng đáng nổi công việc đang nhận, và nếu không làm tròn công việc thì chắc chắn sinh kế sẽ túng quẫn hơn. Tiền nong ngày càng thiếu hụt, thế mà phí tổn chạy chữa cho vợ ngày càng tăng lên rành rành. Và tuy không biết mọi sự rồi sẽ ra sao, một điều anh biết chắc nhất là càng ngày anh càng kiệt sức.

Thế này thì biết phải làm sao đây.

Tới nước này, thôi thì nằm xuống luôn cho rồi, như thế có thể chết mà không còn hối tiếc gì cả. Nhiều lần người chồng nghĩ như vậy, mặt khác anh cũng muốn thử xem sức mình chịu nổi được đến đâu, liệu có thể vượt nổi hoàn cảnh khó khăn này chăng. Về đêm anh thức giấc vì tiếng vợ kêu đau, như đã thành tật anh vừa xoa bụng vợ vừa lầm bầm “Cứ làm khổ nhau thêm đi, cứ làm khổ nhau thêm đi”, lúc ấy trong mắt anh bỗng dưng anh thấy hiện ra cảnh trên một tấm nỉ dày nhiều trái banh bi-da bị tung ra đang lăn nhanh.

Đây là mấy trái banh bi-da của tôi, ai thọc tầm bậy cho nó lăn đi mất như thế.

- Anh ơi, xoa mạnh hơn đi anh. Sao anh chỉ xoa qua loa như vậy, ngày xưa anh đâu có như vậy, anh ân cần xoa cho em mà, thế mà lúc này... ôi đau quá, đau quá anh ơi. Người vợ kêu la.

- Anh mệt lắm rồi. Chắc anh cũng sắp xin đầu hàng, như thế thì hai đứa mình sẽ nằm lăn ra cả mà.

Nghe anh nói vậy thì người vợ bỗng im đi, nhưng rồi nàng lại cất tiếng ai oán như tiếng côn trùng rên rỉ từ dưới giường bệnh vọng lên.

- Bao lâu nay em ích kỷ làm phiền anh. Như vậy là em có thể chết được rồi. Em đã toại

nguyên, Thôi anh ngủ đi, em sẽ ráng chịu.

Nghe vợ nói vậy, nước mắt anh bỗng trào ra ràn rụa. Anh xoa bụng vợ lia lịa.

*

Thảm cỏ ngoài vườn đã héo đi vì gió lạnh từ biển thổi vào. Cửa kính trong phòng cứ rung lạch cạch cả ngày như tấm cửa trên cỗ xe ngựa đang chạy. Từ lâu nay người chồng hầu như đã quên bằng biển cả mênh mông phía trước nhà.

Một hôm người chồng đến nhà bác sĩ để xin thuốc cho vợ.

- Ồ ờ, lẽ ra tôi phải nói điều này cho anh biết từ trước.

Người bác sĩ nói:

- Vợ anh, hết phương cứu chữa nữa rồi. - Hả?

Người chồng cảm thấy mặt mình biến sắc.

- Mảng phổi bên trái thì đã tiêu mất từ lâu rồi, còn phổi bên phải thì bệnh ngày càng nặng ra.

Người chồng ngồi trên xe chạy ven bờ biển, anh để mặc cho thân anh bị xóc như một bọc hành lý. Ngoài kia trời rất trong, biển sáng lòa như một tấm màn trắng buông xuống trước mặt anh như đang che dấu cái chết đằng sau nó. Anh vẫn ngồi bất động, không muốn về nhà gặp vợ. Không giáp mặt vợ, chắc anh sẽ vĩnh viễn giữ được hình bóng nàng trong lòng anh.

Người chồng về đến nhà thì đi ngay về phòng mình. Anh muốn nghĩ cách để khỏi phải gặp vợ. Anh bước ra ngoài vườn, ngã người trên thảm cỏ. Anh cảm thấy thân thể mệt nhừ, nặng trĩu. Nước mắt tự dưng trào ra, anh tần mẩn bứt mấy cọng cỏ khô trên thảm cỏ.

- Chết nghĩa là gì?

Đó chỉ là không còn trông thấy mặt nhau nữa mà thôi, anh nghĩ như vậy. Anh nằm yên như thế một hồi lâu, lấy lại thần hồn rồi anh bước vào phòng vợ.

Người vợ yên lặng nhìn chồng. - Em có muốn có hoa mùa đông gì không?

Người vợ hỏi.

- Anh mới khóc đó phải không? - Đâu có.

- Anh khóc đó mà.

- Gì đâu mà khóc

- Em biết hết mà. Bác sĩ nói gì với anh gì đó?

Người vợ một mình nghĩ như thế, nhưng không tỏ vẻ gì buồn bã, chỉ im lặng nhìn lên trần nhà. Người chồng ngồi xuống chiếc ghế mây bên cạnh giường vợ, chăm chăm nhìn mặt vợ như để khắc sâu vào tâm khảm.

Chẳng còn bao lâu nữa, cánh cửa sắp khép lại ngăn cách hai người.

Nhưng, giữa nàng và ta, những gì có thể san sẻ được thì đã san sẻ cho nhau cả rồi, bây giờ không còn gì để tiếc nuối nữa.

Từ ngày hôm ấy, như một cái máy người chồng làm hết mọi chuyện theo đúng ý vợ. Và người chồng nghĩ trong lòng đầy là quà tiễn biệt vợ.

Một hôm, sau cơn ho đau đớn, người vợ bảo chồng:

- Anh ơi, lần sau anh mua thuốc morphin cho em nhé.

- Sao thế.

- Em, em muốn uống mà, uống morphin thì chắc em sẽ ngủ được yên giấc không cần thức dậy nữa.

- Có nghĩa là em muốn chết phải không?
- Ồ, em không còn sợ cái chết chút nào nữa. Chết được, không biết chừng còn sướng hơn nhiều.

- Em giở ra từ hồi nào vậy nhỉ? Ai mà đạt được đến chỗ đó thì chết lúc nào cũng được.
- Nhưng em thấy tội cho anh. Bao lâu nay em làm phiền anh. Tha thứ cho em, anh nhé.
- Ừ.
- Tấm lòng anh dĩ nhiên em biết hết. Dù em có nói khó nói dễ gì với anh, đó không phải là bụng thực của em. Bệnh tật nó bắt em nói như vậy đó thôi.
- Ừ, thì chỉ tại bị bệnh hành đó thôi.
- Em, em đã viết xong di chúc mọi chuyện cho anh rồi đó. Nhưng em chưa muốn cho anh xem bây giờ đâu. Em để dưới chỗ em nằm đây. Khi nào em chết, anh lấy ra mà đọc.

Người chồng vẫn làm thỉnh.

Sự thật đã quá đau buồn, anh muốn vợ nín đi, đừng nói gì nữa cho thêm đau đớn lòng anh. Bên cạnh phiến đá ngoài vườn, mấy củ thực đào ra bỏ đó trên mặt đất, bị rửa vì ướt sương lạnh. Thay cho con rùa, một con mèo hoang, không biết từ đâu lạc đến, thông thả đi dạo trong phòng đọc sách. Người vợ suốt ngày bị cơn ho hành, nằm im không nói. Mắt nàng nhìn ra xa, phía mũi đất chĩa ra ngoài biển dưới chân trời chói nắng.

Người chồng mở cuốn thánh kinh ngồi đọc bên cạnh vợ.

- Lạy Đức Jehova, xin đừng oán giận chúng con, xin đừng giận dữ trừng phạt chúng con. Xin Người thương xót cứu vớt linh hồn và thân xác chúng con ra khỏi họa đày. Lạy Đức Jehova, chúng con không biết sẽ còn sống được đến bao giờ. Một mai lìa đời, chúng con sẽ không còn thờ phụng Chúa được nữa.

Người chồng nghe tiếng khóc sụt sịt. Anh ngừng đọc, nhìn vợ.

- Em nghĩ gì vậy?

- Xương cốt em rồi sẽ đi về đâu? Em đang lo cho điều đó.

Thì ra người vợ đang lo lắng cho xương cốt của nàng và anh không làm sao trả lời được thắc mắc đó.

Thôi hỏng hết cả rồi.

Người chồng rũ đầu xuống như lòng anh đang rũ rượi. Người vợ càng nức nở, nước mắt càng tuôn sụt sướt.

- Sao thế em?

- Xương cốt em, không có chỗ chôn, biết làm sao đây?

Thay vì trả lời vợ, người chồng mở cuốn Thánh kinh ra, to tiếng đọc.

- Lạy Đức Ông Trên, xin hãy cứu vớt chúng con, cơn đại hồng thủy cuốn cả linh hồn chúng con. Chúng con không còn sức đứng vững, chúng con đang lún giữa bùn sâu, chúng con đang chìm trong dòng nước lũ. Nước đã ngập đến đầu chúng con. Sức chúng con đã kiệt, cổ họng chúng con đang khát. Mắt chúng con đang chờ Ông Trên cứu rỗi chúng con.

Ngày lại ngày hai vợ chồng như hai thân cây khô héo, chỉ biết im lặng sống bên nhau. Nhưng, giờ đây họ sẵn sàng đón chờ cái chết. Dù chuyện gì sẽ đến với họ, hai người không còn thấy sợ hãi. Trong gian nhà tối tăm và tĩnh mịch, nước từ trên núi gánh về chứa trong vại, trong vắt như tâm hồn lắng đọng của chính người chồng.

Buổi sáng nào vợ ngủ say, người chồng thường bỏ ra ngoài bãi biển, anh để chân không,

đạp từng bước một lên những mô đất mới ló ra khỏi mặt nước. Những lọn rong biển bị sóng đánh giạt vào bờ lúc thủy triều lên đêm hôm trước, quện vào chân anh thật lạnh. Có hôm, vài đứa bé ở đâu đó như bị gió thổi lạc ra đây, cố trèo lên ghềnh đá đầy rong biển xanh, mặc kệ cho chân chúng nó bị trượt lên trượt xuống.

Trên mặt biển, ngày càng thấy có thêm nhiều cánh buồm trắng và con đường trắng trắng chạy theo ven biển mỗi ngày càng thêm nhộn nhịp. Một hôm, có một người quen ở phía bên kia mũi đất gửi đến cho anh một bó hoa đậu sắc sỡ.

Từ bao lâu nay, không khí trong nhà lạnh lẽo vì gió đông buốt giá, lần đầu tiên anh được đón hơi ấm của mùa xuân sắp về.

- Thế là mùa xuân sắp đến rồi đó em.

- Ô đẹp quá anh hả.

Người vợ nói vừa mỉm cười vừa giang cả hai cánh tay ôm khăng khiu ra đón lấy bó hoa.

- Hoa đây em, đẹp thật.

- Bó hoa của ai cho đó anh?

- Bó hoa này đi xe thổ mộ từ phía bên kia biển về đây, gieo rắc mùa xuân khắp dọc đường đấy em.

Người vợ đón lấy bó hoa từ tay chồng, ôm bó hoa sát vào ngực rồi áp khuôn mặt xanh xao vào bó hoa tươi sáng. Trong rạt rào sung sướng người vợ nhắm mắt.

Đinh văn Phước dịch

Chương 09 + 10 phần 1

Lòng Bàn Tay Mẹ

Tsuboi Sakae

Mẹ tôi là người nhà quê sống bằng nghề nông. Hôm nào trời tốt mà không mang cuốc ra rẫy cuốc đất thì cũng mang lưỡi liềm lên núi kiếm củi. Bàn tay mẹ tôi quả là bàn tay của người thích làm lụng.

Thỉnh thoảng mẹ tôi nhìn bàn tay mình mà lấy làm khâm phục. Bàn tay dày, ngón tay thì mập, da lại chai cứng. Nhưng tôi biết bàn tay đó rất dịu dàng, khéo léo và không bao giờ thiên vị. Mỗi khi tôi bệnh, cứ được bàn tay mẹ tôi vuốt ve tay chân mình mấy thì bệnh lần lần thuyên giảm. Ôi! Bàn tay sao mà dịu dàng quá! Mẹ tôi còn làm đủ loại đồ chơi cho chúng tôi chơi. Sao mẹ khéo tay và tốt quá!

Đã có lần xảy ra chuyện sau đây. Một chủ nhật nọ, tôi đi lên núi gùi củi với đứa em trai. Dĩ nhiên là có mẹ đi chung. Nơi tôi sinh trưởng là một làng nhỏ nằm trên đảo Shodo trong vịnh Seto. Chính giữa đảo có núi Kankake và các rặng núi khác nối đuôi nhau chập chùng. Dân chúng sống dưới đất bằng phải leo lên núi kiếm củi. Vác củi là công việc rất vất vả, không giống như kéo xe trên đường bằng. Công việc này từ tận ngày xưa cho đến nay vẫn thế. Núi cách xa nhà đến 4 cây số, nên thường thì giữa đường có một buổi ăn nhẹ. Đồ ăn được bỏ vào trong cái túi vải buộc vào gùi của mẹ.

“Mẹ ơi! Cái đó”.

Chúng tôi chỉ túi vải đòi ăn cỡ ba lần thì mẹ tôi mới chịu mở túi ra. Bên trong khi là trái hồng, hạt dẻ, khi là khoai lang nướng. Mẹ tôi chia đều ổi đứa. Thế nhưng chúng tôi cứ trố mắt ra để ý phân bì với nhau, xem mình có bị chia ít hay không. Có khi còn đánh tù tù với nhau để chia.

Bữa ăn hôm đó là món đậu tằm rang. Mẹ tôi thò tay vào túi bốc ra ổi đứa một nắm. Nhưng hai anh em tôi lại so bì là nhiều là ít. Mẹ tôi mới lên tiếng:

“Hai con đếm thử coi. Đứa nào ít mẹ sẽ cho thêm cho bằng”.

Nghe vậy, chúng tôi bèn đếm một, hai, ba,... Cuối cùng cả hai đều có 28 hạt như nhau.

Tôi và đứa em trai lấy làm khâm phục, chẳng nói gì được nữa. Ôi! Lòng bàn tay mẹ sao mà công bằng đến thế.

“Giống như lấy đầu mà đong”.

“Đúng rồi. Bàn tay mẹ là cái đầu mà”.

Cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ đến chuyện đó tôi lại ngắm bàn tay mình

Tokyo, ngày 18/07/2004

Việt Châu dịch

Đoá Cúc Muộn

Hayashi Fumiko

Lời người dịch:

Hayashi Fumiko (1903-1951) rất nổi tiếng về phân tích tâm lý phụ nữ – đặc biệt là phụ nữ nghèo – trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Nhưng với “Bangiku” thì nhân vật nữ của bà không nghèo chút nào, mà phần diễn tả tâm lý lại sâu sắc, chứng tỏ tài nghệ của Hayashi Fumiko không chỉ hạn chế trong một lãnh vực duy nhất. Tuy qua đời sớm, sự nghiệp viết lách không

đến được 24 năm, nhưng bà để lại được trên 85 cuốn sách và hơn 200 tác phẩm khác gồm truyện ngắn, thi tập, đoản văn, vv... Khi nói về tác phẩm nào hay nhất của bà, giới văn học Nhật Bản đồng thanh nhất trí: truyện ngắn thì Đoá Cúc Muộn (Bangiku), truyện dài có Phù Vân (Ukigumo).

Bài dưới đây dịch theo nguyên văn của nhà xuất bản Chikuma Shobo, Tokyo 1978. Tuy nhiên để tránh rườm rà, những tên người hay địa danh nào không cần thiết đều được bỏ bớt. Có một điểm nhỏ xin lưu ý: người Nhật xem cúc là loài hoa quý, đài các, không phải thứ “liều ngộ hoa tường”.

*

Kin để ống điện thoại xuống, tiếng nói ở đầu giây bên kia còn như vắng vắng: “Vâng, lát nữa, khoảng năm giờ, sẽ đến”. Kin nhủ thầm...lâu lắm không gặp, cũng hơn cả năm rồi chứ nhỉ! Mới có ba giờ, còn đến hai tiếng nữa. Trước hết là phải đi tắm mới được! Kin dặn cô giúp việc tối nay ỉn ăn sớm hơn một chút, rồi lật đật bước vào phòng tắm. Vừa cho thân mình chìm từ từ trong làn nước ấm, Kin miên man suy nghĩ: “Nhất định phải cho thấy mình đẹp hơn hồi hai đứa chia tay mới được. Nếu để nhận ra được mình đã luống tuổi thì kể như là hết”... Kin để thì giờ ngâm trong bồn nước khá lâu.

Tắm xong, Kin mở tủ lạnh lấy nước đá ra đập nhỏ, cuốn trong hai lần khăn mỏng, rồi đến ngồi trước kiếng cẩn thận xoa khắp gương mặt đến hơn mười phút. Cái lạnh làm da mặt Kin đỏ lên, mất hết cảm giác. Từ bên trong, chút ý nghĩ về cái tuổi đã 56 của mình tự nhiên len đến. Nhưng qua bao nhiêu năm kinh nghiệm trong nghề, Kin dư sức biết làm thế nào để che vết tích của thời gian. Kin lấy ra một hộp kem dưỡng da thượng hạng, loại nhập cảng, xoa đều lên mặt. Nhìn vào kiếng, Kin thấy một người đàn bà lớn tuổi có gương mặt tái ngắt như người chết đang mở lớn đôi mắt nhìn mình.

Điểm trang thêm một lát, Kin thấy cái mặt của mình sao mà phát chán. Nhưng trong trí Kin cũng hiện ra ngay những hình ảnh của chính mình ngày xưa, được in trên những tấm bưu thiếp, tươi đẹp, trẻ trung. Kin vén vạt áo lên, nhìn vào đùi. Còn đâu nữa cái tròn lẳn căng nhựa sống của những ngày xưa cũ. Bây giờ, gân xanh thấy rõ dưới làn da. Được một cái là hai đùi vẫn còn khấp sát vào được với nhau. Cứ mỗi lần đi tắm, Kin vẫn thường khép hai đùi lại và đổ nước trên chỗ hũng để thích thú thấy nước được giữ lại, chứng tỏ còn sát lắm, làm Kin thấy an tâm về tuổi tác của mình. Phải, đối với đàn ông, mình vẫn còn hấp dẫn. Điều này là tất cả đối với Kin, nó cho Kin sức mạnh để mà sống. Kin luôn tay vào phía bên trong giữa hai đùi, vuốt ve nhẹ nhẹ và tưởng tượng đây là bàn tay của một người nào khác. Vẫn còn mềm mại êm ái, thấy như vuốt những lông tơ trên tấm da nai mịn có tấm thêm dầu.

Kin trực nhớ đến một bức vẽ trong cuốn sách của Saikaku nói về hai cô gái đẹp ngồi gầy đàn Samisen ở miền Isê. Người ta giăng những chiếc lưới đỏ quanh chỗ hai cô ngồi. Trước khi hai cô bắt đầu gầy đàn, khách đến xem thì nhau ném tiền vào kẻ lưới xem tiền của ai có thể đựng vào được người đẹp. Cái hình ảnh một mỹ nhân xinh như tranh vẽ ngồi sau những chiếc lưới màu đỏ, bây giờ đối với Kin đã là một dĩ vãng quá xa vời. Những ngày còn trẻ, Kin sống theo vật chất, trong mắt chỉ có đồng tiền. Nhưng bây giờ luống tuổi, nhất là sau khi đã sống qua một thời chiến tranh khốc liệt, Kin thấy cuộc sống thiếu người đàn ông thì thật trống trải và quá bấp bênh. Càng già, sắc đẹp càng biến đổi đi, mà tính chất của vẻ đẹp cũng cứ mỗi năm lại khác ra một chút. Nhưng Kin không dại đến nỗi đi mặc những thứ màu mè sặc

sở để che dấu tuổi tác. Có nhiều phụ nữ, khi đã ngoài năm mươi, thường hay mang chuỗi để che bớt cái thiếu thốn trên ngực, hay mặc váy có nhiều sọc đỏ...coi cứ giống như mặc vải lót; hay mặc áo xa-tanh láng bóng, lũng thùng; hay đội mũ rộng vành để che đi vết nhăn trên trán. Kin coi rẻ những thứ tiêu xảo đó, cũng như ghét cái kiểu những bà mặc kimono mà có thêm một viền đỏ quanh cổ, trông thật rẻ tiền.

Kin không hề mặc âu phục bao giờ. Cái áo được chọn hôm nay là chiếc kimono thẳng nếp có màu chàm đậm gần như đen, làm nổi bật cái trắng muốt của dải tơ mềm chạy viền từ cổ xuống đến ngực. Chiếc obi để thắt quanh lưng là lụa vàng thật nhạt, có pha những đường trang trí kiểu Hakata. Sợi giây cuốn dưới obi thì có màu xanh nhẹ mà khi mặc áo Kin sẽ cẩn thận không để phần chuỗi của nó lộ ra phía trước. Kin cũng sửa soạn thân mình rất kỹ càng: nâng ngực cho cao thêm, siết eo cho nhỏ xuống, bụng thì quần chặt đến sát rạt, mông thì chêm một chút cho thấy cao và cong lên. Tóc Kin vốn màu nâu. Màu này đi đôi với làn da trắng của gương mặt rất hợp, không cho ai nhận ra được là tuổi người phụ nữ đã quá năm mươi. Thân hình Kin cũng cao ráo, nhờ đó khi mặc kimono thì phần phía dưới vạt áo úp vào một cách gọn ghẽ, thấy tươi tắn, nhẹ nhàng.

Kinh nghiệm dạy cho Kin một điều quan trọng mà mỗi lần sắp gặp người đàn ông nào Kin cũng không quên, đó là uống một ly rượu nhỏ. Kin đứng trước tấm gương, nốc nhanh một ly sakê lạnh, rồi đi đánh răng súc miệng tức khắc để làm mất mùi. Với Kin, chất rượu có hiệu quả diệu kỳ, không loại mỹ phẩm nào trên đời sánh kịp. Nó làm cho đôi mắt được phớt một màu hồng dịu dịu và mở ra rất to, long lanh. Bây giờ gương mặt của Kin...sau khi có thoa một lớp phấn màu xanh nhạt và phủ lên một lớp kem mỏng có pha glycerine – đã trở nên láng lẩy tươi tắn, trông trẻ hẳn ra. Kin thoa màu son đỏ thật đậm lên môi. Chỉ có làn môi là nơi duy nhất trên người Kin chịu dùng màu đỏ.

Kin cũng không hề sơn móng tay bao giờ. Càng lớn tuổi thêm lại càng thấy không cần thiết, chỉ tổ bày tỏ sự thiếu thốn thềm khát bên trong. Cứ xoa tay với kem, rồi cắt từng móng cho sát vào, và chà vào vải cho láng là được. Nơi tay áo, phần ở cổ tay thì Kin nghĩ nên có màu gì nhạt, cho nên chọn thứ có sọc hồng nhạt và xanh. Xong xuôi, Kin thoa nước hoa lên hai vai và cánh tay, lựa thứ có mùi thật dịu, ngọt ngào. Không bao giờ nên thoa lên hai trái tai, không bao giờ! Kin vẫn biết dù sao mình cũng chỉ là nữ giới: chẳng thà chết sớm, hơn là sống lâu làm một bà già bản thủ cộm rộm giữa lòng đời. Kin nhớ đến lời của một bài hát cũ mà mình vẫn thích:

Chả giống như người thiên hạ đâu

Chi để cho ai thấy bạc đầu

Cứ như những đoá hoa hồng đỏ

Lòng này mơ được thể từ lâu.

Giá phải sống chẳng có người đàn ông nào chung quanh...ôi, mới có nghĩ đến thể thôi mà đã thấy bồn chồn trong dạ. Kin liếc nhìn những cánh hoa hồng do ông Itaya mang đến tặng: màu hoa rực rỡ, làm nhớ đến những ngày tháng vàng son cũ! Có 1 thứ cảm giác gì đầy hoài niệm pha thích thú khi nghĩ về cái thuở xa xưa lúc trước, những thói quen, những điều mình thích, những sung sướng... mọi thứ đều với thời gian mà thay đổi cả. Những khi nằm ngủ một mình, nửa đêm tỉnh giấc, Kin thường âm thầm đếm xem có bao nhiêu người đã qua trong đời mình kể từ thuở còn là con gái. Đã có người này, người này, rồi người này... à, còn người

này, người này nữa... nhưng mà so với người kia, người này đến trước với mình, hay đến sau? Cứ mỗi lần miên man với cái điệp khúc hồi tưởng như thế, Kin thấy kỷ niệm kéo về rào rạt trong lòng. Có nhiều phụ nữ thường ứa nước mắt khi nghĩ đến lúc chia tay với người xưa, nhưng Kin chỉ thích nhớ về những ngày mới gặp gỡ ban đầu. Có lẽ một phần nào đó Kin đã học theo người xưa trong truyện Isê, nhưng phải nói là Kin rất thích nằm nhớ về những người đàn ông cũ như thế mỗi khi cô đơn nằm thao thức trong đêm.

*

Khi này nhận điện thoại, Kin không ngờ là Tabê liên lạc lại với mình. Bây giờ cái cảm giác cứ như đang nhìn một ly rượu đào thượng-hạng ngon nồng, mời mọc. Chắc chắn là Tabê đến để tìm lại dĩ vãng! Hẳn trong lòng còn vương vấn mãi những kỷ niệm của ngày xa xưa ấy, nên mới muốn về tìm lại chút dư âm! Nhưng giờ này không phải lúc để thở than và hoài niệm về quá khứ, lại càng không phải là lúc để lộ ra vết tích về cao tuổi hay nghèo nàn. Phải làm sao tỏ ra mình biết trân trọng, và tạo được một không khí dễ thương thân mật “thời gian này riêng của đôi ta”! Làm sao để khi về rồi, Tabê sẽ tự nhủ “người yêu cũ của tôi vẫn không khác với thuở nào, còn đẹp lắm”...

Trang điểm xong, Kin đứng dậy xoay mình qua lại ngắm nghía trong gương. Còn chỗ nào chưa được không nhỉ! Kin cẩn thận nhìn một lần chót, rồi mở cửa bước ra phòng ăn. Khay cơm đã dọn sẵn. Kin ngồi đối diện với cô tớ gái, ăn bữa cơm nhẹ... một chén cơm với canh mixô, và chút ít rong biển. Xong xuôi, Kin đập một cái trứng sống, bỏ hết, chỉ nuốt cái lòng đỏ.

Xưa nay Kin không có thói quen mời đàn ông ăn cơm với mình. Kin thấy không cần. Việc gì phải tỏ ra giỏi, đi nấu thức này món kia cho cẩn thận để được đàn ông khen? Làm việc nội trợ, có chi hay đâu mà thích thú? Mình đã không định lập gia đình thì cần gì phải cho đàn ông thấy đây sẽ là một người nội trợ đảm đang? Còn các ông ư? Họ có đem bao nhiêu vật quý giá đến biếu cũng là việc tự nhiên thôi. Kin không bao giờ giao tiếp với những ai không có tiền. Đàn ông mà nghèo thì chả có gì hấp dẫn. Khi gần gũi với Kin, người nào mà để áo vét lôi thôi thiếu chải chuốt, hay có đồ lót đứt nút nhưng cứ để thế mà dùng, Kin thấy chán ngán đến tột cùng. Với Kin, việc ân ái chính là nghệ thuật, cứ mỗi lần như thế là cả hai cùng tạo một sự hài hoà đặc sắc khác nhau. Kin nhớ lại từ khi còn rất trẻ thiên hạ đã bảo nhau sao mình giống cô Manryu, một người đẹp nổi tiếng ở vùng Akasaka. Sau khi lấy chồng rồi cô ấy vẫn còn đẹp, và Kin có thấy được một lần, lấy làm hâm mộ sắc đẹp, cứ tấm tắc hoài. Kin hiểu rằng để được đẹp bền lâu, điều quan trọng nhất là phải có tiền.

Kin trở thành geisha khi mới lên 19. Vô nghề chưa bao lâu đã nổi tiếng, vì Kin quá đẹp, chứ tập luyện tay nghề thì chả có bao nhiêu. Lần tiếp khách đầu tiên, Kin gặp một người Pháp đã đứng tuổi. Ông ta đi chu du vùng Viễn Đông, và ghé đến Tokyo. Cuộc gặp gỡ cũng thơ mộng. Ông ta say đắm Kin, gọi Kin là Marguerite Gautier Nhật Bản, làm Kin cũng có cảm giác mình là nhân vật tiểu thuyết Trà Hoa Nữ thực sự. Tuy chuyện chăn gối thì ông yếu xìu, nhưng Kin không quên được ông ta. Ông tên là Michel, chắc bây giờ cũng đã qua đời ở một nơi nào đó phía bắc nước Pháp. Hồi mới về nước, Michel có gửi tặng Kin một chuỗi đeo tay có gắn ngọc Opal và nhiều hạt kim cương nhỏ long lanh. Kin quý nó lắm, ngay trong những ngày khốn khó nhất của thời chiến tranh cũng không bán đi. Những người đàn ông khác có liên hệ với Kin lúc trước, về sau cũng ăn nên làm ra và có tên tuổi, nhưng rồi chiến tranh loạn lạc,

bây giờ không biết họ ở đâu.

Người ta đồn đãi với nhau là “tài sản của Aizawa Kin nhiều lắm”. Thực sự thì Kin đâu có bao nhiêu. Chỉ vẹn vẹn một cái nhà Kin đang ở...may mà hồi chiến tranh chưa bị cháy...và một ngôi biệt thự nằm cạnh bờ biển ở Atami. Mà biệt thự này lại do đứa “em gái nuôi” đứng tên, nên lúc sau chiến tranh thấy giá nhà lên cao, Kin đã bán quách. Kin cũng không muốn bắt chước những người geisha khác đi mở một tiệm ăn hay trà đình gì đó để làm kế sinh nhai. Thực sự là Kin chẳng làm gì, chỉ sống ngày-lại-ngày với một cô giúp việc bị câm...tên Kinu...cũng do cô em nói trên kiếm cho.

Cuộc sống của Kin cũng đơn giản hơn người ta tưởng. Đi xem phim hay xem hát cũng không, đi dạo quanh quần ngoài phố cũng chẳng thích. Kin không muốn ra ngoài lúc ban ngày, ngại thiên hạ thấy được mình đã luống tuổi. Ánh mặt trời bao giờ cũng làm cho cái già nua thấy rõ ra, dù có ăn mặc sang trọng đến mấy cũng chẳng che dấu được. Cho nên Kin sống như một loài hoa ưa bóng mát, lấy thú đọc sách làm vui. Có người khuyên nên kiếm một đứa con nuôi để sau này nhờ vả khi tuổi già sức yếu, nhưng Kin không muốn suy nghĩ sau này già thì sẽ ra sao. Hoàn cảnh cũng đã làm Kin quen sống một mình từ khi còn bé.

Kin không biết gì về cha mẹ của mình. Chỉ còn nhớ được quê là Kosagawa, ở gần Akita, và khi lên năm tuổi thì được một gia đình ở Tokyo nhận làm con nuôi. Kin đổi ra họ Aizawa từ đó. Cha nuôi của Kin tên Kyujiro. Ông sang làm việc xây cất bên Trung Quốc rồi bắt tin luôn từ khi Kin còn ở Tiểu Học. Mọi sự trông vào ở mẹ nuôi - tên là Ritsu - một người khá giỏi chuyện làm ăn. Bà biết đầu tư trong cổ phiếu, và mua nhà cho thuê, nhờ đó chẳng mấy chốc trở nên khá giả. Nói đến gia đình Aizawa ở vùng Ushigome, ai cũng biết là giàu.

Thuở đó trong vùng có tiệm làm vớ (tabi) của ông Tatsui rất nổi tiếng và có uy tín. Gia đình Tatsui có một cô con gái rất đẹp tên Machiko. Machiko thường ngồi may hàng ngay dưới tấm rèm xanh trước cửa tiệm, mái tóc nghiêng nghiêng giắt hoa đào, cổ áo viền xa-tanh màu đậm, làm bao nhiêu người điên đảo, kể cả những chàng trai của trường đại học nổi tiếng như Waseda. Người ta nườm nượp tới mua hàng, nhiều chàng còn tặng thêm tiền, để lên bàn rồi lặng lẽ rút lui. Kin lúc đó nhỏ hơn Machiko khoảng 4-5 tuổi, nhưng thiên hạ cũng đã kháo nhau là cô bé quá xinh. Xa gần nức tiếng trăm trê về hai đoá hoa tươi biết nói.

Từ khi có một tay cờ bạc tên là Tori-goê hay tới lui với bà mẹ thì gia đình bắt đầu xuống dốc. Khi đó Kin mới lên 19. Rồi bà mẹ đắm ra nghiện nặng, say sưa mãi, những chuỗi ngày đen tối của Kin cứ kéo dài. Cho đến một hôm, trong lúc nửa thật nửa đùa, Tori-goê làm tới, cướp mất của Kin đời người con gái. Trong cơn hốt hoảng rã rời, Kin bỏ nhà ra đi, rồi trở thành một geisha ở vùng Akasaka sang trọng. Machiko cũng bạc mệnh. Cũng khoảng thời gian đó, khi phi cơ vừa mới bắt đầu bay trong nước, người ta mời Machiko mặc áo kimono lớn đi với chuyến bay. Không may phi cơ bị rớt, tai nạn này báo chí xa gần đều có loan tin. Riêng phần Kin thì khi vào nghề rồi mới đổi tên thành Kin-ya. Chẳng mấy chốc mà các tạp chí đăng ảnh của Kin rất nhiều. Sau đó, khi các bưu thiếp có ảnh người đẹp trở thành một phổ biến, hình của Kin cũng được in bán khắp nơi.

Những chuyện trên bây giờ đã thành quá khứ xa vời, nhưng Kin cũng chưa quen với cái cảm giác là mình đã ngoài 50 tuổi. Cũng có khi Kin nghĩ là mình sống tới chừng này thì cũng đủ, nhưng cũng có lúc lại nghĩ sao thời thanh xuân chẳng được bao năm. Mẹ nuôi giờ cũng đã mất, gia sản cũng đã về tay người con gái ruột là Sumiko – sinh ra sau khi đã nhận Kin – cho

nên Kin chẳng có chút trách nhiệm gì phải vướng bận với gia đình.

*

Kin quen Tabê vào khoảng 1942-1943, lúc chiến tranh Thái Bình Dương vừa bùng nổ. Khi ấy Kin nghỉ làm đã ba năm, về thuê một phòng trong nhà Sumiko để ở. Vợ chồng Sumiko có cho sinh viên ở trọ nên Kin mới gặp Tabê. Nếu so tuổi ra thì cứ như mẹ với con, nhưng cả hai tự nhiên thấy thích nhau. Có lẽ nhờ bề ngoài của Kin trông cứ trẻ như mới 37-38, với hai nét mi đậm đà, dễ bắt mắt người ta. Năm sau, Tabê xong đại học thì bị động viên ngay, đeo lon thiếu úy, nhưng binh đoàn còn đóng ở Hiroshima. Kin có xuống đó thăm Tabê hai lần.

Trong lần thứ nhất, khi Kin vừa ngồi chưa yên chỗ trong khách sạn thì Tabê đã đến. Vì Tabê mặc quân phục nên mùi hôi của da thuộc cứ làm Kin thực ngạt thở. Tuy vậy Kin cũng ở với Tabê đến hai đêm. Đã mệt mỏi vì lặn lội đường xa mà Tabê lại mạnh quá làm Kin mệt ứ hơi, về sau Kin kể lại với người quen là lúc đó Kin ngất ngư gần chết. Kin có đi thăm Tabê lần thứ nhì, nhưng sau đó hết muốn đi nữa, dù Tabê có gửi điện tín thúc giục nhiều lần. Sau đó, Tabê chuyển đi Burma (Miến Điện), sau chiến tranh khoảng một năm mới về nước, có lên Tokyo để tìm Kin. Trông người Tabê già mọp, loạt răng cửa lại gãy mất, Kin vỡ cả mộng. Sau đó Tabê nhờ có ông anh cả – làm luật sư – giúp vốn cho để buôn bán xe hơi nên trong vòng một năm thấy sang trọng hẳn ra. Gặp Kin, có khoe là sắp cưới vợ. Bằng hơn cả năm trời Kin chưa gặp lại lần nào.

Nhà của Kin đang ở nằm trong khu Numabukuro. Ngôi nhà này rất sang, có gắn điện thoại hẳn hoi, nhưng hồi đó Tokyo còn bị ném bom liên miên nên Kin mua được với giá rẻ mạt. Nhà chỉ cách nơi vợ chồng Sumiko ở độ vài chục thước, nhưng nhà của Sumiko thì bị bom làm cháy rụi cả, vợ chồng Sumiko phải qua tá túc với Kin, chiến tranh xong thì Kin mới bảo đi ra. Hai vợ chồng trở về miếng đất cũ xây lại được căn nhà, nhờ vật giá lúc đó cũng còn rẻ. Sumiko vẫn cảm ơn Kin về chuyện đã cứu mạng mình.

Về cái biệt thự ở Atami thì Kin cũng đã bán xong khá lâu. Thu vô được ba trăm ngàn, Kin đem mua ngay mấy căn nhà ọp ẹp, cho tân trang lại rồi bán ra với giá gấp đến mấy lần. Với chuyện tiền nong thì cái đầu Kin rất tỉnh. Kinh nghiệm cho Kin biết nếu mình không hấp tấp thì tiền bạc sinh sôi nảy nở rất dễ, cứ như trái banh bằng tuyết lăn xuống dốc, càng lăn xa thì càng hoá ra to. Khi cho ai vay, Kin không cần lấy lời nhiều, nhưng đòi phải có gì bảo đảm chắc chắn. Kin cũng không tin ở chuyện gửi tiền vô ngân hàng, hễ có bao nhiêu là lo xoay chuyển thật nhanh, không bắt chước dân nhà quê cứ lo cất trong nhà trum trum. Những tính toán về tiền bạc này nọ thì Kin thuê chồng của Sumiko lo liệu. Kinh nghiệm cho Kin biết nếu chia cho người ta ít phần trăm trong số tiền lời thì thiên hạ sẽ lo làm rất tận tâm.

Trong căn nhà rộng bây giờ chỉ có mỗi Kin và cô tớ gái. Coi thì buồn bã nhưng Kin không thấy buồn chút nào, vì Kin vốn không thích đi đâu. Cũng chẳng nuôi chó vì Kin nghĩ không ích lợi gì, có phòng kẻ trộm thì lo đóng cửa ngõ cho chắc chắn, khoá cho cẩn thận thì vẫn tốt hơn, do đó nhà Kin cửa ngõ rất kỹ lưỡng. Sống chỉ có hai người thôi cũng có cái thoải mái. Cô tớ gái không nói được, cho nên có khách đàn ông đến, dù là ai đi nữa, Kin cũng không sợ chuyện lời vào tiếng ra. Dù sao có lúc Kin cũng tự nhiên thấy bất an, cứ nghĩ biết đâu số mình sẽ bị ai đó giết không chừng, nên hơi lo về cái không khí của căn nhà quá tịch mịch. Kin cứ để radio nói suốt ngày là vì thế.

Người thường hay đến với Kin hiện nay là ông Itaya Kiyoji, chủ một tiệm hoa ở Chiba.

Ông này là em ruột của người đã mua cái nhà của Kin ở Atami nên quen nhau. Lúc đầu thì Itaya chỉ gặp Kin có vài lần, nhưng sau đó hầu như tuần nào cũng đến. Tuổi ông ta mới tứ tuần mà trên đầu không còn sợi tóc nào nên trông già hơn nhiều. Hồi chiến tranh, ông có mở hăng buôn ở Hà Nội, sau này về nước nhờ người anh giúp vốn để mở một trại trồng hoa, nhờ thế nên Kin cứ có hoa tươi cắm đầy nhà. Hôm nay thì bó hoa trong bình là loại hoa hồng vàng “Castanien”. Nhìn những cánh hoa xinh, Kin nhớ lại mấy câu của một bài ca nào đó:

Khi Icho đỏ lá vàng

Vườn hồng hắt đã mấy lần đắm sương?

Cánh hoa vàng thắm nồn nường

Đẹp như ai tuổi xa dần thanh xuân!

Kin yêu những cánh hoa hồng vàng tươi thắm, mùi hương của chúng bao giờ cũng gợi nhớ nhung. Từ khi nhận điện thoại của Tabê, Kin miên man suy nghĩ, thấy tình cảm của mình nghiêng nhiều về phía Tabê. So với Itaya, Tabê trẻ hơn. Hồi ở Hiroshima tuy Kin phải vất vả với Tabê, nhưng lúc đó Tabê đang là quân nhân sống lâu ngày trong trại, tuổi lại còn trẻ nên hơi mạnh bạo ít nhiều thì cũng dễ hiểu, nhớ lại cũng thấy vui vui. Ngay cả những điều không vui trong quá khứ, sau một thời gian, đôi khi cũng gây cho ta nhiều hoài niệm, hướng chi!

*

Cũng đâu khoảng năm giờ rưỡi Tabê mới đến, mang theo gói quà với nhiều thứ quý như rượu whisky, pho mát, giấm bông. Đến gần chiếc ghế để bên cạnh lò sưởi, Tabê buông mình xuống một cái rầm. Trông người chả còn vẻ gì là những trẻ trung của ngày xưa: áo vét thì xám, quần màu lục đậm đen, cứ giống như một ông thợ máy. Tabê mở lời:

- Thấy vẫn vậy, lúc nào cũng đẹp!

- Vậy sao? Cám ơn, tưởng cũng đâu sắp hết thời rồi!

- Đâu có, coi hấp dẫn hơn bà-nhà của tôi nhiều! - Ủa, chị nhà còn trẻ mà?

- Trẻ thì trẻ, nhưng mà dân nhà quê!

Chương 10 phần 2

Vừa nói, Tabê vừa đưa cái hộp bằng bạc đựng thuốc lá ra mời và tự tay châm lửa cho Kin. Vừa lúc cô tớ gái bung ra một khay lớn đầy phở mát và giấm bông cắt sẵn, cùng với hai cái ly uống rượu. Tabê buột miệng:

- Cô này coi khá quá!

- Phải, nhưng mà không nói được đâu nghe!

Cô gái cúi đầu chào Tabê một cách kính cẩn, đôi mắt nhu hoà; còn Tabê thì nhìn vào thân hình cô chòng chọc. Thường ngày Kin không chú ý lắm, nhưng bây giờ tự nhiên thấy cái trẻ trung của cô ta bỗng trở nên gai mắt. Kin kéo Tabê trở lại câu chuyện:

- Mọi sự đều suông sẻ cả?

- Ô! Ai? Việc tôi ấy à? Tháng sau thì đứa nhỏ sinh ra rồi!

- Ủa, vậy sao? Kin vừa nói vừa cầm chai whisky rót vào ly của Tabê. Anh ta cầm lên ực một cái cạn sạch, rồi rót lại cho Kin trả lễ.

- Sống thoải mái quá nhỉ!

- Anh nói sao?

- Ngoài đời thì giông bão đủ thứ mà ở đây chả có gì thay đổi, lúc nào cũng sung túc đầy đủ, thực là kỳ diệu. Chắc chắn là có ông nào đó chu tất cho đủ cả chứ gì? Làm đàn bà sướng thật!

- Sao mĩa mai chi quá vậy. Tôi cũng có làm gì xúc phạm đâu mà bị nói như thế?

- Không có, không có, đâu có ý mĩa mai chi đâu, đừng giận nghe! Tôi chỉ định nói cô là người sung sướng, thế thôi. Định nói là đàn ông đi kiếm sống thì khó khăn hơn đàn bà nhiều, rồi tự nhiên diễn tả thành như thế thôi. Ở đời này, muốn sống yên cũng không được – khôn sống mông chết – đôi khi không hại ai thì người ta cũng hại mình. Tôi đây, ngày nào cũng phải như đánh bạc để mà sống chứ phải đâu!

- Nhưng ... chuyện buôn bán lúc này khá lắm mà?

- Khá quái gì, cứ giống như đi lặt lư trên sợi giây, ừ cả tai để kiếm tiền đó chứ!

Kin không nói gì, ngồi yên nhấp nhấp ly rượu. Dưới chân tường vọng lên tiếng của một con dê nào đó, nghe sao mà buồn bã, lẻ loi.

Tabê uống thêm một ly nữa, rồi đột nhiên với qua trên lò sưởi, nắm tay Kin thật chặt. Bàn tay Kin không đeo nhẫn, cứ như một chiếc khăn lụa, thật mềm. Kin cứ ngồi yên nín thở để cho Tabê nắm một cách thụ động, bàn tay để lỏng, lạnh ngắt, mềm nhũn. Đôi mắt đã ngà ngà hơi men của Tabê nhìn Kin, thấy những hình ảnh của ngày xưa kéo về trong trí. Trước mắt mình, Kin đang ngồi đó, vẫn đẹp như xưa. Cái cảm giác sao mà lạ kỳ. Trong đời con người, theo năm tháng dần trôi, mọi sự lúc nào cũng đổi thay, tình cảnh có khi lên, có khi xuống; nhưng người đàn bà này của mình ngày xưa thì chẳng thấy đổi thay gì cả, và đang ngồi đó thực, rõ ràng. Những vết nhăn nhỏ dưới viền mắt cũng vẫn còn đó, giống hệt thuở trước. Nét mặt cũng thế, đường nét vẫn không thấy khác đi gì cả! Làm sao biết được người này đang sống như thế nào? Từ đó đến nay, bao nhiêu là biến chuyển lớn lao trong xã hội đã xảy ra, nhưng có vẻ cuộc sống chẳng bị chút ảnh hưởng gì, lại khá tiện nghi là đằng khác. Nơi đây có đủ cả, tủ áo, lò sưởi, hoa hồng tươi thắm cắm khắp nơi ... và người ấy đang ngồi đó mỉm cười, trước mắt mình, rõ ràng, thực sự! Tuổi thì chắc cũng phải hơn 50 rồi, nhưng vẫn còn đầy vẻ quyến rũ,

nồng nàn...Nghĩ đến đây, tự nhiên trong trí Tabê cái hình ảnh của người vợ trẻ ở nhà bỗng hiện ra. Trong căn gác chung cư, giờ này đang lo làm việc nội trợ, tuy chỉ mới 25 tuổi nhưng đã nhiều mệt mỏi ...

Kin mở ngăn kéo lấy ra một ống điều nhỏ bằng bạc, đặt điều thuốc vào, châm lửa hút và lặng lẽ quan sát Tabê. Hai cái đùi của Tabê cứ rung rung làm Kin thấy khó chịu. Có phải đây là dấu hiệu đang gặp khó khăn về tiền bạc? Kin nhìn Tabê, thấy chẳng còn chút nào tình cảm nồng cháy của những ngày ở Hiroshima thuở trước – Cái khoảng trống giữa mình với Tabê thế mà thực diệu vợi, bây giờ đây gặp lại mới nhận ra được. Thấy sao quá chơi vơi, sao mà lòng lại tự nhiên buồn, sao mà tất cả những gì thân thiết của ngày xưa bỗng phút chốc trở nên nguội lạnh! Phải chăng vì thân thể của người đàn ông này đã quá quen thuộc nên chẳng có gì hấp dẫn nữa? Sao mà thấy không an tâm được, ngồi gần nhau mà tình cảm thực là xa!

- Có quen ai, mượn giùm cho tôi bốn trăm ngàn được không?
- Tiền à? Bốn trăm ngàn là nhiều lắm đó.
- Phải, đang kẹt quá, không biết có cách gì không?
- Có lẽ không được đâu. Bây giờ tôi không đi làm cho nên không có thu nhập gì, bàn chuyện này có vẻ không phải lúc.

- Vậy sao? Trả tiền lời thật nhiều cũng không được sao?
- Chả có tiền làm sao mà nói được hay không chứ! Chuyện này tôi không làm được đâu.
Kin bỗng nhiên cảm được bầu không khí sao trở nên rờn rợn, và thấy nhớ những lúc bình yên bên cạnh ông Itaya. Nén nổi thất vọng về Tabê, Kin nhắc người dậy nâng ấm nước đang sôi trên lò sưởi rót vào bình trà.

- Nếu không có thì thôi hai trăm ngàn cũng được, tôi cảm ơn nhiều!
- Anh hay quá à, ai lại đi nói chuyện tiền với tôi! Anh đã biết là tôi không có tiền mà? Giá có nhờ được ở đâu thì tôi cũng đã đi vay để mà sống rồi. Chắc anh đến để nói chuyện mượn tiền, đâu phải để thăm nhau?

- Đâu có, đến thăm đó chứ. Đến để gặp lại thôi, nhưng mà nói ra là vì nghĩ chuyện gì thì mình cũng tâm sự với nhau được.

- Thử nhờ ông anh một lần nữa xem sao?
- Tiền này dùng vào chỗ không thể đi bàn với anh ấy được!

Kin lại ngồi yên lặng, miên man nghĩ chắc tuổi trẻ của mình cũng chỉ một hai năm nữa là hết. Bây giờ mới hiểu cái tình yêu nồng nhiệt khi xưa có vẻ chẳng còn chút dư âm nào trong cả hai. Nhưng đó hình như cũng chẳng phải tình yêu, đúng hơn là một thứ đam mê thu hút lẫn nhau giữa trai gái, cứ lẫn quện vào nhau như lá vàng bị hút theo cơn gió cuốn ào ào. Bây giờ mình ở đây, Tabê đang ngồi đó, thế mà cả hai không còn chút gì với nhau nữa, ngoài cái điều đã quen với nhau ngày xưa. Có chút cảm giác gì như hụt hẫng khẽ len đến làm Kin thấy trong lòng buồn buồn, tê tái.

Đang ngồi nhấp trà, Tabê dường như nhớ được nên ra vẻ tươi cười, hỏi nho nhỏ: “tôi nay ngủ lại được không”? Kin nhìn Tabê, ngạc nhiên: “Không được đâu, cứ giỡn hoài!” Nói xong, Kin nheo mắt với Tabê, hàm răng giả trắng đều ánh lên trông thật đẹp với nụ cười chưa tắt.

- Trời ơi, sao mà lạnh lùng vậy không biết! Có nói chuyện tiền bạc gì nữa đâu! Chỉ thử vói vỉnh người xưa một chút mà sao khó quá không biết! Nhưng mà, ở đây cứ như một thế giới khác chứ nhỉ! Thời buổi khó khăn mà cô thực là giỏi, có gì đi nữa cũng vượt qua được

cả. Cái này thì mấy cô mới lớn chịu bó tay thôi. À, cô có hay nhảy đầm không?

Kin cười bằng mũi, nghĩ thầm: Nói chuyện mấy cô còn trẻ. Mấy cô ra sao, làm thế nào biết được!

- Nhảy? Có biết gì đâu! Anh có hay nhảy không?

- Cũng có chút chút.

- Vậy sao? Chắc là với người nào tuyệt lắm. Cho nên mới cần tiền, phải không?

- Cứ nói vậy! Đâu có kiếm được tiền nhiều đến độ đem lo ấy chuyện như vậy!

- Ô, nhưng mà nhìn trang phục thế này, nếu không phải làm gì khá thì đâu mà tề chỉnh hẳn hoi như thế!

- Bề ngoài đó thôi, thực ra rỗng túi rồi! Đạo này chuyện làm ăn cũng bầm dập ngóc lên té xuống, hết chịu nổi.

Kin bật cười lớn nhìn Tabê, thấy mái tóc rậm dợn phòng ấy vẫn còn vương xuống trên trán. Mặc dù cái trẻ trung của thuở học trò khi trước không còn nữa, nhưng những đường nét trên khuôn mặt – tuy là không thanh tú lắm – cũng cho thấy được sự cường tráng của một người đàn ông ở tuổi trung niên. Dè dặt như con thú sống trên đồng hoang khi đã đánh được hơi gì lạ, Kin bước lại gần Tabê, vừa châm trà vừa hỏi, nửa đùa nửa thật:

- Nghe đâu tiền sắp phá giá, có phải không?

- Bộ có tiền nhiều lắm hay sao mà lo quá vậy?

- Coi kìa, mới đó lại trở lại chuyện tiền nhiều với ít, anh thực là lạ! Nghe người ta đồn ngoài chợ thì cũng hỏi cho biết vậy thôi chứ!

- Ừm, nước Nhật bây giờ sao mà làm được chuyện vô lý thế. Nhưng không có tiền thì hơi đâu mà lo!

- Phải rồi! Kin vừa nói vừa nghiêng chai whisky rót cho Tabê.

- A.. à, bây giờ mà được lên Hakonê hay chỗ nào yên tĩnh như vậy để nghỉ thì khoái lắm. Ở đó mà ngủ luôn một hơi hai ba ngày thì tuyệt!

- Anh mệt lắm sao?

- Cũng tại cứ lu bu lo kiếm cho ra tiền.

- Nhưng ... anh mà có bao giờ phải lo gì chuyện tiền! Chắc là nghĩ đến cô nào nhiều quá đó thôi!

Tuy không ưa cái sự mực thước quá đàng hoàng của Kin trong cách đối xử, Tabê cũng thấy Kin hay hay, cứ như đang nhìn một món đồ cổ sang và quý giá. “Nếu đêm nay mà mình ngủ lại, thì cũng như mưa xuân đổ xuống ruộng cần”, Tabê vừa nghĩ thầm như thế vừa nhìn vào khuôn mặt của Kin. Những đường nét ở cằm như thế này là biểu hiện của một người cương nghị. Tự nhiên hình ảnh còn mơn mớn của cô tớ gái cầm bông hiện ra trong trí. Cô ta không đẹp, nhưng kinh nghiệm với nhiều phụ nữ khác nhau cho Tabê biết rằng sự trẻ trung là một điểm tốt không có gì sánh bằng. Tabê nghĩ thêm: Giá hôm nay là lần đầu tiên gặp Kin, chắc mọi sự đã không khó khăn như thế này. Mà sao bây giờ thấy Kin lại có vẻ khá già nua ... Kin như linh cảm được ý nghĩ đó, bèn lật đật đứng dậy đi sang phòng bên cạnh, đến thẳng chỗ có tấm kiếng lớn, lấy ra một ống hormone chích vào tay. Rồi vừa cầm miếng bông gòn chà lên chỗ mới chích vừa soi mình trong kiếng, Kin thấy cằm chấm thêm lên mũi mình một chút phấn. Thực là chán, trai gái mà không đậm tình với nhau thì mới đi làm những việc vô duyên như thế này! Kin nghĩ thế mà buồn, bất giác ứa nước mắt. Nếu mà người ngồi ngoài kia là Itaya thì

Kin đã có thể dựa đầu trên gối ông ta mà khóc, hay làm nũng nọ kia. Nhưng với Tabê thì khác, Kin không biết rõ là mình thích hay ghét bây giờ. Một phần thì muốn để về phút đi cho xong, một phần thì Kin lại muốn ghi giữ chút gì là hình ảnh mình trong tim anh ta. Chàng này, từ lúc chia tay với mình đến nay, hẳn đã quen rất nhiều cô khác!

Kin đi rửa tay, rồi trên đường trở lại phòng khách, ghé nhìn thử vào phòng cô tớ gái. Kinu đang cúi mình cắt giấy báo thành những miếng mẫu để học may, cái móng to ngòai trên chiếu, tóc búi cao đưa cái ót cao trắng mịn coi thật đẹp. Cái thân hình săn chắc thấy sao mà ngon mắt!

Trong phòng khách, Tabê đang nằm dài lim dim trên sàn nhà. Kin bước ra, lại gần tủ trà bật radio lên, cố ý để cho tiếng khá lớn. Khúc giao hưởng số 9 của Beethoven vang lên rộn rã. Tabê bật người dậy, uống thêm 1 ly whisky rồi nói:

- Nhớ hồi đó mình đi chơi trong vùng sông ở Shibamata không? Trời mưa to, đến lữ quán thì chỉ có lươn nướng, mà phải ăn không vì họ hết cơm.

- Nhớ chứ! Đâu cũng khoảng trước khi anh vô lính thì phải. Hồi đó thực phẩm đã thiếu lắm rồi. Có nhiều hoa đỏ để trong phòng nữa, còn nhớ hai đứa mình làm đổ cái bình hoa không?

- Phải rồi, còn nhớ chứ! Mặt Kin bỗng trở nên đầy đặn lại, nhìn thấy trẻ hẳn ra. Tabê rủ:

- Khi nào có dịp mình lại đi nữa nghe!

- Đi thì đi, nhưng dạo này cũng đâm ra hơi lười rồi! Chỗ đó chắc bây giờ muốn ăn gì cũng có...

Nói đến đây, trong trí Kin lại hiện ra những hình ảnh ở Shibamata, nhưng không phải là kỷ niệm chung với Tabê. Lúc ấy mới hết chiến tranh, và người đi chơi với Kin là Yamazaki. Yamazaki vừa mới chết gần đây thôi, sau khi mổ bao tử. Kin như còn thấy được mọi chi tiết: Căn phòng hơi tối ở bên bờ sông Edo trong một ngày nóng hầm hập cuối mùa Hạ, những tiếng ì ầm của cái máy bơm nước, tiếng ve kêu ra rả, trên bờ đê nhìn ra từ cửa sổ thì có nhiều xe đạp đua với nhau để đi lấy hàng, khi xe chạy những bánh xe bạc phản chiếu ánh sáng loang loáng. Tuy lúc đó chả phải là lần hò hẹn đầu tiên với Yamazaki, nhưng cái hình ảnh trẻ trung và việc chưa biết gì mấy về đàn bà của Yamazaki làm Kin nhớ mãi, coi như một kỷ niệm vàng mười. Khi đó, đồ ăn thức uống cũng đã phong phú nhiều, chiến tranh cũng đã chấm dứt nên tinh thần mọi người cũng nhẹ nhàng ra, nói chung là mọi sự khá yên tĩnh. Lúc trở về thì trời đã tối, xe buýt chạy về hướng Shin-koiwa bằng đường dành riêng cho quân xa...

- Sau khi mình chia tay nhau thuở ấy rồi, có quen ai đặc biệt hay không?

- Anh hỏi về tôi?

- Phải!

- Người đặc biệt thì ngoài anh ra đâu có ai!

- Vậy là không phải nói thật rồi!

- Ô, sao anh nói vậy? Không phải thế sao? Người như tôi, ai mà tìm tới?

- Không tin đâu!

- Vậy sao? Nhưng mà từ nay trở đi tôi sẽ ráng vươn lên, sống cho có ý nghĩa.

- Ừ, con đường trước mặt còn dài mà!

- Đúng, sống thật lâu, cho đến khi già lụ khụ luôn!

- Từ rày, thôi đừng lằng nhằng bày bạ với ai nữa nghe.

- Cái anh này, mất bót đi đâu cái hiền lành hồi trước hết cả! Sao mà ăn nói như vậy được không biết? Hồi xưa anh khá hơn nhiều mà!

Tabê cầm cái điều con của Kin lên hút mấy cái, vị đắng tràn đầy cả lưỡi. Thấy Tabê rút khăn ra nhỏ phì vào trong đó, Kin cười, bảo “không siêng lau chùi nên chắc bị nghẹt”. Rồi Kin đỡ lấy cái điều, gõ mạnh trên tờ giấy bồi.

Tabê vẫn thắc mắc không hiểu là Kin sống như thế nào. Thời buổi này ai ai cũng vất vả khó khăn mà nơi đây chẳng thấy dấu vết gì là lộn độn cả, có vẻ như muốn kiếm ra vài ba trăm ngàn thì cũng dễ dàng thôi. Tabê chẳng thiết tha gì chuyện ôm ấp chung đụng với Kin, chỉ muốn tìm xem Kin sung túc đến mức nào. Sau khi đi quân đội về, Tabê hăng hái nhảy ra làm kinh doanh, nhưng chỉ mới nửa năm thì số vốn ông anh giúp cho đã tiêu pha cạn hết, cô tình nhân lại sắp sinh con. Trong lúc nguồn cơn bối rối, Tabê nghĩ đến Kin, những mong có gì cứu gỡ. Nhưng Kin của ngày hôm nay không còn là một người tình hết lòng hết sức như ngày xưa nữa, khiến Tabê bàng hoàng thấy cái khoảng cách giữa hai người sao đã quá xa. Lâu lắm mới gặp nhau mà Kin không tỏ ra vui mừng nồng nhiệt gì, cung cách tiếp đãi thì thật đúng đắn, vẻ mặt và cử chỉ lại rất chừng mực, lễ nghi, thấy khó mà tiến gần lại được.

Tabê thử nắm tay Kin thật chặt một lần nữa. Nhưng Kin không chạy qua bên kia lò sưởi với Tabê mà cứ để yên bàn tay như thế, bàn tay kia thì tiếp tục lau cái điều đều đều. Qua biết bao năm tháng, bây giờ cả hai đã mang trong mình những tình cảm phức tạp rất khác nhau. Mỗi người sống theo con đường riêng của mình, ngày lại ngày tuổi tác cứ chồng chất thêm, đẩy những kỷ niệm xưa lui dần, không còn tìm lại được. Giống như nhau, cả hai đều lặng lẽ so sánh người cũ của mình trong hiện tại với lúc trước. Thấy sao như đắm chìm trong một vòng huyền ảo, gặp nhau mà mỗi người đã quá mệt mỏi với con đường đi phức tạp của riêng mình. Ở thực tế bây giờ, không thể hy vọng có sự ngẫu nhiên như trong tiểu thuyết, vì tiểu thuyết có khi còn đẹp hơn, dễ dàng hơn. Những gì ở đây hôm nay chính là cái thực trạng lạ kỳ của cuộc đời – có hai người tìm gặp nhau để thấy mình chối bỏ lẫn nhau!

Có lúc Tabê suy tính là mình có thể giết Kin, nhưng lại ngại ngừng khi nghĩ nếu giết một người – dù tầm thường như thế này – cũng thành mang tội. Giá có giết một hai người đàn bà – thứ không ai thèm để ý đến – thì cũng có sao đâu, nhưng chỉ vì thế mà phí đời mình thì thật quá ngu! Sao lại phải giết một bà già, thấp hèn như sâu bọ, nhưng dù sao cũng không tội tình gì, và đang sống yên ổn ở nơi đây? Chắc chắn trong hai cái tủ áo kia phải có áo kimono chất đầy ắp. Hồi trước, có lần mình đã được xem một chuỗi đeo bằng ngọc dát kim cương nhận từ người nào tên Michel hay gì gì đó, bây giờ những thứ tương tự hẳn phải có cất đâu quanh đây. Cái nhà này cũng chắc chắn là của cô ta...

Tabê nghĩ thêm là nếu có giết một người đàn bà đang ở với một cô gái câm thì cũng chẳng khó nhọc gì, nhưng bỗng thấy sao những hình ảnh của ngày xưa tự nhiên lại sống dậy trong lòng rất mãnh liệt: người đàn bà này, khi mình còn đi học, trong suốt khoảng thời gian chiến tranh xáo trộn ấy, đã từng là người mình thương mến yêu đương! Không biết vì đang say hay sao mà Tabê lại thấy Kin tuy đang ngồi đó nhưng cái bóng thì ăn sâu vào trong da của mình một cách kỳ lạ. Trong trí thì không muốn đụng vào Kin – dù là chỉ đụng vào tay thôi – nhưng bao kỷ niệm cùng Kin trong những ngày đêm thắm thủa xưa lại cứ thắm thiết trong lòng, rất sâu đậm.

Kin đứng dậy đi về phía tủ áo, lấy ra một tấm hình của Tabê thời còn đi học.

- Ô, cái này hay quá!

- Ở trong nhà của Sumiko nhưng cô ấy cho lại đó. Chắc là chụp trước khi mình gặp nhau. Hồi đó trông anh như một công tử nhĩ, mặc kimono với sọc trắng, thấy đẹp không! Cứ đem về đi cho chị nhà xem với. Coi đẹp lắm, không giống cái người hay nói chuyện xóc hông bây giờ chút xíu nào!

- Té ra cũng có một thời tôi được như thế này nhĩ!

- Dĩ nhiên! Nếu anh cứ như thế này mà phát triển ra từ tế đàn hoàng thì ông Tabê cũng là một người đáng kể lắm chứ!

- Nghĩa là định nói tôi không nên người chứ gì?

- Phải!

- Á, cũng tại cô đó, với tại cuộc chiến tranh quá dài!

- Ủa, lo đi đồ lỗi kìa! Không phải như anh nói đâu, tại anh hoá đục ra đó.

- À, đục! Người ta ai cũng thô tục! Thế cả!

- Vậy mà tội nghiệp tôi không, có lòng giữ tấm hình này thực là lâu!

- Thì cũng thành chút kỷ niệm ít nhiều gì đó, chứ cô có cho tôi cái nào đâu?

- Hình tôi?

- Phải!

- Thôi đi, sợ chụp hình lắm. Nhưng mà hình tôi lúc làm geisha thuở trước, có gửi ra mặt trận cho anh mà?

- Làm rớt đâu mất rồi!

- Đó, thấy không, tôi thật thà hơn anh nhiều!

Bức “thành đồng” ngăn cách hai người – thể hiện qua cái lò sưởi ở giữa – có vẻ vẫn không suy chuyển chút nào. Bây giờ thì Tabê đã say khướt, còn Kin thì từ đầu chí cuối chỉ mới uống chưa được lấy nửa ly. Tabê cầm tách trà lạnh lên ực một hơi, rồi buông thõng tấm hình xuống bàn một cách hồ hững.

- Coi chừng khuya quá hết tàu điện, không về được.

- Bộ định đuổi về lúc tôi đang say thế này sao?

- Phải, nhà này toàn đàn bà con gái, hàng xóm người ta bàn tán!

- Hàng xóm? Người như cô mà thêm giữ ý với họ à?

- Vâng, giữ ý chứ!

- Tối nay ông ấy tới hả?

- Ôi, ngài Tabê này, quá sức rồi đó nghe! Anh nói cái kiểu này tôi ghét lắm đó!

- Chả sao, kiếm không ra tiền thì hai ba ngày cũng chưa về được. Hay là ở lại đây?

Kin đưa hai tay lên ôm đầu, tròn xoe hai mắt sững sờ nhìn cái miệng vừa nói xong của Tabê. Cả một môi tình ấp ủ nghìn thu bỗng vụt biến mất! Lặng nhìn người đàn ông trước mắt, Kin chả còn thấy đâu là cái đã gây ỉnh bao xao xuyên trong những ngày xưa, nơi con người này cũng chả còn chút gì là sự biết mắc cỡ của thời thanh niên lúc trước. Kin cũng muốn chia ra một ít tiền để tổng đi cho xong, nhưng nghĩ lại, thấy có cho con người đang say sưa này một xu thôi cũng không đáng. hà để tiền cho những người ngây thơ khờ khạo còn hơn. Đàn ông mà không biết tự trọng thì chả ra gì. Trong đời Kin đã có biết bao người ngây thơ tìm đến, và Kin yêu cái ngây thơ đó, xem như một cái gì quý giá cao thượng. Xưa nay Kin chỉ thích người đàn ông nào mà Kin cho là lý tưởng, cho nên với thực tế hôm nay, Tabê đã trụt xuống cái vị trí của

những kẻ mà Kin xem là quá tầm thường. Khi Tabê không chết ngoài trận tuyến mà lại trở về được bình yên, Kin cho đó âu cũng là số mệnh. Giờ này nghĩ lại, lẽ ra với những vất vả khi xuống Hiroshima thuở đó, Kin đã có thể dứt tình với Tabê được rồi.

- Làm gì mà nhìn chòng chọc vào mặt người ta vậy?
- Ủa, vậy lúc này anh cũng nhìn tôi như thế thì sao? Chắc là nghĩ gì xấu trong đầu chứ gì?
- Đầu có, vì nghĩ đến cô Kin lúc nào cũng đẹp nên chiêm ngưỡng đó thôi.
- Phải, tôi cũng vậy, vì nghĩ anh Tabê bây giờ thực là oai, cho nên...
- Nói ngược chứ gì!

Tabê đang ngồi tưởng đến chuyện giết Kin, nhưng ráng kèm được ý nghĩ để nói trở thành chữ “nói ngược”.

- Anh sướng quá nhỉ, từ đây sắp bước vào lứa tuổi tình hoa phát tiết của đời người.
- Thì cô, cũng còn lâu chán!
- Tôi ư? Hết rồi! Cứ vậy rồi tàn thôi. Muốn hai ba năm nữa là đi về nhà quê sinh sống!
- Vậy lúc này nói sống thật lâu, để rồi lang chạ nợ kia, đó là nói giỡn phải không?
- Trời, tôi có nói vậy đâu! Tôi là người sống với kỷ niệm. Chỉ có vậy thôi. Tại sao mình không là bạn tốt với nhau?
- Lại trở qua chuyện khác rồi. Thôi đừng có nói như kiểu mấy cô học trò còn nhỏ nữa. Kỷ niệm thì ra sao mà chả được!

- Vậy à, nhưng mà... gọi lại chuyện đi Shibamata cũng là anh chứ ai!

Hai đầu gối của Tabê bắt đầu rung rung trở lại. Thấy quá cần tiền. Tiền! Phải làm sao để mượn Kin cho bằng được, năm chục ngàn thôi cũng đỡ rồi.

- Thật tình cô không xoay được sao? Tôi lấy cái tiệm ra làm bảo đảm mà?
- Ủa, lại nói chuyện tiền? Nói với tôi cũng không ích gì đâu. Tôi thực ra không có xu nào, cũng chẳng quen ai giàu. Nhìn tôi có vẻ thế nhưng thực ra thì túi rỗng. Không chừng còn phải mượn anh để mà sống nữa là!
- Chuyện này, tôi mà thành công thì sẽ đền ơn cho cô thật nhiều. Cô là người mà tôi không bao giờ quên đâu!
- Thôi, anh nhiều lời quá, đừng nói mấy cái vuốt ve đó nữa...Anh đã bảo anh sẽ không nói về tiền nữa mà!

Một ngọn gió thu lạnh lẽo mang đầy hơi nước bỗng thổi thốc vào phòng. Tabê cảm thanh sắt để khêu lửa lên. Thoáng trong một giây, hai chân mày của Tabê nhíu lại, đầy vẻ giận dữ. Như bị bóng hình huyền hoặc nào đó lôi kéo, Tabê ghì thanh sắt thật chặt. ột tia chớp chạy nhanh vào mạch máu kích thích cả toàn thân của Tabê. Kin lo ngại nhìn theo bàn tay anh ta. Sao mà cái quang cảnh bây giờ cứ như là mình đã có thấy đâu trước đây rồi?

- Anh say quá, thôi nghỉ lại đêm nay cũng được!

“Thôi nghỉ lại đêm nay!” Tabê nghe mấy tiếng này, bèn thả thanh sắt ra, rồi đứng dậy đi loạng choạng vào phòng vệ sinh. Nhìn theo từ phía sau lưng, Kin như đọc được ý nghĩ của Tabê, bật cười khan, khinh bỉ. Cuộc chiến tranh này làm cho con người đổi thay hết cả! Kin với lên tủ trà lấy xuống mấy viên thuốc ngủ. Chai whisky vẫn còn một phần ba. Chừng này mà cho uống hết, để anh ta ngủ một đêm thật thẳng giấc, rồi sáng mai sẽ tống đi. Phần mình thì đêm nay không chợp mắt được là chuyện chắc!

Kin cầm tâm hình của Tabê lên, đưa vào ngọn lửa nóng. Một ít khói bốc lên, lan nhanh ra

khấp chung quanh. Thấy cô Kinu từ bên ngoài khẽ hé cửa nhìn vào, Kin đưa tay ra dầu, bảo sửa soạn chần nệm cho Tabê. Xong, Kin cắt 1 lát phó mát mỏng đưa lên đốt để át mùi giấy vừa cháy.

Tabê trở lại, tay vịn vào vai cô tớ gái, đang còn đứng ngoài đã hỏi vọng vào:

- Ủa, đốt cái gì thế?

- Muốn nướng chút phó mát ăn thử xem sao, không ngờ nó rớt xuống lửa!

Giữa đám khói trắng của giấy cháy lúc nãy, một làn khói đen cuốn lên nhanh, hoà lẫn tất cả, làm cái chụp đèn thủy tinh tròn bỗng hoá ra lò mờ như mặt trăng khi nằm lẫn trong mây. Mùi dầu cháy thế mà cũng khá nồng. Kin thấy ngọt ngào khó chịu, đứng lên đi mở toang hết các cửa trong nhà.

Hayashi Fumiko viết xong tháng 11-1952

Văn Lang Tôn Thất Phương dịch

Chương 11 phần 1

Hoa Chúc

Funahashi Seiichi

Tiệc cưới của hai họ Sumoto và Hitotsubashi đã đến món tráng miệng. Tiến sĩ H, vị chủ hôn trong buổi tiệc cưới đứng lên đọc một bài chúc tụng khách sáo thường lệ của người chủ hôn. Tiếp theo là những lời chúc mừng cô dâu chú rể của những vị khách như ông B, ông O, ông K. Thế rồi, một người có vẻ như là người xếp trông coi đám bồi bàn của nhà hàng đến sau ghế của tôi, vỗ nhẹ vào vai tôi bảo ” Xin mời “. Tôi bèn để khăn ăn xuống ghế, đứng dậy.

Kính thưa quý vị, tôi là Higuma, vừa hân hạnh được phép đứng lên chúc mừng cô dâu chú rể. Giữa hàng quý khách đông đủ các vị thân hào nhân sĩ ngày hôm nay, một kẻ vô danh tiểu tốt như tôi mà cũng dám đứng lên thưa chuyện trước quý vị thì quả là không biết thân phận mình. Nhưng cũng xin quý vị lượng thứ, vì tôi được người dẫn chương trình tiệc cưới hôm nay bảo lên chúc mấy câu, chẳng lẽ tiệc vui mà từ chối thì bất tiện, nên tôi mới dám vô phép thế này. Một lần nữa xin quý vị lượng tình tha thứ.

Ồ hèm (khẽ hắng giọng).

Sau khi nghe vị chủ hôn giới thiệu, tôi tin chắc rằng đây quả thực là một mối lương duyên có một không hai. Thế nhưng chẳng dấu điểm gì quý vị, tôi xin thưa rằng người biết rõ nhất về cô dâu chú rể chính là tôi, ngoài tôi chẳng còn ai khác. Tôi nói thế này có thể làm phật ý quý vị, nhưng trong quý vị ở đây, bên nhà trai thì cho dù có biết chú rể, mà chẳng biết gì về cô dâu, còn những vị nào biết cô dâu thì lại hoàn toàn chẳng biết gì về chú rể. Như vậy chẳng phải là quý vị chỉ biết có một chiều thôi sao?

Ngài chủ hôn đã giới thiệu về hai họ và cô dâu chú rể để quý vị quen biết nhau, thì phải chăng cũng nhờ biết rõ cả đấng trai lẫn đấng gái, nên tôi mới được phép đứng lên thưa chuyện với quý vị trong tiệc cưới đêm nay, mới hân hạnh được có vinh dự này. Nếu không thì chuyện đã rõ như ban ngày, là đời nào mà tôi lại được lên chúc tụng cô dâu chú rể, trong một bữa tiệc cưới linh đình trọng thể như thế này.

Ồ hèm! (Lại hắng giọng)

Chú rể Sumoto Namio là bạn học cùng trường với tôi, đứng ra phải nói là chỗ thâm giao từ lâu. Như quý vị đã thấy, anh quả là một trang thanh niên khôi ngô tuấn tú, lại là người trực tính, lòng dạ thẳng băng như đốt tre, không cả nể, ghét thói nịnh bợ, nghĩ sao làm vậy. Có lẽ chính cái tính tình cương trực của chú rể đã là nguyên nhân chính giúp anh ta chiếm được cô dâu xinh đẹp mỹ miều này. Xin lỗi quý vị là tôi nói có vẻ hơi lạc đề, nhưng xin quý vị hãy chịu khó nghe thêm chút nữa.

(Ở cuối phòng tiệc, có ai đó nói vọng lên “Nói cho đàng hoàng xem nào!”)

Anh Sumoto tính tình thì như thế, nên tôi xin làm chứng, cam đoan với quý vị rằng, anh ta không hề có chuyện lăng nhăng với phụ nữ. Thậm chí, có khi phải nói rằng anh ta ghét phụ nữ nữa mới đúng. Tôi cũng xin được thưa thêm với quý vị rằng, tôi cũng ghét phụ nữ đấy ạ.

(Ở dãy cuối lại có người la lớn “Đừng có láo toét! “. Tiệc đang nồng, ánh chường đã có người say, rượu vào lời ra, có ý châm chọc...)

Thế là giữa hai đấng nam nhi cùng ghét nữ nhi đã nảy nở một tình bằng hữu. Bấy giờ trong đám bạn học có nhiều anh hay la cà đến các chốn thanh lâu ở Shinjuku hay Susaki, hoặc lui

tới xóm ca kỹ ở Gotanda hay Otsuka. Nhưng anh Sumoto thì cương quyết phản đối điều này, anh đã cùng tôi giao hẹn, thề quyết giữ mình đồng trinh trong sạch. Trong bữa tiệc cưới hôm nay, nhớ lại tình bạn trong sáng ngày nào, lòng tôi không khỏi bồi ngùi cảm khái vô hạn.

(Phòng tiệc bỗng lặng như tờ.)

Thuở ấy hai chúng tôi thường hay rủ nhau đi du ngoạn. Anh Sumoto được trời ban cho có tài vẽ, đi đến đâu cũng lấy giấy ra phác họa cảnh núi sông cây cỏ, nét vẽ thật tài hoa khác hẳn người thường. Còn tôi thì bình sinh là đứa tầm thường, chẳng có tài cán gì, chẳng khác nào như thằng tiêu đồng đi theo anh mà thôi. Những nơi chúng tôi thường đến nhất là vùng Shinshu, Joshu, rồi Izu, nhất là quanh vùng núi Asama, chúng tôi cứ mãi mê đi mãi đến quên cả thời gian. Chúng tôi chọn cả những vùng có suối nước nóng như Yamada, Manza, Hoshi, Hoppo, Kuma no yu..Dần dà còn băng qua đường ranh Joshinetsu, phiêu du đến tận vùng Echigo. Đi lang bạt nhiều nơi như thế, nhưng anh Sumoto vẫn thủy chung giữ nguyên cái tính ghét nữ giới, tâm lòng thật trong sạch không chút bợn nhơ. Về phần tôi, dĩ nhiên, cũng quyết không thua bạn. Vì vậy tự nhiên tôi và anh Sumoto có cái thú muốn biết trong hai chúng tôi rồi đây ai sẽ là người phá rào trước.

Ồ hèm!

Thưa quý vị, thế còn về cô dâu Hitotsubashi Sueko, hôm nay đã chọn được ngày Hoàng đạo để cử hành hôn lễ thật long trọng ở đền thần, nên có lẽ bây giờ tôi phải gọi cô là cô Sumoto Sueko. Toàn thể quý vị ở đây chắc cũng phải nhìn nhận vẻ đẹp chim sa cá lặn của cô. Hôm nay quả là ngày hôn lễ vui mừng của một cặp giai nhân tài tử. Tôi đã quen cô Sueko nửa năm trước khi cô và anh Sumoto quen nhau. Đó là vào một lần ở Shinshu, sau khi tôi vừa chia tay với Sumoto để anh ấy về Tokyo. Trên con đường lớn sắp đến chỗ rẽ, cô Sueko phóng xe đạp từ phía sau tới, sắp đâm sầm vào tôi. Cô vừa bấm chuông vừa bẻ ghi đông tránh sang bên phải, nhưng không may là tôi cũng tránh sang cùng bên, nên bánh xe của cô đâm vào chân tôi, rồi cứ thế cả hai chúng tôi cùng ngã lăn xuống ruộng.

Dường như cô Sueko bị đụng phải chỗ hiểm nên cô ngất đi, đầu bị húc vào ruộng trồng đậu, chân thì bị xe đạp đè lên. Ống quần của tôi cũng bị rách toạc. Tôi vẫn còn nhớ mãi, lúc đó cô mặc một chiếc áo len cài khuy màu xám nhạt và chiếc váy màu đỏ thẫm, chân trần không đi vớ. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ môn một như đang thấy trước mắt cảnh tượng lúc cô bị ngã, sợi dây đeo ở cổ tay cô tuồng như bị đứt, những hạt cườm bằng đá chạm văng ra tung toé bên đường. Tôi đứng dậy lê một chân hơi khập khiễng, dựng chiếc xe đạp đang đè trên người cô lên, lúc đó tôi mới thấy ở kia ống chân trắng ngần không đi vớ của cô đang chảy máu là gì... Tôi nghĩ bụng: “Nguy to”, bèn dẹp chiếc xe đạp sang bên kia đường, và đang định nâng cô Sueko dậy, thì cô còn đang bị ngất, bỗng mở bừng đôi mắt tuyệt đẹp mà nói: “Tôi xin lỗi anh “. Tôi chưa bao giờ được trông thấy một đôi mắt nào thánh thiện và trong suốt đến thế. Người đời thường trân trọng các thứ ngọc bằng đá hay ngọc trai mà họ cho là đẹp, nhưng chẳng qua đó là những vật không hồn, làm sao có thể đem so sánh với đôi mắt của một người con gái đẹp. Chẳng qua vì họ chưa biết đến vẻ đẹp trong đôi mắt của người con gái nên họ mới đem lòng yêu thích kim cương hay ngọc trai. Trên thân thể của người đã có một thứ tuyệt đẹp đến thế, thì kim cương hay châu ngọc phỏng còn có giá trị gì để chúng ta bàn đến nữa.

(Bỗng có người tỏ vẻ sốt ruột)

Cũng vì chuyện này tôi liền viết thư lên Tokyo cho anh Sumoto. Tôi đã viết bức thư ấy trong căn nhà nghỉ mát ở Karuizawa. Nhà làm bằng gỗ, có một chiếc đèn đứng với chân đèn bằng gỗ. Ngay phía trước cửa sổ có một cây hạt dẻ thật cao. Chao đèn phản chiếu hình những bông hoa hạt dẻ trắng như màu tuyết. Tôi đã viết bức thư cho anh Sumoto bên ánh đèn, mở đầu như sau:

“ Sumoto à, tôi muốn cho anh xem cái này.

Tôi viết như vậy, có lẽ anh cũng chẳng hiểu đó là gì. Nhưng tôi rất muốn biết, một khi trông thấy rồi anh sẽ nghĩ thế nào. Anh có biết đó là cái gì không? Anh lạnh trí lắm, nên tôi có cảm tưởng anh đã đi guốc vào bụng tôi. Đó là sự xuất hiện của một người con gái đẹp.. Tôi tưởng chừng như đang thấy nét mặt cau có của anh. Nhưng mà rất đáng để cho anh xem lắm, thật đấy.

Thú thật là từ khi gặp người con gái ấy, tôi đã đổi ý. Một khi đã trông thấy đôi mắt đẹp của người con gái ấy thì tôi không thể nào không thay đổi tôn chỉ của mình bấy lâu. Anh đã biết, lâu nay tôi vẫn nghĩ rằng vẻ đẹp của phụ nữ chỉ là một thứ tà đạo, thân nam nhi mà để bị loạn tâm loạn trí vì thế thì chỉ là hạng người kém hiểu biết, nên tôi vẫn cương quyết làm chủ lòng mình. Thế nhưng nào ngờ hôm nay tôi đã đắm đuối say mê người con gái tình cờ mới gặp. Tôi chưa muốn nói là tôi đã yêu nàng. Nhưng vẻ đẹp của nàng đã làm tâm hồn tôi xao xuyến mất rồi. Tôi đã sinh ra nghi ngờ tự hỏi, tại sao trên đời có đôi mắt đẹp như thế này mà người đời lại quý hoá những thứ không hồn như kim cương hay ngọc trai.

Sumoto ơi, anh hãy tha thứ cho tôi. Lúc này tôi không thể không chế nhạo mình, vì lâu nay đã ngu xuẩn tự giao ãnh cái nhiệm vụ ghét phụ nữ. Có một lần, hôm anh và tôi đi xem tuồng kabuki “Narukami “, lúc đó anh đã chỉ người con gái trên sân khấu mà nói rằng: phụ nữ ai cũng chỉ là hoá thân của loài yêu ma như nàng Kumo no Taema Hime kia. Đàn ông dù cẩn thận thế nào chẳng nữa rốt cuộc rồi cũng thành ngu xuẩn. Anh đã bảo anh không muốn trở thành hoà thượng Narukami. Viết đến đây, tôi lại nhớ lại cảnh trên sân khấu lúc bấy giờ. Liệu rồi nàng có phải là nàng Kumo no Taema Hime hay không. Tôi muốn anh nhận xét thử xem sao.

Mong anh mau tới, sớm chừng nào hay chừng ấy! “

Tôi đã viết một bức thư như thế.

(Tôi vừa nói đến đó, người xếp bồi đã tiến đến đưa cho tôi mảnh giấy giục đã hết giờ, hãy kết thúc nhanh giùm bài chúc mừng cô dâu chú rể.)

Ồ hèm!

Thưa quý vị, người dẫn chương trình của buổi tiệc cưới vừa đưa cho tôi mảnh giấy giục đã hết giờ, đừng dài dòng nữa, hãy đi vào vấn đề chính. Nhưng để quý vị hiểu đích xác đầu đuôi câu chuyện mà tôi không mào đầu như thế này thì e rằng cũng khó trình bày được chân ý.

(Cũng có người la to “Cứ kể tiếp đi!”).

Tôi đã nhận được lá thư hồi âm của anh Sumoto, mà từ đầu đến cuối bức thư đầy ắp từng dòng từng chữ toàn những lời công kích gắt gao, coi việc tôi từ bỏ tôn chỉ ghét phụ nữ là một sự phản bội khó lòng tha thứ. Trong căn nhà nghỉ bằng gỗ ở Karuizawa, tôi đã đọc đi đọc lại bức thư ấy không biết bao lần trong ngẩn lệ, lòng tràn ngập niềm biết ơn bạn, nhưng đồng thời không phải là tôi không biết rằng đã đến lúc phải giã từ tình bạn.

(Bây giờ người xếp bồi lại đến, nắm lấy vai tôi toan lôi tôi đi. Phòng tiệc có vẻ đang xôn xao, nhưng tôi cứ nói tiếp)

Tôi lại viết thư trả lời Sumoto.

“ Quan niệm của anh, coi tất cả phụ nữ trên đời hết thấy đều là yêu ma quỷ quái như nàng Kumo no Taema Hime, chẳng qua chỉ là một thành kiến lệch lạc mà thôi. Trong đôi mắt nàng tuyệt nhiên không hề gọn một chút vắn đục nào của loài yêu quái ấy. Mà cho dù nàng có phải là nàng Kumo no Taema Hime chẳng nữa, thì hoà thượng Narukami, người đã cảm thông với nàng, say đắm nàng, đến nỗi phải phá giới sa đoạ vì nàng, chẳng phải là một người đàn ông hạnh phúc trên đời này hay sao.”

(Đột nhiên có người quát gọi đem đồ nhắm tới, phòng tiệc nhốn nháo cả lên, tiến sĩ H chùng như giận đã sôi gan, bèn bỏ về, nhưng tôi lại càng cao giọng nói tiếp).

Kính thưa tất cả quý ông quý bà trong phòng tiệc, xin quý vị hãy yên lặng mà nghe tôi nói tiếp. Bài chúc của tôi bây giờ mới đến đoạn hay nhất.

(Vị sĩ diện, tôi cứ đứng quay lưng về phía khách dự tiệc cưới mà không buồn quay lại, rồi tiếp tục hùng hồn cao giọng)

Thưa quý vị!

Hoà thượng Narukami đã nhìn thấu được chân tướng của nàng Kumo no Taema Hime, đã biết nàng là yêu quái từ lâu. Nếu cho rằng hoà thượng vì không hay biết nên mới bị nàng quyến rũ mà sa bẫy, thì đó chỉ là một cách nhìn hời hợt. Lẽ nào hoà thượng lại không linh cảm được rằng đó là một con yêu nữ. Tôi cho rằng ngài đã biết nhưng vẫn không tránh được. Thói thường, con người ta tuy biết mình sắp gặp nguy, nhưng mà lại hay cứ cầm đầu cầm cổ đâm đầu vào chỗ chết. Hoà thượng thừa biết mình đang bị bùa phép của nàng Kumo no Taema Hime, nhưng ngài vẫn không thắng nổi sức quyến rũ của nàng, cứ đến gần nàng để rồi vương lụy vì nàng.

Trên sân khấu kabuki, có khi nàng Kumo no Taema Hime cuốn tà áo lên ngay trước mặt hoà thượng, để lộ dưới gấu áo màu đỏ óng chân trần trắng nuốt, có khi nàng lên cơn động kinh ngay trước mặt hoà thượng để ngài phải đỡ nàng, phải xoa từ nhũ hoa cho xuống đến dưới rốn cho nàng. Cho dù là một vị hoà thượng rất đạo hạnh đến đâu đi nữa, trong lúc chạm vào vú, vào rốn và cả hạ bộ của người nữ, lòng trần ắt sẽ nổi dậy, có sa ngã cũng là chuyện thường tình. Người nào vẫn có thể đứng vững cho dù gặp phải tình huống ấy, quả là đức Phật sống trên đời này. Nếu chỉ là một người bình thường ở đời, thì cho dù đó là một vị hoà thượng hay là ai chẳng nữa, nhất định là sẽ không dẫn được lòng ham muốn.

Ồ hèm!

Chương 11 phần 2

Quý vị có mặt ở đây, dù là quý ông hay quý bà, có lẽ đã biết một màn kịch kyogen cũng có tựa đề Narukami, với nhân vật Narukami là một người nữ, ni cô Narukami. Màn kịch mô tả ni cô đã vướng vào tục lụy vì một người đàn ông đẹp trai tên Kumo no Taema no Suke. Có nghĩa là, tôi xin phép thừa không chút khách sáo rằng, cho dù quý vị là hiền nhân quân tử hay thực nữ đoan trang, khó ai tránh khỏi lụy vì tình. Riêng tôi, từ lúc đã trông thấy giòng máu đỏ trên ống chân trắng trẻo của cô Hitotsubashi Sueko, thật chẳng khác gì nàng Kumo no Taema Hime, tôi không khỏi nghĩ rằng mình đã được thấy một vẻ đẹp tương chừng không thể có trên đời.

(Người xếp bồi lại đến, tóm lấy vai tôi như muốn tống cổ tôi ra khỏi chỗ ấy. Nhưng tôi cũng gan lì, tôi đẩy hắn ra.)

Thư từ qua lại được vài tháng sau, tôi đã đi gặp anh Sumoto để kể cho anh nghe rõ đầu đuôi sự tình. Khác hẳn với thái độ trong thư, bấy giờ anh Sumoto lại ra chiều chăm chú nghe câu chuyện của tôi. Nghe được nửa chừng câu chuyện, tôi thấy anh đã có vẻ nao núng dần.

Ồ hèm!Ồ hèm!

- Bộ cô ta đẹp đến thế sao? - Đẹp thật mà. Chắc anh chỉ gặp cô ta một lần là anh cũng phải lòng ngay.

- Làm gì có chuyện vớ vẩn thế! Đàn bà được khen là đẹp chẳng qua vì họ trang điểm. Cứ bỏ sơn phấn đi mà xem, thử hỏi trông họ có còn ra gì không?

- Thôi, chúng ta cứ lờ qua tiếng lại thế này cũng chẳng đi đến đâu. Anh cứ gặp cô ta một lần thử xem. Tôi chắc chắn là anh cũng sẽ phải đồng ý với tôi rằng nàng “đẹp thật”, anh sẽ phải trở mặt ra mà nhìn đấy. Tôi muốn anh phải thú nhận rằng anh đã đầu hàng...

- Cần gì phải gặp, tôi cũng biết đại khái là anh thích kiểu người đẹp như thế nào rồi!

- Dù thích kiểu nào cũng phải công nhận rằng cô ấy đẹp.

- Anh đã nói thế thì... tôi gặp cô ta cũng được thôi. Nhưng trước hết tôi muốn hỏi anh một điều.

- Điều gì?

- Theo như thư đầu anh viết cho tôi, thì anh vẫn chưa phải lòng cô ta. Nhưng anh có viết rằng, anh đã phải ngơ ngẩn trước vẻ đẹp của cô ta, có đúng không?

- Đúng thế.

- Nếu cô ta đã thành người yêu của anh, tôi có gặp rồi khen chê thế nào cũng là vô ích. Nhưng nếu anh cũng chỉ như tôi, và chỉ là vấn đề khách quan, muốn chúng ta cùng xem thử cô ta có đẹp hay không, thì tôi thử gặp cũng được thôi.

- Như vậy cũng được.

Tôi lúng túng đáp. Thế là, anh Sumoto chịu đi gặp cô Sueko.

(Ba người đàn ông lục lưỡng toan điệu tôi ra khỏi phòng tiệc cưới. Nhưng tôi đâu có chịu thua. Đã nói đến đây, thì tôi phải kết thúc câu chuyện chứ, nếu không thì bài chúc của tôi không ra là một bài chúc có đóng mở đàng hoàng.)

Ồ hèm!

Thế là anh Sumoto đã gặp cô Sueko lần đầu vào khoảng nửa năm sau khi có vụ đụng xe đạp giữa tôi và cô ấy. Đó là vào một ngày mùa đông, nói cho chính xác thì đó là vào tối trước

đêm Giáng sinh, trong một buổi hội chợ ở trường cũ của cô Sueko, trường nữ Shida. Ngày hôm ấy, mặc dù trời lạnh cô Sueko vẫn mặc phong phanh, ai lại đứng cái áo len cài khuy màu xám nhạt với chiếc váy hồng, cũng đeo dây chuyền và đeo vòng ở cổ tay, giống hệt như hôm cô phóng chiếc xe đạp bóng loáng, về chỗ có ngã rẽ trên con đường lớn, có cây thông rụng lá và hoa huệ ngày nào. Hôm ấy cô phụ trách kỹ thuật ở hậu trường sân khấu giúp vui cho ngày hội chợ.

Tôi cứ tưởng là hôm ấy cô sẽ mặc một bộ quần áo sang trọng hơn nhiều, nên vừa trông thấy cô tôi đã nghĩ bụng “Hồng kiều rồi!”. Thế này thì làm sao mà anh Sumoto trầm trồ khen ngợi được. Tiếc là không thèm để ý đến đàn bà con gái, nhưng thực sự anh ta lại kén chọn ra phết đấy. Không đóng bộ cho thật lộng lẫy vào, thì khó mà ăn điểm với anh chàng. Nhưng nào ngờ cô Sueko lại chỉ mặc mỗi một chiếc áo len cài khuy màu xám nhạt, giống như hôm ở Karuizawa. Cô còn đang giúp việc trong hậu trường sân khấu, có vẻ như mặt mày còn dính bụi lem luốc nữa. Tuồng như cô cũng chẳng son phấn gì, lại còn đầu bù tóc rối.

Tôi chỉ vào hậu trường nói:

-Kìa, cô ấy đấy!

Anh Sumoto chỉ nói có mỗi một câu:

-Đấy sao?.

Rồi anh chẳng nói chẳng rằng, tuy rằng cũng có vẻ như đang chăm chú nhìn thật kỹ. Đoạn anh cùng tôi ngồi xuống, ngả lưng vào thành ghế xem văn nghệ, miệng nói:

-Cũng thường thôi.

Làm tôi chẳng biết phải trả lời thế nào, trong bụng cứ hối tiếc vì đã để cho anh ta trông thấy cô Sueko không đúng lúc.

Tôi hỏi anh:

- Không chấm được sao?

Anh liền hỏi lại tôi:

- Thế anh chú ý cô ta ở điểm nào mới được chứ?

- Điểm nào thì tôi không nói được. Tôi chỉ nghĩ rằng người như cô ấy thì mình có thể yêu được.

- Nếu nói yêu, thì yêu ai mà chả được. Tất cả các cô gái trong ngày hội chợ này ai cũng đáng yêu. Không có ai là không đáng yêu cả.

Sumoto nói tiếp ra về ta đây:

- Tôi không nói chuyện đáng yêu hay không đáng yêu, mà chỉ muốn nói một cách khách quan về giá trị của người phụ nữ. Hầu như không có người con gái nào đáng gọi là phi phàm cả.

Ồ hèm!

Sau ngày hội chợ được ít lâu, thỉnh thoảng ba chúng tôi lại gặp nhau. Có khi hai thanh niên chúng tôi đến phòng của cô Sueko, cũng có khi cô đến chỗ tôi rồi cùng tôi đến nhà anh Sumoto, lại có những lần cả ba chúng tôi hẹn gặp nhau ngoài phố như Ginza hay Shinjuku.

(Nói tới đây, trước mặt tôi cô dâu chú rể đã biến dạng tự bao giờ. Không những thế, mà tôi còn kinh hoàng nhận thấy tất cả những bông hoa tươi thắm đẹp để trang hoàng trước mặt cô dâu chú rể đều gục đầu ủ rũ. Nhìn những bông hoa héo rũ rượi mà tôi giật mình. Phải chăng bài chúc mừng của tôi đã có ám khí khiến cho cả đến những bông hoa tươi cũng phải héo úa?

Không! Không đời nào như thế! Trong buổi tiệc mừng hôm nay, tôi chỉ thành thực cổ tường thuật lại một cách trung thực, không dám đem đặt điều gì về con đường tình sử mà cô dâu chú rể đã qua, để nói lên ý nghĩa của cuộc hôn nhân này).

Ồ hèm!

Mùa hè năm sau đó, ba chúng tôi lại cùng đi Karuizawa. Chúng tôi bắt đầu cuộc sống chung trong một chiếc chòi gỗ nơi nghỉ mát do tôi đứng tên thuê ở giữa rừng cây xanh, cách con đường nhỏ có sân quần vợt một quãng đường. Thừa các vị quý khách trong buổi tiệc rất đông người hôm nay, quý vị nghĩ sao về cuộc sống đó? Nói vô phép các ngài, tôi chắc rằng trong các ngài không phải là không có người liên tưởng tượng rằng chúng tôi là những kẻ lập dị, đã sống theo kiểu quan hệ tay ba, hai ông một bà. Một người nữ với hai người nam, trong chữ Hán nếu viết hai chữ nam ở hai bên và một chữ nữ ở giữa, thì đó là chữ “điều” có nghĩa là đùa bỡn, ỡm ờ. Một người con gái ỡm ờ với hai người con trai... là đồ nỡm. Mà hai người con trai đùa bỡn với một người con gái thì thật là tội nghiệp cho cô ta. Viết “đùa chết người”, với chữ đùa là chữ “điều” này, là để trở việc hai người con trai xúm lại mà làm hại đời một người con gái cho đến chết.

Thế nhưng xin quý vị đừng lo. Ở Karuizawa, ba chúng tôi đã không làm điều gì để quý thần phải quả trách. Chúng tôi theo nguyên tắc phân công, mỗi người một việc. Tầng một là phòng khách vách gỗ kiểu tây phương. Các phòng lát chiếu kiểu Nhật ở tầng hai, gồm một phòng sáu chiếu và một phòng ba chiếu. Còn có thêm một phòng làm việc có thể dùng thành phòng ngủ. Phải nói đó là một diện tích quá rộng rãi cho cuộc sống chung của ba chúng tôi. Chúng tôi ai ở phòng nấy, khi ăn xuống phòng khách, theo kiểu góp gạo thổi cơm chung. Ngoài ra đến giờ đọc sách thì tôi làm thầy giáo, còn cô dâu chú rể trong tiệc cưới hôm nay làm học trò, học với tôi các môn như tiếng Pháp chẳng hạn. Giữa tôi với anh Sumoto, nếu bảo ai là người săn sóc cô Sueko nhiều hơn, thì thật là khó nói, vì cách đối xử ân cần với phụ nữ của tôi và của anh mỗi người một khác.

Một hôm cô Sueko bị sốt nặng. Việc săn sóc cô lúc đó mới là gay go, vì hai chúng tôi chẳng phải là anh hay em trai cô. Lúc ấy giữ việc thay túi nước đá trườm cho cô là anh Sumoto, nhưng tôi lại phải lo đập nước đá cho vụn để bỏ vào túi trườm. Ra phố mua nước đá cũng là bổn phận của tôi. Vì không có bình trườm nước nóng, nên hai chúng tôi phải thay phiên nhau hơ tay trên than hồng cho ấm, rồi áp tay vào hai gót chân nhỏ bé của cô Sueko. Suốt đời tôi không bao giờ quên được cái cảm giác khi ôm gót chân và cổ chân mềm mại của cô lúc đó.

Tối hôm đó, sau khi uống thuốc át xpi rin, cô Sueko bỗng ra mồ hôi ướt đầm khắp người. Tất nhiên là không thể để mặc như thế, mà phải lau mồ hôi và thay áo ngủ cho cô. Một trong hai chúng tôi sẽ nhận nhiệm vụ này, thật là một vấn đề tế nhị và có tính cách quyết định, mà cô Sueko thì lại không chịu để cho cả hai chúng tôi cùng làm. Mà cũng dĩ nhiên là thế.

Ồ hèm!

Tôi và anh Sumoto bèn lấy bộ bài ra để bốc thăm. Ai rút được con ách cơ sẽ được phép lau người cho cô Sueko. Chồng cỗ bài được đặt trên bàn. Trước hết phải định xem ai là người được giờ bài trước. Tôi được đi trước. Tôi giờ trúng con bích số 6. Đi trước mà lại rủi ro. Đến lượt anh Sumoto giờ bài. Anh được con rô số 9. Tiếp đó là tôi được con cơ số 2. Tim tôi đập thình thịch. Rồi anh Sumoto được con cơ số 5. Rồi đến lượt tôi được con đầm chuồn.

Anh Sumoto được con rô già, tôi con chuẩn 8... Rút mãi mà chưa thấy mặt con ách cơ.. Mãi đến lượt thứ 42, khi vừa thấy mặt con ách cơ, thì bấy giờ mồ hôi đã vã ra khắp người tôi, còn anh Sumoto cũng mồ hôi mồ kê nhễ nhại. 42 là số chẵn, vì thế đương nhiên thắng lợi về phía Sumoto. Hai mắt anh như đang bốc lửa và long lên, anh nhìn tôi mà hét lớn:

-Đi ra ngoài!

Tôi thất thểu bước ra ngoài. Tôi đã khóc, khóc vật vã. Làm sao mà không khóc được. Cánh cửa phòng đã khép chặt. Sau đó tất cả đều im phăng phắc, chẳng còn nghe thấy động tĩnh gì cả.

Có lẽ bây giờ cô Sueko đã cởi trần, được cởi bộ áo ngủ ướt đầm mồ hôi, và anh Sumoto đang được cầm chiếc khăn khô lau tấm lưng và bộ ngực đẹp đẽ của cô. Đã cởi áo rồi thì chắc là cũng phải cởi luôn cả quần, cởi quần lót, cởi cóc xê...Cô đổ mồ hôi là vì uống thuốc át xpi rin chứ có phải là làm điều gì để thần thánh phải quả phạt đâu. Cô bị trần truồng, cho dù có bị lộ những chỗ kín đáo, cũng không phải là điều bậy bạ. Thế nhưng liệu lúc đó anh Sumoto có đủ bình tĩnh mà cầm lòng được không nhỉ? Hay là anh cũng động lòng như hoà thượng Narukami mà rơi từ trên bệ thờ xuống đất. Phải chăng đúng như điều tiên đoán ngày nào, cô Sueko quả là một nàng Kumo no Taema no Hime.

Trời! Phải chi mà tôi đổi được vị trí của con ách cơ ấy, thì cái trọng trách tuyệt vời ấy đã về phần tôi, và sự thế sẽ khác hẳn như sáng với tối. Nếu là tôi, tôi sẽ chỉ cởi quần áo để lau mồ hôi cho cô mà không có một ý nghĩ vẩn đục nào. Tôi sẽ rất tỉnh táo. Trước hết là cởi áo để lau bán thân trên, không thể không lau đôi nhũ hoa và dưới nách cho cô. Rồi sẽ từ từ lau xuống dưới, từ ngực xuống dưới bụng và quanh rốn. Rồi cởi quần, lau thật kỹ hạ bộ. Lòng tôi không gọn một mảy may nào ham muốn xác thịt, mà chỉ nghĩ đến chuyện lo lau sạch mồ hôi cho cô mà thôi. Như thế đã đủ để tôi mãn nguyện, không còn gì phải hối tiếc trên đời này nữa. Càng nghĩ tôi càng oán hận con ách cơ. Phải chăng, cũng vì ngày hôm ấy mà viên ngọc quý đang ở trong tay, đã tuột ra khỏi lòng bàn tay tôi mà lăn sang tay anh Sumoto.

Thế nhưng, một lát sau cánh cửa mở, anh Sumoto bước ra, nét mặt hiền hoà hơn cả mọi ngày. Thực tình, giữa hai người dường như không có chuyện gì xảy ra cả, họ đã mời tôi vào phòng, rồi bấy giờ đến lượt giờ bài để xem ai sẽ phải đem quần áo dính mồ hôi đi giặt.

Lần này anh Sumoto lại ra hên là lá bài J- thắng điều. Tôi thận trọng giờ từng lá bài, bụng bảo dạ, lần này thì nhất định không để bị thua. Tôi đã nhường cho bạn Sumoto được lau mồ hôi cho cô Sueko, không lẽ lại chịu thua luôn cả cái khoản giặt quần áo cho cô sao. May mắn là đến lá bài thứ 15 thì tôi được. Thế là tôi liền vợ bộ quần áo ướt mềm của cô cho vào giỏ, vội đem ra vò ở sân sau nhà. Đúng lúc ấy, gió thổi lùa vào tàng cây hạt dẻ làm con chim lạ giật mình kêu lên một tiếng và bay vụt đi. Tôi xắn tay áo lên, bắt đầu giặt. Thật là mới thấm thiết, náo nùng ai oán làm sao! Tôi thấy rõ nước mắt mình đang rỏ xuống bộ quần áo ngủ màu trắng của cô Sueko. Tôi đoán là từ hôm hội chợ, anh Sumoto đã đem lòng yêu cô Sueko, và dần dần cô cũng đã phải lòng anh. Tấm tình của hai người đã sâu đậm từ lâu, đến độ không thể dứt ra được nữa, thế nhưng vì tình nghĩa với tôi nên họ vẫn phải dối lòng.

Ô hô... (khóc)

Thế nhưng làm sao người ta có thể dối lòng chỉ vì tình nghĩa. Cũng như hoà thượng Narukami dù có phép thần thông đến đâu, cũng không dứt bỏ được tấm tình của ngài với nàng Kumo no Taema Hime. Cái sự nể nang vì tôi đã quen cô Sueko trước, gặp phải ngọn lửa tình

nóng bỏng của họ, đã bị thiêu rụi thành tro và bay đi mất giữa khoảng trời cao rộng.

Trời ơi, vẻ đẹp trong đôi mắt của người con gái còn hơn cả thần thánh nữa đấy trời ạ.

Ồ hèm!

Đến đây tôi xin được kết thúc bài chúc mừng về và dài dòng trong buổi tiệc cưới hôm nay, để mừng cho cô dâu chú rể đã tìm được một tình yêu thiêng liêng cao quý. Và tình yêu của họ đã may mắn thành tựu, để có được ngày hôm nay, ngày giao ước sẽ trọn đời bên nhau đến bách niên giai lão, đồng tịch đồng sàng đồng quan đồng quách. Thành thật xin tất cả quý vị trong tiệc cưới hôm nay tha lỗi cho tôi, đã bắt quý vị phải bận tai lắng nghe một bài chúc dài dòng vãn tự.

(Tôi nói đến đây, không kịp lau mồ hôi đang vã ra, và ngồi xuống. Nhưng nhìn quanh phòng tiệc tôi om chẳng thấy một ai. Còn chùm đèn sáng choang như đèn hoa chúc trong ngày cưới lúc này, thì đã tắt ngấm tự bao giờ).

Dương Thị Tuyết Minh dịch

Nguyên tác: “Kashoku”, Funahashi Seiichi, trong tuyển tập Truyện ngắn Nhật Bản

Chương 12

Gào Trăng Trong Núi

Nakajima Atsushi

Lý Trung người Lũng Tây học rộng tài cao, cuối năm Thiên Bảo, tuy hãy trẻ mà đã tên đề bảng hổ, được bổ ngay chức Ủy ở Giang Nam. Tính tình ngang bướng, chẳng coi ai hơn mình, không chịu nổi phận hèn kém nên chỉ ít lâu đã treo ấn về vườn. Nằm khềnh ở núi cũ, đóng cửa tuyệt giao người đời, mê mải làm thơ quên hết ngày giờ. Lý nghĩ thay vì ôm chức lại quên suốt ngày quỳ gối trước bọn thượng quan như bản, chỉ bằng theo đuổi nghiệp thơ để trăm năm sau danh thơm hãy lưu truyền hậu thế. Tuy nhiên, tên tuổi nào có thấy đâu mà cái nghèo cứ bám miết làm Lý không khỏi bức bối. Từ đấy, mặt mày tiều tụy, gầy guộc xác ve. Ngoài cặp mắt với cái nhìn sắc cạnh riêu cợt, chẳng còn tìm đâu ra dấu vết phong thái trẻ trung, đôi má tròn căng của ông tân tiến sĩ ngày đăng khoa. Chỉ được vài năm, không kham nổi cảnh túng quẫn, vì miếng cơm manh áo vợ con, đành khuất tiết, khăn gói về Đông nhận một chức quan nhỏ địa phương. Làm như thế một phần cũng vì đã tuyệt vọng về đường thi phú. Bè bạn đồng lứa ngày xưa ai nấy đều đã đường mây nhẹ cánh nhưng không nói cũng thừa biết, việc phải nhận mệnh lệnh từ lũ xưa kia Lý vẫn cho là lục tục tầm thường và không thêm để mắt tới là cực hình cho lòng tự ái của kẻ một thuở tài danh. Lý đâm ra tức tối nóng nảy, bắt đầu cảm thấy không kìm được triệu chứng cuồng khí đang bốc lên trong người. Cách đó một năm, khi có việc quan phải đi xa, đến chỗ trọ bên bờ sông Nhữ Thủy thì bệnh bỗng phát ra. Nửa đêm, mặt mày chợt biến dạng, Lý đứng trên giường gào hú những âm thanh lạ lùng không ai hiểu nổi rồi cứ nguyên như thế nhảy xổ xuống, chạy như ma đuổi vào trong đêm tối. Lý không bao giờ trở về nữa. Cho người kiếm khắp núi non rừng rú quanh vùng cũng chẳng đâu ra vết tích. Từ dạo ấy, không còn ai rõ hành tung.

Năm sau, có quan Giám Sát Ngự Sử người quận Trần tên gọi Viên Tham phụng mệnh xuống miền Lĩnh Nam, dọc đường ngủ đỗ đất Thương Ô. Sáng hôm sau, mới tờ mờ đất, quan đang sửa soạn lên đường thì kẻ lại giữ nhà trạm cho biết đoạn đường sắp tới thường có hổ ra vồ người nên bộ hành phải đợi trời sáng rõ mới dám đi. Bây giờ hãy còn quá sớm, quan nên đợi thêm chốc nữa. Thế nhưng Viên Tham có lẽ cậy tùy tùng đông đảo, gạt phắt lời khuyên của dịch lại. Khi đoàn người đang nương theo bóng trăng tà đi ngang truông cỏ giữa rừng thì đúng như dự đoán, một con mãnh hổ chợt từ lùm cây phóng vọt ra. Hồ mới dợm chồm về phía Viên Tham thì thoát cái đã quay ngoắt vào bụi rậm. Giữa lùm cây bỗng nghe có tiếng người thì thảo lập đi lập lại “ Suýt chút nữa xúc phạm đến cổ nhân!”. Giọng nói ấy Viên Tham có dịp nghe ở đâu rồi. Tuy đang kinh hãi nhưng trong đầu Viên Tham bỗng như có ánh chớp loé ra, sức nhớ mới kêu lên: “Tiếng nói kia có phải của bạn ta là chàng Lý Trung không?” Viên Tham vốn đỗ Tiến Sĩ đồng khoa, là một người bạn thân trong số người hiếm hoi Lý cho là bạn. Có lẽ chỉ vì Viên tính khí ôn hoà, không xung khắc với cái kiêu căng ngạo mạn của Lý.

Bằng một lúc, trong lùm cây không thấy ai đáp. Thế rồi nghe tiếng khóc thút thít nghẹn ngào vọng ra từng hồi. Một hồi sau, mới có giọng trầm trầm trả lời: “ Vẫn còn gọi tôi là Lý Trung đất Lũng Tây được đấy!”. Viên Tham quên cả sợ, xuống ngựa tiến lại gần lùm cây, bồi hồi kể lễ nỗi nhớ nhung lâu ngày vắng bạn. Lại hỏi tại sao không chịu ra khỏi lùm để gặp nhau. Lúc ấy mới nghe giọng Lý Trung trả lời cho biết ngày nay mình đã mang hình quái vật

gớm ghiếc thì đâu dám bước ra chào cổ nhân mà không khỏi thẹn. Hơn nữa, có chường mặt chỉ làm bạn cũ sinh lòng khiếp sợ và ghét bỏ thôi. Tuy nhiên hôm nay không hẹn mà gặp cổ nhân giữa đường thì lòng mình vô cùng cảm khái quên mất tị hiềm. Thế thì cho dù một khoảnh khắc, chỉ xin đừng đem lòng ghê tởm cái vỏ ngoài xấu xí kinh khiếp mà cho gã Lý Trung ngày xưa được trò chuyện đôi lời.

Về sau Viên Tham nghĩ lại mới thấy lạ lùng nhưng thực tình lúc đó quan đã đối phó với tình huống dị thường này hết sức tự nhiên, không hề kinh động. Quan bèn truyền lệnh cho đội ngũ tùy tùng dừng chân lại và một mình đứng trước bụi rậm trò chuyện với cái tiếng người kia. Họ hết trao đổi về những tin đồn ở kinh đô, tin tức bạn bè cũ, địa vị của Viên bây giờ rồi đến lượt Lý Trung chúc mừng Viên Tham. Sau bao câu chuyện ân cần với giọng thân mật như thuở còn trai trẻ, Viên Tham mới hỏi Lý Trung vì có gì để thân phải đến nước này. Trong bụi cỏ, tiếng người mới thuật hết ngọn ngành:

Cách đây độ một năm, trên đường đi xa, ban đêm lúc tôi ngủ ở quán trọ bên bờ Nhữ Thủy thì chợt thức giấc và nghe như ngoài cửa có ai gọi tên mình. Tôi mới nghe theo bước ra ngoài thì tiếng kêu từ trong bóng tối đôi lúc cứ tiếp tục vầy gọi. Bất giác, tôi đuổi theo tiếng gọi ấy và sau một hồi chạy bất kể trời đất như trong cơn mơ, tôi đến tận bìa rừng. Thế rồi không biết tự lúc nào, hai bàn tay tôi đã cào lấy mặt đất và nương theo đó phóng đi. Tôi cảm thấy trong người dào dạt một nguồn sinh lực sung mãn giúp tôi trèo vượt đá ghềnh thoăn thoắt. Nhìn lại mới thấy chỗ từ ngón đến khuỷu tay, hình như lông lá đã bắt đầu mọc. Lúc trời sáng thêm một chút, đến chỗ dòng sông dưới thung lũng nhìn hình thù in trên mặt nước thì thấy mình đã hóa hổ rồi. Lúc đầu còn tưởng là hoa mắt, sau lại ngỡ đang ở trong giấc chiêm bao. Bởi vì tôi từng có kinh nghiệm lúc đang ở trong giấc mộng lại thấy mình nằm mộng nữa kia. Đến khi thấy cần phải hiểu đây không là mộng mị gì cả, tôi mới dăm ra thần thờ. Rồi khiếp sợ. Một sự sợ hãi sâu xa vì biết rằng bất cứ chuyện gì quái lạ đến đâu cũng có thể xảy ra. Thế nhưng có gì tai nạn lại đổ lên đầu tôi thế nhỉ. Không hiểu được. Hoàn toàn không hiểu nổi. Chắc số trời bắt tôi phải sống cái kiếp này mà không cần cho biết lý do, chỉ nên lẳng lẳng chấp nhận định mệnh đã an bài như thế. Tôi đã định hủy mình. Có điều lúc tôi chực chết đi cho yên lòng có con hổ chạy qua trước mặt. Nhân tính liền biến đâu mất. Khi cái thằng người trong tôi bừng mắt dậy thì mồm tôi đã đầy đầy máu thỏ, bên cạnh lông thỏ rụng vương vãi rồi. Đây là kinh nghiệm làm hổ đầu tiên trong đời tôi. Còn nói chi biết bao điều tôi tiếp tục làm kể từ ngày ấy.

Duy có một đôi giờ trong ngày, tình cảm con người trở lại trong tôi. Khi ấy, tôi vẫn còn sử dụng được tiếng người và có khả năng suy nghĩ những điều khá phức tạp như xưa. Hãy còn nhớ lầu lầu nội dung sách vở kinh sử. Lúc đó tôi có dịp đem cái lòng con người để đánh giá hậu quả những hành vi tàn ngược tôi đã làm trong lột hổ, rồi lúc nhìn lại số phận mình, tôi thấy không có gì đáng thẹn, đáng sợ và đáng tức hơn. Tuy nhiên theo thời gian, những giây phút trở về với bản tính con người càng ngày càng ngắn lại.

Tôi hãy còn lấy làm quái lạ tìm hiểu tại sao mình lại hóa hổ nhưng mấy lúc gần đây, có khi bắt đầu tự hỏi tại sao trước kia mình là người cơ nhỡ. Đó mới là điều đáng sợ. Mai một, cái phần tình cảm con người chắc sẽ bị tập quán thú vật chôn biến đi chăng? Khác nào nền móng cung điện cổ xưa bị vùi trong đất cát. Cứ như thế, một ngày khi quên hết cái quá khứ làm người rồi thì chỉ còn là một con hổ hung hăng, gặp cổ nhân ở giữa đường nhận không ra, có vỏ ăn thịt cũng chẳng cảm thấy chút hối hận. Thế thì người lẫn thú, cả hai trước kia là loài gì thế?

Trước đó hãy còn nhớ gốc gác sau dần dần quên bằng đi và cứ ngỡ hình thù hiện tại mang trên thân xác mới là cái ta xưa nay? Nhưng thôi, chuyện đó ra sao cũng được! Để mặc tình cảm con người sót lại trong lòng biến mất đi có khi giúp mình sống hạnh phúc hơn. Dầu vậy cái phần con người trong ta nó lại không sợ gì hơn là rơi vào cảnh đó. Ôi, buồn làm sao, lo làm sao mà cũng xót xa làm sao mỗi lần nghĩ đến khi mình sẽ quên đi có lúc đã làm người. Tình cảm này ai thấu cho ta. Chắc nào ai biết được! Nếu có, phải là người sống cùng hoàn cảnh. À này, phải rồi! Trước khi tôi hoàn toàn hết còn là người, chỉ xin cố nhân giúp ột chuyện.

Nãy giờ, cả Viên Tham lẫn đám tùy tùng đều nín thở, lắng tai nghe tiếng nói lạ lùng từ trong lùm cây vọng ra. Giọng ấy lại tiếp tục:

Không dám yêu cầu gì quá quắt. Lý tôi bình sinh làm thơ và những mong nhờ đó để chút danh lại trên đời. Nay sự nghiệp chưa thành mà số phận đã ra nông nổi này. Xưa kia sáng tác được vài trăm bài vẫn chưa có dịp cho lưu hành ở đời. Bản thảo bây giờ cũng không nhớ để đâu. May là trong số đó vẫn còn thuộc lòng vài chục. Chỉ mong bác giúp ghi chép gìn giữ hộ. Không phải muốn dựa vào đó để dương danh thi sĩ. Thơ tôi hay dở mặc lòng nhưng nó tượng trưng cho những gì một đời đeo đẳng đến nỗi cửa nhà khánh tận, tính khí cuồng điên. Nếu không gửi gắm một chút lại đời sau thì chết đi khó lòng nhắm mắt.

Viên Tham bảo bộ hạ đem giấy bút rồi theo tiếng nói trong bụi mà ghi chép lại. Giọng Lý Trung từ lùm cây vang ra sang sảng. Dài ngắn cả thảy trên ba mươi bài, văn thể cao nhã, ý nghĩa phiêu dật, chỉ đọc qua một lượt đã thấy bài nào cũng bộc lộ tài năng phi phàm của tác giả. Tuy trong bụng không khỏi khen thầm nhưng Viên Tham mơ hồ cảm thấy quả tình không có gì để nghi ngờ năng khiếu trời cho của Lý mà quái lạ, các tác phẩm coi như vượt hẳn người đời thế này xem ra hãy thiếu thiếu cái gì.

Sau khi đã để tuôn trào những vần thơ cũ, giọng của Lý Trung đột nhiên đổi khác, như thể tự trào:

Đáng thẹn cho tôi, ngày nay đã mang cái lột góm ghiếc này rồi mà vẫn cứ muốn nhìn thi tập của mình bày trên án thư của khách phong lưu tài tử đất Trường An. Nằm dài trong hang đá mà còn mơ mộng chuyện đâu đâu. Cứ chế giễu tôi đi! Thằng đàn ông đáng thương, nhà thơ thì không thành mà lại thành hủ (Viên Tham nghe và chột nhór cái tật thích tự trào của Lý Trung ngày còn trẻ mà đau lòng cho bạn). Được rồi, để bác có thêm dịp cười cợt, tôi xin ứng khẩu đọc mấy vần thơ nói lên cái tâm sự bây giờ của tôi. Nó là bằng cứ cho thấy trong xác hủ này vẫn còn có chút Lý Trung:

Ngẫu nhân cuồng tật thành thù loại,
Tai họa tương nhưng bất khả đào. Kim nhật thảo nha thù cảm địch,
Đương thì danh tích cộng tương cao.
Ngã vi dị vật bông mao hạ,
Quân dĩ thừa diêu khí thế hào.
Thử tịch khê sơn đối minh nguyệt,
Bất thành trường khiếu dẫn thành hao.
(Nhớ mắc bệnh cuồng mang xác lạ.
Tai họa bao vây, trốn thế nào?
Nanh vuốt ngày nay ai chẳng sợ,
Nhớ xưa danh tiếng một thời cao.

Tôi thân quái vật vùi trong cỏ,
Bác ngựa xe quan thế mạnh bao!
Đêm nay khe núi nhìn trăng sáng,
Muốn rống thê lương, thoát ghen ngào)

Lúc đó, trăng tàn, ánh sáng tỏa bàng bạc, móc trắng thấm ướt mặt đất, gió lạnh len qua hàng cây báo hiệu ngày sắp rạng. Mọi người hầu như đã quen với không khí quái dị, chỉ than thầm cho cái thái độ khinh bạc của nhà thơ. Lý Trung lại tiếp lời:

Tôi vừa thừa không biết có gì mình ra nông nổi này nhưng suy đi nghĩ lại thì sự thể xảy ra không phải hoàn toàn vô cớ. Khi tôi còn là người, tôi lại cố kiếm cách lánh đời. Họ bảo tôi ngạo mạn, tự cao tự đại. Nhưng ai nào biết cho thái độ đó chỉ bắt nguồn từ tính nhút nhát của tôi. Dĩ nhiên, ngày xưa trong xóm ngoài làng, được xem như kẻ tài năng xuất chúng, tôi làm gì không khỏi tự kiêu. Nhưng phải nói cái tự kiêu đó xuất phát từ tính nhát nhúa mà thôi. Một đằng tôi muốn mượn văn chương để lưu danh với đời, một đằng lại ngại tìm thầy, kết bạn hồng trao đổi dồi mài thêm. Nói cách khác đi, cứ như là cao ngạo không muốn chung đụng với những kẻ碌碌 thường tài. Nhưng điều đó cũng là do lòng tự tôn phát xuất từ nhát nhúa và e thẹn. Sợ làm hao phẩm chất châu ngọc của mình đi nên không gắng công khắc khổ rèn cặp. Tin rằng mình đã có được phân nửa chất ngọc, không chịu xuống ngang hàng với hàng ngói vỡ gạch vụn. Rồi dần dần lìa bỏ cuộc đời, xa lánh loài người. Uất ức tủi hờn đã nuôi dưỡng cái lòng ngạo mạn và tính nhát nhúa ngày thêm to lớn. Người ta ai cũng phải dạy cho thuần một con mãnh thú trong người. Bản sắc con thú như rập khuôn với tính tình của ta. Trong trường hợp tôi, con thú đó là lòng ngạo mạn do e thẹn sinh ra. Nó là tính hổ. Con hổ đó đã làm tôi đánh mất thân danh, làm khổ vợ con, làm tổn thương bè bạn. Tóm lại, bên ngoài thân xác biến dạng thế nào thì lòng tôi cũng biến chất theo thế ấy. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy chính mình đã làm uổng phí cả chút tài mọn mình có. Cái câu răn đời thường thấy ở cửa miệng người ta là « cuộc đời nếu không làm gì cả thì thấy nó dài nhưng có chuyện làm lại rất ngắn » thường được đem ra mà đùa nhưng sự thực, cái mối lo lắng hèn nhát ngại mình « phô cho người ta thấy cái tài hãy còn non nớt » để rồi đâm ra bê trễ không chịu khổ luyện với bản thân mới là tất cả cái dở của tôi. Có biết bao nhiêu người tài nghệ thua sút tôi xa nhưng họ một lòng một dạ trau dồi nên đã đường đường thành những nhà thơ. Giờ mang xác hổ rồi, tôi mới thấm thía điều đó. Mỗi lần nghĩ đến, tôi cảm thấy tâm can dày vò vì hối hận. Nhưng tôi hết còn sinh hoạt như người thường nữa rồi. Giả dụ giờ đây trong đầu tôi có nghĩ được một bài thơ hay. Liệu có cách nào truyền đạt cho người khác biết không?

Hơn nữa đầu óc tôi mỗi ngày càng giống hổ thêm. Biết sao đây, hờ trời! Bao tháng ngày bỏ phí hỏi tìm đâu? Lần hồi tôi không chịu nổi nữa. Mỗi lúc như thế, tôi trèo lên mỏm đá trên đỉnh núi đằng kia, hướng về thung lũng hoang vu mà gầm. Tôi muốn đem nỗi buồn đang đốt cháy ruột gan thổ lộ cho ai kia được biết. Tôi hôm qua, tôi lại lên chỗ ấy ngược nhìn vầng trăng gào thét. Để một ai đó hiểu được nỗi thống khổ trong tôi. Tuy nhiên, muôn thú nghe tiếng tôi gầm thì sợ hết vía, chỉ biết nằm bẹp dí. Cả núi rừng sương móc chung quanh chắc chỉ xem đó là tiếng rống của con hổ trong cơn giận dữ cuồng điên. Chồm lên không, phục xuống đất mà gào đi nữa, chẳng có lấy một người thấu được lòng. Cái thủa làm người cũng thế, có ma nào hiểu cho con tim nhạy cảm, dễ bị tổn thương của tôi đâu! Cái bộ lông ẩm ướt này, đâu chỉ vì thấm mỗi sương khuya.

Dần dần, màn đêm bốn bề rồi cũng vén lên. giữa mấy hàng cây vọng từ đâu đến âm hưởng tù và báo hiệu bình minh rúc nghe buồn bã.

Phải từ biệt mà thôi. Giọng Lý Trung cho biết cái giờ bước vào vòng mê muội (giờ phải trở về kiếp hồ) sắp điểm rồi. Thế nhưng trước khi chia tay xin nhờ cậy thêm điều nữa. Đó là chuyện vợ con. Gia đình tôi còn ngụ ở quê cũ đất Khách Lược, đến nay họ vẫn không rõ những gì đã xảy đến cho tôi. Khi cố nhân từ miền Nam trở về, có thể nào nhắn hộ với họ là tôi đã chết rồi không? Chuyện xảy ra hôm nay xin kín tiếng cho. Nói ra thì quá trơ trẽn nhưng xin thương xót lũ cô nhi mà lo toan để mai sau chúng nó không phải chết đói chết rét vệ đường thì ơn ấy không gì sâu dày hơn.

Nói vừa dứt lời, trong bụi rậm lại vang ra tiếng khóc thảm thiết. Viên Tham cũng mắt lệ lưng tròng xin nhận lời bạn phó thác. Nhưng giọng của Lý Trung thoát trở lại cái khẩu điệu tự trào khi này:

Đáng lẽ ra phải nói chuyện nhờ vả này trước tiên nhưng thuở làm người tôi chỉ nghĩ đến cái thi nghiệp chẳng ra gì của tôi thôi chứ có lo vợ con phải đói lạnh đâu. Vì chùng đó mà bị đọa xuống hàng cầm thú cũng nên!

Ngoài ra Lý còn nhắn thêm với Viên Tham khi từ phương Nam trở về xin chớ mượn con đường này nữa. Bởi vì lúc đó mình đã mê muội, không nhìn ra người cũ mà nhảy ra vô cũng nên. Rồi sau khi già biệt, đi đến chỗ gò cao cách đó chừng một trăm bước, nhớ quay mặt nhìn lại một lần cho. Để biết rõ hình dạng của tôi bây giờ. Không phải muốn khoe tư thế hùng dũng mà chỉ cho bác thấy hình thù xấu xa gớm ghiếc để mai sau qua chôn này, bạn dù có thương cũng ghê tởm không muốn tìm gặp nữa. Họ Viên hướng về bụi rậm nói mấy câu thân ái từ biệt rồi lên yên. Bên trong bụi lại vắng vắng tiếng khóc thê thiết không gì cầm lại được. Viên Tham bao lần ngoái về hướng bụi rậm rồi ra rồi đi trong nước mắt.

Như lời Lý dặn, đoàn người ngựa lên tới gò ỏi quay lại, đảo mắt nhìn cái truông giữa rừng cây ban nãy. Tức thì một con hồ từ trong cỏ rậm phóng ra, leo lên đường cái và nhòm về hướng họ. Hồ ngẩng đầu lên nhìn vàng trắng giờ đây đã nhạt nhòa, gằm lên độ hai ba lần, xong quay mình lao vào bụi rậm rồi không thấy hình dáng đâu nữa.

Dịch xong ngày 20/10/2003

Nguyễn Nam Trân

Chương 13 + 14

Xe Lửa

Dazai Osamu

Đầu máy xe lửa ấy kiểu C51 chế tạo năm 1925 tại công xưởng Umehachi, kéo theo ba toa hạng ba, toa phòng ăn, toa hành khách hạng nhì, toa phòng ngủ hạng nhì, đều chế tạo tại cùng một công xưởng ấy, ngoài ra, có thêm ba toa chở hàng dành cho bưu-kiện và hành lý các thứ, tổng cộng chín cái hộp chất lên chừng hai trăm người khách và trên một trăm ngàn bưu-kiện kèm theo bao nhiêu là hệ-lụy đau lòng, bất chấp ngày mưa ngày gió, cứ đến 2 giờ rưỡi chiều là khởi động trục xe, bắt đầu chạy từ Ueno hướng đến Aomori. Tùy bữa mà được tống tiễn bằng tiếng hô vạn-tuế, hay lưu luyến trong khăn tay vẫy theo, hoặc chìm đắm trong tiếng nước-nở ly-biệt. Chiếc xe lửa mang số 103.

Con số ấy mang lại cảm giác khó chịu. Từ năm 1925 đến nay, đã 8 năm liền, con tàu này đã xé nát ái-tình của biết mấy vạn người rồi. Ngay cả tôi đây cũng đã vì con tàu này mà gặp chuyện cay đắng vô cùng. Đó là lúc Shiota tiễn cô Tetsu về quê nhà, mới mùa đông năm ngoái đây.

Cô Tetsu và Shiota cùng quê, từ thời thơ ấu đã thân thiết với nhau, còn tôi và Shiota là bạn cùng thức ngủ chung phòng trong cư xá trung học cấp ba, thỉnh thoảng vẫn được nghe về mối tình của họ. Cô Tetsu là con nhà nghèo nên gia đình Shiota vốn là nhà khá giả, không chấp nhận cho hai người kết hôn, vì thế mà Shiota đã lăm lăm cãi cộ kịch liệt với ông bố. Lần cãi lầy đầu tiên, Shiota đã tức uất đến gần bất tỉnh, máu mũi trào ra rùng rùng. Chuyện ngây ngô đến thế mà cũng đã kích động lạ thường tâm tình non trẻ của tôi ngày ấy.

Thế rồi cả tôi lẫn Shiota xong trung học cấp ba, cùng vào đại học ở Tokyo. Ba năm trôi qua. Đối với tôi đã là những năm tháng khổ-nhoc, nhưng có vẻ Shiota thì không thế, cứ sống thoải mái ngày này như ngày khác. Tôi thì lúc đầu phải ở nhà trọ nhưng nhờ sát ngay trường học nên Shiota khoảng mới vào học cũng có đến chơi hai, ba lần gì đấy, thế nhưng hoàn cảnh lẫn tư tưởng của cả hai dần dần tách biệt hẳn ra, nên không còn mong gì có lại được tình bạn khăng khít như ngày trước nữa. Có thể chỉ vì thiên kiến thôi, nhưng tôi nghĩ nếu thời ấy mà không có chuyện cô Tetsu lên kinh đô này thì có lẽ Shiota hẳn đã định chia tay mãi mãi với tôi rồi.

Mùa đông ba năm sau khi ngưng giao du thân tình với tôi, đột nhiên, Shiota đến nhà tôi lúc ấy ở ngoại vi thành phố, cho biết là cô Tetsu đã lên Tokyo. Hẳn là cô ấy không còn chờ đợi đến khi Shiota tốt nghiệp được nữa, nên đã một mình trốn nhà lên Tokyo.

Khoảng ấy thì tôi cũng đã kết hôn với một cô gái quê thất học, đúng lúc đang mất dần cảm giác trẻ trung để có thể hưng phấn trong lòng về chuyện tình của Shiota như ngày xưa, nên khi Shiota đột nhiên đến chơi như thế, tôi đã có phần bối rối, tuy vậy tôi cũng đủ sáng suốt để nhìn thấu được đáy lòng Shiota về chuyến thăm viếng đột ngột ấy. Sự kiện một thiếu nữ yêu mình đến nỗi bỏ nhà đi theo ấy, đem nói tràn lan trong đám bạn thân của mình, thì hẳn đã làm thỏa mãn được lòng tự hào của Shiota biết bao nhiêu! Tôi cảm thấy khó chịu vì về mặt nguyên tội đỉnh của hắn, đến đâm ra nghi ngờ thực-tâm của hắn đối với cô Tetsu. Mà rồi niềm hoài nghi này của tôi đã được thực chứng một cách tàn nhẫn. Một lần, sau khi đã biểu lộ niềm vui cuồng nhiệt, niềm cảm kích cùng tột, Shiota nhíu mày hỏi nhỏ: “Bây giờ phải làm sao

đây?“. Tức thì, chẳng hơi đâu mà đồng-tình với trò chơi của kẻ nhàn rỗi như thế, tôi nói thẳng, đúng như hần đang suy tính: “Cậu khôn thật. Cậu đã không còn thấy thương yêu cô ấy như trước nữa, thì chỉ còn cách chia tay nhau thôi chứ gì nữa!“.

Rõ ràng là khoé miệng hần nhếch một nụ cười, nhưng Shiota tỏ vẻ suy nghĩ lung lăm.

Bốn năm ngày sau, tôi nhận được một bưu thiếp giao gấp từ Shiota. Bưu thiếp ấy ghi vắn tắt đại ý rằng vì tương lai của cả hai, và cũng vì bạn bè khuyên nhủ, nên sẽ đưa cô Tetsu về lại quê nhà, cô ấy sẽ lên chuyến xe lửa 2 giờ rưỡi ngày mai. Tôi liền quyết định sẽ đến đưa cô Tetsu đi, mặc dù chẳng ai nhờ đến cả. Tôi có cái tật đáng buồn hay quyết định dễ dãi như thế.

Ngày hôm sau, mưa bắt đầu rơi từ sáng. Tôi thúc hối vợ tôi đang ngần ngừ, để đi chung ra ga Ueno.

Chiếc xe lửa số 103 ấy đang phun khói đen vào màn mưa lạnh buốt, chờ đến giờ khởi hành. Chúng tôi đến từng cửa sổ, nhìn vào trong, chăm chú tìm kiếm. Và thấy cô Tetsu ngồi trong toa hành khách hạng ba ngay sau đầu máy xe lửa. Ba, bốn năm trước, do Shiota giới thiệu nên tôi đã gặp cô một lần, nhưng so với thời đó, bây giờ cô có da mặt trắng hơn nhiều, và nơi cằm đã phúng phính ra nhiều hơn. Cô cũng nhớ mặt tôi nên nhận ra ngay. Khi nghe tôi gọi, cô liền nhào nửa người ra khỏi cửa sổ mà chào hỏi. Tôi kéo vợ tôi lại nói chuyện với cô. Sở dĩ tôi đặc biệt kéo vợ theo là vì tôi suy nghĩ độc đoán rằng vợ tôi cũng là người xuất thân bản hàn như cô Tetsu, nên chuyện an ủi cô thì hẳn là vợ tôi có thái độ và lời nói thích hợp hơn tôi. Thế nhưng, tôi đã bị phản thùng một cách trắng trợn. Cô Tetsu và vợ tôi chỉ trao đổi cử chỉ chào hỏi cứ như là hai bậc mệnh phụ phu nhân, mà chẳng nói gì với nhau cả. Tôi lúng túng lấy cán dù gõ cộc cộc vào hàng chữ “Su Ha Fu” viết theo hàng ngang kèm dãy số “134273” viết nhỏ bằng sơn trắng trên thân toa hành khách, mà chẳng hiểu là phù hiệu gì.

Rồi cô Tetsu và vợ tôi trao đổi hai, ba câu về chuyện thời tiết. Nhưng nói xong thì cả bọn lại chìm vào im lặng. Cô Tetsu có vẻ dăm dăm nhìn không chán một chỗ nào đấy, trong khi mười ngón tay tròn trịa đặt khếp nép trên bệ cửa sổ cứ co vào duỗi ra không ngớt. Tôi chẳng làm sao mà đứng yên đấy ngắm mãi quang cảnh như thế, nên âm thầm rời chỗ cô Tetsu, đi lang thang trên sân đợi dài lớn ấy. Hơi nước phun ra từ dưới xe lửa biến thành khí lạnh phủ trắng gót chân tôi.

Tôi dừng chân đứng trước trụ đồng hồ điện mà ngắm chiếc xe lửa. Chiếc xe ướt đầm nước mưa, loang loáng sáng ánh xanh đen.

Tôi chợt nhìn thấy một khuôn mặt đen xanh đang nhướng cổ ra ngoài cửa sổ hành khách hạng ba ở toa thứ ba, sụt sùi chào hỏi năm, sáu người đưa tiễn. Thời ấy, Nhật Bản vừa khai chiến với một nước khác, nên anh ta hẳn là đã bị động viên rồi. Tôi như đã nhìn thấy thứ không nên nhìn thấy, ngực tức như bị nghẹt thở.

Vài năm trước đây, tôi có chút quan hệ với một đoàn thể tư tưởng nọ, rồi không lâu sau, đã ly khai hẳn, với một lý do không đẹp đẽ gì mấy. Bây giờ, đứng nhìn không chớp mắt người lính ấy, rồi nhìn cô Tetsu đã chịu nhục, chịu vấy bẩn mà lui thủi trở về quê, tôi cảm thấy lý do ấy của mình, dù có đứng vững hay không đứng vững, cũng chẳng đáng kể đến.

Tôi ngược nhìn lên đồng hồ điện. Còn ba phút nữa là đến giờ tàu chạy. Tôi cảm thấy không chịu nổi. Có lẽ ai cũng vậy, đối với người đưa tiễn, không có gì khó nói cho bằng ba phút cuối cùng này. Những điều cần nói thì đã nói ra hết rồi, chỉ còn biết nhìn nhau vô vọng mà thôi. Huống chi lúc này, tôi lại chẳng nghĩ ra được lời gì cần nói. Giá vợ tôi mà là một

người đàn bà tài trí chút nữa, thì tôi đã thơ thối hơn rồi, thế nhưng nhìn xem! Vợ tôi dù đứng bên cạnh cô Tetsu nhưng mặt mày sưng sĩa như không bằng lòng điều gì, từ nãy đến giờ, cứ đứng yên như tượng ở đây. Tôi đành phải bước lại song cửa của cô Tetsu.

Sắp đến giờ tàu chạy rồi. Con tàu phản kích hẳn lên trước hành trình 450 dặm, sân tàu nhộn nhịp khắp nơi. Lòng tôi không còn dư giả gì để đoái tưởng đến thân phận người khác nữa, nên lúc an ủi cô Tetsu, đã thốt ra những chữ như “tai nạn” thật là vô trách nhiệm. Trong khi đó, người vợ kém thông minh của tôi đứng nhìn hàng chữ bám đầy những hạt nước mưa trên tấm bản nhỏ màu xanh gắn trên thân tàu, lăm nhăm đọc nho nhỏ từng chữ mới học được đạo sau này: “FOR A-O-MO-RI”.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney 12-2005

Phong Cảnh Hoàng Kim

Dazai Osamu

Thuở nhỏ, tôi không phải là đứa trẻ ngoan ngoãn gì mấy. Cứ hay hành xác các chị người làm. Tôi ghét sự chậm chạp, cho nên các chị người làm chậm chạp thì thường bị tôi hành hạ nhiều nhất. Okei là một chị người làm chậm chạp ấy. Cho dù chỉ gọt vỏ quả táo, cũng vừa gọt vừa suy nghĩ gì đầu đầu, cứ ngưng tay mãi, những lúc như thế, nếu không bị la mắng thì một tay cầm quả táo, một tay cầm con dao, cứ thế mà ngồi thừ ra đấy suốt buổi. Khiến người ta nghĩ là thiếu đầu óc. Tôi thường thấy dáng chị ấy đứng đờ đẫn trong nhà bếp, chẳng làm gì cả, đến tâm tình trẻ con cũng thấy chẳng được mắt tí nào, khiến tôi bực bội mà quát lên “Ê, Okei! Ngày ngắn lắm đấy nhé!” những lời có vẻ người lớn như thế, bây giờ nghĩ lại thấy những lời ấy nghe tàn nhẫn đến lạnh cả sống lưng. Cũng đã vừa lòng đầu, có lần tôi còn gọi Okei đến bắt phải cắt từ sách hình ra cho tôi hàng trăm hình người trong cảnh xem diễn-bình, lúc nhúc đủ thứ binh lính, có cả những người cưỡi ngựa, người vác cờ, người bồng súng,... phải lấy kéo cắt vòng theo hình từng người như thế, mà Okei vụng về cặm cùi cắt từ sáng đến chiều tối, bỏ cả cơm trưa, cũng chỉ được đầu chừng 30 hình người, mà hình đại tướng lại cắt đứt mất một bên ria mép, binh sĩ cầm súng thì tay to khiếp, cứ như là tay gấu,... nên bị tôi la mắng chậm chạp từng chút một. Đúng vào mùa hè, Okei lại là người đổ mồ hôi nhiều nên bọn lính cắt ra đều ướt sũng mồ hôi tay của Okei, khiến tôi nổi nóng, đá cho Okei một phát. Đứng ra là tôi đá nhắm vào vai đấy, nhưng Okei ôm má bên phải khóc nức nở, nước mắt rùng rùng, khóc gập người xuống, khóc mãi không dứt. “Đến cha mẹ tôi... cũng chưa hề... đập vào mặt... như thế. Tôi sẽ nhớ... suốt đời tôi...”. Okei rên rỉ đứt quãng như thế, làm đến tôi cũng cảm thấy khó ở. Vậy mà tôi còn ngược đãi Okei nhiều lần khác nữa, làm như đó là sứ mệnh trời giao cho tôi vậy. Mà cả bây giờ, tôi cũng vẫn không chịu nổi những kẻ đàn độn ngu xuẩn.

Hai năm trước đây, tôi bị đuổi ra khỏi nhà, chỉ một đêm mà thành ra túng quẫn, lang thang đầu đường xó chợ, khóc kể cầu khẩn nơi này nơi nọ, kiếm sống qua ngày, rồi ngay lúc vừa thấy có thể viết văn mà bắt đầu sống sót được thì lại ngã bệnh. Nhờ lòng thương xót của người này người khác mà đến mùa hè thì thuê được một căn nhà nhỏ gần bãi biển bùn lầy ở Funabashi thuộc huyện Chiba, tự mình nấu nướng bồi dưỡng được, đêm đêm phải đánh vật với giấc ngủ đầy mồ hôi đến vắt ra rùng rùng từ áo ngủ, dù vậy vẫn phải làm việc để sống, mỗi buổi sáng chỉ có một cốc sữa tươi, mà kỳ lạ thay, cũng cảm nhận được niềm vui mình đang sống, tuy đầu óc tôi đã đau đớn mệt mỏi quá đến nỗi nhìn đám trúc đào nở ở góc vườn

chỉ thấy những ngọn lửa phừng phực cháy đỏ.

Khoảng đó, có người cảnh sát gầy thấp gần 40 tuổi, đèn kiểm hộ khẩu. Ở ngưỡng cửa nhà tôi, anh ta nhìn tên tôi trong cuốn sổ, rồi nhìn gương mặt râu ria lởm chởm lâu ngày không cạo của tôi, đối chiếu so sánh một hồi rồi nói:

—“Ừa, ông là... cậu nhà đây mà, phải không?”.

Giọng người cảnh sát nghe nặng phưng-âm quê nhà, nên tôi xác xược đáp:

—“Đúng đấy. Thế anh là ai?”

Khuôn mặt gầy gò của người cảnh sát ấy nở nụ cười tràn đầy.

—“Ồi, quả đúng là cậu rồi. Thế mà đã 20 năm qua rồi, có khi cậu quên đi mất, chứ tôi là người đánh xe ngựa ở K đây mà”.

K là ngôi làng nơi tôi đã sinh ra.

—“Anh thấy đấy”. Tôi nói, không buồn mỉm cười. —“Tôi bây giờ đã sa sút thế này...”

—“Cậu đừng nói thế”. Người cảnh sát vẫn cười vui mừng. —“Viết tiểu thuyết là thành công lắm đấy chứ”. Tôi cười khở sở.

—“Mà cậu này”. Người cảnh sát hạ giọng. —“Okei vẫn thường nhắc đến cậu mãi đấy”.

—“Okei nào?”. Tôi không nhớ ngay được là ai.

—“Thì Okei đấy, cậu quên rồi à? Người làm cho cậu ngày xưa đấy mà!”.

Tôi nhớ ra rồi. “Ồi”, tôi chợt than thầm, và ngồi xồm trên bậc thềm, đầu gục xuống, nhớ lại rõ ràng từng hành vi độc ác mà mình đã đối xử với chị người làm chậm chạp ấy, đến nỗi không sao ngồi yên chịu đựng nổi nữa.

—“Chị ấy hạnh phúc chứ?”. Bất chợt ngẩng đầu lên, thốt ra câu hỏi đột ngột như thế, tôi nhớ là khuôn mặt tôi lúc ấy hẳn đã có nụ cười sượng sùng của kẻ tội phạm, bị cáo.

—“Vâng, cũng nhờ phúc đức ông bà”. Người cảnh sát tươi tắn đáp lời thuận hậu như thế, rồi lấy khăn tay lau mồ hôi trán. —“Thưa, nếu cậu cho phép thì lần sau sẽ đưa nó đến đây, xin được thông thả mà tạ ơn cậu một lần”.

Tôi sững sờ đến nhảy dựng lên. Không, không nên, đừng làm thế. Tôi dấy nảy từ chối, trong lòng quặn quai một nỗi nhục nhã không tả được.

Thế nhưng người cảnh sát vẫn tươi cười.

—“Cậu này, con chúng tôi đã bắt đầu làm việc ở ga này đấy. Nó là trưởng nam. Rồi tiếp theo là trai, gái, gái, cháu út năm nay 8 tuổi, lên bậc tiểu học. Chúng tôi an tâm được rồi. Okei cũng đã chịu cực chịu khổ. Nói thế nào nhỉ? Những người được vào làm trong nhà quyền thế như nhà cậu, để tập tành lễ nghĩa, thì thế nào cũng có chỗ hơn người”. Mặt anh ta ửng đỏ một chút, và cười lớn. —“Nhờ hồng phúc nhà cậu đấy. Okei cứ trầm trồ chuyện cậu mãi. Lần nghỉ lễ tới, thế nào cũng xin cùng đến cảm ơn cậu”. Mặt chợt nghiêm lại. —“Thôi, tôi xin kiêu. Mong cậu giữ gìn sức khỏe”.

Thế rồi ba ngày sau, tôi lo lắng chuyện túng thiếu, đến không làm việc gì được, ở nhà cũng không xong nên cầm cây gậy trúc định ra biển, vừa mở cổng trước rột rột ra thì thấy trước cửa đã có ba người, bố mẹ khoác áo mùa hè với một cô bé mặc áo đầm màu đỏ, đứng sắp hàng ngang, trông đẹp như tranh vẽ. Gia đình Okei đấy.

Tôi thốt lên giọng lớn kinh hoàng như quát, đến tôi cũng ngạc nhiên:

—“Đã đến đây à? Hôm nay tôi có chuyện phải đi ngay. Tiếc quá, nhưng ngày khác hãy đến nhé”.

Okei đã trở thành một người vợ trung niên đoan trang. Cô bé 8 tuổi có khuôn mặt thật giống Okei thời còn là chị người làm trong nhà tôi, đôi mắt đục lờ lơ đãng ngược nhìn tôi. Tôi buồn rầu bước như chạy trốn về phía bờ biển, không đợi Okei kịp nói một lời nào. Tôi vung cây gậy trúc vệt đám cỏ dại trên bãi biển, xăm xăm bước đi, chẳng hề ngoái đầu lại, chân dậm thô bạo, bước thẳng dọc theo bờ biển về phía khu phố. Đến phố thì chẳng biết làm gì. Chỉ thờ thần ngược nhìn những tranh quảng cáo nhà hát, ngắm cửa sổ trưng bày của tiệm y phục Nhật Bản, miệng cứ “chặc, đặc” tắc lưỡi, mà trong lòng, từ chốn sâu kín nào đó, nghe có tiếng thầm thì “thua rồi, thua rồi“, nghĩ thầm thế này thì không được, nên lắc mạnh thân mình mà bước đi, cứ thế chừng 30 phút sau, tôi lại trở về trước cổng nhà mình.

Bước đến ven bờ biển, tôi dừng chân. Trông kìa! trước mắt tôi là một cảnh tượng thanh bình. Gia đình Okei đang thư thái ném sỏi xuống biển và cười đùa thích thú. Tiếng cười nói vang vọng đến tận chỗ tôi đứng.

—“Cậu ấy thông thái lắm nhé”. Người cảnh sát vừa nói vừa dòn toàn lực ném viên sỏi ra biển. —“Thế nào cũng thành công à xem”.

—“Thật thế đấy. Thật thế đấy”. Tiếng Okei cao vút, kiêu hãnh. —“Cậu ấy thuở bé đã đặc biệt thế rồi. Đối với người dưới thì tử tế, chịu khó hỏi han”.

Tôi đứng lặng, nước mắt chảy dài. Nỗi kích động u uất như đã hoà tan trong nước mắt mà biến mất.

Mình thua rồi. Vậy là tốt. Không thế thì không nên. Thắng lợi của gia đình ấy cũng sẽ chia ánh sáng đến cho ngày mai làm lại cuộc đời của tôi.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney 12-2005

Chương 15 + 16

Trời Sáng

Dazai Osamu

Tôi vốn thích chuyện chơi hơn bất cứ bất cứ chuyện gì khác, nên dù đang làm việc trong nhà, tâm trí luôn luôn ở trong trạng thái thâm kín mong đợi bạn bè nào đấy từ phương xa đến thăm, nên hễ công ngoài mà rột roạt mở ra, là chau mày, nhíu mép, nhưng thật ra lòng ngực phập phồng, lập tức thu dọn ngay những trang bản thảo đang viết dở dang, để ra đón khách.

—“A, đang làm việc đấy nhỉ?”.

—“Không, có sao đâu”.

Rồi cùng người khách ấy đi chơi.

Nhưng cứ mãi thế thì công việc không sao xong được, nên tôi quyết định đặt phòng làm việc ở một nơi bí mật kia. Đây là nơi nào thì ngay cả người trong nhà cũng không được biết. Mỗi sáng khoảng 9 giờ, tôi bảo người nhà làm cơm trưa mang theo rồi đi làm ở phòng làm việc ấy. Quả thật chẳng một ai đến viếng phòng làm việc ấy cả, nên công việc của tôi nói chung tiến hành đúng theo dự tính. Tuy nhiên, cứ đến khoảng 3 giờ chiều thì một phần đã thấm mệt, và đâm nhớ người chung quanh, muốn đi chơi, nên nhắm chừng mức độ thích ứng mà ngưng việc để quay về nhà. Trên đường về, có hôm vướng mấy quán nhậu Oden gì đấy đến khuya mới về đến nhà được.

Phòng làm việc.

Thế nhưng, đây là phòng của một phụ nữ. Cô con gái ấy từ sáng sớm đã đi làm ở một ngân hàng trong phường Nihonbashi. Sau đó thì tôi đến làm việc trong khoảng bốn, năm giờ rồi ra về trước khi cô ấy từ ngân hàng trở về.

Chẳng phải tình nhân gì gì đâu. Tôi quen bà mẹ cô ta, bà mẹ ấy có chút sự tình gì đấy mà rời xa cô gái, và bây giờ thì đang sống tận vùng Tohoku phía bắc. Thỉnh thoảng lại gửi thư cho tôi, hỏi ý kiến về chuyện tình duyên của con bà. Có khi nhờ tôi đến gặp chàng trai rồi góp ý rằng anh ta có vẻ sẽ là chàng rể tốt, được lắm, vân vân..., mà viết vào trong thư cho có vẻ đã tận tâm giúp đỡ, mà gửi cho bà ấy.

Tuy nhiên, dạo này thì tôi dần dần có cảm tưởng rằng không phải bà mẹ mà là cô con gái đang cần nhờ đến tôi.

—“Kiku-chan, mới rồi chú gặp người chồng tương lai của cháu đấy”.

—“Thế ạ? Có được không chú? Trông có vẻ hơi đom đóm quá phải không?”.

—“Ồ thì, có thể thật. Nhưng mà, nếu so với chú thì đàn ông nào trông cũng ngây ngô cả mà. Gắng chịu đi nhé!”.

—“Vâng, đành vậy thôi”.

Cô gái muốn kết hôn ngay với chàng trai kia rồi.

Đêm trước, tôi đã uống rượu quá chén. Mà không, uống rượu quá chén là chuyện mỗi đêm, chẳng là chuyện gì lạ cả, nhưng hôm ấy, trên đường đi làm về, tôi tình cờ gặp bạn thân lâu ngày không gặp, ở trước ga, nên đưa ngay anh ấy đến quán nhậu Oden tôi quen lui tới, lúc sắp đến mức thấy chuyện uống rượu là khổ sở, lại có anh biên-tập-viên quen của tờ tạp chí, xách theo chai rượu whisky đến bảo: “Tôi đoán là có anh ở đây“, nên đã cùng anh ta uống cạn chai whisky, đến nỗi tự mình bắt đầu lo sợ sắp nôn cả ra chẳng, làm sao đây? Nhưng dù tôi

muốn ngừng rượu ngay đây, lần này anh bạn tôi lại bảo đến phiên tôi xin được mời một châu, rồi kéo tôi lên tàu điện, đi đến quán nhậu quen của anh, ở đây lại uống rượu sa-kê, đến lúc chia tay được với anh bạn ấy và người biên-tập-viên kia thì tôi đã say đến bước đi không vững nữa.

—“Cho chú ở lại đây. Chẳng làm sao mà bước về đến nhà nổi. Cứ thế này mà ngủ ngay đây thôi. Làm ơn đi mà”.

Tôi xoa chân vào dưới kotatsu, cứ để nguyên hai lớp áo thế mà ngủ.

Nửa đêm chợt mở mắt thức giấc. Tối mịt. Trong vài giây, ngỡ là mình đang ngủ ở nhà. Động đậy chân một chút mới để ý rằng mình để nguyên vớ tất mà ngủ, nên bàng hoàng. Không xong rồi! Bậy thật! Tôi rên.

—“Chú có lạnh không?”. Nghe tiếng Kiku-chan trong bóng tối. Có vẻ cô cũng đang cho chân vào dưới kotatsu, nằm ngủ theo hình thước thợ đối với tôi.

—“Không, có lạnh đâu”. Tôi nhồm nừa người lên hỏi: —“Chú đi tiểu từ cửa sổ có được không?”.

—“Cũng được. Thế càng tiện”.

—“Kiku-chan thỉnh thoảng cũng làm thế chứ gì?”.

Tôi đứng dậy, vặn nút đèn điện. Chẳng sáng.

—“Lại cắt điện rồi”. Kiku-chan nói nho nhỏ.

Tôi sờ soạng bước về phía cửa sổ, vấp nhằm thân hình Kiku-chan. Kiku-chan nằm yên.

—“Thế này thì bậy quá!”.

Tôi làm bầm như nói một mình, rồi cũng lần mò chạm được màn cửa sổ, vén ra, mở hé cánh cửa sổ, và làm vang tiếng xả nước.

—“Trên bàn của Kiku-chan có cuốn sách Cleavy Phu nhân đấy nhĩ”.

Tôi nằm lại theo lối cũ, vừa nói.

—“Các mệnh phụ phu nhân thời xưa thường thả nhiên mà tiểu tiện trong vườn hoa của cung đình, hay những chỗ tối dưới bậc thang các hành lang đấy chứ”.

—“Chú muốn uống rượu thì có rượu sẵn đây. Quý tộc vừa ngủ vừa uống rượu được chứ gì?”

Thật tình tôi muốn uống rượu lắm. Thế nhưng, uống rượu vào thì nguy hiểm quá, tôi nghĩ.

—“Không đâu, quý tộc rất kỵ bóng tối, bởi vốn tính nhát gan. Tối quá thì đâm ra sợ, không làm gì được cả. Không có đèn đuốc gì cả thì chịu thôi. Nếu thấp đèn sáp lên hộ thì uống rượu cũng được”.

Kiku-chan im lặng trở dậy. Rồi lửa bén vào đèn sáp. Tôi thở phào an tâm. Thế này thì đêm nay sẽ qua mà không có chuyện gì xảy ra.

—“Đèn sáp đặt ở đâu đây?”

—“Kính thánh có viết là giá-đèn hãy đặt ở nơi cao, vậy chọn chỗ nào cao thì tốt. Trên kệ sách kia thì sao nào?”.

—“Thế rượu thì uống bằng cốc nhé?”.

—“Kính thánh cũng có viết là rượu khuya thì hãy rót vào cốc đấy”. Tôi bịa chuyện.

Kiku-chan vừa cười mỉm vừa rót rượu lưng cốc rồi mang lại cho tôi.

—“Vẫn còn rượu đủ một cốc nữa đấy chú”. —“Thôi, chừng này đủ rồi”.

Tôi đón lấy cốc rượu, uống một hơi cạn ly, rồi nằm ngửa ra.

—“Nào, ngủ lại một giấc nữa đây. Kiku-chan cũng ngủ ngon nhé”.

Kiku-chan cũng nằm ngửa, theo hình thước thợ đối với tôi, và đôi mắt có hàng mi dài ấy cứ nhắm mãi, không có vẻ ngủ tí nào.

Tôi im lặng ngắm ngọn lửa đèn sáp trên kệ sách. Ngọn lửa trườn dài ra, thu ngắn lại, cử động như là một sinh vật. Ngắm ngọn lửa một hồi, bất chợt tôi nghĩ đến điều gì đấy mà đâm ra sợ hãi.

—“Đèn sáp này ngắn quá. Sáp hết đến nơi rồi. Có cây đèn sáp nào dài không?”.

—“Chỉ có thể thôi đây”.

Tôi lặng thinh. Cảm thấy muốn cầu Trời khẩn Phật. Cho tôi ngủ được trước khi cây đèn sáp cháy hết, hoặc là cơn say từ cốc rượu ấy tiêu tán hẳn đi, chứ không thì nguy hiểm cho Kiku-chan.

Ngọn lửa chấp chờn cháy, dần dần thu ngắn lại, nhưng tôi chẳng buồn ngủ chút nào, mà cơn say từ cốc rượu ấy đã không tiêu tán đi, lại còn đốt nóng toàn thân tôi gấp rút khiến tôi càng bạo tợn thêm lên.

Bất giác tôi thở dài.

—“Chú cởi vớ tất ra xem sao.”

—“Để làm gì?”.

—”Cởi ra thì ấm hơn chứ”. Tôi nghe lời, cởi vớ tất ra.

Thế này thì hồng rồi. Đèn sáp mà tất là xong chuyện. Tôi đành chịu thua thôi.

Ngọn lửa tôi dần, quần quai phát phơ bên trái bên phải, chợt bùng sáng lên, rồi phát ra tiếng xì xì, hấp tấp thu nhỏ lại, rồi biến mất.

Cũng đúng lúc ấy, trời sáng dần.

Căn phòng mờ mờ sáng, chứ không còn tối mịt như trước nữa.

Tôi nhòe dậy, chuẩn bị áo xống đi về nhà.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney 12-2005

Biển

Dazai Osamu

Thời nhà tôi còn ở khu Mitaka của thành phố Tokyo, bom dội xuống gần nhà hầu như mỗi ngày, cứ nghĩ tôi có chết cũng chẳng sao cả, nhưng rủi bom rơi trên đầu con bé này khiến nó chết đi mà chưa được thấy biển một lần nào thì thật là khổ tâm quá. Tôi sinh ra ngay giữa bình nguyên Tsugaru nên thấy biển rất trễ, đến khoảng mười tuổi mới thấy được biển lần đầu tiên. Nỗi phấn khích tràn ngập lòng tôi lần ấy mãi mãi là một trong những kỷ niệm yêu quý nhất đời tôi. Tôi muốn thế nào cũng cho con bé này được thấy biển một lần trong đời.

Con tôi là một bé gái năm tuổi. Cuối cùng, nhà tôi ở Mitaka bị bom dội sập nát, nhưng người trong nhà may mắn không ai bị thương cả. Chúng tôi chạy nạn về quê vợ tôi ở thành phố Kofu. Nhưng rồi Kofu cũng bị máy bay địch dội bom, căn nhà chúng tôi ở cũng cháy tan cả. Mà cuộc chiến vẫn còn kéo dài. Chẳng làm sao hơn, tôi đành dắt díu vợ con trở về nơi tôi đã sinh ra. Đó là chốn cuối cùng để chết. Chúng tôi lên đường từ Kofu hướng về quê tôi ở Tsugaru. Mất ba ngày đêm mới lê lết được đến vùng Higashi-Noshiro của huyện Akita, từ đó đổi tàu sang tuyến Gono, đã an tâm được phần nào. —“Biển đâu nhỉ? Phía nào thì thấy biển, hả ông?”

Tôi hỏi người soát vé. Tuyến xe lửa này chạy sát bờ biển.

Hoá ra chúng tôi ngồi phía trong thấy biển.

—“Sắp thấy biển đấy nhé. Ngay đây thôi. Sắp thấy biển của anh chàng Urashimataro đấy”.

Chỉ có mình tôi nôn nao phấn khích như thế.

—“Đấy! biển đấy! Xem kìa! thấy biển rồi. Ồ, biển đấy. Biển lớn thế đấy, thấy chưa! Đấy, biển đấy!”

Thế là cuối cùng, tôi đã có thể cho con tôi nhìn thấy biển được rồi.

—“Mẹ ơi, sông đấy chứ nhỉ, mẹ nhỉ?”. Con bé thản nhiên.

—“Sông gì?”. Tôi thất vọng.

—“À, sông đấy con”. Vợ tôi đáp, nửa còn ngái ngủ.

—“Có phải sông đâu! Biển đấy chứ! Nói gì lạ thế! Ngược ngạo quá đi mất! Thế mà bảo là sông! Sao mà tai quái thế được chứ!”.

Lòng bức bối chán ngán, tôi lặng ngắm biển trong hoàng hôn, một mình.

Phạm Vũ Thịnh dịch

Sydney 12-2005

Chương 17 phần 1

Cố Hương

Dazai Osamu

Mùa hè năm ngoái, sau mười năm xa cách tôi đã trở về thăm lại cố hương. Sau đó tôi tóm tắt những sự việc đã xảy ra vào một truyện ngắn dài bốn mươi một trang, đặt tựa đề “Về, đi rồi lại đến” (Kikyorai) xong gửi đến ban biên tập của một tam nguyệt san. Câu chuyện dưới đây xảy ra ngay sau đó. Hai người tôi thường gặp, bác Kita và bác Nakabatake, cùng đến gặp tôi ở một căn nhà nhỏ hẹp, phố Mitaka. Họ báo cho tôi biết rằng ở quê nhà mẹ tôi đang đau nặng. Trong thâm tâm, tôi đã dự đoán rằng thế nào mình sẽ phải nghe tin này trong vòng năm hoặc sáu năm tới, nhưng nay không ngờ nó xảy ra sớm như vậy. Mùa hè năm ngoái, sau gần mười năm và được bác Kita dẫn đi, tôi đã về quê thăm lại căn nhà nơi tôi sinh ra và lớn lên. Khi đó người anh cả vắng mặt nhưng tôi được gặp tất cả mọi người, người anh thứ tên Eiji, người chị dâu, các đứa cháu trai và gái, bà ngoại và mẹ tôi. Mẹ tôi sáu mươi chín tuổi, rất suy yếu vì tuổi già, đi đứng không vững, nhưng tuyệt nhiên không có vẻ gì là mang bệnh. Tôi định ninh rằng mẹ tôi sẽ được sống thêm năm, hoặc sáu năm và mơ ước có thể được mười năm. Tôi dự định sẽ viết rất chính xác về lần gặp gỡ đó trong tiểu thuyết mang tựa đề “Về, đi rồi lại đến”, nhưng vì những tình huống đặc biệt, tôi chỉ có thể ở quê chừng ba bốn tiếng đồng hồ mà thôi. Ở khúc cuối câu chuyện, tôi muốn nhìn thêm, và thêm nữa những cảnh sắc ở quê nhà, chỗ này, chốn kia, thật nhiều và thật nhiều. Tuy nhiên tôi chỉ có thể ngó sơ qua thôi. Biết khi nào tôi có thể nhìn lại con sông, ngọn núi ở quê tôi một lần nữa. Có thể khi có một chuyện gì xảy ra đối với mẹ tôi, hoặc do một cơ hội nào khác mà tôi có thì giờ thong thả nhìn hình ảnh ở quê nhà. Nhưng đó là điều mà tôi cảm thấy xót xa và tôi nghĩ tôi đã viết về nỗi niềm và tâm sự đó trong câu chuyện trên. Thật không ngờ! Mới vừa gửi xong bản thảo thì “cơ hội về quê một lần nữa” đã đến.

“Lần này tôi sẽ chịu trách nhiệm.” Bác Kita nói vẻ khẩn trương. “Cậu dẫn vợ con đi.”

Mùa hè năm ngoái, Bác Kita chỉ dẫn một mình tôi thôi. Kỳ này tôi, vợ và Sonoko (đưa con gái 16 tháng), tất cả sẽ đi theo bác. Bác Kita và bác Nakabatake thì tôi đã viết khá chi tiết trong chuyện “Về, đi rồi lại đến”. Bác Kita là chủ tiệm may âu phục ở Tokyo còn bác Natabatake là chủ tiệm vải ở dưới quê và cả hai từ xưa đều là chỗ qua lại thân thiết với gia đình tôi. Từ ngày tôi làm những chuyện bê bối đến nay năm hay sáu lần, à không phải vậy đâu, thật ra những chuyện bê bối đó đã xảy ra rất nhiều lần đếm không hết, tôi đã không thể gặp mặt những người quyền thuộc trong gia đình. Tuy nhiên, hai người này luôn luôn giúp đỡ tôi rất tận tình, không bao giờ tỏ vẻ gì khó chịu. Như là mùa hè năm ngoái, mặc dù biết trước anh cả ở quê nhà sẽ tức giận, bác Kita và bác Nakabatake đã bàn tán và lập kế hoạch cho tôi về thăm sau mười năm.

“Nhưng mà, có sao không? Nếu cả nhà chúng tôi bị đuổi khỏi cửa không cho vào thì thật là xấu hổ, không thể ngẩng đầu lên được với ai.” Tôi bao giờ cũng dự tưởng tình huống tệ nhất.

“Làm gì có chuyện đó.” Hai người nghiêm nghị bác lời.

“Mùa hè năm ngoái, hai bác thấy thế nào?” Có lẽ tính tôi cẩn thận quá mức như phải gõ xuống mặt cầu khi đi qua cây cầu đá kiên cố. “Rồi sau đó hai bác có bị anh Monji (tên người

anh cả) nói điều gì không? Bác Kita, bác nghĩ thế nào?”.

“Chuyện đó thì cái thế của anh cậu là...” Bác Kita suy nghĩ một hồi rồi nói tiếp: “Cũng vì có sự hiện diện của bà con quyền thuộc, tôi không thể nói là anh cậu hoan nghênh chuyện cậu về. Tuy nhiên vì tôi dẫn cậu đi, tôi nghĩ sẽ không sao đâu. Mùa hè năm ngoái khi tôi gặp anh cậu ở Tokyo, anh ấy chỉ hờn mát với tôi một chút thôi, nói tôi là người xấu, chứ không phải là giận hờn gì tôi cả.”

“Vậy à? Còn bác Nakabatake, bác có bị anh tôi xài xể điều gì không?”

“Không.” Bác Nakabatake ngược mặt lên nói: “Anh cậu không nói với tôi một câu nào. Từ trước đến nay hễ mỗi khi tôi giúp cậu một điều gì thì sau đó, chắc chắn là anh cậu nói mĩa tôi, nhưng chỉ có chuyện mùa hè năm ngoái thôi thì anh cậu không nói một điều gì với tôi cả.”

“Thế à?” Tôi hơi an tâm một chút. “Nếu không phiền thì xin hai bác dẫn đi vậy. Không thể nào mà tôi lại không muốn gặp mẹ tôi. Và mùa hè năm ngoái vì không gặp được anh Monji nên lần này tôi rất muốn gặp anh ấy. Được hai bác dẫn đi, tôi rất đội ơn nhưng tôi không biết vợ tôi sẽ nghĩ như thế nào. Đây là lần đầu tiên vợ tôi gặp gia đình bên chồng nên cô ấy sẽ phải lo lắng nhiều thứ như là ăn mặc như thế nào, và các thứ khác. Xin phiền bác Kita làm ơn nói giùm vợ tôi một tiếng chứ tôi mà nói thì chắc chắn cô ta sẽ cần nhằn à coi.” Xong tôi gọi vợ tôi vào phòng.

Kết quả ngoài dự đoán. Sau khi bác Kita báo cho vợ tôi biết mẹ tôi đang bệnh nặng và đề nghị nên để mẹ tôi xem mặt Sonoko một lần cuối, vợ tôi liền chấp hai tay xuống chiếu rồi cúi đầu nói:

“ Trăm sự xin nhờ bác.”

Bác Kita quay sang hỏi tôi:

“ Cậu tính lúc nào thì đi?”

Tôi trả lời ngày hai mươi bảy. Hôm đó là ngày hai mươi tháng chạp. Trong vòng một tuần sau, vợ tôi tất bật chuẩn bị. Đưa em gái bên vợ từ quê lên phụ giúp. Có nhiều thứ mới phải mua. Tôi gần như phá sản. Chỉ có Sonoko là không biết chuyện gì xảy ra, đi chấp chừng loanh quanh trong nhà.

Chín giờ sáng ngày hai mươi bảy, con tàu tốc hành xuất phát từ ga Ueno. Tàu chật ních. Không một chỗ ngồi, chúng tôi đứng gần năm tiếng đồng hồ cho đến ga Haranomachi. Bác Kita cho tôi xem bức điện tín:

“Mẹ càng ngày càng yếu. Dazai hãy về gấp. Nakabatake.” Đây là điện tín mà bác Nakabatake, về quê sớm hơn chúng tôi một chút, gửi lên bác Kita sáng hôm nay.

Tám giờ sáng ngày hôm sau, đến Aomori, chúng tôi liền đổi tàu sang đường Ou-u, rồi đến ga Kawabe lại đổi sang tàu đi Goshogawara. Từ nơi đây, hai bên đường tàu sắt là những vườn táo. Năm nay có vẻ táo được mùa.

“Ồ! Đẹp quá.” Với đôi mắt đỏ hoe vì thiếu ngủ, vợ tôi chăm chú nhìn phong cảnh chung quanh: “Em từng mong ước được thấy những cây táo đang kết trái như thế này.”

Những trái táo gần sát con tàu, với tay là có thể hái được, ửng đỏ trong ánh sáng ban mai.

Khoảng mười một giờ, chúng tôi đến ga Goshogawara. Con gái bác Nakabatake đã đứng sẵn chờ chúng tôi. Nhà bác nằm ngay trong khu phố Goshogawara. Chúng tôi bàn tính xin tạm nghỉ ở nhà bác một chút, để vợ con thay quần áo rồi từ đó về quê ở làng Kanagi. Quê tôi, làng Kanagi, nằm ở phía bắc nhà ga Goshogawara, đi chuyến tàu đường Tsugaru thì phải mất thêm

bốn mươi phút nữa.

Chúng tôi vừa dùng cơm trưa tại nhà bác Nakabatake, vừa nghe bác kể chi tiết về sức khỏe của mẹ tôi. Bệnh tình có vẻ rất nguy ngập.

“Thật là quý hóa!” Bác Nakabatake ngược lại cảm ơn chúng tôi. “Tôi lúc nào đứng ngồi cũng không yên, không biết lúc nào hai ông đến. Thôi, bây giờ tôi đã yên tâm rồi. Mẹ anh không nói ra nhưng có lẽ cụ mong chờ anh lắm đấy.”

Tôi chạnh nhớ câu chuyện kinh thánh “Đứa con phóng đấng trở về nhà”.

Dùng cơm xong, khi bắt đầu khởi hành, bác Kita nói, giọng khá mạnh:

“Cậu không cần mang hành lý. Anh cậu chưa chắc đã dung tha cho cậu mà cậu định mang hành lý đến. Cậu có nghĩ như vậy không?”

“Dạ vâng.” Tôi gửi tất cả hành lý tại nhà bác Nakabatake vì bác Kita đã cảnh cáo rằng chưa biết tôi có được phép gặp người bệnh hay không.

Chúng tôi chỉ mang theo tã cho bé Sonoko rồi bước lên tàu hỏa đi Kanagi. Bác Nakabatake cũng đi theo.

Dần dần, một nỗi buồn xâm chiếm tâm hồn tôi. Chung quanh tôi, ai ai cũng là người tốt bụng, không một ai là kẻ đê tiện. Chỉ một mình tôi, khi xưa làm những chuyện bê bối mà bây giờ cũng không đủ khôn ngoan, mang tiếng xấu với đời, là một nhà văn nghèo, sống bữa đói bữa no. Vì tôi cho nên mới có bầu không khí ngột ngạt như thế này.

Vợ tôi ngắm nhìn cánh đồng Tsugara trải lướt qua ngoài khung cửa:

“Nơi đây phong cảnh đẹp nhỉ. Cũng sáng sủa đấy chứ.”

“Thật vậy à?” Những cánh đồng sau cơn gặt, trơ trụi không còn một cọng lúa, nhạt màu trong ánh nắng sáng mùa đông.

“Anh không thấy đẹp lắm.”

Lúc đó tôi không cảm thấy tự hào về quê mình. Chỉ thấy đốn đau vô cùng. Mùa hè năm ngoái tôi không có cảm giác như thế. Tôi vui mừng ngắm nhìn cảnh vật sau mười năm xa cách.

“Đó là núi Iwaki. Giống núi Phú Sĩ nên người ta gọi là núi Tsugaru Fuji.” Vừa cười gượng, tôi vừa giải thích cho vợ tôi một cách thiếu nhiệt tình. “Rặng núi thấp nơi đây gọi là núi Bonju, còn núi ở đằng kia là núi Mahage”. Đúng là những giải thích lầy lội nửa vời cợt làm để cho xong chuyện.

Tôi nhớ lại một vở kịch rất hay trong đó người tài tử tự hào nói: “Đây là nơi ta sinh thành, đi ba bốn khu phố nữa là...”. Phía bên kia bờ ruộng, có một căn nhà mái đỏ.

“Đây là...” Tôi định nói là nhà tôi nhưng phải sửa lại “nhà của người anh”.

Tuy nhiên, đó là mái nhà của một ngôi chùa. Nhà tôi ở phía bên mặt.

“Sai rồi, không phải vậy, nhà mình ở bên mặt, hơi to một chút.” Tôi sai nhiều quá.

Đến ga Kanagi thì thấy đứa cháu gái và một thiếu nữ trẻ đẹp đang chờ. Vợ tôi hỏi nhỏ:

“Cô ấy là ai vậy?”

“Cô ta là người giúp việc chớ gì. Mình không cần chào hỏi.” Mùa hè năm ngoái khi tôi gặp người thiếu nữ cùng lứa tuổi với cô này, dáng thanh lịch, tôi tưởng cô ta là trưởng nữ của người anh nên cúi đầu chào hỏi rất trịnh trọng. Dè đâu cô là người giúp việc nên khi ấy rất sượng. Kỳ này tôi cẩn thận hơn nên mới nói như vậy.

Đứa bé gái là con thứ của người anh mà tôi đã gặp năm ngoái, năm nay được tám tuổi. Tôi gọi:

“Shigechan.” Thì bé Shige nhoe miệng cười. Tôi cảm thấy hơi yên tâm và nhẹ người vì chỉ có đứa bé này là không biết quá khứ của tôi. Tôi bước vô nhà. Bác Nakabatake và bác Kita liền lên gác gặp anh tôi. Tôi dẫn vợ con đến Phật đàn, chấp tay khấn vái rồi sau đó vào ngồi một góc trong một căn phòng gọi là phòng “Thường Cư”, chỉ dành cho những người trong gia tộc, bà con hoặc khách rất thân. Hai đứa cháu gái, con của người anh cả và anh thứ, mỉm cười chào chúng tôi. Được người giúp việc dìu đi, bà ngoại tôi cũng đến thăm. Bà đã tám mươi sáu tuổi, hoàn toàn lẫm tai nhưng khỏe. Vợ tôi ép Sonoko cúi đầu chào bà nhưng nó chẳng nghe lời, đi lẩn quẩn trong phòng làm bà con sợ nó té bắt tử.

Tôi thấy anh tôi từ trên gác đi xuống. Rồi đi thẳng vào phòng bên cạnh. Nước da xanh xao, người ốm, đáng lo âu. Ở phòng kế bên có khách đến thăm mẹ tôi bệnh. Sau khi nói chuyện với người khách một chập, đợi khách về, anh tôi đi vào phòng “Thường Cư”. Tôi cúi đầu chào, hai tay để trên sàn chiếu:

“À”. Rồi nghiêm trang hơn, tôi chào: “Xin lỗi đã làm phiền anh nhiều chuyện”. Tôi bảo vợ tôi: “Anh Moji đây.”

Không chờ, anh tôi liền hướng về phía vợ tôi cúi đầu chào trước. Tôi hết sức lo lắng. Chào xong, anh tôi đi thẳng lên gác.

Như vậy là như thế nào? Chuyện gì đã xảy ra? Tôi cảm thấy như mình bị xử tệ. Ông anh này chỉ khi nào không vui trong bụng mới làm mặt lạnh lùng, trịnh trọng cúi đầu chào mà thôi. Bác Kita và bác Nakabatake cho đến bây giờ vẫn ở trên gác chưa xuống. Bác Kita đã thất bại chăng? Đột nhiên tôi cảm thấy bồn chồn lo lắng, tim đập mạnh. Từ phòng kế bên, đứa cháu gái bước ra, vừa cười vừa nói:

“Dạ xin mời.” Tôi thở phào nhẹ nhõm, đứng dậy. Tôi có thể gặp mẹ tôi đây. Tôi được phép gặp mẹ tôi, không một điều gì đặc biệt khó khăn. Chỉ có vậy thôi. Tôi đã hơi lo âu thái quá. Vừa đi trên hành lang, cháu vừa nói cho chúng tôi biết:

“Từ hai ba bữa nay bà mong chờ gia đình chú. Bà mong chú về lắm đây.”

Mẹ tôi nằm nghỉ ở góc một căn phòng rộng mười chiếu. Trông ốm yếu như cọng cỏ khô héo trên chiếc giường lớn. Tuy nhiên mẹ tôi rất tỉnh táo.

“Con về đây mẹ rất mừng.” Mẹ tôi nói. Đang cúi đầu chào mẹ tôi trong lần gặp gỡ đầu tiên, vợ tôi ngẩng đầu lên rồi gạt đầu ẹ tôi thấy. Tôi ẵm bé Sonoko lên, dụi bàn tay nhỏ bé của nó vào bàn tay khẳng khiu của mẹ tôi thì mẹ tôi run rẩy nắm chặt lấy tay nó. Ngoại tôi đang đứng ở đầu giường, mỉm cười lau nước mắt.

Trong phòng bệnh, ngoài bà ngoại tôi còn có nhiều người khác như hai cô y tá, người chị cả, đứa cháu gái, con người anh thứ và các dì mợ tôi. Sau đó, chúng tôi vào phòng chờ đợi, rộng chừng sáu chiếu, để chào hỏi mọi người. Nhiều người nói Shuji (tên thật của tôi) trông không thay đổi chút nào. Hơi mập một chút nhưng ngược lại trông trẻ hơn. Quay quần quanh lò sưởi, mọi người bắt đầu trò chuyện nho nhỏ, làm bầu không khí từ từ bớt căng thẳng.

“Kỳ này gia đình chú thông thả ở lại đây chứ?”

“À... tôi không biết sẽ như thế nào. Chừng hai ba tiếng đồng hồ có lẽ tôi phải xin kiếu như hè năm ngoái. Bác Kita nói như vậy cũng được. Tôi định bụng sẽ làm theo tất cả những lời chỉ bảo của bác.”

“Mẹ chú bệnh nặng thế mà chú có thể bỏ về sao?”

“Thì... để tôi bàn tính với bác Kita vậy.” “Chuyện gì chú cũng phải hỏi bác Kita sao?”

“Không phải vậy nhưng vì bác Kita đã cư mang tôi từ xưa đến nay rất nhiều.”

“Thế à. Tôi hiểu. Nhưng mà, chẳng lẽ bác Kita lại...”

“Không, không phải vậy đâu. Tôi định bàn tính với bác Kita thôi. Nếu tôi vâng lời bác Kita thì sẽ không có chuyện gì trục trặc đâu. Bác Kita đang nói chuyện với anh tôi trên gác, nên tôi không biết có chuyện gì khó xử hay không. Tôi ngại vì chúng tôi đã đến đây mà không có phép...”

“Hơi đâu mà chú lo những chuyện phép với tắc. Anh Eiji (tên người anh thứ) gửi thư tốc đạt bảo chú về gấp kia mà, có phải không?”

“Bác nhận lúc nào vậy? Chúng tôi chưa nhận được.”

“Vừa nhận được thư thì chúng tôi đi liền và mới đến đây thôi...”

“Xui thật. Có lẽ thư đến sau khi chúng tôi đã đi. Bậy thật, làm như là bác Kita bày vẽ, đạo diễn.” Tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu đầu đuôi mọi câu chuyện. Số xui xẻo.

“Gì mà xui với xẻo. Mẹ chú bệnh thì chú đến sớm ngày nào hay ngày nấy phải không?”

Chương 17 phần 2

Mặc những người chung quanh an ủi, tôi vẫn thấy nản lòng. Tôi thấy tội nghiệp cho bác Kita quá, bỏ cả công ăn việc làm và tốn công tốn của, dẫn tôi về quê. Bác đã báo cho chúng tôi biết đúng lúc. Tôi cũng hiểu các anh tôi đã buồn phiền ra sao. Thật không may chút nào.

Người con gái trẻ tuổi đón tôi ở nhà ga lúc này, bước vào phòng, tùm tùm cười và cúi đầu chào. Tôi lại thất bại nữa. Lần này là do quá thận trọng. Cháu không phải là người giúp việc. Cháu là đứa con gái đầu lòng của chị tôi. Tôi biết khi cháu còn là một đứa gái nhỏ bé, đen đúa. Bây giờ thì hoàn toàn thay da đổi xác, cao ráo, trông cũng thanh lịch.

“Cháu Mitchan đó mà”. Ngoại tôi cười. “Thấy cháu đẹp như hoa hậu không?”

“Dạ, đúng vậy. Cháu rất đẹp.” Tôi thành thật trả lời: “Nước da trắng trẻo.”

Mọi người cười vui vẻ. Tôi cảm thấy hơi thoải mái. Lúc ấy chợt nhìn vào phòng bên cạnh, tôi thấy mẹ tôi há miệng một cách mệt nhọc, thở mạnh hai ba cái, đôi vai run run. Rồi giờ cánh tay gầy guộc quờ quạng trong chân không như đuổi ruồi. Gì đây? Nghĩ vậy, tôi đứng lên đi đến gần giường mẹ tôi. Các người khác cũng đến tụ tập bên đầu giường, vẻ mặt lo lắng.

“Thỉnh thoảng bà thấy đau.” Cô y tá nói nhỏ, giải thích ọi người hiểu rồi luồn tay vào trong mền, liên tục xoa nắn thân thể mẹ tôi. Tôi quỳ thấp xuống, hỏi mẹ tôi đau chỗ nào. Mẹ tôi chỉ khẽ lắc đầu.

“Mẹ ơi gắng lên! Mẹ chờ Sonoko lớn lên đi.” Tôi hơi ngượng mà nói với mẹ tôi như thế.

Đột nhiên một người dì nắm lấy tay tôi để vào lòng bàn tay mẹ tôi rồi siết chặt lại. Không phải một tay. Tôi dùng cả hai bàn tay để bao bọc và làm ấm bàn tay lạnh lẽo của mẹ tôi. Dì úp mặt trên tấm mền đắp trên người mẹ tôi khóc. Ngoại tôi, cháu Taka (cháu gái người anh thứ) cũng bật khóc. Tôi gắng gượng, mếu máo. Như thế một hồi lâu tôi không chịu đựng được nữa nên lặng lẽ rời mẹ tôi, bước ra hành lang. Đường hành lang dẫn đến một phòng khách bài trí theo kiểu tây phương. Phòng lạnh, vắng tanh. Trên bức tường sơn trắng treo một bức tranh dầu hoa bạch phiến và một bức tranh khác vẽ người phụ nữ khỏa thân. Trên khung thành lò sưởi, lẻ loi một con búp bê gỗ, chạm trổ thô sơ. Trên bộ ghế xa-lông có miếng da beo. Cái bàn, cái ghế đến tấm thảm tất cả không thay đổi, vẫn như xưa. Tôi đi quanh quẩn trong phòng, cố đừng để rơi nước mắt. Tôi nhủ thầm bây giờ mà khóc thì là giả dối, giả dối thật đấy. Lặng lẽ trốn vô phòng khách để khóc một mình, tôi sẽ được mọi người xem như là một người con thật hiếu thảo. Xạo! Không phải là xi-nê rẻ tiền ư? Tôi là cậu Shuji, ba mươi bốn tuổi đời, con người hiền hậu. Thôi, đừng đóng kịch ướm át nữa. Đã từng làm những chuyện ích kỷ, bây giờ mới là người con hiếu thảo à. Đẹp đi! Khóc là giả dối. Nước mắt là nước mắt cá sấu. Vừa nói với chính tôi như thế, tay để trong túi quần, tôi đi quanh quẩn trong phòng khách. Nhưng bây giờ tôi cảm thấy nghẹn nơi cổ. Tôi bặm miệng lại. Tôi hút thuốc, tôi hỉ mũi, làm đủ mọi cách. Không để một giọt nước mắt rơi xuống đất.

Mặt trời xế bóng. Tôi không trở về phòng bệnh của mẹ tôi mà nằm yên trên ghế xa lông trong phòng khách. Phòng khách này hơi xa, có vẻ không có ai lui tới, bật nút cũng không có điện. Tôi ở đây một mình trong bóng tối lạnh lẽo. Bác Kita và bác Nakabatake vẫn không xuống. Họ làm gì vậy? Hình như vợ tôi và Sonoko đang ở trong phòng bệnh. Đêm nay, rồi đây chúng tôi sẽ phải làm sao. Theo dự định ban đầu và như ý kiến của bác Kita, sau khi thăm mẹ, chúng tôi sẽ cáo từ rồi đến nhà ngoại tôi ở Goshogawahara để ngủ lại một đêm. Nhưng mẹ tôi

bệnh nặng như thế này mà tôi rút đi như đã định thì chắc sẽ làm bà con cô bác không vui. Dầu sao chẳng nữa, tôi phải gặp bác Kita, nhưng không biết bác đang ở đâu. Hay là việc bàn tính với anh tôi càng lúc càng khó khăn, bác không tìm được giải pháp chẳng? Tôi cảm thấy ở đâu cũng không ổn.

Vợ tôi bước vào phòng khách không đèn đuốc:

“Anh! Cảm lạnh chết.”

“Sonoko đâu?”

“Con đang ngủ.” Vợ tôi nói đã cho nó ngủ ở trong phòng chờ đợi bên phòng bệnh.

“Có sao không? Em đắp cho con đủ ấm chứ?”

“Dạ, ngoại có mang mền đến ình mượn”

“Em thấy sao? Mọi người tử tế chứ?”

“Vâng.” Vợ tôi trả lời nhưng vẻ mặt không yên. “Rồi chúng ta sẽ ra sao?”

“Không biết được.”

“Đêm nay mình ngủ ở đâu?”

“Hỏi anh chuyện đó thì làm sao mà trả lời được. Nhất cử nhất động, mình phải theo chỉ thị của bác Kita mà. Mười năm nay là như vậy. Nếu mình không bàn tính với bác mà nói chuyện thẳng với ông anh thì sẽ lồi thối lắm thứ chuyện. Tình cảnh bọn mình là như vậy. Em hiểu chứ? Bây giờ anh chả có một cái quyền gì hết. Mang hành lý đến cũng không được.” “Anh nói có vẻ như anh hờn bác Kita vậy đó.”

“Nói vậy. Bản thân anh, anh hiểu rõ hảo tâm của bác Kita. Tuy nhiên vì bác làm trọng tài ở giữa nên giữa anh và ông anh cũng có cái gì khó xử. Mình không thể nào để bác mất mặt được, mà cũng không có ai là người xấu ...”.

“Anh nói nghe cũng phải.” Vợ tôi cũng tỏ vẻ hiểu chuyện một chút. “Bác Kita tử tế sẵn sàng dẫn chúng ta về quê. Nghĩ rằng phụ lòng bác thì không hay nên em cùng Sonoko đến đây. Bây giờ nếu xảy ra chuyện gì làm phiền bác thì chính em đây cũng cảm thấy áy ngại đó.”

“Đúng vậy. Mình không thể là bọn vong ơn được. Chỉ có anh, một thứ kỳ đà cản mũi, là không nên có mặt ở đây thôi. Thật là tội nghiệp cho bác Kita. Không ngại đường xá xa xôi dẫn mình đến đây mà không được mình hay ông anh tỏ lòng tri ơn, thì thật là hết chỗ nói. Mình phải làm một cái gì để giữ thể diện cho bác, nhưng không may là ở đây mình không có một ảnh hưởng nào cả. Không khéo thì chỉ gây thêm rắc rối mà thôi. Vậy thì mình chỉ còn cách là ngồi yên rồi xem sao. Em vào phòng thoa nắn chân ẹ đi. Chỉ cần nghĩ đến bệnh tình của mẹ thôi.”

Nhưng vợ tôi có vẻ không muốn đi. Nàng đứng rũ đầu trong bóng tối. Nếu có ai thấy hai vợ chồng chúng tôi ở nơi tăm tối như vậy thì coi không được. Nghĩ vậy tôi liền ngồi dậy bỏ ra hành lang. Không khí bên ngoài lạnh buốt. Nơi này là cực bắc của đảo Honshu. Bầu trời ban đêm nhìn xuyên qua khung cửa kính, đen như mực, không một ngôi sao. Bỗng nhiên không hiểu sao tôi rất muốn làm việc. Và làm một mạch.

Đưa cháu gái đi tìm chúng tôi.

“Trời ơi. Cô chú đang ở chỗ này mà tìm hoài không thấy!” Cháu ngạc nhiên kêu lên, giọng trong trẻo. “Tối bữa ăn rồi. Mời dì Michoko dùng cơm chung.” Đứa cháu gái này không có vẻ gì giữ khoảng cách đối với chúng tôi. Làm tôi rất tin cậy. Tôi nghĩ mình có thể hỏi ý kiến nó mà không sợ nhầm.

Cháu dẫn chúng tôi đến một phòng chánh nằm giữa nhà, có để bàn thờ. Ngồi quay lưng lại bức tường đằng sau phòng là giáo sư ở Goshogawara (con nuôi của ngoại), rồi bác Kita, bác Nakabatake. Đối diện với họ là chỗ ngồi của người anh cả, anh thứ, tôi và Michiko, cả thầy chỉ có bảy người.

“Thư tức đạt đến trễ.” Tôi nói ngay khi gặp người anh thứ. Anh chỉ gật đầu nhẹ. Bác Kita có vẻ không vui, mặt tiu nghỉu. Thông thường khi bác ngồi vào bàn tiệc và có rượu là bác vui hẳn lên, nên hôm nay gương mặt buồn xo rõ rệt của bác làm cho tôi tin rằng chắc có điều gì không hay xảy ra đây.

Còn giáo sư ở Goshogawara thì sau khi có chút rượu vào là vui nhộn hẳn lên nên bầu không khí trong phòng tương đối vui vẻ. Tôi đưa tay rót rượu mời anh cả và anh thứ. Tôi không nghĩ đến chuyện tôi được hai người anh tha thứ hay không. Tôi nghĩ suốt đời sẽ không có một lý do nào mà hai anh tôi có thể tha thứ cho tôi. Mà tôi cũng không lạc quan tếu như vậy. Rốt cuộc vấn đề ở đây là tôi có thương hai anh tôi hay không. Có lẽ người có tình thương đối với tha nhân là người có hạnh phúc. Nếu tôi thương hai anh tôi thì cũng đủ rồi. Chúng ta phải bỏ đi lòng tham lam ích kỷ cá nhân. Tự rót rượu ình, uống thật nhiều, tôi tự vẫn tự đáp lung tung như vậy.

Tối hôm đó, bác Kita ngủ lại nhà ngoại tôi ở Goshogawara. Ở Kanagi có rất nhiều người đến thăm bệnh nhân nên có lẽ bác Kita ngại, nói phải về Goshogawara ngủ ở đó. Tôi ra bến xe, tiễn bác Kita.

“Cám ơn bác nhiều, bác thật tử tế dẫn chúng tôi về đây.” Tôi thành khẩn nói. Giờ đây tôi cảm thấy lẻ loi khi phải xa bác. Không có ai hướng dẫn tôi phải làm như thế nào. “Tối hôm nay gia đình chúng tôi ngủ lại ở Kanagi có được không?” Tôi muốn hỏi ý kiến trước.

“À chuyện này thì có lẽ được.” Giọng bác hơi lạnh lùng, có lẽ tôi tưởng tượng như thế thôi. “Vì bà đang bệnh nặng.”

“Vậy thì chúng tôi sẽ xin tạm trú ở Kanagi hai hoặc ba đêm. Bác nghĩ như thế trông có tro trên không?”

“Đó tùy theo bệnh tình của bà. Thôi để ngày mai chúng ta bàn tính với nhau bằng điện thoại.”

“Bác Kita tính thế nào?”

“Ngày mai tôi về Tokyo.”

“Cập rập quá! Hè năm ngoái, bác về gấp nên năm nay thế nào đi chẳng nữa tôi cũng sẽ hướng dẫn bác đi tắm suối nước nóng gần Aomori. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cả rồi.”

“Không được. Mẹ bệnh nặng thế, đi tắm suối nước nóng coi sao cho được”. Thật tình mà nói, tôi không nghĩ bệnh tình bà lại nặng như thế. Thật không ngờ. Còn tiền cậu mua vé tàu hỏa cho tôi, thì sau này tôi sẽ tính toán và hoàn lại. Bác Kita thỉnh thoảng nói chuyện tiền vé tàu làm tôi chùng hững.

“Bác đừng đùa. Tôi cũng phải trả tiền vé tàu để bác về. Bác đừng lo chuyện đó.” “Không được. Hãy tính toán sòng phẳng. Về hành lý của cậu gửi ở nhà bác Nakabatake thì sáng sớm tôi sẽ nhờ bác ấy gửi đến nhà ở Kanagi. Thế thì tôi xong việc.” Bác Kita đi nhanh trên con đường tối đen như mực.

“Đây là chỗ đón xe phải không ? Thôi, cậu khỏi tiễn tôi nữa. Thật mà, thôi đi.”

“Bác Kita!” Tôi đi nhanh hai ba bước như đuổi theo bác. “Anh tôi có nói gì với bác

không?”

“Không có.” Bác Kita đi chậm, giọng ôn tồn: ”Từ nay trở đi, cậu không cần lo chuyện đó nữa. Đêm nay tôi thấy vui. Thấy ba anh em cậu, cậu Moji, cậu Eiji rồi cậu, ba người con thành đạt ngồi cạnh bên nhau, tôi mừng đến chảy nước mắt. Tôi không cần gì nữa. Đầy đủ rồi. Từ đầu tôi không mong một xu teng tiền thưởng cho chuyện này. Cậu chắc hiểu chứ? Tôi chỉ muốn thấy ba anh em cậu ngồi sắp hàng chung với nhau mà thôi. Vui lắm. Thỏa mãn. À, cậu Shuji ơi, ráng lên làm ăn cho đảng hoàng nhé. Đã đến lúc những người già như chúng tôi rút lui cũng được rồi.”

Tiền bác Kita xong, tôi trở về nhà. Từ bây giờ không thể nhờ vả bác Kita nữa, tôi phải nói chuyện trực tiếp với anh tôi. Nghĩ đến đó, tôi cảm thấy sợ hãi hơn là sung sướng. Rồi không biết tôi sẽ làm điều gì bê bối khiến hai người anh nổi giận, tôi đâm ra lo lắng vô cùng và cảm thấy mình yếu kém.

Trong nhà tập nập khách viếng thăm. Để khỏi bị khách bắt gặp, tôi len lén bước vào nhà bếp rồi từ đó đi đến phòng bệnh. Chợt ngó vào phòng nhỏ bên cạnh, kế bên phòng “Thường Cư”, tôi thấy anh Eiji ngồi một mình. Như bị một lực gì đẩy tới, tôi lẹ bước đến cạnh anh rồi ngồi xuống. Nhưng thâm tâm thì không khỏi lo ngại. Tôi hỏi:

“Bệnh mẹ nặng đến nỗi không thể chữa trị được à?” Một câu hỏi đường đột, tôi cũng nghĩ không nên hỏi như vậy. Anh Eiji cười gượng, ngó quanh quất rồi nói:

“Ừ, cậu phải nghĩ lần này là khó khăn đây.” Khi đó, đột nhiên anh cả tôi bước vào. Vẻ hơi lúng túng, anh đi tới đi lui, mở tủ xong lại đóng, rồi ngồi xếp bằng bên cạnh người anh thứ.

“Khó thật. Không biết phải làm sao đây.” Nói xong, anh cúi mặt, đẩy cặp kính lên trán rồi lấy tay dụi mắt.

Không biết lúc nào người chị cả của tôi đã đến ngồi sau lưng tôi.

Nguyễn Ngọc Duyên dịch

Wollongong ngày 5/8/2006

Chương 18

Melos ơi, chạy nhanh lên!

Dazai Osamu

Melos bùng bùng nổi giận, quyết phải giết cho được tên vua độc ác.

Thực ra Melos chẳng biết chút gì về chuyện chính trị. Anh chỉ là thường dân ở thôn làng, ngày ngày nuôi cừu kiếm sống, thổi sáo giải khuây, nhưng tính ghét những điều gian ác. Không cha không mẹ, lại còn độc thân, anh chỉ có mỗi một cô em gái hiền lành. Cô này mười sáu tuổi, định nay mai sẽ lập gia đình với một chàng trẻ trong làng, cũng cùng nghề như Melos. Cho nên để tìm quần áo đẹp và mọi vật cần dùng cho đám cưới của cô em, ông anh đã phải rời làng từ sáng sớm, vất vả băng đồng vượt núi mãi để lên tận thành phố Syracuse. Sau khi mua sắm xong xuôi, Melos lượn chân quanh phố kiếm nhà của anh thợ đá Seli là bạn thân từ thưở còn thơ. Nghĩ bao nhiêu năm không gặp, nay thấy mặt nhau chắc sẽ vui thích vô cùng.

Đi được một lúc, Melos hơi ngạc nhiên vì thấy không khí trong thành phố sao cứ là lạ. Đành là mặt trời đã lặn nên cảnh vật tối tăm, nhưng không hẳn chỉ vì tối mà như thế này được. Phố xá không hiểu sao cứ ảm đạm điều hiu, làm cho người lạc quan như Melos cũng đâm ra ái ngại. Thấy một chàng trai đi lại gần, anh hỏi tại sao, vì hai năm trước đến đây, cũng ban đêm mà người ta ca hát và rong chơi cười nói vui vẻ ngoài đường phố. Nhưng chàng trai chỉ lắc đầu, chẳng nói gì. Lát sau gặp một ông già, anh lại hỏi, lần này khẩn thiết hơn, nhưng ông cụ cũng không trả lời. Melos nắm lấy hai vai ông cụ, lắc mấy cái, rồi hỏi nữa. Ông ta mới nói nhỏ nhỏ:

- Vua giết người ta!
- Sao mà giết?
- Vua bảo họ có lòng gian, nhưng nào có ai gian tà gì đâu!
- Bộ giết nhiều lắm sao?
- Phải, trước tiên là anh rể của vua, kế đó là Đông Cung thái tử, rồi đến công nương em ruột của ngài cùng mấy người con, rồi đến hoàng hậu, sau đó là đại thần Alekis...
- Trời đất, không lẽ nhà vua phát khùng?
- Đâu phải loạn óc hay quần trí gì, chỉ vì không tin ai cả thôi. Bây giờ thì đâm ra nghi kỵ hết cả thiên hạ, hề thấy nhà nào có thể lực một chút thì bắt giao cho vua một người làm con tin, ai không tuân theo thì lập tức xử treo trên thập giá. Nội bữa nay thôi cũng đã treo hết sáu người!

Melos mới nghe xong đã bùng bùng nổi giận: “Thứ tàn ác này, không thể sống được!”

Anh là người bộc trực nghĩ sao làm vậy, nên cứ đeo cả gói đồ vật trên lưng đi xăm xăm đến hoàng cung. Lính gác chặn lại, khám trong người thấy có thanh đoản kiếm nên lật đật báo động, cuối cùng lôi anh chàng tới trước mặt vua Dionys. Nhà vua sắc diện nhợt nhạt, xanh xao, những vết nhăn hằn sâu, nhưng giọng nói uy nghi trầm tĩnh: “Người mang kiếm đến đây, muốn làm gì?”

Melos không sợ hãi: “Để vì thiên hạ khừ trừ tay bạo ngược!”

Nhà vua cười khẩy: “Sức mày mà làm được ư? Cũng tội nghiệp, thử như mày sao biết được! Ta cô đơn đến đâu, thiên hạ nào mà hiểu được ta!

Melos nổi giận, hét lớn: “Nói thế à? Đa nghi là điều tệ hại nhất của mọi tính xấu, bậc vua

chúa không được nghi ngờ lòng trung của thuộc hạ mình”.p>

Vua Dyonis vẫn trầm tĩnh, nói qua tiếng thở dài: “Lòng người, tin sao được? Cứ nhìn việc người đang làm thì rõ, chẳng cần cắt nghĩa lời thôi. Bản chất của con người là tham lam vô độ, có nghi ngờ là cũng chỉ để đề phòng, đương nhiên thôi. Người sao biết được ta đây cũng chỉ mong mọi sự yên ổn an lành!”

Melos bật cười: “Yên ổn an lành, để bảo vệ địa vị của mình chứ gì? Đi giết người vô tội mà dám bảo yên ổn an lành?” Vua Dyonis ngẩng mặt nói lớn: “Im đi, cái thằng hạ tiện! Chỉ khua môi múa mép thì ai chả nói được trăm vạn chuyện hay ho? Nhưng lòng dạ con người, chỗ sâu kín đến đâu ta cũng nhìn thấy tuốt! Còn mày, vài phút nữa là thân treo trên thập giá, đừng hòng mở miệng mà than khóc van nài!”

“Ôi, ông thực thông minh, có lo cho thân ông cũng phải! Tôi biết mình thế nào cũng chết, chẳng hề nghĩ chuyện nài van, nhưng mà...”

Nói đến đây, Melos cúi đầu nhìn xuống, giọng ngập ngừng: “xin ... niệm tình hoãn cho tôi ba ngày, để về lo cho việc cưới hỏi của cô em gái. Xong xuôi, tôi sẽ xin trở lại chịu thọ hình”.

Vua Dyonis cười, giọng khô khan: “Ngu si táo tếu! Bịa trò láo toét thiên địa, định qua mặt ai đây? Xưa nay có con chim nào đã thoát đi được còn bay trở lại?”

Melos giọng cương quyết: “Trở lại chứ, chắc chắn tôi sẽ trở lại! Em gái tôi đang đợi ở nhà. Tôi biết trọng lời mình hứa, xin chỉ cho tôi ba ngày! Thôi thế này, nếu không tin tôi thì ở đây có người thợ đá tên Seli là bạn ruột của tôi, xin cứ giữ anh ta. Nếu sau ba ngày mà tôi không trở lại trước khi mặt trời lặn thì cứ đem anh ta ra thay mạng”.

Vua Dyonis đắc ý cười thầm, trong đầu nảy ra một ý nghĩ tinh quái: “Chỉ khéo phía chuyện, thả ra rồi thì đi luôn là cái chắc! Nhưng thôi cứ làm bộ như bị nó gạt, cũng vui vui! Khi kỳ hạn qua đi, có đem con tin ra giết cũng đáng kiếp thôi! Ta sẽ làm bộ buồn rầu, ra lệnh đi treo con tin, chỉ vì có người không thủ tín. Đây cũng là cơ hội cho thiên hạ thấy rõ làm chi có người thành thực ở đời này”.

- Được rồi, con tin đâu đem lại đây! Còn người thì phải trở lại đúng ba ngày sau, trước khi mặt trời lặn. Người mà về trễ thì con tin mất mạng đó! Người về trễ chút xíu thì càng tốt, đã có người chết thế, ta sẽ tha cho người!

- Sao, vua nói sao?

- Ha ha ha! Ai chả tiếc mạng mình, người cứ về trễ đi! Người nghĩ gì trong bụng, ta biết hết!

Melos lúng túng, không biết nói sao. Đến khuya, người ta đem Seli vào cung, hai năm rồi đôi bạn mới lại gặp nhau. Trước mặt vua Dyonis, Melos kể lại hết tự sự. Seli lặng lẽ gật đầu, rồi ôm chầm lấy Melos. Giữa hai người bạn thân tình, chỉ thế thôi là đủ. Rồi Seli bị trói, còn Melos ra đi. Trời đêm mùa hạ trong veo, muôn cánh sao ngàn lấp lánh.

Ba chân bốn cẳng về được đến làng thì mặt trời đã lên cao, người người đã ra đồng làm việc. Cô em của Melos đang chăn đàn cừu ngoài bãi, bỗng thấy ông anh mình hiện ra – bộ dạng bơ phờ, bước chân quờ quạng – cô tròn xoe cả mắt, rồi lảng xãng vô vấp hỏi han. Melos ráng giữ nụ cười tươi để trấn an em: “Chả có gì đâu. Còn bề bộn việc ở trên phố, anh sẽ phải trở lên đó ngay để lo cho xong. Ngày mai mình lo làm lễ cưới của em cho rồi, càng sớm càng tốt”. Trông cô em mắc cỡ đỏ hồng đôi má, Melos nhỏ nhẹ: “Mong lắm phải không? Áo quần đẹp có rồi đây. Bây giờ em về làng báo ọi người biết là ngày mai làm lễ cưới”. Rồi anh cũng

lật đặt về nhà lo bày biện bàn thờ, sắp đặt bàn ghế, và ngã đùng trên sàn nhà ngủ thẳng một hơi chẳng còn biết đất trời.

Mở mắt ra thì đã tối, vội qua bên nhà trai bàn chuyện làm lễ cưới vào sáng mai. Anh chàng trẻ chung hững: “Chưa sửa soạn gì cả, anh chờ qua hết mùa nho có được không?”. Melos bảo phải ráng làm trong ngày mai, nhưng anh chàng trẻ không chịu nên hai bên bàn bạc đôi co mãi đến gần sáng. Melos khản khoản nói đi nói lại, cuối cùng mới được nghe theo.

Lễ cưới diễn ra vào đúng Ngọ hôm sau. Đôi vợ chồng cúng bái thệ nguyện vừa xong thì ngoài kia mây đen đã giăng phủ đầy trời, rồi mưa bắt đầu rơi lộp bộp nặng hạt, lát sau thì tuôn xối ào ào làm những người trong tiệc cảm thấy như có điềm gì bất ổn. Nhưng họ chóng bỏ qua và vỗ tay ca hát vui vẻ, quên luôn cả khí nóng hầm hập trong căn nhà chật hẹp. Melos vui ra mặt, trong một lúc cứ như lời hứa hôm kia không còn canh cánh trong đầu. Tiệc cưới kéo dài đến gần tối thì náo nhộn hẳn lên, không ai còn để ý là bên ngoài còn đang mưa lớn. Melos mong sao suốt đời cứ thế này, được quây quần mãi với những người mình yêu thích. Nhưng anh hiểu bây giờ ngay tấm thân cũng chẳng còn là của mình, đành phải bấm bụng ra đi thôi. Phân vân, anh lại nghĩ thì giờ còn đủ chán, thôi ngủ một giấc rồi hẵng đi, chắc lúc đó mưa cũng nhẹ bớt. Dù sao trong lòng cũng quyến luyến, cứ muốn nán nã ở lại nhà.

Nhìn cô em gái đang ngồi yên như lắng chìm trong hạnh phúc, Melos xích đến kê bên, dặn dò: “Mừng cho cô! Bữa nay anh mệt quá, chắc phải lánh ra đâu ngủ một chút để sáng mai còn đi cho kịp công chuyện. Bây giờ cô đã có được người chồng tử tế, cho nên chẳng có anh bên cạnh đi nữa, cũng không có gì buồn. Tính anh ra sao thì cô cũng đã biết, ghét nhất là dôi trá và nghi ngờ kẻ khác. Rồi đây cô sống với chồng, nhớ tuyệt đối dù có chuyện gì đi nữa cũng đừng bí mật giấu giếm nhau. Chỉ có chừng đó để nói với cô thôi. Khi nghĩ tới anh thì cô nên hạnh diện rằng anh mình cũng là người rất có tư cách”.

Cô em gái bàng hoàng như mơ, chỉ biết gật đầu. Melos quay sang vỗ vai chú rể: “Đâu phải mình chú, phía anh cũng lật bạt, có chuẩn bị được gì đâu! Anh không có chi nhiều, chỉ mỗi cô em và mấy con cừu, từ nay tất cả thuộc về một tay chú. Nên nhớ bây giờ thành anh em một nhà với Melos là điều phải thấy tự hào”. Ông em rể không biết nói gì, im lặng bóp hai bàn tay vào nhau nhẹ nhẹ. Melos cười cười đứng lên cúi chào quan khách rồi đi ra ngoài, kiếm chuồng cừu chui thẳng vào, ngủ vùi như chết.

Mở mắt ra thì trời đã hừng sáng. Melos nhảy nhồm dậy: Trời đất phật thánh, lỡ ngủ quên rồi?! Nhưng không, may còn sớm, nếu đi ngay thì kịp chán! Bữa nay nhất định lão vua kia sẽ thấy được có người thành thực, sẽ thấy ta bước lên cây thập giá với cả nụ cười!

Ngoài kia, mưa có vẻ đã bắt đầu ngớt hạt. Melos thần nhiên thu xếp hành trang, rồi dơ hai tay lên cao, vươn vai một cái và lao vào trong mưa như một mũi tên. Phải chạy cho nhanh, chiều nay ta sẽ chết. Phải chạy nhanh đến cho người ta giết, chạy cho nhanh để cứu bạn mình! Chạy nhanh lên, để đánh tan lòng hiểm ác gian tà trong lòng tên bạo chúa. Phải chạy cho nhanh, rồi ta sẽ bị giết! Xin già từ làng xóm, ta phải chạy nhanh, để giữ lòng tự trọng mang trong mình tự thờ thiếu thời.

Melos tuy trẻ nhưng ráng chạy nhanh nên thực vất vả. Không biết bao lần anh thèm được ngừng lại một chút để nghỉ lấy sức. Nhưng anh cứ chạy, vừa thở hào hển vừa to tiếng để thúc dục mình. Ra khỏi làng, băng đồng rộng, xuyên qua cả khu rừng. Khi anh đến được làng bên cạnh thì mưa đã tạnh hẳn, mặt trời lên cao, không khí bắt đầu nóng bức. Melos đưa tay vuốt

mồ hôi trán. Đến ngang đây là được rồi, chẳng còn gì nhớ tiếc chuyện ở nhà nữa! Hai vợ chồng cô ấy, bây giờ hẳn đã yên ổn, khỏi phải bận tâm, chỉ cần đi thẳng một mạch đến cung vua là xong! Vậy mình cũng chẳng vội gì, cứ từ từ cũng kịp. Melos thấy hơi an tâm, bắt đầu vừa đi vừa hát, cứ thế thăng thăng hết dặm nọ đến dặm kia.

Không may cho Melos, mới đi khoảng nửa đường thì không tiến thêm được nữa. Con sông trước mặt anh – vì hôm qua mưa lớn làm trên nguồn đầy ứ – nước cuộn cuộn đổ tràn về phía hạ lưu, đầy sập luôn cây cầu tự lúc nào mà khí thế vẫn còn ầm ầm, đánh cho đám gỗ tan ra nhiều mảnh nhỏ. Melos sững sờ, đứng nhìn dáo dác xuôi ngược. Anh ráng sức kêu lớn, nhưng thuyền bè chắc đã bị cuốn đi hết nên chẳng thấy đâu, cả mấy tay chèo đò cũng không thấy tăm hơi bóng dáng. Nước càng lúc càng tràn lan, mênh mông như biển. Melos gục trên bãi khóc rống lên. Lát sau, anh dơ tay lên trời cầu khẩn: “Xin rủ lòng thương, ngăn giòng nước lại! Tôi đây thì giờ không còn được bao nhiêu, mà mặt trời đã đứng bóng! Nếu không đến được cung vua trước khi nắng tắt, anh bạn kia sẽ phải chết vì tôi!”. Nhưng cơn nước không đổi thay, lại còn réo cuộn dữ hơn như giễu cợt. Cứ lớp sóng này tuân theo lớp khác, xoắn tít lấy nhau, văng bọt tung toé, trong khi thì giờ của Melos cứ lặng lẽ trôi qua.

Chợt Melos hiểu ra, nếu anh không tự ráng lội qua sông thì chẳng còn cách nào khác. Ôi trời cao vời vọi, hãy nhìn xuống mà xem, giờ phút này mãnh lực phi thường của yêu thương và chân thật sẽ vượt qua hết được nước to sóng mạnh! Nói xong, anh mạnh dạn lao mình xuống nước, vẫy vùng ngụp lặn giữa muôn trùng sóng bạc đang ào tới vây bủa như ngàn đám giao long. Anh dồn hết sức vào hai tay, cố ngoi mình trên làn nước đục đang chảy xiết. Phải chăng nhìn thấy một sức lực nhỏ nhoi đang cố sức phấn đấu loạn xạ nhưng dũng mãnh như một con sư tử giữa muôn trùng sóng nước, thần linh cũng đâm ra mủi lòng muốn giúp anh? Cho nên, quả thực kỳ diệu, mặc dù bị cuốn phăng đi dữ dội, rồi Melos cũng bám chặt được vào một thân cây lớn ở bờ phía bên kia.

Cứ như một con ngựa uớt, Melos lắc mạnh thân mình để rảy bớt nước, rồi lật đật bước đi. Thực cảm ơn trời đất, ta phải mau lên, đừng phí thì giờ! Mặt trời đã bắt đầu ngả về tây. Melos thở hào hển, ráng leo lên một ngọn đèo cao. Vừa bước qua khỏi đỉnh, anh đang thở phào thì bỗng gặp ngay một đám cướp.

- Đứng lại!

- Chuyện gì? Tôi đang gấp, phải tới hoàng cung trước khi tắt nắng, để yên cho tôi đi!

- Đâu được, có gì để hết lại đây đã!

- Chẳng có gì ngoài mỗi cái mạng này, mà nó cũng đã thuộc về tay vua mất rồi!

- Vậy thì để cái mạng của ngươi lại!

- Thế ra vua sai các người đến đây phục kích chứ gì?>

Bọn cướp không trả lời, đồng loạt vung gậy đánh tới. Melos nhanh nhẹn lạng người một cái, xông vào tên đứng gần nhất, giật ngay thanh gậy. Anh nghĩ: “Cũng tội nghiệp, nhưng ta đang lo làm việc phải, cứ đánh thôi!”. Liên tấn công dữ dội, phút chốc đánh ngã ngay ba tên. Những tên còn lại hết vía, cầm đầu vụt xuống đèo lui mất.

Melos cũng lật đật xuống đèo, trong người đã mệt lắm, trời chiều lại nắng chói chang, làm anh mấy lần choáng váng. Không được, thế này thì chết rồi! Melos ráng loạng choạng đi thêm được vài bước, nhưng rồi đầu gối khụy xuống, hết đứng nổi. Anh nhìn lên trời tức tối, khóc oà. Chao ôi, sức lực này, đã lội qua dòng nước lũ, đánh gục ba tên cướp, ráng được đến

chùng này! Chao ơi, Melos con người can đảm, bây giờ kiệt lực nằm xuống, tiếc hận lắm thay! Người bạn thân yêu của người đó, chẳng phải tin tưởng vào người mà mất mạng đó sao? Người thực là tên đại bất tín, đúng như ông vua kia nghĩ! Toàn thân Melos mất hết cả sức, tuy nghĩ thế nhưng chỉ nằm đó nhúc nhích như con sâu, chẳng tiến tới được chút nào.

Khi cơ thể suy nhược thì tinh thần cũng suy sụp, những ý nghĩ không hay bắt đầu nhen nhúm. Melos tự nhủ: Thôi, sao cũng được! Ta chẳng bao giờ muốn thất hứa, đã cố gắng đến thế này. Có thần minh chứng giám cho, ta chẳng phải là hạng nuốt lời, đã ráng hết sức mình, chạy cho đến khi hết còn nhúc nhích được. Ôi, cứ xé lồng ngực này ra để thấy cả một trái tim đỏ thắm trong đó, với những giòng máu đầy ắp nỗi tin yêu. Nhưng không may cho ta, vào giờ phút quý báu này cả thể xác lẫn tinh thần đều kiệt quệ. Thế nào ta cũng bị chê cười là đồ phản bạn, cả nhà ta cũng sẽ bị chê cười. Nhưng đã được nửa đường mà ngã gục thì có khác chi từ đầu chẳng làm chi cả? Thôi đành vậy, sao cũng được! Có lẽ số mạng của ta nó như thế! Seli ơi, tha thứ cho tôi. Bao giờ bạn cũng tin tưởng tôi, tôi cũng chẳng bao giờ lường gạt bạn. Chúng mình quả thực là đôi bạn tốt, chẳng bao giờ có chút gì nghi kỵ lẫn nhau. Bây giờ chắc bạn đang yên tâm chờ tôi? Ôi, phải, đợi chờ tôi! Seli ơi, xin cảm ơn bạn đã tin tôi. Nghĩ đến điều này, tôi không sao đành lòng được. Trên đời này, có gì quý giá hơn sự tin cậy lẫn nhau giữa bạn bè? Seli ơi, tôi đã ráng chạy, chẳng may may nào có ý lường gạt bạn đâu! Tin tôi đi, tôi đã vội vã chạy mãi đến được chùng này, đã vượt qua nước lũ, đánh nhau với cướp, vượt hết ngọn đèo, lật đật đến đây. Chỉ có tôi mới làm được thế.

Nhưng thôi đành vậy, buông tha cho tôi, đừng hy vọng gì thêm nữa! Sao cũng được cả, tôi đã hoàn toàn thua cuộc, một đũa chẳng ra gì, cứ chê cười nhạo báng tôi đi! Lão vua kia có nói bên tai tôi, cứ việc đến trễ, tôi mà đến trễ thì sẽ giết con tin và tha cho tôi. Tôi cảm cái ty tiện đó của lão, nhưng bây giờ lại làm đúng y điều lão ta mong, tôi sẽ đến trễ là chuyện chắc! Lão ta sẽ ình là đúng, sẽ chế nhạo thoả thích và thả tôi đi. Như thế, tôi sẽ phải sống để suốt đời làm một tên phản bội, một loại người nhục nhã nhất trên mặt đất, khổ sở hơn chết bội phần. Seli ơi, tôi cũng sẽ chết thôi. Hãy cho tôi được cùng chết với nhau. Chỉ có bạn là người tin tưởng ở tôi thôi. Đó là điều chắc chắn – hay tôi chỉ nghĩ thế để lừa tôi? Ồ, hay là... tôi cũng nên trở thành một kẻ ác đức để tiếp tục sống? Căn nhà tôi còn đó, ở dưới làng, có thêm cả đàn cừu nữa. Vợ chồng cô em gái, chẳng lẽ xô đuổi tôi? Chính nghĩa, tin cậy, yêu thương, là gì? Tất cả chỉ toàn là những điều vô bổ! Trên đời này, thiên hạ giết kẻ khác để mình sống, qui luật là thế, chẳng phải sao? Ôi, mọi sự mọi việc, nghĩ mà chán. Đâu còn gì nữa, ta đây đã là một kẻ phản bội xấu xa, cho nên muốn làm gì thì cứ làm, mặc xác cả thiên hạ! Melos nằm ngửa ra, buông lỏng hết chân tay, chìm vào giấc ngủ.

Nhưng tự nhiên có tiếng nước chảy mơ hồ đâu đó. Melos ngóc đầu lên, nín thở lắng nghe. Có vẻ đâu từ phía dưới chân. Anh bò dậy tìm, thì ra có tia nước nhỏ đang nhẹ nhàng lách ra từ kẽ đá, nghe như thì thầm những điều gì. Melos cúi mình sát vào, bụm hai tay hứng đầy, uống cạn. Bây giờ anh thấy mình có thể thở mạnh được, ngỡ ngàng như vừa qua khỏi một giấc mơ. Cũng đã bắt đầu bước đi được.

Vậy thì đi! Trong người bớt mệt thì ít nhiều hy vọng cũng bắt đầu nảy nở. Đó là hy vọng muốn hoàn thành nhiệm vụ, muốn bảo toàn danh dự bằng cái chết của mình. Nắng chiều đang chiếu những tia đỏ ối trên những hàng cây, muôn cành lá sáng bừng lên rực rỡ. Từ đây cho đến khi nắng tắt vẫn còn đủ thì giờ! Có người đang chờ ta, lặng lẽ, không chút gì nghi ngại! Ta

đang được tin cây, tính mạng ta, nào có sá chi! Nhưng đừng nghĩ gì thêm đến việc lấy cái chết để đền đáp. Phải xứng đáng với lòng tin cây kia, chỉ thế thôi, đó là điều quan trọng nhất vào lúc này. Nào nhanh lên, Melos ơi! Người đang được tin cây đó! Người đang được tin cây! Chuyện thì thầm của quỷ ma lúc này chỉ là mộng mị, là ác mộng! Khi cơ thể mệt mỏi thì thường có những cơn mộng dữ như thế, cứ quên đi! Melos ơi, không có gì hồ thẹn. Thực ra người Thân này sinh ra vốn là người chính trực, xin cho hôm nay được chết như một người chính trực lìa đời!

Melos chạy vùn vụt như gió, bất kể phải xô người nọ, hất kẻ kia. Gặp một tiệc rượu đang chắn ngang giữa đồng, anh chạy xuyên qua luôn, làm cả đám chủ khách kêu trời như bọng. Anh đá văng một con chó, nhảy vụt luôn qua lạch nước, ba chân bốn cẳng cắm đầu mà chạy, xem chừng còn mau hơn cả tốc độ lặn xuống của mặt trời. Khi lướt nhanh qua một đám du khách, anh bỗng nghe được tiếng người nào nói: “Chắc bây giờ ông ấy đang bị treo lên thập giá”. Ông ấy! Trời đất, chính vì ông ấy mà tôi đây đang cố sức chạy nhanh! Melos ơi, không được để cho ông ấy chết! Mau lên, không được trễ! Trên thân thể của Melos đã hầu như không còn mảnh vải nào. Anh như đứt cả hơi thở, miệng hộc máu tươi hai ba lượt. Không được trễ! Chính bây giờ là lúc phải phô ra sức mạnh của yêu thương và chân thật, mau lên, đừng lo chi bộ dạng của mình! Anh cứ chạy, chạy miết, bỗng thấy được ở đằng xa, ngọn tháp cao của thành phố Syracuse đang lấp lánh phản chiếu ánh chiều.

- A, ngài Melos!

- “Ai đó?”, Melos vừa chạy vừa hỏi.

- “Dạ Philostratus, đệ tử của thầy Seli”. Anh thợ trẻ vừa chạy theo Melos vừa la lên: “Đã trễ rồi, xin đừng chạy nữa, vô ích! Chẳng còn cách nào cứu được thầy ấy!”.

- Đâu, mặt trời chưa lặn mà! - Giờ này thì việc xử hình đang tiến hành, ngài đến trễ rồi! Thực là đáng tiếc, chỉ trễ có một chút, giá sớm hơn chút xíu! Melos nghe mà đau như xé ngực, mắt đăm đăm ngó bóng mặt trời đỏ ối: “Đâu, mặt trời chưa lặn mà. Chỉ có cách chạy đến thôi!”.

- Xin đừng, đừng chạy! Chuyện cần bây giờ là phải bảo trọng tính mạng của ngài. Thầy ấy đã rất tin ở ngài. Lúc bị lôi đi xử, thầy ấy vẫn thản nhiên. Nhà vua chế nhạo lắm lần, nhưng thủy chung thầy ấy vẫn bảo Melos nhất định sẽ đến, vẫn rất tin tưởng vào ngài.

- Vậy thì phải chạy au, ông ấy đã tin thì lại càng phải chạy. Kịp hay không kịp chả thành vấn đề, tính mạng ra sao chẳng cần lo, tôi phải chạy đến vì những điều lớn lao hơn, đáng sợ hơn cả chuyện mất mạng nữa kia. Chạy theo tôi mau đi!

- Ôi chao, ngài mê rồi chẳng? Vậy ngài cứ chạy đi, biết đâu cũng không đến nỗi trễ, ngài cứ chạy đi!

Melos thu hết tàn lực chạy ngay, trên kia mặt trời vẫn chưa lặn. Đầu óc anh hoàn toàn trống rỗng, chẳng còn hơi sức đâu để suy nghĩ, cứ cắm đầu chạy phăng phăng như bị một ma lực phi thường lôi kéo. Nhưng mặt trời cũng dần dần chìm xuống chân trời, tia nắng le lói cuối cùng đang sửa soạn lịm tắt. Đúng ngay lúc đó, anh lao vụt vào hiện trường như một cơn lốc: Melos đến kịp thời!

Anh định la lớn: “Khoan, không được giết, Melos đây! Melos đúng hẹn, đã về đây!”. Nhưng cổ anh khô đặc lại, giọng đứt hơi nên chẳng ai nghe, quần chúng cũng không để ý tới kẻ vừa chạy đến. Cây thập giá đã đứng sừng sững chờ sẵn ở đó, Seli đang từ từ bị kéo lên.

Melos xô vệt đám đông tiến tới, hùng hổ như lúc đã vẫy vùng để thoát ngọn cuồng lưu. Anh khao hết cả giọng nhưng còn rảng hết sức la lên: “Các người, có ta đây! Có giết, thì giết ta đi! Kẻ đưa người này làm con tin, chính là ta, Melos đây!”.

Rồi anh nhảy luôn lên đài xử, dang tay ôm cứng đôi chân của bạn mình. Lập tức, bốn bên quần chúng reo hò vang dội: Hoan hô! Tha, tha, tha!

Seli được tháo xuống ngay. Melos rung rung nước mắt: “Seli ơi, đâm vào mặt tôi đi, đâm hết sức đi! Đã có lúc giữa đường tôi mơ thấy điều ác, nếu không đâm vào mặt tôi, tôi không dám ôm bạn được, bạn đánh đi!”. Seli chăm chú nhìn, có vẻ như hiểu hết được mọi sự. Anh tổng một quả trời giáng vào mặt Melos, chừng đâu khắp cả bốn phía ai cũng nghe được tiếng vang. Xong xuôi, anh mỉm cười, từ tốn nói: “Melos ơi, đâm tôi đi! Đâm thực mạnh như vừa rồi đi! Trong ba ngày qua, chỉ một lần thôi, nhưng tôi đã nghi ngờ bạn. Đây là lần đầu tôi nghi bạn. Nếu không đánh, tôi sẽ không mặt mũi nào mà ôm bạn được!”. Melos cho ngay một quả thôi sơn vào mặt ông bạn hiền. Cả hai đồng thanh nói: “Thực cảm ơn bạn!”, rồi vui mừng ôm chặt lấy nhau, khóc oà lên.

Quần chúng thấy đều cảm động, có người bật khóc. Vua Dyonis đứng sau đám đông lặng lẽ quan sát từ lâu, bỗng nhẹ gật đầu, rồi bước ra cạnh hai người, ngượng ngập mở lời: “Điều hai ông mong ước đã thành. Hai ông đã chinh phục được ta, đã xác chứng được rằng lòng tin cậy lẫn nhau không phải là điều huyền tưởng. Ta muốn được làm bạn với hai ông. Cho ta xin được làm một người bạn”.

Quần chúng nghe vậy đồng hô to: “Hoàng thượng vạn tuế, vạn vạn tuế!”. Từ trong đám đông, một cô gái trẻ tiến ra trao cho Melos chiếc áo choàng màu đỏ. Thấy Melos ngơ ngác, Seli giải thích: “Này Melos, người đang trần truồng như nhộng đó, mau choàng lên đi! Cô bé xinh xắn này, thấy người trần truồng trước mặt cả thiên hạ, người ta không nỡ, ái ngại giùm cho người đó!” Melos thấy hơi nóng vệt bốc lên má, mặt đỏ bừng.

(Viết theo một truyền thuyết cổ, và bài thơ của Schiller)

Văn Lang Tôn Thất Phương dịch

Canberra, 2005.12

Chương 19 phần 1

JUDAS ĐI TỔ CÁO

Dazai Osamu

Bầm quan. Thừa quan. Ông ấy tàn nhẫn. Tàn nhẫn lắm. Dạ, nó là thằng đáng ghét. Con người xấu xa. Ôi thôi, không chịu nổi. Không thể để nó sống được.

Dạ, dạ. Để tôi lấy bình tĩnh bầm với quan. Không thể để ông ấy sống được. Ông ấy là kẻ thù của thế gian. Dạ, bất cứ chuyện gì, tôi cũng nói hết, nói tất cả. Tôi biết chỗ ông ấy ở. Tôi sẽ dẫn đường. Bầm vằm đi, giết ông ấy đi. Ông ấy là thầy của tôi. Là Đức Chúa. Nhưng cùng tuổi với tôi. Ba mươi bốn tuổi. Tôi chỉ sinh sau ông ấy có hai tháng. Không khác nhau bao nhiêu. Giữa con người với con người, làm sao có sự kì thị tàn nhẫn như thế đó được. Vậy mà, cho đến ngày hôm nay, ông ấy đã bắt tôi làm việc cực nhọc chẳng nương tay, thật là ác độc. Mỉa mai tôi, coi thường tôi hết cỡ. Ôi thôi, không chịu nổi. Tôi đã ráng chịu đến chỗ mà mình còn có thể chịu được. Khi cần phải giận mà không giận thì còn gì là con người nữa. Từ trước đến nay, tôi đã âm thầm bảo vệ ông ấy không biết bao nhiêu lần. Có ai biết đâu. Chính ông ấy, ông ấy cũng không biết. Không, nhất định ông ấy phải biết. Biết rõ ràng. Chính vì biết nên ông ấy càng tỏ ra cố tình khinh bỉ tôi. Ông ấy kiêu căng. Ông ấy nhờ tôi giúp quá nhiều nên ông ấy thấy tức mình. Ông ấy tự kiêu đến độ ngớ ngẩn. Ông ấy cứ định ninh việc được tôi giúp đỡ như là điều nói lên sự thấp kém tồi tệ của bản thân mình. Ông ấy muốn được mọi người nghĩ rằng ông ấy làm được mọi việc. Chuyện thật là khủng. Thế gian đâu phải như thế. Muốn sống được trong đời này, có lúc phải đập đầu như té sao một người nào đó, có lúc không còn cách nào hơn là phải chịu khó lần hồi chèn ép người ta mà sống. Ông ấy làm được cái gì chứ? Không làm được cái gì ráo. Dưới mắt tôi, ông ấy chỉ là một đứa trẻ non nớt. Nếu không có tôi, ông ấy và đám đệ tử bất tài, ngờ nghệch chắc chắn đã chết bờ chết bụi ở đâu đó từ lâu rồi. “Cáo có hang, chim có tổ, nhưng con người ta thì không có chỗ để gói đầu”. Câu đó, câu đó, câu đó đó. Thật là khó chịu khi phải kể hết mọi chuyện. Thằng Peter nó làm được cái gì chứ? James, John, Andrew, Thomas, toàn là bọn ngu đần, đi dài dài theo sau ông ấy, nói toàn chuyện nịnh bợ mùi mẫn nghe mà lạnh xương sống, nào là chuyện thiên đàng, bọn nó sốt sắng tin tưởng một cách say sưa mấy thứ tầm phào như thế, nếu tiến gần được đến thiên đàng, chắc bọn nó định trở thành nhiếp chính đại thần hết cả à, cái bọn ngu ngốc đó. Ngày ngày thiếu bánh mì, nếu không có sự xoay xở của tôi thì cả bọn chỉ còn cách chết đói thôi, phải không hả? Tôi cứ để cho ông ấy thuyết giáo, trong khi đó tôi lẩn mình đi thuyết phục quần chúng để đầu tiên cúng dường, hoặc gom góp vật dụng từ những người giàu có trong làng, từ chuyện lo liệu nơi ăn chỗ ở đến chuyện đi mua quần áo hàng ngày, bất kể nhọc nhằn, điều gì tôi cũng làm hết, vậy mà ông ấy thì đã đành rồi, cả bọn đệ tử ngu ngốc kia không có ai nói một lời cảm ơn với tôi. Không những không nói cảm ơn, ông ấy còn giả vờ như không biết chuyện khổ nhọc thầm kín hằng ngày của tôi, lúc nào ông ấy cũng nói toàn những chuyện xa xỉ hết mức, ngay cả khi chỉ có hai con cá và năm ổ bánh mì, ông ấy đã ra lệnh cho tôi chuyện khó khăn động trời là chia thức ăn cho tất cả đám quần chúng trước mặt. Sau lưng ông ấy, tôi đã phải xoay xở hết sức cực nhọc, bằng cách này cách kia mới mua được đầy đủ thức ăn. Phải nói rằng, từ trước đến nay tôi đã nhiều lần giúp ông ấy tạo ra những phép lạ, làm những ảo thuật không chắc thành công cho lắm. Coi vậy chứ tôi đây nhất định không phải là người bần xin đâu. Ngược

lại, tui còn là người có sở thích rất thanh cao. Tôi nghĩ ông ấy là người tốt. Dưới mắt tôi, ông ấy giống như một đứa con nít, không tham lam, nên dầu tôi có nhọc công dành tiền bạc mỗi ngày để mua bánh mì, cũng liền bị ông ấy xài lãng phí không chừa một cắc nào, nhưng tôi không có hận ông ấy đâu. Ông ấy là người tốt. Tôi gốc là một lái buôn nghèo, nhưng tôi nghĩ mình hiểu được tâm tình của những người sống bằng tinh thần. Cho nên, dầu ông ấy có tiêu phí tiền của mà tôi khổ tâm để dành từng chút vào những chuyện chẳng ra gì đi nữa, tôi cũng không để ý. Không để ý nhưng tôi nghĩ, vậy thì, đôi lúc có một vài câu nói êm ái với tôi thì cũng được chứ, chẳng này, ông ấy lúc nào cũng tỏ vẻ xấu bụng với tôi. Một lần vào mùa xuân, trong lúc lang thang trên bãi biển, bất ngờ ông ấy gọi tôi đến bảo. “Tao được mày giúp đỡ nhiều. Tao hiểu cái buồn của mày. Nhưng, không nên làm mặt khó chịu mãi như vậy được. Lúc buồn làm ra mặt buồn, đó là cách làm của kẻ nguỵ thiện. Đó chỉ là việc cố ý thay đổi sắc mặt cho người ta thấy, cho người ta biết cái buồn của mình. Nếu thực sự mày tin ở thượng đế, dầu trong lúc buồn, mày cần phải giả bộ như không biết, rửa mặt mày sạch sẽ, bôi dầu lên đầu, cứ mỉm cười là được. Hiểu không hả? Dầu người khác không biết được cái buồn của mày, nhưng chỉ cần cha thật của mày, ở một nơi nào đó mà mắt mày không thấy, biết được lòng mày thì cũng đủ mãn nguyện rồi chứ. Không phải vậy sao? Buồn, người nào cũng có hết.”. Ông ấy nói như vậy đó. Nghe vậy, không biết tại sao tôi lại muốn phát khóc, không phải vậy đâu thầy ơi, dầu cha trên trời không hiểu được tôi, hoặc thế gian không biết tôi đi nữa, chỉ cần một mình thầy, nếu thầy hiểu tôi, vậy là được rồi. Tôi yêu thương thầy. Tôi yêu thương thầy tới độ, dầu những đệ tử khác có yêu thương thầy sâu đậm thế nào đi nữa, cũng không thể so sánh với tôi được. Tôi yêu thương thầy hơn bất cứ ai. Tụi thằng Peter, James, tụi nó nghĩ rằng đi theo thầy chắc sẽ có điều hay, tụi nó chỉ nghĩ đến chuyện đó. Nhưng chỉ có một mình tôi biết được. Tôi biết dầu có đi theo thầy đi chẳng nữa cũng chẳng có lợi ích gì hết. Vậy mà, tôi không thể rời khỏi thầy. Tại sao vậy? Nếu thầy không còn ở thế gian này, tôi sẽ chết ngay lập tức. Không thể nào sống được. Lúc nào tôi cũng thầm kín nghĩ đến một điều. Đó là việc thầy từ bỏ bọn đệ tử chẳng ra gì, thôi giảng những điều gọi là lời dạy của cha trên trời, để thành một thường dân khiêm tốn, sống suốt một cuộc đời yên bình với mẹ Maria và tôi. Tôi còn giữ một ngôi nhà nhỏ ở trong làng. Còn có cha mẹ già. Cũng còn có một vườn đào khá rộng. Mùa xuân, lúc này hoa đào nở thật đẹp. Có thể sống nhàn nhã suốt đời được. Lúc nào tôi cũng sẽ ở bên cạnh thầy giúp thầy mọi việc. Mong thầy lấy được một người vợ tốt. Khi tôi nói như vậy, ông ấy cười khinh. “Peter và Simon là bọn đánh cá. Tụi nó làm gì có vườn đào đẹp. James và John cũng là bọn đánh cá nghèo mạt. Bọn nó sao mà có được một mảnh đất để sống nhàn nhã suốt đời.” Ông ấy nhỏ giọng lầm bầm một mình rồi tiếp tục lặng lẽ đi trên bãi biển. Chỉ có lần đó là tôi có dịp trao đổi chuyện tâm tình với ông ấy. Về sau, không bao giờ ông ấy thổ lộ với tôi một điều gì nữa. Tôi yêu thương ông ấy. Nếu ông ấy chết, tôi cũng sẽ chết theo. Ông ấy không là của ai hết. Ông ấy là của tôi. Nếu bắt buộc phải giao ông ấy cho người khác, trước khi giao, tôi sẽ giết ông ấy. Tôi đã bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, để đi theo ông ấy cho đến bây giờ. Tôi không tin có thiên đàng. Cũng không tin có thượng đế. Chuyện ông ấy phục sinh, tôi cũng không tin. Tại sao ông ấy lại là vua của Israel. Bọn đệ tử ngu dốt tin ông ấy là con của thượng đế, nghe ông ấy nói đến cái gọi là phúc âm của nước trời, cả bọn vui sướng lòng lộn đến độ xấu hổ. Tôi biết bây giờ cả bọn nó đều thất vọng. Ông ấy đã hứa sẽ làm cho kẻ để cái tôi lên cao phải xuống thấp, và sẽ nâng kẻ coi mình thấp lên cao, nhưng, trong đời làm gì

có chuyện dễ dãi như vậy. Ông ấy là kẻ nói láo. Nói thật nhiều nhưng từ một đến mười đều là nói càn nói bậy. Từ đầu, tôi đã không tin những chuyện đó. Tôi chỉ tin vào cái lòng tốt của ông ấy. Trong đời này không có người nào tốt như vậy. Tôi thành thật yêu cái lòng tốt của ông ấy. Chỉ có vậy thôi. Tôi không nghĩ đến chuyện được trả ơn. Tôi cũng không có tâm tính hèn mọn nghĩ rằng cứ đi theo ông ấy, sớm muộn rồi cũng sẽ được đến gần thiên đàng, chính lúc đó, mình sẽ vinh quang trở thành quan đại thần cho thiên hạ biết. Chỉ có điều là tôi không muốn rời ông ấy. Chỉ cần được ở bên cạnh ông ấy, được nghe ông ấy nói, được nhìn hình dáng của ông ấy, thế là đủ rồi. Và nếu được, kêu ông ấy bỏ chuyện thuyết giáo, cùng với tôi, chỉ hai người thôi, sống suốt đời mãi mãi bên nhau. Ôi, nếu được như vậy! Tôi sẽ hạnh phúc biết bao. Tôi chỉ tin cái vui của hiện thế, cái bây giờ, cái ngay đây. Chuyện phán quyết của đời sau, tôi không mảy may sợ sệt. Sao ông ấy không chịu tiếp nhận tình cảm chân thành, không vụ lợi của tôi. Thôi, giết ông ấy đi. Thừa quan. Tôi biết chỗ ông ấy ở. Tôi xin dẫn đường. Ông ấy khinh miệt tôi, ghét tôi. Tôi bị ghét bỏ. Tôi giúp ông ấy và bọn đệ tử ăn uống, ngày ngày cứu họ khỏi đói khát, thế tại sao ông ấy lại khinh bỉ, đối xử xấu xa với tôi như thế. Xin quan lắng nghe. Chuyện sáu ngày hôm trước. Lúc ông ấy dùng cơm trong nhà của Simon ở Bethany. Con em của con Martha ở trong xóm đó, tên là Mary mang một bình đá vôi đựng đầy dầu thơm cam-tùng, lén vào trong phòng tiệc, rồi bất ngờ đổ dầu lên đầu ông ấy, làm ướt đến chân. Vậy mà không những không xin lỗi, nó còn bình tĩnh khom lưng lấy tóc của mình kỹ lưỡng lau hai chân ướt của ông ấy. Mùi dầu thơm bốc lên đầy phòng, thật là một cảnh bất thường cho nên tôi cảm thấy hết sức tức giận, nạt đứa em gái đó là đồ vô lễ. Đây này, áo quần bị ướt hết như thế này, dầu quý đắt tiền bị đổ hết, mà không thấy uống hay sao? Mà, thật là đại dột hết sức. Số dầu đó, giá tới 300 dinarii phải không, bán số dầu đó sẽ có được 300 dinarii, lấy số tiền đó cho dân nghèo, bọn chúng sẽ hết sức sung sướng. Sao lại hoang phí như vậy. Tôi đã rầy con bé dữ dội. Bởi vậy cho nên ông ấy đã quắc mắt nhìn tôi. “Không được rầy con đàn bà này. Con đàn bà này đã làm một việc thật tốt. Chuyện bố thí tiền bạc cho người nghèo, từ đây trở đi tội bây còn có nhiều dịp để làm. Nhưng ta, ta không còn bố thí được nữa. Không cần phải nói lí do làm gì. Chỉ có một mình con đàn bà này biết được. Con đàn bà này rót dầu lên thân ta là để chuẩn bị cho đám táng của ta. Tội bây cũng cần nên nhớ chuyện này. Trên thế giới, bất cứ nơi đâu, nếu có chỗ nói đến cuộc đời ngắn ngủi của ta, chắc chắn ở đó, hành động của con đàn bà này ngày hôm nay cũng sẽ được lưu truyền như một kỉ niệm.” Nói xong, đôi má trắng xanh của ông ấy như lấy được sinh khí đỏ ửng lên. Tôi không tin lời ông ấy. Tôi nghĩ chẳng qua đây cũng chỉ là vở kịch khoác lác như mọi khi, nên đã có thể nghe suông không một chút ngần ngại. Nhưng, không phải chuyện đó mà là chuyện khác kìa. Lúc đó, tôi cảm thấy trong giọng nói, ánh mắt của ông ấy, có cái gì đó lạ thường mà từ trước đến nay không có. Tôi chợt bối rối, một lần nữa tôi đã chăm chú nhìn lại đôi má hơi ửng đỏ và đôi mắt róm lệ của ông ấy, bất ngờ tôi đoán ra được một việc. Đúng rồi, thật là khả ố, làm sao mà nói ra được đây. Ông ấy, đã... yêu con đàn bà nhà quê nghèo nàn này rồi, không phải vậy đâu, làm gì có chuyện đó, nhất định không có chuyện đó, nhưng... thế nhưng, nguy thật, ông ấy không có tình cảm ám muội như là yêu đương hay sao? Một người như ông ấy, nếu có tình cảm đặc biệt với con đàn bà có dáng điệu nhà quê dốt nát đó, thì đây đúng là một lầm lỡ đáng sợ. Một xi-căng-đan vô phương cứu chữa. Tôi, bẩm sinh là một tên đàn ông có tài đánh hơi được những tình cảm nhơ nhuốc của người khác. Tôi biết đó là cái khứu giác hạ tiện nên không thích nhưng tôi có biệt

tài là chỉ cần nhìn liếc qua một lần, đã có thể đoán được trũng tây chỗ yếu của người khác. Chắc chắn nhất định ông ấy có tình cảm đặc biệt với con đàn bà nhà quê vô học đó. Con mắt của tôi nhất định không sai. Chắc chắn như vậy. Ôi, không chịu được. Không thể nào kiên nhẫn được. Tôi nghĩ với tình cảnh như thế này, giờ đây ông ấy đã trở thành vô dụng. Thật là vô cùng khó coi. Từ trước đến nay, đâu có thật thích người đàn bà nào đó đi nữa, lúc nào ông ấy cũng đẹp, im lìm như mặt nước. Một chút rối loạn nhỏ cũng không có. Khôn quá đâm ra ngu. Không còn kìm hãm được mình. Đâu sao ông ấy vẫn còn trẻ, nên cũng có thể nói đó là chuyện có lí, nhưng nếu vậy thì tôi đây, tôi cũng bằng tuổi ông ấy. Tôi lại sinh ra sau ông ấy hai tháng. Về mặt trẻ trung, nhất định không khác nhau. Đâu thế tôi vẫn cam chịu. Tôi dâng tâm tình của tôi ột mình ông ấy, từ trước đến nay tôi không hề động lòng với bất cứ người đàn bà nào. Con chị tên Martha là người đàn bà quê mùa, xương xấu cứng cáp, to lớn như bò, tính tình thô lỗ, chỉ giỏi ở chỗ đi đứng lảng xảng, ngoài ra không có chỗ nào coi được. Khác với chị mình, Mary em gái của Martha là người con gái kiêu kỳ đến độ mọi người trong xóm đều thấy lạ lùng, là người có xương xấu nhỏ nhắn, da trắng xanh đến độ trong suốt, tay chân thon mềm, mắt to trong vắt như nước hồ sâu, lúc nào cũng chăm chăm nhìn xa xôi như đang mơ mộng. Ngay như tôi, tôi cũng đã thầm nghĩ. Mong rằng khi nào có dịp đi ra phố, mình sẽ lánh mặt mọi người, tìm một vật gì đó chẳng hạn như lụa trắng, mua tặng cô ta. Ôi, thôi, bộ tôi phát điên rồi sao. Không biết mình đã nói cái gì. Đúng rồi, tôi bực mình. Lí do gì? Không biết. Tôi tức mình muốn đâm chân xuống đất. Ông ấy trẻ, tôi đây cũng trẻ. Tôi là một thanh niên đang hoàng, có tài, có ruộng vườn nhà cửa. Đâu vậy, tôi đã bỏ tất cả mọi đặc quyền của tôi để theo ông ấy. Tôi đã bị lừa. Ông ấy là tên dối trá. Thừa quan. Ông ấy đã cướp người yêu của tôi. Bậy, sai rồi! Con đàn bà đó đã cướp ông ấy khỏi tay tôi. À, cái đó cũng trật rồi. Chuyện tôi nói tất cả đều bậy bạ. Đừng tin tôi. Chắc tôi điên rồi. Cho tôi xin lỗi. Bất ngờ tôi đã nói toàn những chuyện vô căn cứ. Những chuyện nông nổi như vậy, một chút cũng không có. Tôi đã tiết lộ những chuyện khó coi. Nhưng tôi tức tối. Tức mình đến độ muốn cào ngực mình. Lí do gì, không biết được. Ôi, tính ganh tị thật là một tính xấu không chịu được. Cho đến hôm nay, tôi đã quyết bỏ cả sinh mạng của mình để đi theo, phục tùng ông ấy, thế mà ông ấy không có một lời êm ái đối với tôi, ngược lại ông ấy ra sức bảo vệ đến độ đỏ mặt hành động của con đàn bà nhà quê hèn mọn như thế đó. Ôi, đúng rồi, ông ấy không còn kìm hãm được mình. Khôn quá đâm ra ngu. Thôi, không còn hi vọng gì ở ông ấy. Đồ phạm phu. Chỉ là một người thường. Đâu chết cũng không luyến tiếc. Cảm thấy như vậy, bất ngờ tôi bắt đầu nghĩ đến một điều đáng sợ. Chắc đã bị ma quái dụ dỗ. Từ lúc đó tôi đã quyết sẽ giết ông ấy bằng chính tay mình. Đàng nào, nhất định ông ấy sẽ bị giết. Chính ông ấy, đôi lúc có vẻ như ông ấy cố tình tạo điều kiện cho người ta giết mình. Tôi sẽ giết dùm cho bằng chính tay tôi. Tôi không muốn để cho người khác giết. Giết ông ấy, rồi tôi cũng chết theo. Thừa quan, khóc lóc như vậy thật mắc cỡ. Dạ, tôi không khóc lóc nữa. Dạ, dạ. Lấy lại bình tĩnh, tôi xin thưa. Ngày hôm sau, cuối cùng chúng tôi đã lên đường nhắm về hướng Jerusalem mà chúng tôi hằng ao ước. Đông đảo quần chúng, già có, trẻ có, nối đuôi đi theo ông ấy, khi đến gần điện Jerusalem, tìm được một con lừa già yếu bên vệ đường, ông ấy mỉm cười leo lên lưng lừa và với gương mặt tươi tắn, ông ấy đã nói với bọn đệ tử rằng việc này đã xảy ra đúng như đã được tiên tri. “Hỡi những nàng con gái của Sion ơi! Không nên sợ, hãy nhìn đây, vua của ngươi đang trên lưng lừa đến đây.” Nhưng chỉ có một mình tôi cảm thấy không vui. Thật là một tình cảnh đáng tội nghiệp. Lâu nay, ông ấy đã

trông đợi dài cả cổ ngày lễ Passover đến để đi vào điện Jerusalem. Đây là hình dáng đứa con của David đây à. Hình dáng đẹp đẽ mà ông mong ước suốt đời là quang cảnh đáng thương ngồi trên lưng lừa già yếu, mệt mỏi lê chân như thế này à. Thôi, tôi không cảm được cái gì nữa cả, ngoài sự tội nghiệp. Tôi cảm thấy như đang nhìn một trò hề ngu ngốc, thật khổ sở. Ôi, ông ấy đang trên đường tàn. Sống dài thêm một ngày thì cũng chỉ để lộ ra vẻ khó coi nông cạn thêm một ngày thôi. Bông hoa khi chưa tàn héo thì mới là bông hoa. Phải cắt trong lúc còn tươi đẹp. Người yêu thương ông ấy nhất chính là tôi đây. Dẫu bị người khác ghét đến đâu đi nữa cũng được. Cuối cùng tôi chỉ còn cách là giữ vững cái quyết tâm đau khổ của mình, phải giết ông ấy càng sớm càng tốt. Quần chúng càng lúc càng đông ra, bọn họ chào đón, hoan hô vang dội, quăng quần áo đủ màu xanh đỏ, trắng vàng ra đường chỗ ông ấy đi qua, họ bẻ cành lá cọ lót đường cho ông ấy đi. Kẻ đi trước, người theo sau, từ phải, từ trái quần quít ông ấy, sau cùng tựa như những làn sóng lớn lúc lắc con lừa, lúc lắc ông ấy. Bọn họ miệng nào cũng hằng say hát “ Cứu thế, con của David, hãy tán dương, kẻ đến với danh của chúa, ở tận trời cao, cứu thế”. Peter, John, Bartholomew, ngoài ra còn có tất cả bọn đệ tử, những thằng ngu tưởng chừng như thấy thiên đàng ở trước mắt, giống như đi theo một đại tướng khải hoàn, bọn nó ôm lấy nhau vui mừng tột đỉnh, cho nhau những cái hôn đầy nước mắt, tỉ dụ như cái thằng cứng đầu Peter, nó đã ôm chầm lấy John, nức nở lớn tiếng khóc ồ ồ vì vui thích. Nhìn tình cảnh đó, người như tôi chẳng nữa, khi nhớ lại những ngày khốn khổ đi truyền đạo bất kể khó khăn cùng với bọn đệ tử này, bất giác, mi mắt tôi cũng nóng lên. Và như vậy, ông ấy đi vào trong cung thành, xuống lừa, rồi không biết nghĩ gì mà lại lượm lấy dây thừng quay quanh, đập ngã cả bàn ghế của bọn bán bò cừu, bọn đổi tiền, quất dây thừng vào lưng bò, lưng cừu đang được bày bán, đuổi tất cả ra khỏi thành, xong ông ấy quay mặt sang đám đông lái buôn ở trong thành, lớn tiếng quát tháo. “Tụi bây, tất cả hãy rút khỏi nơi đây, tụi bây không được dùng nhà của cha tao làm nơi buôn bán”. Con người hiền lành như ông ấy sao lại có thể làm được những chuyện thô bạo chẳng ra gì, giống như một kẻ say rượu như thế. Chỉ có thể nghĩ là ông ấy phát khùng mà thôi. Bọn người kẻ cận tất cả đều sững sốt, không biết tại sao, bèn hỏi lí do. Ông ấy hỏn hên trả lời. “Bọn bây, phá tan cái thành này đi, vì chỉ cần ba ngày tao sẽ cất lại cái thành này cho tụi bây”. Ngay như bọn đệ tử ngu đần cũng phải há hốc miệng mồm, không làm sao tin nổi lời nói liêu lĩnh quá độ này. Nhưng tôi, tôi biết. Chẳng qua ông ấy muốn tỏ ra ta là kẻ mạnh, một cách ấu trĩ mà thôi. Đúng là ông ấy muốn ọi người thấy mức độ khí khái của mình rằng vạn sự khó thành cũng sẽ thành với tín ngưỡng của ông ấy. Thế nhưng, sao lại vung roi rượt đuổi bọn lái buôn yếu đuối, ôi, kẻ mạnh sao lại hẹp hòi như thế. Khả năng phản kháng lớn nhất của ông chỉ có chừng ấy hay sao, chỉ là đá đổ ghế ngồi của bọn bán bò cừu hay sao. Tôi muốn cười lên với lòng thương hại, hỏi thử ông ấy. Giờ đây con người này đã trở thành vô dụng. Hết hi vọng. Mất hết tự ái, tự trọng. Vì hình như dạo này ông ấy đã bắt đầu biết rằng mình không thể làm được việc gì hơn nữa với sức lực của mình, nên đã cố ý làm bậy để cho chứng tá bất, để được từ già cõi đời này trước khi bị lôi đuổi ra. Khi nghĩ đến điều đó, tôi đã có thể có quyết tâm rõ ràng bỏ rơi ông ấy. Và tôi cũng đã có thể dễ dàng cười cái ngu của chính mình từ trước đến nay đã một mực yêu thương một thằng con nít hợm hĩnh như thế đó. Đúng lúc đó, trước đám đông quần chúng tụ họp lại trong cung thành, ông ấy đã lớn tiếng tung ra những lời nói hung hăng, vô lễ, ngạo mạn, tàn tệ nhất trước nay chưa từng có. Đúng vậy, thật đáng ghê tởm. Tôi thấy trong cái hình dáng ấy có cái gì có vẻ quý quý. Như thể là

ông ấy muốn bị người ta giết đến độ không chịu đựng được nữa. “Bây đúng là tai ương, bọn học giả nguy thiện, Pharisees ơi, bọn bây lau sạch bên ngoài ly đĩa, nhưng bên trong lại chứa đầy tham lam và trụy lạc. Bây đúng là tai ương, bọn học giả nguy thiện, Pharisees ơi, bọn bây giống như mồ được sơn trắng, bên ngoài trông đẹp đẽ, nhưng bên trong đầy đủ loại đồ ô uế và xương người chết. Bọn bây bề ngoài xem như rất đứng đắn, nhưng bên trong chỉ là nguy thiện và bất chánh. Bọn rắn, con cháu của rắn độc ơi, bọn bây làm sao cũng không thể tránh khỏi hình phạt của Gehenna. Ôi, Jerusalem, Jerusalem, hỡi bọn giết đấng tiên tri, dùng đá ném sứ giả ơi, nhiều lần bọn bây cần phải gom con cái của bọn bây lại như gà mái gom con dưới cánh, thế nhưng bọn bây lại không muốn”. Câu nói ngu ngốc. Một trò hề. Nhái miệng không cũng đủ thấy ghét. Đồ nói chuyện động trời. Ông ấy điên rồi. Ngoài ra lại còn nói nào là sẽ có nạn đói, có động đất, có sao băng từ trời rớt xuống, nào là mặt trăng không phát ra ánh sáng, nào là điều hâu xúm quanh mồ tử thi nằm đầy trên mặt đất, lúc đó người ta sẽ phải nghiêng răng than khóc, đúng là để mặc cho cái miệng của mình xỏ ra toàn những chuyện lỗ mãng tào lao. Sao lại nói toàn những chuyện không có suy nghĩ cặn kẽ. Tự cao tự đại quá trớn. Đồ ngu. Không biết phận mình. Đồ kiêu căng. Sớm muộn sẽ không tránh khỏi tội vạ. Nhất định sẽ bị treo lên thập tự giá. Nhất định sẽ bị như vậy.

Chương 19 phần 2

Hôm nay tôi nghe bọn bán hàng trong xóm đồn rằng ngài chương tế và bọn trưởng lão đã lén họp trong sân nhà ngài đại tư giáo Caiaphas và đã quyết định giết ông ấy. Tôi cũng nghe nói rằng nếu bắt ông ấy trước mắt quần chúng thì sợ quần chúng sẽ gây bạo động cho nên đã treo thưởng 30 lạng bạc cho người nào tìm thấy và báo cho nhà cầm quyền biết chỗ ở của ông ấy và bọn đệ tử. Không phải là lúc phải chần chờ. Dẫu sao đi nữa ông ấy cũng phải chết. Thay vì để người khác giao ông ấy cho bọn công chức tầm thường, tôi sẽ làm điều đó. Đây là lời chào cuối cùng của tình yêu thương một lòng một dạ của tôi hiến dâng cho ông ấy từ trước đến nay. Đây là bốn phần của tôi. Tôi sẽ bán ông ấy. Thật là đau lòng. Không biết có ai hiểu được một cách đúng đắn hành vi hết lòng yêu thương của tôi không? Không, không cần ai hiểu dùm cả. Tình yêu thương của tôi là tình yêu trong trắng. Không phải là tình yêu để ọi người hiểu dùm. Không phải là tình yêu bản thủ như thế đâu. Tôi sẽ vĩnh viễn bị ông ấy oán ghét. Thế nhưng, trước lòng khát khao của tình yêu trong trắng, không có hình phạt nào, cũng không có ngọn lửa của địa ngục nào thành vấn đề. Tôi sẽ sống bằng cách sống của tôi. Quyết tâm của tôi cứng rắn đến độ rợn người. Tôi đã âm thầm đợi dịp may. Cuối cùng đã đến ngày lễ. Bọn đệ tử chúng tôi mười ba người đã mướn một phòng mờ mờ tối ở lầu hai trong một tiệm ăn cũ trên đồi để mở tiệc lễ. Khi mọi người ngồi vào bàn tiệc, sắp bắt đầu ăn buổi cơm tối, bất ngờ ông ấy đứng lên, lẳng lặng cởi áo ra. Trong lúc bọn tôi chưa biết được ông ấy muốn làm chuyện gì đây, ông ấy đưa tay lấy bình nước để trên bàn, đổ nước trong bình vào một cái chậu nhỏ đặt ở góc phòng, rồi lấy khăn lau trắng tinh buộc qua lưng, lấy nước trong chậu rửa từng bàn chân của bọn đệ tử. Bọn đệ tử không hiểu lí do nên lúng túng không biết phải làm sao. Nhưng với tôi, tôi cảm thấy hình như mình hiểu được suy tư thâm kín của ông ấy. Ông ấy cảm thấy cô đơn. Vì lo sợ đến cực độ cho nên chắc là có cảm giác muốn bám vào một cái gì đó, kể cả bọn đệ tử bướng bỉnh ngu muội của mình. Thật là tội nghiệp. Ông ấy biết vận mệnh không thể tránh khỏi của mình. Nhìn tình cảnh này bỗng dưng tôi muốn bật khóc. Bất ngờ tôi muốn ôm chầm ông ấy cùng nhau khóc. Tội nghiệp quá, làm sao gây ra tội lỗi đối với thầy được. Thầy lúc nào cũng dễ dãi. Thầy lúc nào cũng đúng. Thầy lúc nào cũng là kẻ đứng về phía người nghèo. Lúc nào thầy cũng tốt đẹp hào quang. Đúng thầy là con của thượng đế. Tôi biết điều đó. Xin thầy tha thứ cho. Hai ba ngày nay tôi đã lén lút chờ cơ hội để bán thầy. Bây giờ thì không. Trời ơi, tại sao tôi lại nghĩ đến chuyện tàn nhẫn là đi bán thầy tôi. Xin thầy hãy an tâm. Bây giờ dẫu có cả trăm quan chức, cả ngàn lính đến đây tôi cũng sẽ không cho họ đụng đến thầy dẫu chỉ một ngón tay. Thầy đang bị theo dõi. Nguy lắm. Thầy nên trốn khỏi nơi này ngay bây giờ. Peter lại đây, James lại đây, John lại đây, tất cả lại đây. Tuy không thể nói ra miệng, nhưng sôi sục trong lòng ngực lời nói yêu thương từ tận đáy lòng rằng hãy bảo vệ đức chúa hiền từ của chúng ta, cùng sống suốt đời với nhau. Cảm động với một cảm giác cao thượng từ trước đến nay không có nên nước mắt tạ tội nóng hổi sung sướng chảy qua gò má tôi. Đúng lúc ấy, ông ấy đã lẳng lặng, kỹ lưỡng rửa chân tôi rồi dùng khăn quấn ngang lưng nhẹ nhẹ lau, ôi, cái cảm giác lúc đó, làm sao quên được. Phải rồi, lúc đó có lẽ tôi đã nhìn thấy thiên đàng. Sau tôi là chân của Philip, đến chân của Andrew, và sau nữa đến lượt rửa chân cho Peter. Thằng Peter là kẻ ngu si thật thà như thế kia nên nó không dẫu được lòng hoài nghi của mình, đã chu miệng hỏi với vẻ bất mãn “Chúa ơi, sao chúa lại rửa chân cho con như

thể này”. Ông ấy quỳ dưới chân Peter nhỏ nhẹ khuyên bảo “À, chuyện của ta làm, người làm sao mà hiểu được. Sau này nghĩ lại, người sẽ biết”. Nhưng Peter vẫn cương ngạnh từ chối, hấn rút chân lại, khẳng khẳng một mực. “Không, không được. Con xin thầy đừng bao giờ rửa chân con, con có xứng đáng để cho thầy rửa chân đâu”. Thấy thế, ông ấy hơi lớn giọng lên, mạnh mẽ nói như không biết sợ. “Nếu người không cho ta rửa chân của người, thì giữa ta và người sẽ không còn có quan hệ gì với nhau nữa”. Peter kinh hồn bạt vía, mọp đầu cầu xin. “Xin thầy tha thứ cho. Nếu vậy, không phải chỉ có chân con không, đầu con, tay con, ở đâu cũng được, xin thầy tự tiện rửa”. Bất ngờ, tôi đã bật cười, những đệ tử khác cũng mỉm cười, có lẽ vì thế mà căn phòng đã vui ra. Ông ấy cũng cười nhẹ. “Peter ơi, chỉ cần rửa chân người thôi, toàn thân người cũng sẽ sạch ra. À, không chỉ một mình người, James, John, thân thể của bọn người đều được trong sạch, không một vết dơ. Thế nhưng...”. Ông ấy dang thẳng lưng ra, ánh mắt thoáng buồn như không chịu đựng được nỗi khổ đau. Đang nói đang dở nhưng ông ấy đã khép chặt mắt lại, nói tiếp “Tất cả trong sạch là được rồi”. Tôi thoáng rợn người. Trúng tẩy! Đúng là đang nói đến tôi. Ông ấy đã thấy rõ cảm giác buồn bã bấy lâu của tôi trước giây phút toan tính bán ông ấy. Thế nhưng, bây giờ chuyện đã khác rồi. Tôi đã hoàn toàn khác. Tôi đã biến thành trong trắng. Lòng tôi đã thay đổi. Ôi, ông ấy không biết chuyện đó à. Không biết chuyện đó à. Không phải vậy đâu. Không phải vậy đâu, tấm lòng yếu đuối dễ tiện của tôi đã nuốt mất tiếng la thất thanh đang muốn tung ra khỏi cổ họng như người ta nuốt nước bọt. Không thể lên tiếng được. Không thể thốt lên điều gì cả. Bị ông ấy nói như thế, tấm lòng nhỏ nhoi của tôi ngóc đầu lên, yếu ớt khẳng định có lẽ đúng là tôi không trong sạch. Phản tỉnh dễ hèn đó bỗng chốc đã phồng to lên, đen đui khó coi, chạy khắp ruột gan nội tạng của tôi, niềm phần nộ ran ở lồng ngực, ngược lại, đã men men bùng lửa. Ôi thôi, hết hi vọng. Tôi là thằng không ra gì. Tôi bị ông ấy ghét cay ghét đắng. Cứ đem bán. Đem bán. Giết ông ấy cho rồi. Đầu óc tôi gọi lại quyết tâm có từ trước rằng sau đó tôi sẽ chết theo, cho nên bây giờ tôi đã hoàn toàn trở thành con quỷ báo thù. Ông ấy có vẻ không biết được những hỗn loạn đảo điên tới lui trong lòng tôi. Khoác áo ngoài lên, sửa lại y phục cho chỉnh tề, chậm rãi ngồi xuống ghế, với gương mặt tái mét, ông ấy nói với giọng hết sức buồn rầu. “Bọn bây có biết sao ta lại đi rửa chân cho bọn bây không? Bọn bây gọi ta là chúa, lại gọi ta là thầy, việc đó không sai. Ta là chúa, là thầy của bọn bây, thế mà ta còn đi rửa chân cho bọn bây, cho nên từ nay trở đi, bọn bây cần phải thương yêu lẫn nhau, cùng rửa chân cho nhau. Có lẽ ta không thể ở cùng với bọn bây mãi được, cho nên hôm nay nhân cơ hội này, ta muốn nêu gương cho bọn bây. Bọn bây cần phải để ý làm y như ta đã làm. Thầy, nhất định phải giỏi hơn đệ tử cho nên cần nghe kĩ lời ta, không được quên”. Ông ấy bắt đầu yên lặng dùng cơm, nhưng bất ngờ ông ấy cúi đầu xuống thì thầm nói với giọng khổ sở như đang tức tưởi. “Một người trong đám bọn bây sẽ bán ta”. Cả bọn giật mình té ngửa, cùng nhau hắt ghế đứng dậy bao quanh ông ấy, ai nấy đều nói, đều hỏi ồn ào, Chúa ơi, kẻ đó là con đây ạ, Chúa ơi, người đó là con, phải không Chúa. Ông ấy như người sắp phải chết, khẽ lắc đầu nói nhưng với một giọng rõ ràng, hết sức bất ngờ. “Ngay bây giờ, ta sẽ cho người đó một mẩu bánh mì. Người đó là một thằng đàn ông hết sức bất hạnh. Tốt hơn là người đó không nên sinh ra ở cõi đời này”. Ông ấy lấy một mẩu bánh mì rồi bất ngờ dang tay ra chụp vào miệng tôi. Tôi đây, nào có sợ đâu. Thay vì hổ thẹn, tôi đã chán ghét. Tôi chán ghét giờ đây mà ông ấy vẫn còn giở trò hiểm độc. Công nhiên làm nhục tôi trước mặt đám đệ tử, đó là cái thói trước nay của ông ấy. Lửa với nước. Vận mệnh tiền

định nằm ở giữa tôi với thằng đó là không bao giờ hiểu được nhau. Nhét vô miệng tôi một miếng bánh mì vụn giống như cho bọn chó mèo là hành vi tấn công tôi để cho nó được hả cơn tức tôi hay sao đây. Được rồi. Cái thằng ngu đần. Thừa quan. Nó đã nói với tôi rằng hãy làm nhanh lên điều mày muốn làm đi. Tôi liền phóng ra khỏi phòng ăn, chạy một hơi trong đêm tối, bây giờ mới đến được nơi này. Sau đó, vội vã đến tố cáo như vừa rồi đây. Xin quan hãy trừng phạt tên ấy, tự ý trừng phạt sao cũng được. Bắt nó, lấy cây đánh nó, lột trần nó ra rồi giết nó đi. Không, tôi không thể nào chịu đựng được nữa. Nó là thằng khôn kiếp. Đồ tàn nhẫn. Từ trước đến nay nó đã đối xử tàn tệ với tôi như thế đó. Hà hà, đồ súc sinh. Tên ấy bây giờ đang ở trong vườn Gethsemane, bên kia rạch Kidron. Giờ này, cơm tối ở căn phòng trên lầu hai chắc cũng xong rồi. Cùng bọn đệ tử xuống vườn Gethsemane, chắc bây giờ là lúc đang cầu nguyện thượng đế. Ngoài bọn đệ tử ra không có ai hết. Ngay bây giờ thì sẽ dễ dàng bắt được tên ấy. Ở kia, con chim chích kia, sao mà kêu chí chóe ồn ào như thế. Đêm nay, chim đêm sao lại kêu la điếc tai như thế này. Trên đường chạy qua rừng để đến đây, cũng có tiếng chim kêu chí chóe. Ban đêm mà chim kêu thì lạ thật. Với lòng hiếu kỳ giống như trẻ nít, tôi muốn xem thử con chim đó nó như thế nào. Tôi dừng lại ngẩng đầu lên nhìn những kẽ hở trên cành cây. Ở sao, tôi lại nói chuyện bậy rồi. Xin quan tha cho. Bẩm quan, đã chuẩn bị xong chưa? Ồi, sao mà vui, sao mà sướng như thế này. Đêm nay cũng là đêm cuối cùng đối với tôi. Thừa quan, quan ơi, đêm nay từ bây giờ, xin quan hãy nhớ nhìn cảnh tôi ngang nhiên đứng xếp hàng sát vai với ông ấy. Đêm nay tôi sẽ đứng ngang vai ông ấy cho quan xem. Tôi không còn sợ ông ấy nữa. Không còn luồn cúi nữa. Tôi cùng một tuổi với ông ấy kia mà. Cùng là trai trẻ ngon lành kia mà. Ở kia, tiếng chim chích thật ồn ào. Muốn điếc tai. Tại sao chim chích lại bay lượn kêu la ồn ào như thế này. Chí chóe, chí chóe, kêu la cái gì vậy? Hà, tiền gì đó? Cho tôi đây à, hà, cho tôi, ba mươi lạng bạc hả? Phải rồi, hà hà ... Không, tôi xin từ chối. Cát tiền vô đi không ăn đòn bây giờ!. Không phải vì ham tiền mà tôi đến đây tố cáo đâu. Cát tiền ngay vào! ... Không, không, xin lỗi, xin lỗi. Tôi xin nhận. Ồ, phải rồi, tôi là lái buôn kia mà. Hà, vì tiền mà tôi đã bị con người cao đẹp đó... Khinh miệt? Được rồi, tôi cứ nhận. Trước sau gì tôi cũng là lái buôn kia mà. Bằng đồng tiền dơ bẩn, tôi đã trả thù ông ấy một cách ngoạn mục. Với tôi, đây là thủ đoạn phục thù thích hợp nhất. Bỏ ghét! Thằng đó bị bán với giá ba mươi lạng bạc. Tôi đâu có khóc chút nào đâu. Tôi nào có thương yêu gì ông ấy đâu. Từ đầu, hoàn toàn không có một chút nào. Dạ, thưa quan, tôi đã nói láo từ đầu đến cuối. Tôi đi theo ông ấy chỉ vì ham tiền. À, đúng như vậy. Đêm nay tôi đã quả quyết rằng ông ấy không làm cho tôi có lợi một chút nào hết. Đúng tôi là lái buôn, tôi đã nhanh nhẹn trở cò. Tiền. Trong đời này, có tiền mua tiên cũng được. Ba mươi lạng bạc, thật là tuyệt diệu. Tôi xin nhận. Tôi là lái buôn bần xỉn đây. Ham đến độ không nhìn được. Dạ, xin cảm ơn. Dạ, dạ. Tôi quên thưa với quan rồi. Dạ, tôi là lái buôn tên Judas. Dạ, Judas Iscariot ạ.

Kuala Lumpur, ngày 16 tháng 4 năm 2006.

Lê Ngọc Thảo dịch

Chương 20

Nói dối

Dazai Osamu

Chiến tranh mới hết, vậy mà thiên hạ đã đi diễn thuyết tứ tung, hô hào rùm beng hết chủ nghĩa này đến chủ nghĩa nọ, tôi hết tin nổi thứ nào nữa. Tư tưởng chủ nghĩa, cần quái gì mấy thứ tào lao đó, chỉ cần con trai đừng nói dối, con gái đừng tham lam, thì cái nước Nhật này sẽ kiến thiết lại được thôi.

Nhà tôi cháy trụi lụi, phải dọn về Tsugaru ở nhờ nơi chỗ cha mẹ tôi, trong lòng lúc nào cũng thấy rười rượi, hôm nay bất ngờ được người bạn cùng lớp hồi tiểu học đến thăm, tôi liền đem hết những điều đang bức mình đổ lên đầu anh ấy. Anh bạn tôi đang có chức phận gì đó trong làng, nghe tôi nói, anh ta cười rồi lên tiếng phản đối thẳng thừng:

- Không đâu, tuy anh nói có lý nhưng như vậy là anh nói ngược, phải nói con trai hãy bỏ cái tính tham, còn con gái thì đừng dưng chứng nói dối, mới phải.

Tôi thấy chơi vơi, bèn hỏi:

- Coi kìa, tại sao lại như vậy? - Thì có gì đâu, trình bày cách nào cũng được thôi, nhưng đàn bà mà nói dối thì ghê lắm. Tết vừa rồi tôi có dính tới một chuyện làm tôi phát ón, nổi da gà cùng mình. Từ đó trở đi, tôi hết dám tin mấy bà. Ngay cả vợ tôi tuy lem luốc vậy đó, nhưng không biết chừng bà cặp kè với anh chàng nào mà mình không hay. Thiệt đó, không ai ngờ nổi đâu.

Anh bạn tôi không hề nhích miệng cười, kể tiếp cho tôi nghe một câu chuyện bí mật mới xảy ra trong cái xóm nhà quê này. “Tôi” trong câu chuyện dưới đây chính là anh ấy, năm nay ba mươi bảy, đang giữ một chức gì đó trong làng.

“Chuyện này bây giờ mới dám kể, chớ hồi đó tôi phải giấu biệt. Biết được ít nhiều về vụ này chỉ có hai người trong làng, ông trưởng chi cảnh sát, một người thiệt tốt vậy mà chỉ ít lâu sau ông ta bị đoidiđâu mất, và tôi thôi.”

“Tết vừa rồi, khắp nước Nhật từ mấy chục năm nay chưa bao giờ thấy tuyết rơi dữ như vậy. Ở đâu tuyết cũng rơi chấtdống, cao đến nỗi muốn đưng tới dây điện giăng ngoài đường, tuyết đọng làm gãy cây cối ngoài vườn, áp ngã hàng rào, làm sập nát bét một số nhà cửa. Vùng này thiệt hại như bị lụt nặng, liên miên ngày nào tuyết cũng ào ào như bão, đường xá xe cộ kẹt hết, cả vùng mất liên lạc với bên ngoài ròng rã hai mươi ngày trời, tình hình hồi đó cực như vậy”.

“Hôm đó khoảng gần tới tám giờ tối thì phải, tôi đang chỉ cho đứa con gái lớn làm toán thì thấy ông trưởng chi cảnh sát đến, coi tướng ông không khác gì tượng mấy người tuyết.”p>

“Tôi chắc có điều gì không hay đây, liền mời ông ta lên nhà trên, nhưng ông nhất định không chịu vô. Ông ta là người rất khoái uống rượu, lâu nay là bạn nhậu của tôi, có phải khách khứa gì đâu, vậy mà tối hôm đó khác với mọi lần, ông làm mặt lạ cứ đứng đó, nhưng ông đứng không yên như có điều gì rất lo.”

“- À, hôm nay tôi chỉ có chút việc tới nhờ anh thôi.”

“Chắc có chuyện gì không hay thiệt, tôi cũng thấy sốt ruột.”

“Tôi bước ngay xuống sân đất, vội vàng xỏ chân vào đôi dép, không nói không rằng, dẫn ông ta ra chỗ chuồng gà. Trong chuồng có để một cái bồn đốt than làm lò sưởi cho gà con. Hai

đưa tôi lên mở cửa bước vô. Chúng tôi vô, vậy mà bọn gà không mảy may cục tác, như vậy anh đủ biết là bọn tôi đã rón rén đến mức nào”.

“Chúng tôi đứng đối diện nhau, ở giữa là cái bồn than lò sưởi.”

“- Xin anh tuyệt đối giữ bí mật dùm, chuyện đào ngũ đó anh!”

“Ban đầu tôi cứ ngỡ là có ai trong nhà giam của chi cảnh sát bỏ chạy trốn, nên chỉ im lặng chờ ông ta nói tiếp.”

“- Có lẽ đây là chuyện chưa hề xảy ra trong vùng này. Thằng Keigo bà con của anh đó, nè, không thấy nó đi trình diện nhập ngũ”.

“Như bị ai tạt gáo nước lạnh vào mặt, tôi vội nói:”

“- Đâu có, chuyện gì kỳ cục vậy, thì chính tôi đã dẫn nó lên đến tận trên tỉnh Aomori, đích thân tôi đứng tiễn nó ngay trước cổng trại lính kia mà”.

“- Phải rồi, thì tôi cũng biết chuyện đó. Nhưng hiến binh ở trên gọi điện thoại xuống nói không thấy nó lên trình diện. Máy ông muốn xuống điều tra, nhưng tình hình tuyết rơi dữ quá, không làm sao xuống được, nên nhờ tôi bí mật điều tra trước ấy ông. Vì vậy tôi mới tới nhờ anh đây nè.”

“Thằng Keigo là ai, người ngợm thế nào, anh ở luôn trên Tokyo làm sao mà biết. Đến thời buổi này, tôi có kể nó là ai, ở đâu cũng không sao cả, nhưng dù nói gì đi chăng nữa cũng không phải là chuyện hay ho gì, càng nói tôi càng buồn thêm. Thôi thì anh cứ đinh ninh là có cái thằng tên là Keigo bà con xa của tôi, vậy là đủ rồi. Một anh chàng nhà quê còn trẻ măng chỉ mới cưới vợ xong.”

“Nó được giấy kêu nhập ngũ, mà nó nhà quê đến nỗi xe lửa cũng chưa đi được lần nào, vì vậy tôi mới dắt nó lên cho tới tận trước cổng trại lính trên tỉnh Aomori. Nó không vô trông là nghĩa lý gì? Hay là nó giả đồ đi vô một hồi, rồi quay lưng lại bỏ chạy trốn hay sao.”

“Điều ông trưởng chi cảnh sát trông mong là, thằng Keigo có muốn trốn thì nó cũng không biết trốn đi đâu. Dù có phải băng rừng vượt núi trong bão bùng gió tuyết đến mấy ngày đi nữa, thế nào nó cũng cố tìm cách mò về nhà cho được mà thôi. Sức mấy mà nó chịu chết. Thế nào nó cũng bò về. Ông ta nói:”

“- Con vợ nó thiệt không xứng với nó chút nào, con nhỏ đẹp như vậy nên chắc chắn nó sẽ mò về, vì vậy tôi mới đến nhờ anh. Anh là người đứng ra làm mai cho hai đứa nó, mà hai đứa nó lâu nay một mực kính nể anh. Không, tôi không hề chọc anh đâu, tôi nói thiệt đó. Tôi nay phiền anh đến đăng nhà nó, giải thích đầu đuôi cho vợ nó nghe; tôi không muốn làm khó dễ gì hai vợ chồng nó đâu, nếu thằng Keigo có về thì hãy lên đi báo cho anh biết ngay. Anh dặn con vợ nó nghe cho thật kỹ điều này, nếu trong vòng hai ba bữa nữa tụi mình tìm ra được thằng Keigo thì tôi sẽ dàn xếp để nó không bị tội tình gì cả. Số là mấy hôm nay tuyết rơi nhiều như vậy, đường xá xe cộ chạy đâu được, tôi sẽ lấy cái cớ này viết báo cáo lên trên khai lý do tại sao nó trễ nải trong việc đi nhập ngũ. Còn nếu để chuyện đào ngũ lọt ra bên ngoài thì cả làng mang tiếng chết. Tôi mong là anh vì danh dự của cả làng mà chịu khó giúp cho. Tôi nhờ anh đó.”

“Vậy là ông trưởng chi và tôi ra đi trong cơn bão tuyết, lặn lội đến nhà con vợ nó. Chỗ tụi nó ở khá xa. Tôi cứ nghĩ sao mà đời con người ta gặp nhiều chuyện khó xử quá như vậy. Một người như tôi là thứ được miễn đi lính, nay lại phải đi giải thích cho vợ lính nghe về những tôn chỉ cần phải giữ gìn, càng nghĩ tôi càng thấy khó xử thiệt.

“Đến trước nhà tụi nó thì ông trưởng chỉ cảnh sát im lìm chia tay tôi. Một mình tôi bước vô trong sân, anh ở lâu trên Tokyo nhưng anh sanh ở đây, chắc anh còn nhớ cách sắp đặt nhà cửa dân làm ruộng ở vùng này. Khi vô trong sân đất thì bên trái có cái chuồng ngựa còn bên phải là gian nhà ở với cái nhà bếp được lát ván có kê mấy cái lò thật bự. Nhà thằng Keigo cũng giống như vậy.”

“Vợ nó còn thức, đang ngồi may vá bên cạnh lò sưởi.”

“- Ồ! tao phục mày hết sức. Vợ tao, bả ăn xong bữa cơm tối là bả bông thẳng nhỏ vô buồng đi ngủ luôn với nó, ngáy như sấm. Có khi nào bả làm chuyện may vá gì ban đêm đâu. Mày xứng là vợ lính đang đi đánh giặc, tao phục lắm, tao phục mày lắm.”

“Tôi khen mấy tiếng không khéo gì cho lắm. Rồi cởi áo khoác leo lên ngồi xếp bằng bên cạnh lò sưởi, vì là chỗ họ hàng trong nhà, tôi thấy không cần phải làm khách.”

“- Bà già ngủ rồi hả.”

“Tôi hỏi như vậy vì thằng Keigo còn bà mẹ già bị mù.”

“- Bả ngủ rồi, được nằm mơ là sướng nhất đời.”

“Con vợ nó vừa tùm tùm vừa nói mấy lời như vậy, tay vẫn không ngừng xỏ kim may vá.”

“- Ừ, không biết chừng mày nói vậy cũng phải. Chắc mày cũng cực lắm phải không? Nhưng thời buổi này cả cái nước Nhật có ai sướng được gì đâu, dù có cực cũng phải ráng chịu thêm ít lâu nữa nghe. Có chuyện gì lo không nổi thì lại đằng tao, tao sẽ tìm cách giúp cho. Như vậy nghe.”

“- Cảm ơn chú, nhưng hôm nay chú đi đâu mà về trễ dữ vậy.”

“- Tao hả? Tao đâu có đi đâu, tao từ nhà tới thẳng đây.”

“Tính tôi ghét chuyện rào trước đón sau, mặc dù cũng muốn ăn nói cho khéo, nhưng sao tôi thấy phiền phức nên không rào đón được. Biết là có làm mịch lòng người ta nhưng tôi vẫn giữ cái tật nghĩ sao nói vậy, cho nên đôi khi tôi bị kẹt chết đứng. Vả lại tôi nghĩ dù có rào trước được một hai lần chưa chắc mấy lần sau cũng được xuôi chiều cả.”

“Vào lúc ấy, vì nghĩ dù có tìm cách nói vòng vo cũng không được lợi lộc gì nên tôi đã nói thiệt: tao từ nhà tới thẳng đây, nhưng con vợ nó không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, với tay lấy hai cây củi mới, gác thêm lên đồng lửa rồi tiếp tục may vá.”

“Có điều này hơi kỳ nhưng tôi muốn hỏi thẳng anh, hồi tiểu học anh với tôi là bạn cùng lớp, như vậy hai đứa mình cùng một tuổi, ba mươi bảy. À không, chỉ còn hai ba tuần lễ nữa thì sang năm mới, năm Showa thứ 21, tụi mình ba mươi tám, tới cỡ tuổi này chắc anh vẫn còn ưa chuyện trai gái, phải không? Tôi không nói giỡn đâu, nếu có dịp thì thiệt tình tôi cũng muốn hỏi thử ai đó về chuyện này.”

“Thiệt tôi cũng không ngờ, đó, đầu tôi thì sói, con đàn con đồng bốn đứa, tay thì da sành cứng ngắt, nứt nẻ tróc vẩy cùng hết, tay này mà rờ tới lớp áo mềm mại của mấy nàng thì thế nào da nó cũng xóc vào trong đó, cộc kạch như vậy, sức mấy mà tôi dám mở miệng thì thâm chuyện yêu với thương. Vậy mà cái tật háo sắc thì lạ thật nó vẫn còn, có người nào đẹp một chút ở bên cạnh, mà chỉ có hai đứa với nhau, nói chuyện một hồi, thế nào trong lòng cũng nổi lên cái gì là lạ. Anh thì thế nào hả? Không lẽ cái ham muốn của tôi mạnh hơn người khác hay sao. Thiệt tình tuổi tôi cũng đã cao, tướng tá luộm thuộm, là thứ không giữ được bình tĩnh để trò chuyện tự nhiên với đàn bà con gái. Dĩ nhiên nào tôi có điên khùng gì mà dám nghĩ được người đàn bà đối diện kia chịu mình hay mình mê người ta đâu, nhưng trong bụng cứ

làm sao ấy. Có cái gì đó làm cho tôi không thể giáp mặt đàn bà con gái nói chuyện khơi khơi được như kiểu với đàn ông con trai bọn mình. Trong lòng như có cái gì vẩn đục. Có phải là cái dục vọng hay là cái quỷ quái gì đó không? Nhưng, dĩ nhiên cũng có lúc tôi có thể giữ được bình tĩnh, đàn bà con gái không làm cho tôi thấy gì hết. Các bà già đã ngoài tám mươi hay bọn con nít mới năm tuổi thì hoàn toàn không sao cả. Nhưng cũng có đôi khi tôi tiếp chuyện đàn ông, không thấy lúng túng ngượng nghịu gì với một người đàn bà xuân tình phơi phới. Như vậy là nghĩa làm sao?”

“Mấy lúc sau này, tôi không biết phải nghĩ thế nào cho phải. Trước đây tôi vẫn nghĩ như vậy, người đàn bà nào mà mình tiếp chuyện nửa chừng không thấy lúng túng, cái lòng vẩn đục của mình không bị khơi dậy thì chắc chắn đó là một người đàn bà quý phái trầm anh. Đối với loại đàn bà con gái mình thấy phải giữ miếng, dĩ nhiên tuy không có chuyện gì lang bang, phải lòng thế nọ thế kia, nhưng nếu không khéo thì qua câu chuyện có thể gây cho người ta những ấn tượng mơ hồ, gây lúng túng cho người ta, thì nhất định đó là chuyện không hay. Kết luận lại người nào có nhan sắc, tuy không đến nỗi lẳng lơ nhưng khi tiếp xúc, tôi thấy không yên thì tôi không phục, còn ai mà tôi bình tĩnh tiếp chuyện được, mới chính là người đoan chính, đáng cho tôi nể.”

“Còn vợ thằng Keigo, đối với người khác thì không biết thế nào, chứ tôi thì không khi nào nó để cho tôi cảm thấy có gì cả. Thời buổi bây giờ đã hết cái chuyện địa chủ với tá điền, nhưng con nhỏ này vốn là con gái một gia đình suốt mấy đời làm ruộng cho nhà tôi. Lúc nhỏ, gương mặt nó đã khá đặc biệt, tuy là dân làm ruộng nhưng con nhỏ mảnh khảnh, nước da trắng trẻo, lớn lên mặt nó hơi hĩnh, nói ác một chút thì giống như mấy chiếc mặt nạ treo trong chùa, vậy mà thiên hạ lại khen nó là con gái đẹp trong xóm. Tính tình nó ít nói, lại rất chịu khó làm lụng, nhất là nó không hề làm cho tôi thấy ngợ gì hết. Tôi rất chịu nó về điểm đó nên tôi mới đứng ra lo việc cưới xin nó về cho thằng Keigo, bà con của tôi.” “Tuy nói là họ hàng nhưng tôi với con vợ nó chẳng qua là chỗ người dung. Và tuy vậy chứ tôi chưa đến nỗi lụ khụ, kẻ đối diện lại là một người đẹp có chồng đang đi lính, ban đêm chỉ có hai đứa ngồi nói chuyện với nhau, bình thường làm gì có được chuyện đó. Nhưng với con vợ nó, tôi hoàn toàn không có tình ý gì, như vậy là anh đủ biết cái đức hạnh của con vợ nó, nhờ đó tôi mới có thể thản nhiên ngồi nói chuyện được.”

“- Thiết tình là hôm nay tao có chuyện quan trọng muốn tới nhờ mày đây.”

“Con vợ nó vẫn không dừng tay xỏ kim may vá, lơ đãng nhìn tôi rồi hé miệng hỏi:”

“- Hà!”

“- Không sao, mày cứ may vá đi, bình tĩnh nghe tao nói là được rồi. Tuy nói là vì nước vì non, nhưng thực ra đây chỉ là chuyện dính tới xóm tới làng, à không phải nữa, điều tao sắp nói là vì gia đình của tụi bây thôi, nhất định mày nên nghe tao! Trước tiên đó là vì tương lai của chồng mày, thằng Keigo, sau đó là cho chính bản thân của mày, rồi đến cho cả mẹ tụi bây, sau cùng là cho tổ tiên tụi bây, con cháu tụi bây về sau, thế nào mày cũng phải nghe điều tao sắp nhờ mày đây.”

“- Chuyện gì mà chú nói nghe dữ dằn vậy.”

“Con vợ nó tay vẫn tiếp tục xỏ kim may vá, nhỏ nhẹ nói, không tỏ vẻ gì lo lắng cả.”

“- Mày đừng ngạc nhiên ghen, tao nói vậy chứ chắc ai lại chẳng ngạc nhiên về chuyện này. Nói thiết với mày, mới hồi nãy đây, ông trưởng chi cảnh sát có lại đằng nhà tao...”

“Tôi hoàn toàn không muốn rào trước đón sau, kể luôn một mạch câu chuyện ông trưởng chi cảnh sát nói với tôi:”

“- Nè, thằng Keigo dù nó có làm chuyện gì đại, nhưng người ta ai lại chẳng có lần bị ma quỷ nó ám nó xúi giục mình làm chuyện tâm bậy hồi nào mà mình không hay. Giống như mấy thứ ung nhọt bị nhiễm trong tim ngay từ hồi người ta mới sanh ra, mấy thứ độc địa đó phải để cho nó lòi ra ngoài hết đi. Chuyện lỗi lầm, đã phạm rồi thì thôi không trốn đằng nào được, nhưng bốn phận của mày của tao, là người biết điều thì đừng nên để cho chuyện nó đổ bể rùm beng ra. Ông trưởng chỉ có hứa với tao là ông sẽ dần xếp êm thấm, ông là người chưa hề nói gạt ai, chỉ cần trong vòng hai hay ba ngày tới đây, tìm ra được thằng Keigo thì ông sẽ vì tiếng tăm của cả làng, vận động với mấy ông trên tỉnh để không ai bị khiển trách hết. Ông trưởng chỉ lần tao sẽ kín miệng, tuyệt đối không nói với ai đâu. Thằng Keigo chắc chắn sẽ về đây với mày. Nếu nó về, thì mày đừng nghĩ ngợi xa xôi gì hết, hãy tới báo cho tao liền. Tao nhờ mày vậy đó. Đây là tao lo cho thằng Keigo, tao lo ày, cho bà già, cho danh dự tổ tiên và con cháu tụi bây.”

“Con vợ nó không đổi sắc mặt, vẫn tiếp tục việc may vá, chỉ lẳng lặng nghe tôi nói, lúc đó bỗng nó lắc vai thờ dài nói:”

“- Có chuyện gì mà sao anh khờ anh dại vậy.”

“Rồi đưa mu bàn tay trái gạt giọt nước mắt.”

“- Chắc mày cũng cực trong lòng lắm phải không? Tao biết mà. Nhưng cả cái nước Nhật hiện nay có trăm ngàn chuyện còn cực lòng hơn cả chuyện của mày, thôi mày ráng chịu đi. Nếu thằng Keigo có về, thì thế nào cũng phải tìm hết cách đến đằng tao báo cho tao biết liền. Cho đến hôm nay, chưa bao giờ tao nhờ tụi bây điều gì hết, bây giờ, đây này, tao chấp tay nhờ mày chuyện này đó.”

“Tôi cúi mình nhờ con vợ nó. Ngay lúc đó, lẫn trong tiếng gió mưa tuyết, tôi nghe có tiếng ai ho, sặc khe khẽ vắng lại từ phía chuồng ngựa. Tôi ngược đầu lên, hỏi:”

“- Mày mới ho đó hả.”

“Con vợ nó nhìn tôi với vẻ mặt nghi ngờ rồi trả lời tỉnh bơ:”

“- Dạ đâu có ”

“- Vậy thì ai ho đó hả. Mày không nghe sao?”

“- Ủa! Cháu có nghe gì đâu.”

“Con vợ nó đáp như vậy, miệng cười mỉm.”

“Vào lúc ấy, không biết vì sao tôi thấy ớn lạnh, cả người nổi da gà.”

“- Không phải nó đã về đây rồi đó sao? Nè mày, không được gạt tao đó mày? Không phải có thằng Keigo ở ngoài chuồng ngựa đó sao mày?”

“Có lẽ bộ tịch cuồng quýt của tôi trông có vẻ tức cười thế nào đó, nên con vợ nó bỗng bỏ đồ đang may để trên đùi sang một bên, úp mặt lên trên bắp vế, cười nắc nẻ đến nỗi ho sặc cả lên. Được một lúc thì con vợ nó mới ngược đầu lên, cắn môi cố nín cười, mặt đỏ bừng như mới đi tắm nước nóng xong, đưa tay vuốt tóc lại cho chỉnh tề, rồi ngồi thẳng người, nghiêm nghị đầu mặt với tôi:”

“- Chú cứ yên tâm, cháu không dại gì đâu. Nếu anh về, thì chắc chắn cháu sẽ tới báo cho chú biết liền, lúc ấy trăm sự xin nhờ chú lo hết cho tụi cháu.”

“- À, vậy hả”

“Tôi cười gượng tiếp lời.”

“- Tiếng ho tao nghe vừa rồi chắc là tại tao lãng tai. Thế này thì thật là đàn bà con gái gan dạ hơn cả con trai. Ừ thôi, nhờ mày chuyện đó ghen.”

“- Dạ được, chú cứ để đó cho cháu.”

“Con vợ nó gật đầu nhận lời đầy vẻ tin tưởng được.”

“Tôi thấy yên bụng, vừa dợm đứng lên sửa soạn về thì ngay lúc đó tôi nghe từ phía chuồng ngựa có tiếng ai la:”

“- Đồ thằng điên, sao mày xem rẻ mạng mày vậy.”

“Đúng là giọng của ông trưởng chi cảnh sát đang to tiếng la lối.”

Anh bạn tôi nói tới đó bỗng nín thinh, đưa tay lấy đôi đũa sắt, trở mấy cục than đang cháy đỏ. Tôi nóng ruột giục:

- Rồi sau đó ra làm sao? Có nó ở đó hả?

Anh bạn tôi cầm đôi đũa sắt cắm thật sâu vào đồng tro trong lò sưởi, bực dọc nói:

- Thì thằng Keigo đó chớ còn thằng quý sứ nào nữa, nó mò về đây đã được đến hai bữa, anh coi có ác không? Nó mò về từ hai hôm trước, hai đứa nó bàn tính với nhau, con vợ nó để cho nó trốn trên gác sát nóc chuồng ngựa; vùng này người ta gọi chỗ này là “magi”, chất rom khô ở đó. Dĩ nhiên đó là cái kế do con vợ nó bày đặt ra. Bà già, mắt bà không thấy đường, nên chuyện gạt bà dễ ợt. Vậy là con vợ nó giấu nó trên gác chuồng ngựa, ngày ba bữa, bung cơm nước ra cho chồng. Sau này chính thằng Keigo thú tội với tôi, chớ còn con vợ nó thì nín luôn, không hé răng. Ngay cả đến bây giờ con vợ nó vẫn còn làm bộ như không biết gì hết. Đêm hôm đó, tôi lặn lội đến chỗ nó, mình lấy hết lòng nói ngọt, mà mình lại là người lớn đã cúi đầu năn nỉ nó, vậy mà con vợ nó làm mặt tỉnh bơ. Ngược lại thằng Keigo trốn ngoài chuồng ngựa nghe tôi năn nỉ con vợ nó, nó động lòng xấu hổ, không dám trườn mặt ra, rồi anh biết không, nó lấy dây quần lên xà nhà treo cổ tự tử đó anh.

Ông trưởng chi sau khi chia tay tôi, thật đúng là nghề của ông, ông lẩn quẩn xung quanh nhà, rình chừng. Ông ta khám phá được ngay hình như có ai ở chỗ chuồng ngựa, ông liền dòm lén vô thì thấy thằng Keigo đang lủn lủng. Ông ta liền quát to: “Đồ thằng điên, sao mày coi rẻ mạng mày vậy”, khi ông ta lôi được nó xuống thì chúng tôi cũng vừa mới chạy tới. Nghe tiếng ông trưởng chi la: đồ thằng điên, hai đứa tôi bật đứng dậy, không ai nói với ai, chúng tôi bỗng nhìn nhau, con vợ nó khẽ nghiêng đầu, lảng tai như cố ngóng nghe tiếng động phát ra từ phía chuồng ngựa. Thôi hết mức rồi, con nhỏ làm như thiệt. Dễ sợ thiệt. Rồi hai đứa tôi lật đật chạy tới chỗ chuồng ngựa, thằng Keigo đã bị ông trưởng chi cảnh sát bắt quả tang. Chuyện nói láo đã lộ rành rành ra rồi, vậy mà con vợ nó còn làm bộ núp sau lưng tôi, trở miệng hỏi nhỏ: “Mình về hỏi nào vậy mình?”

Nếu không được thằng Keigo thú tội là nó đã lòi về đây từ hai hôm trước thì chắc suốt đời, nhất định tôi sẽ tin con vợ nó cho đến phút ấy không biết gì hết. Từ đó trở đi, con nhỏ ngậm câm, đôi khi trên miệng chỉ thoáng có một nụ cười, tôi không biết nó nghĩ cái gì trong đầu, tôi hết hiểu nổi nó. Tôi vẫn coi trọng con vợ nó ở chỗ nó không hề kêu gọi chút nào thèm muốn nổi dậy trong tôi, nhưng đối với tôi, có lẽ người đàn bà nào làm đàn ông thấy phát thèm mới là người ngay thẳng. Tôi hết biết đâu là thiệt đâu là giả, từ đó trở đi thấy đàn bà con gái là tôi hết dám tin.

Sau đó, thằng Keigo đem giấy chứng nhận của ông trưởng chi cảnh sát lên trình diện trên

tỉnh Aomori, mọi việc suông sẻ, nó phục vụ không được bao lâu thì hết chiến tranh. Nó trở về làng, hai vợ chồng nó sống hòa thuận với nhau, nhưng tôi hết tin con vợ nó nên tôi tránh lui tới nhà bọn nó. Ghê thiệt, mà sao nó mánh khỏe giỏi đến nước đó, dám bô bô cái miệng, nói láo một cách tỉnh bơ như vậy. Đàn bà con gái mà nói láo một cách thản nhiên như thế thì nước Nhật này nguy mất. Thế nào, anh nghĩ sao?

- Chuyện đó thì không phải chỉ có đàn bà con gái Nhật Bản là như vậy đâu, đàn bà nước nào cũng giống nhau thôi, nhưng mà nè ... không biết chừng con nhỏ nó phải lòng anh?

Tôi lờ lờ nói hớ cái cảm tưởng rất ngông của tôi.

Anh bạn chúc sắc đó không hề cười, lắc đầu chối biến:

- Làm gì có chuyện đó.

Rồi cuối cùng nghiêm nghị nhỏ giọng than:

- Vậy mà con vợ tôi với con vợ nó, hai đứa lại không ưa nhau.

Tôi ở trên Tokyo cả mười lăm năm trời, nhưng chưa khi nào tôi nghe ai nói ra vẻ tình thiệt như vậy.

Tôi tủm tủm cười một mình.

Đình Văn Phước dịch

Chương 21 [Hết]

Đôi Khi

Dazai Osamu

Ở thành phố Dazai của xứ Chikuzen có 1 thương gia giàu tên là Tokuzaeon. Nhờ làm chủ một tiệm rượu lớn do tổ tiên truyền lại đã tự mấy đời nên ông ta giàu nhất tỉnh, lại còn nổi tiếng gần xa vì có 1 cô con gái rất đẹp. Cô ấy tên Ô-Lan, từ thuở mới sáu, bảy đã được thiên hạ tấm tắc khen vì nhan sắc hơn người. Nhìn vẻ kiều diễm của Ô-Lan, lắm kẻ trong tỉnh có lúc thấy tủi thân khi đem ra so sánh với con gái của mình, và chỉ biết tìm đến men rượu để quên đi những niềm tuyệt vọng.

Ô-Lan năm nay vừa đến tuổi trăng tròn lẻ. Mỗi lần khoác lên tấm thân thanh mảnh của mình những chiếc áo Kimono hoa gấm, vẻ đẹp lộng lẫy của nàng lại cứ như làm cho tất cả cỏ cây vạn vật chung quanh được rực rỡ hẳn ra. Nhìn nét mỹ miều sáng mơn mớn trong ánh nắng xuân, chính cả mẹ nàng cũng thấy ngẩn ngơ, quên khuấy đi không biết mình mới nói gì với con lúc nãy. Tiếng đồn về nhan sắc chim sa cá lặn bay xa, biết bao nhiêu tu mi nam tử chỉ mới tai nghe nhưng mắt chưa nhìn đã tơ tưởng yêu mê yêu mệt.

Gần vùng của nàng có 1 chàng trẻ tên Kuwamori Jiroemon, bố mẹ làm nghề cầm đồ nên gia đình cũng khá giả. Chàng này trông cũng không đến nỗi xấu trai lắm dù có khuôn mặt hơi bẹt với cái mũi lớn khổ, bộ râu rậm chổi xể, và đôi mắt thì quặp xuống. Nhưng anh chàng trông lương thiện, có hàm răng xinh xắn, nụ cười khá dễ thương. Có lẽ nhờ ở các điểm đó mà hai người có duyên với nhau chăng? Ai cũng biết tình yêu thương mù quáng, điên rồ, và ta không thể đánh giá ai qua hình dáng bên ngoài. Thực tế là Ô-Lan đã phải lòng chàng ta, câu chuyện bắt đầu từ khi anh chàng Jiroemon vào trong quán rượu để tránh một cơn dông. Mọi sự xảy ra sau đó chỉ là phần nối dài của buổi đầu từ khi anh chàng nhờ may mắn mà lọt vào được mắt xanh của người đẹp.

Trong khi cha mẹ đôi bên còn chưa rõ nếp tẻ, Jiroemon đã đem tâm tình thổ lộ cho Denroku, một người bán cá thường lui tới tiệm cầm đồ của nhà mình. Jiroemon nhờ Denroku tới gặp gia đình Tokuzaeon để bàn bạc việc xin cưới Ô-Lan. Dĩ nhiên là lão Denroku xồm xởi nhận ngay vì đang nợ thâm niên với tiệm cầm đồ, nay bỗng được nhờ vả 1 chuyện mà anh chàng Jiroemon không tự lo liệu được. Lão ta nghĩ: tiệm cầm đồ nằm ở khu phố này thì quán rượu lại ở ngay khu phố kế cận, nếu mọi sự suông sẻ thì mình có thể uống rượu thỏa thích mà lại có thể xin khát chuyện trả lãi ón nợ. Lão chọn ngay một bộ đồ sang trọng trong những bộ quần áo cầm nợ ở tiệm cầm đồ, thắt bộ vào đai hoàng rồi đi thẳng tới nhà Tokuzaeon với 1 vẻ thực tự tin, đến nỗi nhìn thấy lão người ta cũng phải tự hỏi không hiểu đây là nhân vật nào vậy?

“Hi, hi” lão Denroku khoái trá cười thầm, hai bàn tay khép mở chiếc quạt nan kêu lách cách. Lão bắt đầu mở miệng khen những tảng đá trong khu vườn nhà Tokuzaeon. Phần lão Tokuzaeon, thoát mới trông thấy Denroku đã muốn nổi gai ốc, nhưng lão trấn tĩnh cất tiếng hỏi:

- Thưa ông đến có chuyện chi?
- À, cũng chẳng có chi!

Denroku trả lời bình tĩnh, lựa lời nói quanh co để đưa đến chuyện chàng Jiroemon nhờ vả:

“Thưa ngài, ngài có quán bán rượu, họ đảng này có tiệm cầm đồ. Tuy hai công việc buôn bán khác nhau, nhưng quy lại cũng như là một. Để đến tiệm rượu, trước hết phải dừng tại tiệm cầm đồ; rồi tiệm cầm đồ, sau đó đi tới quán rượu”. Lão nói lảm nhảm, thuyết rằng hai chuyện buôn bán đi liền với nhau như thầy thuốc và nhà sư, hai gia đình mà hợp lại với nhau thì như hùm thêm vầy, sẽ đè bẹp cả thành phố. Lão Denroku mang hết tài ăn nói chưa từng thấy, đến ngay cả lão Tokuzemon cũng cảm thấy xiêu lòng.

- Cậu Kuwamori là trưởng nam, là người thừa kế; tôi không đòi hỏi gì thêm cả. Thế còn tôn giáo của cậu ta thì sao?

- À...có lẽ... lão Denroku ngáp ngừng, rồi lão nói buột ra với vẻ tuyệt vọng: tôi không chắc cho lắm, nhưng họ chắc thuộc phái Tịnh Độ.

- Như vậy thì tôi không chấp nhận – lão Tokuzemon trả lời thẳng thừng, miệng chu lại với dáng dữ dằn – Dòng họ nhà tôi theo phái Pháp Hoa đã nhiều năm. Trong suốt đời tôi, chúng tôi tin vào ngài Nichiren, và sáng tối niệm Phật theo kinh Pháp Hoa. Tôi nuôi con như vậy, và không gả con tôi cho người nào khác tôn giáo. Lão hần học tiếp theo: “Thật tình, đã đi làm mai, ít ra ông cũng phải dò hỏi chuyện đó trước đã!”.

- “Ồ... mà... tôi...” – lão Denroku toát mồ hôi lạnh sau lưng – “họ nhà phía chúng tôi cũng theo phái Pháp Hoa từ nhiều năm. Chúng tôi cũng tụng niệm Phật, theo ngài Nichiren sáng tối. Tất cả đều cung cúc theo kinh Pháp Hoa. Thật tình là như vậy...”

- Tokuzemon vặn lại: “Ông nói nhăng nói cuội gì vậy? Tôi không gần biết cậu ta có bao nhiêu tiền của, hay cậu ta có tài giỏi hay kẻo trai chi nữa. Sao? Thật đúng như là chửi vào mặt ngài Nichiren không bằng! Nay ông thử nói cho tôi biết những cái hay cái đẹp của cái phái Tịnh Độ tối tăm này đi. Dám cả gan đi hỏi cưới con tôi khi chúng tôi theo phái Pháp Hoa từ bao năm nay. Cứ nhìn đến cái mặt ông đã khiến tôi lộn cả ruột. Thôi, xin ông đi khỏi đây ngay!”

Denroku túng thế phải thối lui, mang tin buồn về cho Jiroemon. Anh chàng bình thản, nói: “Chuyện tôn giáo thì có chi mà bức mình. Gia đình tôi có thể đổi đạo dễ dàng. Từ mấy đời nay chúng tôi không có tín ngưỡng gì cả. Pháp Hoa hay Tịnh Độ, với chúng tôi đều như nhau”. Rồi chẳng mất thì giờ, Jiroemon tay cầm tràng hạt, và bắt đầu tụng kinh sáng chiều. Khi chàng ta xin cha mẹ hãy làm như mình, ông bà cũng không hỏi lý do. Vì chiều con trai, cả hai tuy mắt cứ liếc dục liếc ngang nhưng cũng bắt đầu vừa ngáp vừa tụng kinh Liên Hoa Diệu Pháp.

Sau đó ít lâu, Denroku lại đến nhà Tokuzemon. Với vẻ mặt tươi rói, lão tuyên bố rằng chàng Kuwamori cùng toàn gia đã đổi sang phái Nichiren, và đã tụng kinh Pháp Hoa. Nhưng Tokuzemon là người khó tính, lão trả lời: “Không, đức tin mà thiếu cội rễ chỉ là hời hợt ngoài mặt. Ai cũng thấy ngay là anh chàng chỉ đổi tông phái để lấy Ô-Lan”. Lão còn thêm: “Thái độ như vậy thật xấu hổ, ngài Nichiren khó mà chấp nhận thái độ này, vì chỉ thoáng qua là ai cũng thấy rõ ngay cái kẻ này”. Lão đã quyết định trong đầu: “Không, ta sẽ gả con gái ột gia đình quen biết, cùng theo phái Pháp Hoa”.

Nghe được câu chuyện, Jiroemon kinh hoàng, vội viết thư cho Ô-Lan: “Họ nói bố đòi gả em ột người mà gia đình theo phái Pháp Hoa. Ta tụng cái thứ kinh chán ngắt, đánh trống đến phòng cả tay để mong được em, thật là bức mình! Cái lão Denroku chẳng được tích sự gì cả. Chắc tên ta có cái gì trục trặc không ổn. Jiroemon nghe tựa tựa như Jirozaemon, cái tên này làm ta thật khó chịu. Sano Jirozaemon, cái lão ở miền Đông đã bị hết người này đến người

khác bỏ rơi. Nếu chuyện này xảy ra với ta, ta sẽ tuốt gươm và lấy một trăm cái đầu, như lão đã làm. Một nam nhi như ta, chỉ có một lời. Đừng coi ta là ngốc”.

Viết xong lá thư, Jiroemon gửi đi ngay, nước mắt chảy dài trên má.

Ô-Lan trả lời: “Thiếp không hiểu thư chàng muốn nói gì. Xin chàng đừng hành động nguy hiểm, tỉ như vung kiếm hay gì chẳng nữa. Trước khi chàng lấy đầu một trăm người, ngay cả một người, thì đầu chàng đã bị cắt mất. Nếu có chuyện chi xảy ra tới cho chàng, thiếp sẽ ra sao? Xin đừng làm thiếp sợ như vậy nữa. Đây là chàng cho biết chứ thiếp chưa từng nghe có ai cầu hôn cả. Chàng lúc nào cũng mặc cảm về cái mũi và đôi mắt quặp – chính vì vậy khiến chàng mất tự tin mà đâm ra nghi ngờ thiếp. Chuyện thiếp lấy ai, xin chàng đừng lo lắng bây giờ. Nếu phụ thân ép lấy người nào khác, thiếp sẽ chạy trốn. Khi đó dăm trường thân gái, không đi một mình được, thiếp sẽ tới với chàng. Xin chàng nhớ lấy điều này”.

Đọc xong, Jiroemon có mỉm cười chút ít, nhưng vẫn chưa hoàn toàn bình tâm. Bây giờ chàng ta hoàn toàn tin vào phật Nichiren và kinh Pháp Hoa. Nhấn mặt, nhịu mày, chàng ta bắt đầu hét to “Nam Mô diệu Pháp liên Hoa Kinh”, tay đánh trống loạn xạ.

Ngày sau đó, Tokuzemon gọi Ô-Lan tới phòng, và nghiêm nghị bảo – với ngài Nichiren sắp đặt, nàng sẽ được gả cho Hirosaku, một người buôn giấy tại phố Honmachi. Lão ta tiếp: mỗi liên hệ này sẽ bền chặt đời đời, và nàng phải hoan hỷ nghe theo.

Ô-Lan kinh hoàng, nhưng nén nổi cảm xúc khi cúi đầu chào phụ thân và lui ra. Nàng tức khắc lên lầu hai, viết vội lời nhắn: “Thiếp phải vắng tất. Ngày quyết định đã tới. Thiếp sẽ đi trốn. Thiếp van chàng, tôi nay hãy tới đây gặp thiếp”. Viết xong, Ô-Lan nhờ một người làm công tức tốc mang đi.

Jiroemon liếc nhìn lời nhắn, tứ chi run lẩy bẩy. Anh ta đi tới bếp, uống một ngụm nước để trấn tĩnh rồi trở về phòng khách, ngồi xếp chân bằng tròn giữa phòng, nghĩ phải hành động tức khắc, nhưng không biết phải làm sao. Lát sau đành đứng dậy, thay quần áo, đi tới phòng kế toán mở mấy cái ngăn kéo. Thấy người giúp việc đưa mắt dò hỏi, chàng lẩm bẩm:Ồ, cần một món tiền nhỏ thôi! Chàng ném vài đồng vào trong tay áo khoác ngoài, rồi nhắm mắt chạy ra khỏi tiệm.

Trên đường, Jiroemon mới hay là đôi guốc đang đi không tiện chút nào, nhưng lại không dám trở về, đành tới một tiệm gần đó mua một đôi dép rơm. Tất cả gia sản chỉ vồn vện món tiền trong túi, vì vậy chàng phải chọn đôi dép rẻ tiền nhất, để dép mỏng dính đến nỗi chàng có cảm tưởng là đi chân không, vừa đi vừa lo lắng và ảm ức khóc. Khi tới sau nhà Tokuzemon, Ô-Lan chạy ra, không thốt lời nào, cầm tay chàng và giục chạy ngay. Lê chân trên đôi dép rơm, miệng thôn thức, Jiroemon để nàng dắt đi như một người mù.

(Ồ mà cái câu chuyện của một cặp trai gái ngu ngốc, trẻ người non dạ, đúng ra cũng chẳng có chi là quan trọng. Thật ra nó đã xong đâu, nỗi gian truân dường như còn đang chờ họ ở phía đằng trước.)

Đêm đó hai người đi được non ba mươi cây số, biển Hakata trải dài phía trái, họ nhìn mãi làn nước xám nhạt như trong một giấc mơ. Đói và khát, lại lo bị đuổi theo, cả hai thấy thật sợ hãi, bụng như thắt lại mỗi lần nghe có tiếng chân người phía sau. Khập khểnh bước đi như hai cái xác, họ đặt chân tới một doi đất tên là Kanegasaki – giống như địa danh Kanegasaki gắn liền với lời kinh nhà Phật thường dạy – “Thịnh tất suy, và Thị Sinh Diệt Pháp”. Sau đó cả hai băng qua cánh đồng dưới chân núi, tới nhà một người quen của Jiroemon. Người chủ có vẻ

lạnh nhạt, nhưng Jiroemon cũng đã đoán được. Anh gói một ít tiền trong mảnh giấy, đưa cho người chủ và khấn khoản: “Thật là quá quấy quá, xin ông...”

Ở trong một chỗ nhỏ như cái kho, Ô-Lan và Jiroemon bắt đầu hiểu là cuộc sống kham khổ đang chờ đợi họ. Cả hai nhìn nhau, thở dài, hốc hác và tái mét. Ô-Lan sụt sịt, cố giữ không cho nước mắt trào ra. Nàng vuốt ve bộ lông của Kichibei, con khỉ nàng nuôi từ lúc còn bé. Kichibei quẩn quýt với nàng đến nỗi có trực giác biết chạy theo khi thấy chủ vội vàng bỏ đi trong bóng đêm, với một người đàn ông mà nó chưa khi nào thấy. Lúc đó, đi đã được mấy dặm thì Ô-Lan mới biết có Kichibei đang theo. Nàng mắng hét, và lấy cả đá ném, nhưng Kichibei vẫn cứ lết theo cho đến khi Jiroemon động lòng thấy con vật đã chịu khó theo xa đến như vậy. Jiroemon bàn nên để nó đi cùng. Ô-Lan vẫy tay, con khỉ liền chạy gấp tới. Khi đã được ẵm trong tay, nó chớp chớp mắt nhìn hai người với vẻ mặt thật là tội nghiệp.

Giờ đây Kichibei làm 1 kẻ hầu tin cần. Nó mang thức ăn lại cái nhà kho, và ngồi đuổi ruồi cho hai vợ chồng. Nó biết cả việc cầm lược gỡ tóc rối cho cô chủ. Tuy chỉ là con vật, khi ta cũng cố an ủi hai người, khi thì làm cả những chuyện không cần thiết.

Dù đã chọn một cuộc đời lén lút, nhưng hai người không thể sống suốt đời trong cái kho chật hẹp. Jiroemon đưa tất cả tiền còn lại cho người bà con bạc bẽo để xin cất một cái nhà tranh gần đó. Nhà cất xong, cả hai bắt đầu trồng một mảnh vườn để tự cung cấp rau cỏ hàng ngày. Khi rảnh rỗi, Jiroemon đi ra ngoài hái thuốc lá, để Ô-Lan ở nhà đánh bông gòn thành cuộn chỉ. Bây giờ cuộc sống khó khăn nên giấc mơ của tuổi trẻ bắt đầu phai nhạt dần.

Thế rồi họ đi đến chuyện kinh chồng nhau, nghinh nhau trong cảnh gia đình nghèo khó. Mỗi lần có tiếng loảng xoảng từ trong nhà bếp, cả hai đều đứng phắt dậy với ánh mắt giận dữ. Có thể đó chỉ là tiếng động gây ra của một con chuột nhắt? Hai người không tha thứ được những hạt đậu lại bị phân chuột lấm bẩn. Trong tình huống như thế, ngay cả mùa thu màu đỏ cỏ lá và mùa xuân hoa tím ngàn nơi cũng chẳng khiến họ lưu tâm.

Kichibei nghĩ rằng đây là lúc phải đền ơn Jiroemon nên thường đến những ngọn đồi gần đó, lượm lặt những cành bách đã mục và những lá tùng rụng. Trở về nhà, con khỉ ngồi trước lò sưởi, mặt ngoảnh tránh làn khói, quạt lia lịa bằng cái quạt thô sơ. Sau một vài phút, khi ta có thể mang cho hai vợ chồng một chén trà ấm, với cung cách rất khôi hài mà họ thấy cũng dễ thương. Dầu không biết nói, Kichibei cũng lo lắng đến sự nghèo khó của gia đình. Khi ta có thể bỏ bữa cơm tối, chỉ ăn rất ít, và lăn ra ngủ như thể đã no bụng. Mỗi khi Jiroemon xong bữa cơm, Kichibei tới bóp lưng và chân cho ông chủ. Sau đó khi ta chạy vào nhà bếp phụ Ô-Lan dọn dẹp. Mỗi lần lỡ đánh vỡ một cái đĩa, trên mặt khỉ ta lại thoáng hiện vẻ xấu hổ. Được chú khỉ an ủi, hai vợ chồng dần dần quên được cảnh đời cực khổ.

Một năm trôi qua, mùa thu lại tới. Ô-Lan sinh một đứa trai, đặt tên là Kikunosuke. Lần đầu tiên sau bao tháng trời, lại có tiếng cười vang trong gian nhà tranh. Một lần nữa, đột nhiên cả hai cảm thấy cuộc đời thật đáng sống. Họ vui đùa với đứa bé: nhìn nó mở mắt này, nó đang ngáp này, và chú khỉ Kichibei nhảy cẫng lên với tất cả niềm vui. Kichibei mang những hạt dẻ hoang để vào bàn tay đứa bé cho nó nắm. Dầu bị Ô-Lan mắng về chuyện này, Kichibei cũng không chịu để đứa trẻ một mình. Chú ta thường ở ngay bên cạnh tò mò xem xét. Chú nhìn chòng chọc vào khuôn mặt khi đứa bé đang ngủ, chỉ giật mình hoảng hốt mỗi khi nghe tiếng nó thỉnh thoảng khóc. Khi đó chú chạy ngay tới Ô-Lan, kéo váy nàng và lôi nàng về phía nôi, ra hiệu hãy cho bú. Rồi khi Ô-Lan cho đứa bé bú, chú nép gần đó, say sưa quan sát. Kichibei

đúng là một người canh gác tuyệt vời.

Tuy hài lòng với sự chăm sóc của con khỉ, nhưng dẫu sao hai người cũng cảm thấy buồn cho Kikunosuke. Nếu ra đời vào năm ngoái tại nhà Kuwamori, đứa bé chắc đã nhận được cả chồng quần áo ấm từ những người thân, và ngủ trên tơ lụa, được cả mấy bà vú chăm sóc. Sẽ không có cả một con rận bò đến gần đứa bé, và da dễ được giữ gìn như ngọc. Nhưng vì sinh ra một năm sau đó, nó phải ngủ trong chòi tranh, dãi dầu mưa gió, với đồ chơi là những quả cây và hạt dẻ, và được chỉ một con khỉ trông coi.

Ô-Lan và Jiroemon có bàn đến cảnh Kikunosuke khổ khó chỉ vì cuộc tình liễu lĩnh của họ, nhưng rồi cũng quên chuyện này khi nhìn thấy đứa trẻ thật đáng yêu. Hai người quyết định sẽ dành dụm chút gì cho Kikunosuke khi đứa trẻ đến tuổi hiểu biết. Nếu có chút của cải, hai người có thể trở về dàn xếp thẳng với cha mẹ hai bên. Do thương đứa trẻ, Jiroemon hỏi thăm người hàng xóm xem có việc gì làm để kiếm thêm chút tiền nong.

Kikunosuke lớn dần lên, mập mạp. Lúc nào chú bé cũng nhoẻn miệng cười, đem nguồn sống về cho gian nhà tranh một thời đã vắng bóng cảnh nong ấm. Đứa trẻ có tia mắt sáng ngời như bà mẹ. Kichibei thường mang những cỏ lá mùa thu từ ngoài đồng và đóng đưa chơi đùa trước mặt đứa trẻ, để hai vợ chồng có thể đi ra ngoài vườn đào củ cải mà không lo lắng gì tới con. Hai người cảm thấy như sống lại với niềm hy vọng. Khi mùa thu gần đến, người láng giềng cho hay có mối làm ăn tốt nên một hôm đẹp trời, Ô-Lan và Jiroemon hoan hỉ tới thăm để muốn biết tường tận hơn.

Hai vợ chồng vừa rời nhà được một lát thì Kichibei đứng dậy, dáng mặt cứ như biết đã đến giờ tắm cho đứa trẻ. Chú ta theo đúng cách thức như những lần nhìn thấy Ô-Lan đã làm. Thoạt tiên, nhúm lửa dưới lò, đun nước, và khi nước bắt đầu sôi bọt thì đổ nước nóng vào trong chậu đầy đến mép. Kichibei cởi quần áo đứa trẻ, nhìn mặt nó như Ô-Lan làm mỗi lần, nựng lên nựng xuống mấy lần, rồi bất chợt nhúng ngay đứa bé vào trong nước.

Bé Kikunosuke hét lên một tiếng thất thanh, dấy dựa la hét rồi ngừng thở.

Nghे tiếng la khóc khác thường, hai vợ chồng nhìn nhau, vội vã trở về, thấy Kikunosuke chìm trong bồn nước, Kichibei thì đang bồn chồn lo lắng. Ô-Lan vội lôi đứa con ra, nhưng đứa bé đã như con tôm luộc. Không kham nổi, nàng ngã ngay xuống, khóc thét lên như một người điên. Ô-Lan muốn đổi mạng sống của mình để được nhìn đứa con thân yêu một lần nữa. Lát sau nàng đứng dậy, nắm ngay con khỉ đang đứng sững sờ, và giơ thanh củi lên định phang cho nó chết.

Jiroemon cũng điên cuồng vì đau khổ, nước mắt lã chã. Nhưng tuy đau khổ, anh nhận thấy nên tha thứ hơn là báo thù. Anh dằn thanh củi khỏi tay Ô-Lan, cố gắng giảng giải: Con mình đã chết rồi, cũng là số mạng của nó như thế. Em muốn giết con khỉ cũng phải, nhưng sát sinh bây giờ chỉ gây cho linh hồn của con mình khó được lên cực lạc. Đứa trẻ không thể trở lại được nữa, mà Kichibei cũng chỉ muốn giúp đỡ hai đứa mình mà thôi. Hơn nữa, khi có khôn mảy cũng chỉ là một con vật thôi, nó chẳng biết gì hơn đâu. Giờ đây mọi sự đã quá trễ, không thể làm gì được nữa đâu. Con khỉ nước mắt chảy dài, đứng trong một góc phòng, nhìn Jiroemon vừa khóc vừa nói, chắp hai tay cảm ơn. Hai vợ chồng nhìn con vật, càng cảm thấy đau khổ, cùng nghĩ không hiểu họ phạm phải nghiệp chướng gì đời trước mà nay gặp phải nỗi đoạn trường này?

Chôn cất Kikunosuke xong, cả hai người mất dần ý muốn sống, đâm ra bệnh nặng, nằm liệt

giường. Kichibei nuôi nấng săn sóc họ tận tình, cả bao nhiêu đêm không ngủ. Con khỉ cũng không quên cả Kikunosuke. Cứ mỗi bảy ngày sau khi đưa trẻ mất, chú ta đi thăm mộ, mang theo nhiều bông hoa để trang hoàng. Vào ngày thứ 100, khi sức khỏe của Ô-Lan và Jiroemon đã khá hơn, Kichibei buồn rầu tới thăm mộ, và yên lặng dâng nước. Rồi, nó đâm thẳng đầu lao bằng tre vào cổ họng, tự tử.

Jiroemon và Ô-Lan thấy vắng mặt Kichibei, đâm ra lo âu. Cả hai chống gậy, khắp khiêng đi ra mộ. Họ hiểu ra mọi chuyện khi thấy cái xác nằm chết thảm thương. Hai vợ chồng càng thăm thía sầu khổ nhiều hơn khi nghĩ ra rằng ít gì đi nữa chính Kichibei là kẻ muốn đem lại cho cõi đời một niềm an ủi.

Hai người dựng thêm một ngôi mộ để chôn con vật, bên cạnh mộ của con mình. Sau đó , Ô-Lan và Jiroemon dựng am bên cạnh mộ, sớm hôm hương khói, tu hành. Thế nhưng khi hạ bút viết như vậy, người viết có hơi kẹt vì không chắc họ đã khấn đức Phật A-di-đà của phái Tịnh Độ hay tụng kinh Pháp Hoa. Theo nguyên bản, Saikaku tả rằng, trong cái am đó, tiếng tụng kinh Pháp Hoa không bao giờ ngừng. Tokuzemon là một lão già ngoan cố theo kinh Pháp Hoa nhưng nếu để lão ta lộ mặt ở đây thì thật là khốn khổ vì sẽ làm hỏng hết câu chuyện thương tâm của chúng ta. Nếu có sự thật còn lại thì ta chỉ có thể nói là Ô-Lan và Jiroemon, dù sống trong am mà nỗi buồn vẫn chưa nguôi, lại vạch cỏ mùa thu đi ra ngoài, cất bước một lần nữa về phương trời vô định.

Hết.

Table of Contents

Vườn cúc mùa thu

Chương 01

Chương 02

Chương 03

Chương 04

Chương 05

Chương 06

Chương 07

Chương 08

Chương 09 + 10 phần 1

Chương 10 phần 2

Chương 11 phần 1

Chương 11 phần 2

Chương 12

Chương 13 + 14

Chương 15 + 16

Chương 17 phần 1

Chương 17 phần 2

Chương 18

Chương 19 phần 1

Chương 19 phần 2

Chương 20

Chương 21 [Hết]